NĂM THỨ MƯỜI • #116 • DECEMBER 1998

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944



CỬU LONG
CẠN
DÒNG,
BIỂN ĐÔNG
DẬY
SÓNG
NGÔ THẾ VINH

CHẶNG ĐƯỜNG CUỐI CÙNG
QUỲNH DAO

NHỮNG THOÁNG MƠ QUA
YÊN TY

GRAND DRAGON SEAFOOD BUFFET

AMERICAN - FRENCH - CHINESE - VIETNAMESE

- Trên 50 món ăn và trên 20 món tráng miệng thay đổi mỗi ngày
- Có Tôm Hùm hoặc Tôm Càng mỗi tối Do đầu bếp Trung Hoa đã đoạt được 7 Huy Chương vàng trên toàn nước Mỹ phụ trách
- Khung cảnh ấm cúng, tiếp viên lịch sự, parking rộng rãi
- Grand Dragon là nơi lý tưởng để tổ chức những buổi tiệc cưới, sinh nhật, họp bạn, v.v...



ĐẶC BIỆT:

LẨU HẢI SẢN

HẢI SẢN TƯƠI XÀO TẠI CHỖ

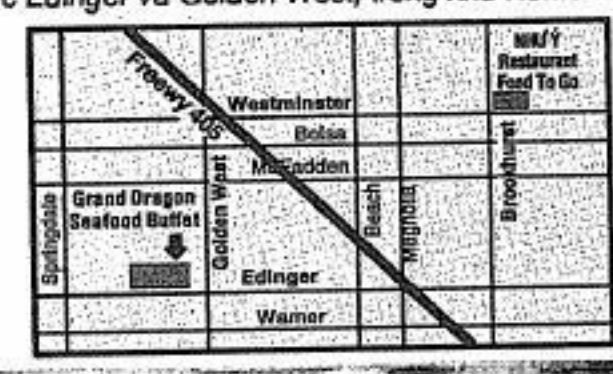
BEER &WINE

ALL YOU CAN EAT!!!

Tel: (714) 842-7262

LUNCH: 11:00AM-3:30PM
DINNER: 5:00PM-9:30PM
Mở cửa 7 ngày trong tuần

6838 & 6840 & 6842 Edinger Ave.
Huntington Beach, CA 92647
(Góc Edinger và Golden West, trong khu Home Depot)



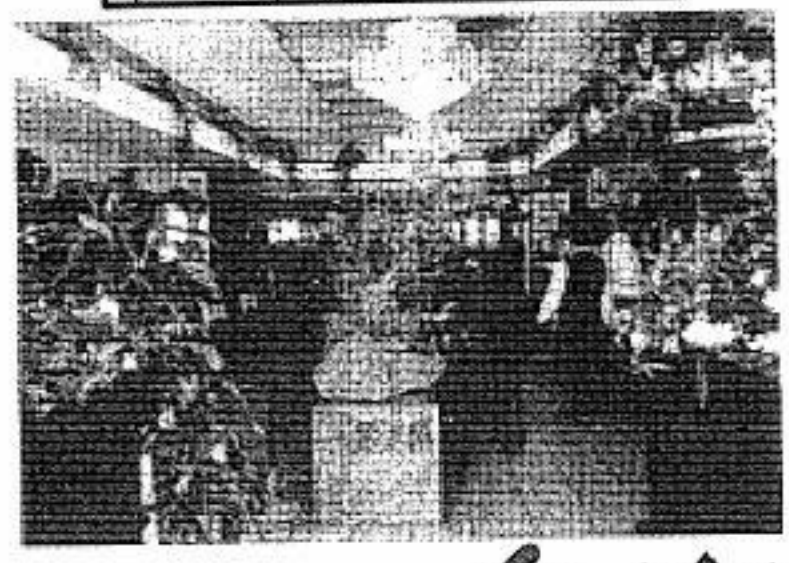




Chủ nhân Như Ý kính mời

Như Ý

(Góc Brookhurst & Westminster, trong khu chợ Kinh Đô)



Như Ý FOOD TO GO

13898 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4883

Thứ Hai-Thứ Sáu: 5:00 AM-9:30PM
Thứ Bảy-Chủ Nhật: 6:00AM-9:30PM

- *Trên 40 món mặn và 15 món chay thay đổi mỗi ngày.* • *Bánh mì thịt đủ loại*
- *Các loại chè: Mua 2 tặng 1*
- *Các loại bánh trái, Xôi, Chè*
- *Các món nhậu: Bê Thui, Tiết Canh, Lòng Heo...*
- *Nhận đặt tiệc cho các buổi họp mặt: Chả Giò, Cơm Chiên, Mì Xào, Gỏi Sen Thập Cẩm...*



Như Ý RESTAURANT

BEER &WINE

13892 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4885

Thứ Hai-Thứ Năm: 10:AM-12:AM, Thứ Sáu: 10:AM-3:AM
Thứ Bảy: 8:30AM-3:AM, Chủ Nhật: 8:30AM-1:AM

- *Trên 200 món ăn Việt, Tây, Tàu*
- *Đặc biệt: Bánh Khọt Vũng Tàu ngon độc đáo*
- *Các món nhậu trứ danh: Cá sấu chiên bơ. Nai nướng vỉ, bò tái chanh, tiết canh, lươn bầm xúc bánh tráng, ốc len xào dừa, ếch chiên bơ, lẩu súng Vũng Tàu, cua tôm rang muối...*
- *Đặc biệt: lẩu lươn sống, lẩu dê, lẩu Hải sản*
- *Nhận đặt tiệc cho sinh nhật, họp mặt...*

NHÀ HÀNG CHUYÊN VỀ TIỆC CƯỚI



DRAGON KING

SEAFOOD RESTAURANT

CHINESE AND VIETNAMESE CUISINE

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÀ HÀNG

- 400 chỗ ngồi
- Sân khấu đẹp
- Sàn khiêu vũ rộng
- Phòng thay đồ cô dâu
- Parking rộng thênh thang
- Tiếp viên lịch sự chu đáo

00 ĐẦU BẾP TRUNG HOA ĐÃ ĐOẠT NHIỀU HUY CHƯƠNG VÀNG TRÊN TOÀN QUỐC ĐẢM TRÁCH

NHÀ HÀNG
MỞ CỬA 7 NGÀY 9 AM – 10 PM
SẠCH TRONG, LỘNG LẪY
CÓ CHỖ NGAY Xin gọi để biết chi tiết

Tel: (714) 541-4968
1830 W. 17th ST.
SANTA ANA, CA 92706
(góc Alona, gần Santa Ana College)



ĐIỂM SÁM SUỐT NGÀY TỪ 9 AM ĐẾN 8 PM

- *Nhận đám cưới từ 10 bàn tới 50 bàn*
- *Có phòng riêng cho đám cưới 10 bàn đến 15 bàn.*



Mười Lăm Năm Mới Có Một Lần...

Trước 3000 khán giả California
và bao nhiêu người
không mua được vé vào cửa...



Một chương trình Video
Ca Vũ Nhạc Hội vĩ đại
làm ngạc nhiên và hài lòng mọi tầng lớp khán giả,
kể cả phóng viên Đài Truyền Hình Nhật Bản.

VIDEO PARIS BY NIGHT 15th Anniversary 46

Video toàn bộ 3 cuốn. Giá $30 US

* *Nhiều tiết mục trình diễn mới lạ: Song ca, tam ca, tứ ca, tình ca, dân ca, truyện ca thêm môt hài kịch hấp dẫn vui nhộn đón mừng NĂM MỚI.*

* *Trên 300 chuyên viên kỹ thuật thâu hình, âm thanh, ánh sáng, nhà trang trí, nhà kiểu mẫu thời trang hợp cùng đoàn vũ công xinh đẹp và hầu hết ca sĩ tên tuổi Việt Nam hải ngoại:*

*** Khánh Ly, Ái Vân, Như Quỳnh, Ý Lan, Lưu Bích, Hoàng Lan, Thùy Dương, Lynda Trang Đài, Thái Hiền, Thái Thảo, Bảo Ngọc, Châu Ngọc, Thiên Kim, Trúc Lam, Trúc Linh, Phương Vy, Trang Thanh Lan, Mỹ Huyền, Hồng Đào, Quang Minh.**

*** Tuấn Ngọc, Duy Quang, Elvis Phương, Don Hồ, Nguyễn Hưng, Thế Sơn, Tommy Ngô, Hoài Nam, Ban nhạc M.F.L Canada, Ban nhạc Dân tộc Lạc Hồng v.v...**

Điều khiển chương trình: **NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN**

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

MỸ & CANADA: **P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683**
*** Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673**
ÂU CHÂU: **44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30**
ÚC: **323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia.**
Tel: (02) 796-7227

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • TIN SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... ĐT. / *Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL (714) 638 9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON



Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-[illegible]

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

*** CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
*** HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
LỊCH SINH HOẠT THU ĐÔNG 1998

Dưới sự bảo trợ của: -Nhật báo Người Việt - Nhật báo Viễn Đông
-Tuần báo Trống Đồng - Đài VNCR

* **Chủ Nhật 11 tháng Mười: 3 Giờ Chiều**
Nửa thế kỷ Nghệ thuật Cải Lương
- Nữ nghệ sĩ **Bích Thuận**

* **Thứ Sáu 16 tháng Mười: 8 giờ Tối**
Đêm Du Tử Lê II (chương trình riêng)
- Thi sĩ **Du Tử Lê và Bằng Hữu**

* **Thứ Bảy 17 tháng Mười: 10 giờ Sáng**
Bế giảng và trưng bày Tranh Thiếu Nhi (lớp Vẽ Hè 98) - Nữ họa sĩ **Suzie Vương**

* **Thứ Bảy 24 tháng Mười: 3 giờ Chiều**
Ra mắt tập truyện Nắng Và Em
- Nhà văn **Thu Hương** (Seattle)

* **Thứ Sáu 30 tháng Mười 1998**
Hát cộng đồng: Cho Đồng Bào Tôi
- Nhạc sĩ **Nguyễn Đức Quang và các Nhóm Trẻ**

* **Thứ Bảy mùng 7 tháng 11: 3 giờ Chiều**
Gặp gỡ Thân Hữu - Họa sĩ **Trịnh Cung**

* **Chủ Nhật mùng 8 tháng 11: 3 giờ Chiều**
Chiều Thơ Ca - Nhạc sĩ **Ngô Tín**

* **Thứ Bảy 14 tháng 11: 3 giờ Chiều**
Triển lãm Tranh và ra mắt Sách
- Họa sĩ **Nguyễn Huê**

* **Thứ Bảy 21 tháng 11 1998: 3 giờ Chiều**
Văn nghệ Thơ Ca Mùa Thu
- **Nhóm Thanh niên Bách Việt**

* **Thứ Bảy 28 tháng 11: 7 giờ 30 Tối**
Trình tấu Tây-Ban-Cầm
- Nhạc sĩ **Nguyễn Thái Cường**

* **Thứ Bảy mùng 5 tháng 12 1998**
Hùng Sử Ca lần thứ Năm - **Ủy Ban Thanh Niên VAALA và các Hội Đoàn Trẻ**

* **Thứ Bảy 12 tháng 12 1998: 3 giờ Chiều**
Tình khúc Ngọc Trọng
- Nhạc sĩ **Ngọc Trọng và Bằng Hữu**

* **Chủ Nhật 13 tháng 12 1998: 3 giờ Chiều**
Những Vần Tình Khôi và Suối Văn
- Nhà văn **Ngọc Thủy (San Jose)**

* **Thứ Bảy 19 tháng 12 1998: 3 giờ Chiều**
Trình tấu Nhạc Hội Mùa Đông
- **The Stars Band**

Điều hợp lịch trình: **NGÔ MẠNH THU**
liên lạc: **(714) 534-9430; 537-8352**
11022 Acacia Parkway #A Garden Grove CA 92840

LITTLE SAIGON...

Tìm kiếm
những thương-hiệu danh tiếng
với các sản phẩm thân quen
của người Việt hải ngoại

? Trong Tầm Tay của Bạn.

trên 10 ngàn địa chỉ
và số điện thoại
của các cơ sở
dịch vụ thương mại
của người Việt Nam làm chủ



hiệu chỉnh hoàn hảo hàng năm
tiện dụng cho mọi gia đình Việt Nam

30 ngàn cuốn
Niên Giám Điện Thoại NGƯỜI VIỆT
phát hành vào tháng Giêng 1999

NGƯỜI VIỆT
YEARBOOK 99

NGUOI VIET NEWS
14891 Moran St., Westminster, CA 92683-5599, USA
Tel: **(714) 892-9414** - Fax: **(714) 894-1381**
(Ấn phẩm miễn phí - cước bưu điện US$5.oo)

Tranh bìa: Che dù, tranh lụa của **Bé Ký**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Hiếu Đệ**
Ảnh: **Anh Thành, tài liệu lưu trữ**

MỤC LỤC

Số 116 . Tháng Mười Hai 1998

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Chuyện học phí trường công: Ai cũng khóc cả - **Ngô Nhân Dụng**
15 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền 1948: ý nghĩa và giá trị lịch sử - **Trần Thanh Hiệp**
21 Vụ Thủy Cung Thăng Long là giọt nước tràn ly? - **Vương Hữu Bột**
25 Thử bàn về giai cấp công nhân Việt Nam - **Nguyễn Thanh Giang**
38 "Lòng nhân đạo" của những kẻ giết người - **Nguyễn Minh Cần**

XÃ HỘI - LỊCH SỬ

33 Cộng đồng người Việt hải ngoại tự phán: Thập đại thất bại - **Nhuệ Hồng**
45 Nguyễn Tất Thành đã xin Pháp giúp đỡ tiến thân và báo hiếu **Lê Văn Tiến**

NGÔN NGỮ - CHUYỆN PHIẾM

42 Dịch Impeachment là đàn hặc - **Cam Văn**
66 Thư viện F. Mitterrand - **Nguyễn Thị Xuân Sương**
97 Con số 4 thú vị - **Trường Giang**

VĂN

55 Cửu Long cạn dòng, biển Đông dậy sóng - **Ngô Thế Vinh**
69 Chặng đường cuối cùng - **Quỳnh Dao**
79 Những thoáng mơ qua **Yên Ty**
87 Tà áo Văn Quân - **Nguyễn Đức Tường**
91 Mùa thu New England - **Trần Doãn Nho**
99 Nắng trưa - **Nguyễn Hòa Trước**
107 Ngã rẽ - **Nguyễn Trung Dũng**

THƠ

54. Thành quách xưa - **Nguyễn Đăng Ngọc. 65.** Đoạn ghi nhớ Đỗ Long Vân - **Đinh Cường. 76.** Cánh Cửa Mở - **Khánh Hà. 84.** Đêm Noel - **Trần Vấn Lệ. 89.** Người đi người không đi qua sông - **Trần Trung Tá. 104.** Đêm, Chữ tình - **Huy Lực Bùi Tiên Khôi**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư Tòa soạn: Thanh niên cứu trợ bão lụt - **Vương Hữu Bột**
8 Ban đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
73 Sổ tay
110 Vòng Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành**
114 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

THE KY 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

THANH NIÊN CỨU TRỢ BÃO LỤT

VƯƠNG HỮU BỘT

Những vụ hạn hán và bão lụt năm nay tác hại miền Trung nhiều hơn cơn bão số 5 năm 1997 tàn phá miền Tây Nam Việt. Người Việt ở nước ngoài năm ngoái đã gây phong trào lạc quyên cứu trợ, nhiều nhóm đã về nước, đi tới từng địa phương giúp đồng bào nạn nhân bão lụt. Năm nay chúng ta phải tiếp tục gây nên một phong trào tương tự. Nhưng làm cách nào để tinh thần tương trợ lên cao, chúng ta có thể rút lại bài học "cứu lụt" năm 1964.

Trận bão lụt năm nay làm chết hàng trăm người, cao hơn con số tử vong của vụ lụt năm 1964 ở các tỉnh phía Nam Trung phần. Năm đó, giữa khi chiến tranh đang lan rộng, nhiều đoàn thanh niên, sinh viên và học sinh đã từ các thành phố lớn ở miền Nam mang tiền bạc và phẩm vật cứu trợ đến các làng xóm miền Trung, đưa tận tay đồng bào. Nhiều người trong ban chủ trương tạp chí *Thế Kỷ 21* đã tham gia vào phong trào đó, và những bài học rút ra từ công tác đó bây giờ vẫn còn in dấu.

Bài học thứ nhất là việc đồng bào cứu giúp lẫn nhau có ích cho người được giúp, càng hữu ích cho người đi cứu giúp. Khi các sinh viên Luật, các học sinh Cao Thắng, Chu Văn An ở Sài Gòn đến giúp các đồng bào ở Quảng Ngãi, Bình Định, họ cảm thấy tình đồng bào cụ thể và thiết thực, họ cũng tập được lối sống hữu ích, cách sống chung trong một tập thể trẻ và theo lề lối dân chủ. Sau đó, các thanh niên này đem kinh nghiệm đó về áp dụng, tổ chức và điều hành các sinh hoạt ở chính nơi họ đang sống, trong môi trường sinh viên học sinh. Những năm sau, các phong trào thanh niên có tính cách xã hội, giáo dục, sôi nổi sinh hoạt khắp miền Nam Việt Nam.

Một bài học khác, là các thanh niên rất giầu lòng từ bi, rất hăng hái làm việc nghĩa, nhưng họ không tin tưởng ở các cơ quan công quyền. Khi chính họ được tự do tổ chức lấy các công tác xã hội, trong tinh thần tự nguyện và tự lập, thì họ hăng hái hơn và công việc cũng có hiệu quả hơn.

Những bài học đó bây giờ vẫn đúng. Người dân đã có kinh nghiệm về các tổ chức gọi là "quốc doanh," từ xí nghiệp quốc doanh đến các tôn giáo, các hội từ thiện quốc doanh. Hiệu quả công việc của các tổ chức đó thấp, không thể cao bằng các công việc do tư nhân làm trong tinh thần tự nguyện và tự lập.

Hiện nay ở trong nước cũng có các đoàn thể thanh niên hăng hái lo cứu trợ đồng bào, nhưng đều nằm trong hệ thống do một đảng chỉ đạo. Trong khuôn khổ đó, họ khó động viên được sự tham dự đông đảo của thanh niên. Các công tác cứu trợ do guồng máy nhà nước chỉ huy cũng khó thu hút được sự tham gia của đồng bào ở hải ngoại. Đó là một sự phí phạm tài nguyên rất đáng tiếc.

Nước ta cần gây lại một phong trào nhân dân tự nguyện, tự động làm các công tác xã hội, trong các trường hợp đặc biệt như khi có thiên tai, cũng như trong lúc bình thường. Một phong trào như vậy huy động được nhiều tài nguyên, nhân lực trong dân chúng hơn, và cũng tạo được môi trường cho thanh niên tập sống có lý tưởng, và tập sống theo quy tắc dân chủ.

Nói chung, đồng bào ta cần gieo rắc các hạt giống cho một xã hội công dân, ngay trong thế hệ trẻ bây giờ. Các thanh thiếu niên tự nguyện và tự do tham dự các công tác xã hội sẽ có ngày trở thành những người lãnh đạo của các tổ chức, đoàn thể tự nguyện của nước ta trong vài chục năm tới. Không có bài học công dân giáo dục nào hiệu quả bằng các công việc chung. Một nước dân chủ không thể thiếu những người dân tự nguyện tham gia giải quyết các vấn đề của chính họ.

Điều này đòi hỏi nhà cầm quyền phải bỏ bớt tham vọng chỉ đạo, chỉ huy tất cả các sinh hoạt trong dân chúng. Khi đó, dần dần, người ta sẽ tạo được niềm tin tưởng của cả các người Việt Nam ở nước ngoài. Những lúc hoạn nạn như khi có bão lụt, năm ngoái, năm nay, rồi các năm tới, chúng ta sẽ vận động được rất nhiều tài nguyên từ hải ngoại để cứu giúp đồng bào, nếu họ biết rằng các tài nguyên đó được sử dụng có hiệu quả.●



BẠN ĐỌC VIẾT

Còn một thái độ thứ ba nữa!

Đọc bài *Từ cuộc thách đố của Trần Độ đến phản ứng của Nguyễn Chí Thiện* (TK 21 Nov. 98), người ta có cảm tưởng rằng, theo tác giả Lê Trung Hưng, Cộng đồng hải ngoại chỉ có hai thái độ để lựa chọn: một là chụp mũ tất cả những người Cộng sản phản tỉnh là "cò mồi, đối lập cuội," hai là "dấn thân ủng hộ hết mình" những người này (bằng tinh thần, vật chất?). Dĩ nhiên ai cũng hiểu tác giả Lê Trung Hưng muốn ta chọn thái độ thứ hai này. Tôi nghĩ rằng ngoài hai thái độ trên, **còn một thái độ thứ ba nữa** (mà có lẽ đang là thái độ của "đa số thầm lặng" trong cộng đồng) là: "ta ủng hộ họ chứ, nhưng còn theo rõi, và chờ xem." Thái độ dè dặt của những *người không Cộng sản* (cụm từ của tác giả LTH, chắc là muốn tránh né cụm từ "người Quốc gia"?) cũng dễ hiểu. Thực vậy, người ta không muốn bị "hố" như vụ Nguyễn Hộ trước đây, mà một đám chính khách hải ngoại đã tôn lên làm "lãnh tụ" để rồi nhận được "gáo nước lạnh," là lá thư phủ nhận của Nguyễn Hộ. Ngày nay, nhất là khi Trần Độ vẫn còn khẳng định về "sự lãnh đạo của Đảng" (!), thì người ta phải dè dặt, là đúng thôi. Chẳng nên từ một cực điểm nọ để đi đến kết luận rằng phải chọn lựa một cực điểm khác.

Bối cảnh chính trị trong cộng đồng hải ngoại không phải chỉ có hai cực. Một phe bị gán cho là "chống cộng cực đoan, chống Cộng đến chiều, muốn diệt người CS cuối cùng, muốn tái lập VNCH, hướng về quá khứ." Phe kia thì được gán cho là "hòa hợp hòa giải, xóa bỏ hận thù, hướng về tương lai." Tuy nhiên còn có một thái độ, một lập trường thứ ba hợp lý và không ai phủ nhận là: chỉ dẹp bỏ chế độ CS, chứ không ai muốn diệt người CS. Đã nói đến Dân chủ Pháp trị thì không thể nói đến CS. Có chế độ CS nào trên thế giới tồn tại bằng bầu cử tự do, Dân chủ Pháp trị chăng? Thành thử những người "CS phản tỉnh," chấp nhận Dân chủ Pháp trị, đương nhiên họ đã tự tước bỏ nhãn hiệu CS để hòa nhập vào khối đại dân tộc, của những người mong đợi Tự do. Và giữa những người này, đâu còn có nhu cầu cần phải "hòa hợp hòa giải, xóa bỏ hận thù, hướng về tương lai"? Và nếu những người "cựu CS" có thắng trong cuộc bầu cử tự do thì sẽ chẳng ai chống đối họ, trừ phi họ muốn... thiết lập lại chế độ CS! Một con "ngoáo ộp" khác thường được đem ra hù dọa, là người "quốc gia" sẽ bị "ra rìa" nếu không nhập cuộc, trong cuộc đọ sức của những người CS, và chung cuộc cũng vẫn bị CS cai trị. Thử hỏi CSVN, (mà Trần Độ khẳng định rằng hiện nay "vô địch," không ai hạ nổi!), đã mạnh bằng Liên Xô chưa? Vậy sao Liên Xô vẫn sụp đổ tan tành? Đâu cần đến một "cộng đồng Nga hải ngoại" đánh phá? Cặp vợ chồng Ceaucescu lãnh băng đạn ngoài pháp trường, có do một Cộng đồng hải ngoại Roumanie nào thúc đẩy đâu?

Tội nghiệp cho cái Cộng đồng VN hải ngoại của những người "không CS" này. Lâu lâu lại bị đem ra làm cái bung xung chế giễu, nào là "chia rẽ," nào là "chống Cộng quá khích," không làm nên trò trống gì v.v... Kể ra cũng có nhiều mặt yếu thực. Nhưng có những điểm tích cực khác, ít được nói đến, là sức đề kháng, để sau hơn hai mươi năm CS chiếm được miền Nam, không nơi nào trong Cộng đồng cờ đỏ sao vàng dám công khai trương lên, mặc dầu không thiếu kẻ âm thầm muốn làm điều này. Vừa qua thăm thủ đô Hoa Thịnh Đốn, nơi có thiết lập chính thức Tòa Đại Sứ CS Hà Nội từ vài năm nay, tôi thấy giữa khu sinh hoạt buôn bán tấp nập của người Việt "không CS," lá cờ vàng ba sọc đỏ thật lớn, phất phới trên trụ cao, bên cạnh lá cờ Mỹ. Lại thấy không đến nỗi bi quan lắm về tiềm lực chính trị của Cộng đồng hải ngoại này.

Nguyễn Gia Tiến *(Prilly, Switzerland)*

Bụt nhà vẫn thiêng!

Thường thì các ông chồng khi nói hay viết về vợ mình vẫn hay có giọng đùa đùa để chê bai "một cách âu yếm" hết chuyện nọ sang chuyện kia. Ví dụ về tật nói nhiều, về quan niệm sắp xếp nhà cửa, về nỗi đam mê mua sắm và tiêu tiền, về cách lái xe v.v... hình như việc gì cái "nhánh xương sườn yêu dấu" ấy làm cũng gây cho các ông chồng một chút bực mình hoặc một cảm giác hay hay, ngộ nghĩnh. Các ông thường có nhu cầu tâm sự với nhau về bà vợ mình, với một cái lắc đầu nhè nhẹ, nửa thương hại và nửa... chịu thua.

Các mẩu vui cười trên báo Thế Kỷ 21 cũng hay đề cập đến đề tài này lắm. Chẳng hạn một ông chồng khi đưa vợ vào khu thương mại cứ hay cố ý đi len giữa vợ mình và các cửa kính trưng bày hàng, biết rằng như thế thì không được lịch sự nhưng mà chắc chắn là có lợi (vì che mắt Bà — chữ Bà viết hoa, bắt chước tác giả Hoàng Nguyên Nhuận đấy — ngăn cản Bà nhìn thấy các món hàng trưng bày). Hoặc mô tả tài lái xe của vợ: "Vợ tôi lái xe không bao giờ gây tai nạn; tuần trước một cái building tự dưng lùi lại và tông vào xe vợ tôi!" Chuyện các ông kể xấu vợ kiểu ấy thì vô số kể, nó mô tả cái tâm lý tự tôn muôn thuở của phái mạnh, đồng thời tình thương yêu, và đôi khi lòng thương hại nữa, của phái mạnh đối với phái yếu (xin quý vị *feminist* khoan dung lượng thứ cho cách nói này nhé!)

Tác giả bài Làm Chồng Nhà Văn (TK 21 số 115, Nov. 98) có vẻ vừa theo truyền thống của phe ta, vừa phá vỡ truyền thống ấy. Đoạn đầu Hoàng Nguyên Nhuận "kể tội" vợ một cách rất duyên dáng (cái duyên dáng rất tự nhiên của các ông khi đề cập đến đề tài này), nhưng đoạn sau thì câu "Bụt nhà không thiêng" đã hết thiêng! Nghĩa là Bụt nhà ông thiêng lắm. Các tác phẩm của bà nhà văn mà ông có hân hạnh làm chồng đã được ông tán tụng một cách thành thật và say mê với một trình độ phê bình văn học rất là có thẩm quyền. Cánh đàn ông chúng tôi thoạt đầu ngẩn cả người: "A, cái ông này, dám khen vợ một cách 'trắng trợn, công khai, vô nguyên tắc' như thế này à? Thế thì truyền thống của 'đảng ta' [tức là đảng của các ông chồng đấy ạ] ông để đâu?"

Nhưng cũng có ông, chắc ít nhiều có dính líu đến trường phái 'Cheveu' (đọc là *sơ vơ*), cự lại liền: "Vợ người ta thì người ta khen, mắc mớ gì đến các anh? Người ta khen vợ người ta chớ có khen vợ các anh đâu mà các anh thắc mắc!?" Đã nói thế thì... thôi, anh em hết ý kiến. Nhưng mà ngẫm cũng có lý. Tại sao cứ nhè các bà nhà mà... nói xấu hoài, tại sao không khen những cái hay, cái tốt của các bà? Sợ người ta cười mèo khen mèo dài đuôi à? Không được khiêm tốn à? Sợ người ta bảo là nịnh vợ à? Ôi tại sao lại mang lắm nỗi sợ như thế, đến nỗi không dám thành thật với chính mình mà công bình với vợ mình một chút? Thấy người ta có truyền thống "chê vợ" thì mình cũng bắt chước nói xấu, đến nỗi không nói được lời khen ngợi một cách chính đáng! Có ông rửa chén giúp vợ mà còn sợ người ngoài nhìn thấy, sợ bị chê là "làm đầy tớ vợ" đấy! Té ra "phái mạnh" mà vẫn mang nhiều mặc cảm yếu ớt ra phết. Nhớ lại cụ Tú Xương mà thương cụ vô cùng, ăn chơi hư hỏng "tứ đốm tam khoanh" mà vẫn biết nói lên cái giá trị thật sự của bà Tú:

Quanh năm buôn bán ở mom sông
Nuôi lấy năm con với một chồng
Lặn lội thân cò nơi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông...

và tự xỉ vả những cái khiếm khuyết tệ bạc của mình mà cám thương vợ: *Có chồng hờ hững cũng như không.*

Thì nay ông chồng Hoàng Nguyên Nhuận có khen ngợi các tác phẩm của bà vợ nhà văn của ông ấy thì... cũng được thôi, có gì mà "trung ương đảng" vội vàng lên tiếng dữ vậy? Vấn đề là nên xem ông ta đánh giá như thế có đúng hay không, có thiên vị hay không, chứ không nên theo truyền thống chê vợ của các ông chồng Việt Nam mà vội vã nhao nhao phản đối. Vả lại ông ấy viết theo dạng văn học, có khen có chê, lúc ve vuốt lúc chọc quê, thì ta cũng nên tôn trọng cái "quyền hư cấu" của ông ấy.

Thành ngữ "Bụt nhà không thiêng" có ý nói người ta hay có khuynh hướng coi thường những cái quá quen thuộc thân thiết đối với mình, đến độ quên đi những giá trị thực sự của những cái thân thuộc ấy. Ông chồng nhà văn Hoàng Nguyên Nhuận phá vỡ khuynh hướng ấy, cho thấy rằng Bụt nhà cũng có thể thiêng lắm. Tôi cho thái độ ấy can đảm, còn những điều ông nói có đúng hay không thì lại là một vấn đề khác.

Trần Tiến Khôi *(San Diego, CA)*

Làm sống lại quá khứ

Trong bài "Ba ngày ở Huế" (TK 21 # 114 Oct.98) tôi thấy có một vài chi tiết đáng buồn: Trang 60, tác giả ghi "Du khách trong nhóm này toàn là người ngoại quốc, mặc áo quần vua chúa, đi thuyền rồng ăn cơm tối, nghe trình diễn nhạc Huế..." Trang 62: "... chúng tôi được mặc y phục của hoàng gia, ngồi trên ngai vàng giả để chụp hình kỷ niệm." Trang 63 nói về dự tiệc cung đình: "Máy lạnh chạy ào ào mà vua chúa quan viên ai cũng mồ hôi nhễ nhại (...) Các vị ngồi ăn đàng hoàng, có thị nữ cầm quạt, sĩ tốt rót nước ngọt, gắp đồ ăn." Sao mà những người tổ chức du lịch ở Huế lại vô ý thức và có đầu óc nô lệ như thế! Thiết nghĩ, chẳng phải đem quá khứ cung đình ra làm trò

tiêu khiển cho du khách như vậy. Tôi chẳng thấy ở nước nào, dù cần tiền, làm như vậy (dù đây là khách sạn và nhà hàng).

Trước những cái lố lăng và thiếu tự trọng đó, tác giả phản ứng ra sao? Chúng ta thấy tác giả và bè bạn "cười đùa" như một "đám trẻ" vì... "chúng tôi cũng đã trở thành những người Mỹ hồn nhiên." Xin miễn phê bình.

Một bài ký, tuy hồn nhiên, nhưng thiếu những nhận xét thích đáng, thiếu tính chất văn nghệ như vậy mà được quý vị đăng ở đầu tờ bìa! Mong rằng trong tương lai, quý vị sẽ làm việc thận trọng hơn.

Lê Thị Hải *(Huntington Beach, CA)*

Những điều mà bà cho là đáng buồn và đã trích dẫn trong thư thì tác giả "Ba ngày ở Huế" lại không thấy có gì đáng buồn. Tùy theo cách nhận thức của mỗi người thôi. Theo bà thì khi người ta đem một số hình thức sinh hoạt cung đình ra để "tiêu khiển cho du khách" như vậy thì là một việc "vô ý thức và có đầu óc nô lệ, ...lố lăng và thiếu tự trọng," trong khi tác giả, đã trực tiếp tham dự các sinh hoạt đó, thì lại cho "Đây là một cách vừa quyến rũ du khách vừa phổ biến được văn hóa Việt qua cách ăn uống và âm nhạc." (trang 60, TK 21 # 114).

Thật ra diễn lại quá khứ, dù là cung đình hay dân gian, tự nó không phải là một hành động mắc tội với quá khứ, đáng lên án và cần phải cấm đoán. Bao nhiêu tuồng tích với xiêm y mũ mãng, với ngôn ngữ và phong cách của quá khứ đã được người ta diễn lại trên sân khấu, và nâng lên hàng nghệ thuật. Để cho du khách được sống thực với các hình thức quá khứ một cách nghiêm chỉnh, thiết tưởng cũng chỉ là một cách cho họ "đóng tuồng" trong chốc lát, không đến nỗi phải coi là một cái gì lố lăng và thiếu tự trọng. Điều quan trọng ở đây có lẽ là ở cách thức thực hiện, sao cho thể hiện được tính cách văn hóa, và tinh thần của quá khứ phải được tôn trọng.

Hãy bình tĩnh, chưa đến đâu!

Tôi giật mình khi đọc ở trang 10, Thế Kỷ 21 số 115 tháng 11/98, thông báo của các anh: Số báo Xuân chót của thế kỷ 20. Giật mình vì, theo tôi, các anh đã nhầm, khi cho rằng thế kỷ 21 bắt đầu từ năm 2000. Có lẽ vì Tòa soạn Thế Kỷ 21 sốt ruột quá mong thế kỷ 21 đến sớm chăng? Theo tôi, thế kỷ 21 sẽ bắt đầu từ 0 giờ, 0 phút, gần 1 giây ngày 1 tháng 1 năm 2001, chứ không phải năm 2000. Các anh thử tính lại xem! Thế kỷ 1 bắt đầu từ năm 1, chứ không phải năm 1, và kết thúc năm 100, chứ không phải năm 99; thế kỷ 2 bắt đầu từ năm 101, chứ không phải 100, và kết thúc năm 200, chứ không phải 199, và v.v... Làm số báo Xuân cho hay, cho đẹp thì chúng tôi rất hoan nghênh, tuy nhiên, xin các anh xem lại kẻo nhầm "cái mốc thời gian mà tờ tạp chí Thế Kỷ 21 của chúng ta nhắm tới từ 10 năm qua," rồi gây sự nhầm lẫn cho nhiều người khác.

Nguyễn Minh Cần (Moscow, Nga)

Chúng tôi đã tính nhầm, do ảnh hưởng trọng đại của sự kiện năm 2000 đang đến. Hình ảnh con số 2000 như mở ra một thời kỳ mới, và nhiều nơi người ta đã chuẩn bị đêm giao thừa năm 2000 rất long trọng. Khi viết năm, ví dụ 1998, người ta đã viết số 1 đầu tiên suốt một ngàn năm; kế đó viết con số 9 suốt 100 năm. Nay bỗng dưng từ giã hoàn toàn hai con số đó, để bắt đầu bằng con số 2, kế đến là ba số 0, mọi chuyện mới mẻ hẳn. Thôi thì số Xuân này chúng ta sẽ đánh dấu lần cuối cùng chúng ta dùng con số 19..., còn lúc thế kỷ 21 chính thức bắt đầu theo tính toán thì sẽ là chuyện nói về sau.

Sài Gòn ba trăm năm

Đọc bài "Sài Gòn 300 tuổi" trong Thế Kỷ 21 số 115, Nov. 98 có nhiều điểm làm cho tôi cảm thấy buồn. *Dân số gia tăng hơn hai lần so với trước 75 nhưng bệnh viện cũng chỉ bấy nhiêu cái do "chế độ cũ" để lại. ...Nhiều trường thiếu phòng ốc, lắm nơi phải dạy mỗi ngày ba ca, nhưng chẳng xây cất thêm được bao nhiêu. Đường sá trong thành phố nhiều đoạn bị ổ gà ổ trâu nhưng chỉ đường nào quan trọng và ở khu trung tâm mới được tu bổ đúng kỹ thuật...*

Nói chung Sài Gòn ba trăm tuổi chỉ được cái hào nhoáng bên ngoài do các cái khách sạn do người ngoại quốc xây, còn sự tiến bộ thực sự và căn bản (y tế, giáo dục, giao thông...) thì chẳng có gì, nếu không nói là tệ hơn cách đây 23 năm rất nhiều. Tệ đoan xã hội thì lại tràn ngập, nguy nhất là ma túy. Có lẽ chính quyền hiện nay chẳng có điều gì để hãnh diện trong dịp kỷ niệm 300 năm thành phố Sài Gòn được.

Lê Thị Tươi Thắm *(Boston, Mass)*

Để minh họa cho những gì bà viết, chúng tôi xin đăng "tiểu phẩm" sau đây, trích từ báo trong nước, mà một độc giả đã gửi về Tòa soạn:

Nhà vô địch

Để phục hận, Thỏ quyết tái đấu với Rùa, nhưng lần này cuộc đua diễn ra trên các đường phố của thành phố bác Hồ chứ không ở trên rừng như năm xưa.

Ngay từ phút đầu tiên vào cuộc, Thỏ đã đề cao cảnh giác, không chủ quan khinh địch, cắm đầu cắm cổ chạy hết tốc lực, không tha thẩn hai bên đường tìm lá, cỏ để ăn hoặc ngắm trời ngắm đất như dạo nào nữa...

Khi cuộc đua kết thúc, kẻ đến đích trước nhất lần này lại là... Rùa chứ không phải Thỏ. Ai cũng lấy làm lạ. Chờ mãi không thấy kẻ về nhì đâu, ban tổ chức cuộc đua bèn đổ xô đi tìm. Thì ra Thỏ nhà ta do phóng quá nhanh, không đề phòng, nên đã... rơi tòm xuống một *ổ voi* giữa một đường phố, gãy hai chân, nằm bất tỉnh dưới đó. Người ta vội vàng vực Thỏ lên xe đưa đi cấp cứu. Sau đó Ban tổ chức cuộc đua tuyên bố kết quả Rùa vô địch và không quên choàng lên cổ hắn một vòng hoa chiến thắng!

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Đinh Cường, Nguyễn Đức Tường, Phạm Xuân Tích, Ngô Thế Vinh, Vũ Anh Mai, Trần Lộc, Trần Yên Hòa, Trần Vấn Lệ, Babui, Trần Huy Sao, Hoàng Huy Khánh, Nguyễn Văn Hóa, Sương Mai, Nguyễn Hòa Trước, Nguyễn Đăng Ngọc, Lê Nguyên Khái, Nguyễn Thị Xuân Sương, Phạm Phan Long, Nguyễn Văn Cường, Trần Kim Thập, Phạm Trọng Chánh, Hiếu Đệ, P. Đan Hà, Nguyên Phước, Trần Hoài Thư, Tâm Thanh, Vân Vân Vũ, Khánh Hà, Nguyễn Văn Cường, Phạm Xuân Hy, Nguyễn Minh Cần, Võ Doãn Nhẫn, Hoàng Đình Hiếu, Nguyễn Hiền Tài, Nguyên Dũng, Cao Tiêu, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Lưu Hy Lạc, Nguyễn Kết.

Hộp thư tri sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Phạm Trọng Lệ (Fairfax VA), Nguyễn Cao Hoàng (Pasadena CA), Đinh Xuân Bích Nga (FRANCE), Luôn Kim Lư (Tulsa OK), Đinh Sinh Long (Huntington Beach CA), Lê Khắc Thuận (Panaroma CA), South Branch Library (Berkeley CA), Columbia Branch Library (Seattle WA), Biblio Ville Montreal (CANADA), Day-Riverside Branch Library (Salt Lake City UT), Library Menzies (AUSTRALIA), Carrie Estelle Doheny Mem Library (Camarillo CA), Trương Hùng (Federal Way WA), Nguyễn Thanh Trang (San Diego CA), Hoàng Xuân Hào (Upland CA), Lê Thị Hạnh (CANADA), Nguyễn Thị Dung (CANADA), Vương Trọng Tài (CANADA), Mai Liêm (CANADA), Deichmanske Bibliotek (NORWAY), Toensberg Bibliotek (NORWAY), San Francisco Public Library (San Francisco CA), Sunnyvale Public Library (Sunnyvale CA), Trịnh Hòa (Houston TX), Nguyễn Hào (Diamond Bar CA), Đoàn Thế Hoàng (Lincoln NE), Võ Viết Quy (Hyattsville MD), Nguyễn Tấn Hưng (NETHERLANDS), Nguyễn Cao Hoàng (Pasadena CA), Phạm Trọng Lệ (Fairfax VA), Chapman Branch Library (Salt Lake City UT), Los Angeles Public Library (Los Angeles CA), Chinatown Branch Library (Los Angeles CA), Fredrikstad Bibliotek (NORWAY), Trần Minh Hà (Lynnwood, WA), Thuận Hứa (Florissant, MO), Trần Văn Phê (Richfield MN), Trương Minh Cường (Fountain Valley CA), Huỳnh Văn Lý (GERMANY), Nguyễn Khắc Tiến tùng (GERMANY), Nguyễn Cường (Honolulu HI), Milpitas Communitive Librarary (Milpitas CA), San Jose Public Library (San Jose CA), Educational Park Branch (San Jose CA), Evergreen Branch Library (San Jose CA), Seventrees Branch Library (San Jose CA), West Valley Branch Library (San Jose CA), Berryessa Branch Library (San Jose CA), Santa Ana Public Library (Santa Ana CA), Nguyễn Thành Lộc (Mounds View MN), Lê Ngọc Chấn (FRANCE), Trịnh Long Việt (Malvern PA), VH Nhất Tuấn (Olympia WA), Dương Phước Tấn (Fort Smith AR), Phan Hồng Tú (Chicaga Il).

Độc giả đổi địa chỉ: Nguyễn Tấn Hưng (NETHERLANDS), Nguyễn Văn Cường (NORWAY), Nguyễn Thị Thuận (GERMANY), Đỗ Như Lạc (GERMANY), Đỗ Cường (Sacramento CA), Chiêu Phùng Cao (Mt Pleasant IA), Trần Lợi (Thousands Oaks CA), Trần Công Nhung (Lawndale CA), Vũ Gia An (Fairfax VA).

CHUYỆN HỌC PHÍ TRƯỜNG CÔNG: AI CŨNG KHÓC CẢ

NGÔ NHÂN DỤNG

Ở Việt Nam có ông Bộ Trưởng Tài Chính Nguyễn Sinh Hùng. Ở Hollywood có ông tài tử và nhà sản xuất Bob Reiner. Đố biết hai ông này giống nhau và khác nhau chỗ nào?

Cả hai vị cùng muốn người dân trong xứ họ phải đóng thêm tiền cho nhà nước, đó là điều giống nhau.

Nhưng họ khác nhau ở chỗ ông Bob Reiner thật thà đề nghị tiểu bang California tăng thuế thuốc lá! Còn ông Nguyễn Sinh Hùng không nhận rằng chính phủ của ông đã đánh thuế giáo dục! Hiến pháp ghi giáo dục tiểu học là bắt buộc và miễn phí. Nay bắt trẻ em đóng tiền mới được đi học, cái đó ông Nguyễn Sinh Hùng gọi là "xã hội hóa." Trẻ em học bài học đầu tiên là nói dối, khi làm sai luật pháp thì dùng lời nói hoa mỹ để che đậy.

Một điểm khác nhau nữa là chính phủ ông Hùng tăng thuế tự hồi nào, dân không biết, cũng chẳng ai được hỏi ý kiến, kể cả các người vẫn được gọi là đại biểu dân, quen gọi tên là Quốc Hội. Còn nhà điện ảnh Bob Reiner phải đưa ý kiến của mình ra, viết thành một đề luật, xin dân chúng California chấp thuận.

Chế độ Dân chủ gọi thuế là thuế

Hãy nói về đề nghị tăng thuế của nhà điện ảnh Bob Reiner. Ý kiến này được ghi trong Đề Án số 10 (Proposition 10) cho dân chúng tiểu bang bỏ phiếu, nói "tiểu bang sẽ tăng 50 xu (cent) thuế mỗi bao thuốc lá." Đề án này cũng ấn định số thuế thâu được (khoảng 750 triệu đô la mỗi năm) phải dùng trong các chương trình ngăn ngừa nạn trẻ em và phụ nữ có thai hút thuốc, chích ngừa và đề phòng các bệnh tai, bệnh mắt cho trẻ em, để chăm sóc phụ nữ có thai, chữa trị các trẻ em bị hành hạ vì người lớn ghiền ma túy hay say rượu v.v... Khi yêu cầu dân đóng thuế, người ta cũng nói ngay tiền thuế dùng làm gì.

Ông Bob Reiner là một tư nhân, ông phải bỏ tiền túi ra (hàng triệu Mỹ kim), cùng các hội y sĩ, hội ngừa ung thư, hội chống thuốc lá v.v... hùn tiền lại, vận động dân Cali ủng hộ Đề Luật số 10. Đối phó lại, các công ty thuốc lá bỏ ra bạc triệu chống Đề Luật đó, họ không dám tuyên truyền rằng "hút thuốc lá không hại cho sức khỏe," nhưng họ khôn ngoan núp dưới khẩu hiệu "chống tăng thuế" — biết rằng dân chúng ở xứ nào cũng ghét đóng thuế!

Ở nước Mỹ ngày 3 tháng Mười Một vừa qua, khắp nơi có 61 đề Luật cho dân bỏ phiếu, và 36 Đề Luật được chấp thuận. Thí dụ, dân tiểu bang Arizona đã thông qua Đề Luật số 201 cấm tổ chức đá gà. Dân tiểu bang Missouri chấp nhận Đề Luật Tu chính án Hiến Pháp số 9, cho phép các sòng bạc trên tàu được thả neo ở nhiều nơi ngoài các con sông lớn. Ở Cali dân cũng chấp nhận một Đề Luật cấm giết và bán thịt ngựa. Sau khi dân chúng thông qua, nếu không bị kiện và thua kiện trước tòa thì các Đề Luật sẽ biến thành luật, nhà nước đem áp dụng.

Dân Cali nổi tiếng từ 20 năm trước, khi họ gây ra phong trào chống tăng thuế với Đề Luật số 13, năm 1978, làm gương cho cả nước Mỹ noi theo. Ở California năm nay, dân làm chuyện ngược đời. Đề Luật tăng 50 xu thuế thắng sát nút với 57 ngàn phiếu, trong tổng số 7.6 triệu phiếu đã đếm. Các hãng thuốc lá chắc sẽ thưa kiện để tranh đấu cho quyền phì phèo hít khói và thả khói.

Ông Nguyễn Sinh Hùng gọi là xã hội hóa

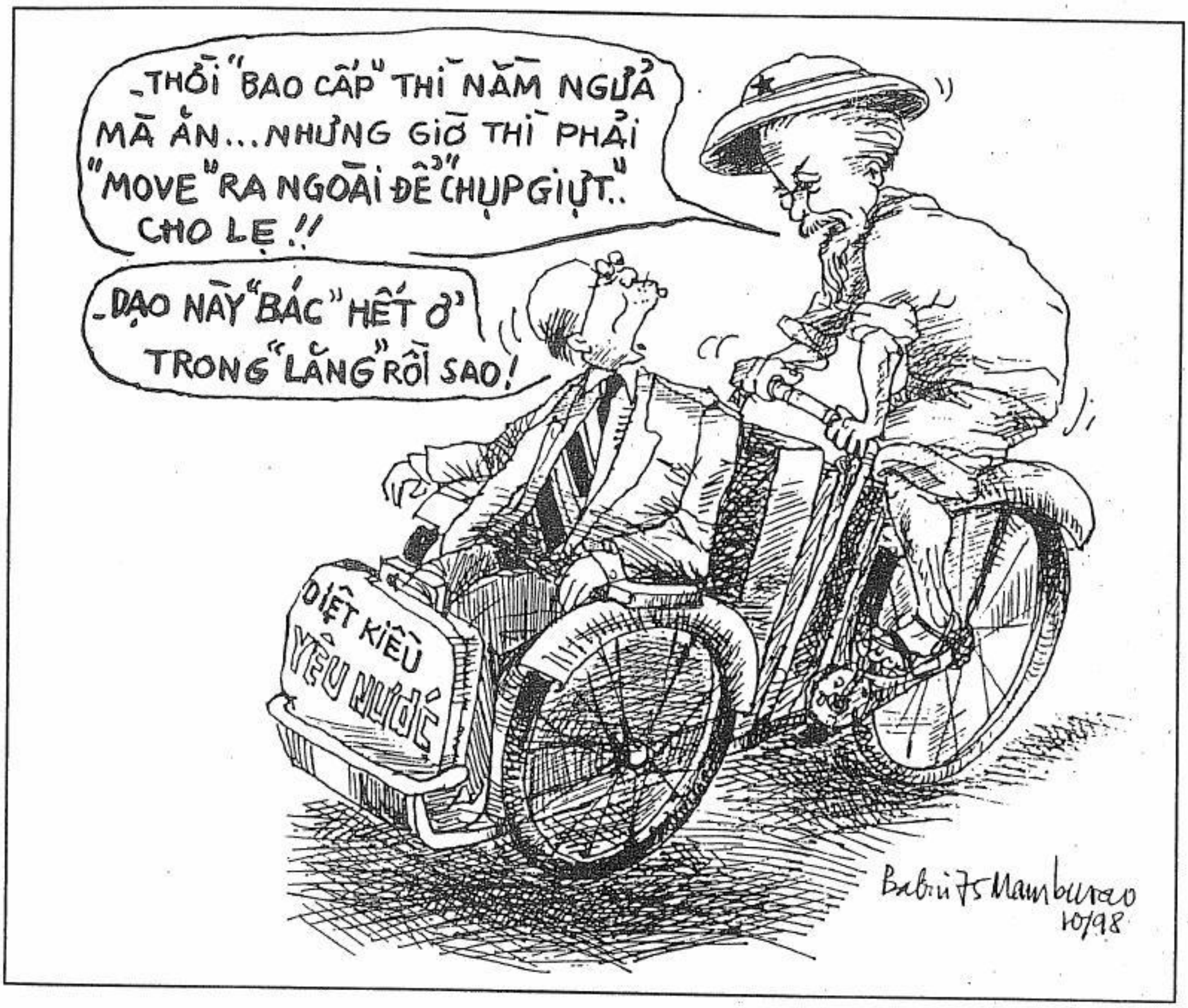
Nhưng hãy kể đến chuyện ông Nguyễn Sinh Hùng, bộ Trưởng Tài Chánh trong chính phủ Việt Nam. Trước Quốc hội, ông hô hào phải đẩy mạnh việc "xã hội hóa giáo dục."

Từ khi miền Nam được thống nhất với miền Bắc, chính phủ Hà Nội đã nâng dân miền Nam lên vai trò "làm chủ đất nước." Từ khi lên làm chủ, dân được hãnh diện đóng thêm tiền. Trong chế độ Cộng Hòa ngày xưa học trò trường công không phải đóng tiền, nay chế độ "Cộng Hòa" được thêm bốn chữ "Xã Hội Chủ Nghĩa," thế là học trường công cũng tốn tiền. Vì vậy, việc đóng tiền được gọi là "xã hội hóa." Trong tiếng Việt Nam mới, "xã hội hóa" có nghĩa là đóng thêm tiền cho nhà nước!

Tiểu bang California sẽ "xã hội hóa" 50 xu một bao thuốc lá, còn trường tiểu học Kết Đoàn ở Sài Gòn xã hội hóa hơn ba triệu đồng một học sinh mỗi năm.

Nhưng ai cũng biết rằng nếu dân ghiền khói phải đóng cho chính phủ thêm 50 xu khi mua bao thuốc thì cái đó tiếng Việt còn gọi là "đóng thuế tiêu thụ." Cũng vậy, khi học sinh phải đóng ba triệu, tiếng Việt nói là các em đang "đóng thuế đi học."

Ngày 20 Tháng 11 ở Việt Nam có "Ngày nhà giáo." Đây là một sáng kiến rất đáng ca ngợi. Một cách cụ thể để xã hội ghi ơn nhà giáo là tăng lương cho giáo chức, ít nhất cũng bằng lợi tức của các thầy công an. Ở huyện



Nhà Bè đang thiếu 72 giáo viên cấp II, tháng trước có 31 nhà giáo đã bỏ nghề vì lương 200 ngàn một tháng (14 Mỹ kim) không đủ sống. Nhưng nhà nước không có đủ ngân sách để xây cất, bảo trì các trường từ tiểu học trở lên, không đủ tiền mua bàn ghế, học cụ, làm nhà vệ sinh, nên cũng không đủ ngân sách trả lương giáo chức.

Tư nhân hóa giáo dục

Nếu nhà nước không có tiền nuôi trường

công thì một giải pháp hiển nhiên là để tư nhân tự do mở trường cùng lo việc giáo dục. Ngày 9 tháng 11 vừa qua, báo *Thanh Niên* đã bắt đầu nêu lên ý kiến "tư hóa" một cách dè dặt, trong một bài phiếm luận với tựa đề "Vì sao ai cũng khóc?" của ký giả Lang Là (= La Làng!)

Bài báo viết " *năm nay, các cơ quan quản lý giáo dục ... lập đoàn thanh tra đến các trường để... kiểm toán, rà soát sổ sách thu chi, cứ như trường học là một công ty thương mại đang có vấn đề.*"

Ký giả Lang Là than: "*Thật chưa bao giờ hình ảnh trường học lại thảm hại như thế...*" Một nhà giáo lão thành đã nghỉ hưu tâm sự: "Tôi đã bạc đầu trong nghề gõ đầu trẻ nhưng **chưa bao giờ thấy cảnh nhà trường, nhà giáo bị khổ nhục như thế này!**"

Một vị phụ huynh học sinh cũng nói như khóc: *"Ôi, cứ mỗi mùa khai trường là mỗi lần phụ huynh méo mặt vì lo lắng...*

Lang Là viết: "Ai cũng khóc cả. Vậy thì vì đâu mà ra nông nỗi?"

Sau khi giải thích tình trạng khó khăn khiến "*nhà trường đành xoay sở để tự cứu mình,*" Lang Là nhận xét: " *hệ thống giáo dục của ta riết rồi chẳng còn cái trường học nào là trường công lập đúng nghĩa nữa.*" Đúng ra, Đảng đã biến các trường công thành các "xí nghiệp giáo dục quốc doanh!"

Sau cùng, ký giả Lang Là kết luận: " *Giải quyết vấn nạn ấy chỉ còn mỗi một cách: 'tư hóa' một phần trường học để nhẹ gánh cho ngân sách nhằm tập trung lo cho hệ thống trường công lập còn lại một cách đầy đủ đàng hoàng, kể cả đời sống của các thầy cô giáo. Trường công ra trường công. Trường tư ra trường tư. Rạch ròi rành mạch như thế thì chẳng còn ai phải kêu ca khóc lóc nữa.*" Những lời giản dị, ngay thẳng của ông Lang Là, nếu ở nước Việt Nam không ai nghe, không ai theo thì chúng ta thấy thật đáng khóc!

Đề nghị "tư nhân hóa" giáo dục nghe giản dị, nhưng thực hiện không dễ. Ông Nguyễn Thiện Nhân, một giáo sư kinh tế, đại biểu Sài Gòn mới yêu cầu Quốc hội phải bỏ điều khoản "cấm lợi dụng giáo dục để kinh doanh vì lợi nhuận" trong dự thảo luật về giáo dục. Ông Nhân nói rằng "nếu đầu tư vào giáo dục có nghĩa là chịu lỗ thì ai dám làm?"

Hơn nữa, nếu chấp nhận "tư hóa" thì phải tránh "tư hóa" giáo dục theo lối "Thủy Cung Thăng Long." Không được đặt ra các rào cản về lý lịch, về quan hệ, đòi có cấp ủy bảo đảm, cuối cùng chỉ các đảng viên và vợ, con, băng đảng của họ đứng ra mở trường tư. Giống như họ đã đứng ra khai thác đất, hồ làm các khu giải trí, khách sạn, động mãi dâm.

Giáo dục miễn phí là quyền của người dân

ông Bộ Trưởng Tài Chánh Nguyễn Sinh Hùng không chịu gọi thuế là thuế. Trước Quốc Hội, ông đòi "đẩy mạnh hơn nữa xã hội hóa giáo dục." Nghe câu này chắc cụ Karl Marx ở dưới mồ cũng phải khóc! Có ai ngờ cái Chủ nghĩa Xã hội khoa học của cụ ngày nay nó khoa học đến như vậy!

Nghe ông Hùng khẳng định "không nên miễn phí đại trà, kể cả cấp tiểu học" (đại trà có nghĩa là toàn thể, toàn diện, qui mô lớn), một đại biểu Sài Gòn là ông Phạm Quang Dự đã nhắc nhở ông Bộ Trưởng tài Chánh đã vi phạm hiến pháp, vì "giáo dục tiểu học miễn phí" đã được ghi trong Hiến pháp.

Hiến pháp Việt Nam năm 1992, điều 59 viết "Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Bậc tiểu học là bắt buộc, không phải trả học phí." Té ra, ông bộ trưởng bất chấp Hiến pháp! May mắn hơn Clinton, ông không bị đem ra đàn hặc!

Quyền hưởng "giáo dục miễn phí ít nhất ở cấp sơ đẳng và căn bản" là một nhân quyền được Liên Hiệp Quốc công nhận (điều 26 Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền), điều đó cũng nằm trong Quy ước về các Quyền Văn hóa, Xã hội, mà chính phủ Hà Nội đã ký kết.

Cho nên không những ông Nguyễn Sinh Hùng vi phạm hiến pháp, mà đảng và nhà nước của ông cũng đang vi phạm quyền làm người của trẻ em Việt Nam. Nếu biết như vậy, chắc ông Nguyễn Sinh Hùng cũng phải khóc.

Điều mà các nhà giáo, phụ huynh, và giới báo chí, trí thức ở nước ta cần làm là đòi lại quyền tự do giáo dục và quyền trẻ em đi học miễn phí. Nhà nước không được phép giành độc quyền mở trường. Phải chấm dứt độc quyền xuất bản sách giáo khoa, như một số đại biểu Quốc hội đã yêu cầu. Muốn thực hiện quyền công dân này, Quốc hội phải cấm nhà nước không được đặt ra các luật lệ và thủ tục hành chánh để hạn chế tự do giáo dục.

Ký giả Lang Là hỏi "Tại sao ai cũng khóc?" Dám đặt câu hỏi đó đã là một hành động can đảm. Nhưng không lẽ người Việt Nam chỉ biết khóc mãi, vất vả mãi, chịu khổ, chịu nhục mãi mãi?

TUYÊN NGÔN QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN 1948: Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ(*)

TRẦN THANH HIỆP (**)

Ngày 10 tháng 12 năm 1948, tại điện Chaillot ở Paris, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc trong phiên họp khoáng đại lần thứ 183, đã biểu quyết thông qua bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, một văn kiện lịch sử mà ngôn ngữ hậu thế đã đặt thêm cho nó một tên gọi mang hương vị ca ngợi "Tuyên ngôn về đạo lý của một nhân loại đã được tổ chức."

Năm mươi năm đã trôi qua, kể từ ngày văn kiện này ra đời. Năm nay, nhờ sự khuyến khích và cổ võ của Cao ủy của Liên Hiệp Quốc về nhân quyền, cả thế giới, dưới nhiều hình thức, kỷ niệm năm thứ 50 công bố bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Người Việt Nam — đặc biệt những nạn nhân trực tiếp của đàn áp nhân quyền ở trong nước phải ra ngoài nước sinh sống — không có hoàn cảnh thuận lợi để tham dự rầm rộ vào việc kỷ niệm ấy. Nhưng thiết tưởng ít ra năm nay cũng là dịp để họ tìm hiểu thêm nữa, suy nghĩ nhiều hơn nữa, sâu hơn nữa, nghiêm túc hơn nữa về một văn kiện đã được nhân loại coi như một dấu mốc quan trọng của lịch sử nhân quyền. Để tiếp thụ nó, theo cách của người Việt Nam.

I. Ý nghĩa lịch sử của bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (TNQTNQ)

Tìm hiểu ý nghĩa của 2625 từ (tiếng, mots) cấu thành 30 điều của nội dung bản TNQTNQ là công việc mà suốt 50 năm vừa qua rất nhiều người đã làm. Nhưng tìm hiểu quá trình đã đưa tới cách diễn tả chung quyết (wording) nói trên thì vẫn còn lầ việc mà một số người thưa thớt đã và đang làm để soi sáng nhiều vùng tối về những sự bất đồng ý kiến — nhưng vẫn đạt được đồng thuận — giữa những người có trách nhiệm lựa chọn những quyết định để soạn thảo, bàn cãi, biểu quyết, công bố, nói tóm lại, khai sinh ra bản TNQTNQ.

1. Tại sao lại chọn hình thức "tuyên ngôn"?

Cùng với sự chấm dứt của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhì, nhiều nguyện vọng loại trừ chiến tranh, bảo vệ hòa bình đã được bày tỏ, nhất là từ phía các hội ngoại chính phủ, các quốc gia nhỏ và chưa mở mang. Về phía các cường quốc chiến thắng, Mỹ rất tha thiết với việc phải ghi vào Hiến Chương Liên Hiệp Quốc vấn đề bảo vệ những quyền cơ bản của con nười, trái lại Anh và Nga không coi đó là một ưu tiên hàng đầu.

Sau cùng, xu hướng đề cao nhân quyền đã thắng thế nên tại Hội nghi Cựu Kim Sơn năm 1945 thành lập Liên Hiệp Quốc, yêu sách của xu hướng này đã được thỏa mãn: Hiến chương Liên Hiệp Quốc bảy lần ở bảy nơi khác nhau đã nêu lên vấn đề nhân quyền. Tuy nhiên Mỹ đã phải nhượng bộ trước những quan tâm của Anh và Nga về việc cần giới hạn quyền của Liên Hiệp Quốc theo chiều hướng Liên Hiệp Quốc phải tránh không can thiệp vào nội bộ các quốc gia để cho các quốc gia quy định các thể thức tôn trọng nhân quyền và các tự do cơ bản của nhân dân mình bằng đường lối cai trị phù hợp với nhân đạo và công lý. Do đó điều 2 đoạn 7 của Hiến chương đã đề ra nguyên tắc Liên Hiệp Quốc không giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền quốc gia, trừ phi phải áp dụng những phương pháp cưỡng chế mà chương VII của Hiến chương dự liệu. Tháng 2-1946, Hội đồng Kinh tế Xã hội (HĐKTXH, Economic Social Commission, ECOSOC) của LHQ bắt tay vào việc thành lập Ủy hội Nhân quyền (Commission des droits de l'homme) có nhiệm vụ khởi đầu đưa ra những đề nghị và khuyến cáo soạn thảo một Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền. Bước đầu, Hội đồng KTXH

thành lập một Ủy hội thu hẹp gọi là Hội đồng hạt nhân về nhân quyền (Commission nucléaire sur les droits de l'homme) gồm có chín thành viên do Hội đồng KTXH bầu mà bà Eleanor F.D. Roosevelt (Mỹ) là chủ tịch, ông René Cassin (Pháp) là Phó chủ tịch và ông K.C. Neogi (Ấn Độ) là thuyết trình viên. Ủy hội hạt nhân nghiên cứu việc thành lập và thể thức hoạt động của Ủy hội Nhân quyền. Đầu năm 1947 thì Ủy hội này với đầy đủ thành phần và với sự trợ lực của một luật gia lỗi lạc người Gia Nã Đại, giáo sư John P. Humphrey (***) cùng một số tổ chức ngoại chính phủ (NGO) bắt đầu hoạt động. Việc đầu tiên phải làm là định xem "tuyên bố quốc tế về nhân quyền" là gì? Có ba xu hướng tiếp cận vấn đề. Thứ nhất, soạn thảo một tuyên ngôn chỉ liệt kê những mục tiêu hay quy phạm đơn giản thay vì đưa ra những điều khoản pháp lý nặng nề với đầy đủ chi tiết. Thứ hai, dự thảo một công ước có giá trị như những hiệp ước quốc tế ràng buộc bằng nghĩa vụ pháp lý các quốc gia ký kết. Thứ ba, soạn thảo một văn bản đặt trọng tâm vào việc trù liệu các biện pháp áp dụng và những cơ chế quốc tế thực hiện để bảo đảm nhân quyền. Xu hướng thứ ba ít hấp dẫn ngay từ đầu vì tính cách quá phức tạp và khó thực thi của nó. Hai xu hướng còn lại đều có nhiều người tán thành. Một đằng, hình thức một tuyên ngôn tổng quát, gọn gàng được ủng hộ vì thế giới đang chờ đợi LHQ có ngay một hành động mau lẹ, cụ thể, điều khó thực hiệu nếu bị sa lầy trong những cuộc bàn cãi dông dài chung quanh những khái niệm về luật học. Đằng khác sự thiếu thực hiệu của những lời tuyên ngôn suông đã được viện dẫn để biện minh cho giải pháp "công ước" với những cơ chế pháp lý có khả năng bảo vệ hữu hiệu nhân quyền. Ủy hội hạch tâm thiên về giải pháp thứ nhất nhưng không lựa chọn, dành quyền này cho Hội đồng KTXH. Nhưng Hội đồng cũng không dứt khoát và yêu cầu Ủy hội tiếp tục nghiên cứu cả ba công thức. Cho đến tháng chạp năm 1947 Tiểu ban soạn thảo của Ủy hội Nhân quyền cung cấp cho Ủy hội ba văn kiện, một bản tuyên ngôn sơ thảo, một bản công ước phác thảo và một phúc trình sơ lược về các biện pháp áp dụng. Sau hai tuần lễ làm việc, Ủy hội đã hoàn thành được hai bản dự thảo, một Tuyên ngôn và một công ước để gửi cho các quốc gia thành viên lấy ý kiến. Và tháng 6-1948, Ủy hội một mặt chọn lựa công thức tuyên ngôn, mặt khác thành lập ba nhóm phân công nghiên cứu cả ba mặt của vấn đề. Và sau ba tháng thảo luận ở cấp Đại hội đồng, từ tháng 9 cho tới tháng 12-1948, sau nhiều tu chính, dự thảo tuyên ngôn được đưa ra phiên họp khoáng đại ngày 10-12-1948 để biểu quyết. Kết quả 48 phiếu thuận, 0 phiếu chống và 8 phiếu

trắng. Hai quốc gia không tham dự cuộc đấu phiếu là Honduras và Yemen.

2. Tại sao có nhiều ý kiến bất đồng?

Nhân quyền tự thân nó vốn đã là một vấn đề phức tạp không dễ gì dung hòa được mọi ý kiến. Nếu lại đưa nó ra bàn luận trên một diễn đàn không thuần nhất như Liên Hiệp Quốc thì quả là nhận một cuộc thử thách gay go. Những người trong hai Ủy hội được trao trách nhiệm khởi xướng việc bàn thảo bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền trước khi khởi sự đã ý thức được rằng họ dấn thân vào một quá trình suy nghĩ và tranh luận bắt buộc phải có phẩm chất trí thức cao để đáp ứng những đòi hỏi của cả hiện tại lẫn tương lai. Tất nhiên là họ phải chờ đợi tình trạng nhiều ý kiến bất đồng.

a. Bất đồng trên bình diện luật học

Ngay từ đầu, cuộc thảo luận ở trong Ủy hội đã vấp phải một vấn đề gai góc: "công bố các nhân quyền trên cơ sở nào?" Truyền thống phương Tây, ít ra là hơn hai thế kỷ nay, như hai văn bản về nhân quyền nổi tiếng của Mỹ (1776) và của Pháp (1789) đều dựa trên cơ sở "thần quyền." Điều này không nhất thiết phải có nghĩa là ở phương Tây tất cả mọi người đều là tín đồ ngoan đạo. Nhưng dù thế nào cũng vẫn phải "nhân danh Thượng Đế (Dieu), hay Tạo Hóa (Créateur) hay Đấng Tối Cao (Être Suprême) để xác lập quyền của con người mà nguồn gốc ở ngoài con người, ngoài xã hội. Cho nên mới nói những quyền "bẩm sinh" nghĩa là sinh ra đã có sẵn. Vì bẩm sinh nên còn gọi là những quyền "tự nhiên" xuất phát từ một thứ "luật tự nhiên" (droit naturel), ở trên "luật thực định" (droit positif) là luật do xã hội đặt ra. Ngược lại, có những người không chấp nhận "luật tự nhiên" và coi nhân quyền là những quyền do chính con người định ra cho nó, theo thủ tục tự nó đặt ra (trong khuôn khổ quốc gia). [Như ở Việt Nam hiện nay, cái được gọi là pháp quyền không là gì khác hơn tư tưởng luật thực định đẩy tới mức quá khích]. Trong những cuộc tranh luận để soạn thảo TNQTNQ nói chung đa số không

ai gạt bỏ luật tự nhiên nhưng khi phải diễn tả ý kiến thì đa số lại muốn tránh mọi hình thức tôn sùng giáo quyền. Cho nên trong TNQTNQ không thấy có quy chiếu vào Thượng Đế hay Tạo Hóa hay Đấng Tối Cao nhưng vẫn nêu lên những quyền "bẩm sinh." Nghĩa là vào thời điểm nó được soạn thảo, TNQTNQ dựa trên nền tảng "luật tự nhiên."

b. Bất đồng về mặt chính trị.

Một nguồn xung đột khác nữa là là sự kiện hai lập trường chính trị đối lập nhau về mọi mặt. Về triết lý, cộng sản (sáu nước ở Đông Âu) đặt những quyền cá nhân ở dưới quyền của tập thể. Cộng sản không muốn công nhận những cái gọi là "quyền dân sự," "quyền chính trị" của từng cá nhân, chỉ muốn công nhận những quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. Với cộng sản chỉ có thể nói đến nhân quyền khi nào các quyền của con người được Nhà nước thực hiện và bảo đảm. Phương Tây trái lại chủ trương con người cá thể phải được nhìn nhận cùng với những quyền dân sự, quyền chính trị của nó. Về lịch sử, Cộng sản cho rằng họ đã được tiến thăng lên ngang hàng với các cường quốc phương Tây, kể cả về mặt kinh tế. Họ tố cáo phương Tây âm mưu dùng những cái gọi là quyền dân sự, quyền chính trị để tiếp tục duy trì tình trạng bất bình đẳng về kinh tế. Sự thật là tuy bề ngoài không có chiến tranh nóng nhưng bề trong nó vẫn còn tiếp diễn dưới hình thức chiến tranh lạnh.

c. Bất đồng vì lý do văn hóa

Mặc dù đã nổ ra rất nhiều những cuộc tranh luận có khi rất nẩy lửa giữa Cộng sản và phương Tây nhưng tựu trung nội dung TNQTNQ rút lại vẫn là một biểu hiện của văn hóa phương Tây. Nói cho cùng từ "luật tự nhiên" qua "luật thực định" cho tới "cộng sản", tất cả đều là sản phẩm của phương Tây dưới sự chi phối của triết học châu Âu. Các nguồn tư tưởng văn hóa ngoại Âu châu (Khổng giáo, Phật giáo, Hồi giáo) tuy hiện diện nhưng không chen lấn trong các cuộc tranh luận. Trừ nước Arabie Saoudite đã lên tiếng chỉ trích những người dự thảo TNQTNQ chỉ đề cao văn minh phương Tây, không đếm xỉa gì đến các nền văn minh khác, cổ hơn văn minh phương Tây, nhưng không còn ở trạng thái thí nghiệm và trải qua nhiều thế kỷ đã chứng tỏ đã trưởng thành.



3. Tại sao bất đồng ý kiến mà vẫn tìm đồng thuận và đã đạt được đồng thuận?

Không ai có thể khẳng định được rằng bản TNQTNQ không phải là một đồng thuận. Nhưng điều đáng cần biết có lẽ là những nguyên nhân nào đã đưa tới được đồng thuận đó? Trước nhất là ý định đi tìm đồng thuận thực sự. Ngay từ xuất phát điểm, những người

trực tiếp có trách nhiệm trong việc dự thảo tài liệu đã không quan niệm việc xác định nội dung của nhân quyền là việc riêng của một nhóm người trí thức cùng một bản chất, một trình độ văn hóa, cùng chấp nhận một hệ thống giá trị và cùng ở những vị trí địa lý gần kề nhau. Họ thực tâm muốn nhận diện cho rõ đủ hết mọi khía cạnh của nhân quyền ở khắp nơi. Có như vậy mới mong đi tới được một quan niệm chung về nhân quyền, quan niệm mọi người đều chấp nhận được dù có những khác biệt về văn hóa, chính kiến, địa phương, kinh tế. Như ông Herbert Evatt, người Úc, chủ tịch Đại Hội Đồng LHQ khóa họp vào thời điểm cuối thập niên 40 đã nói: "Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, cộng đồng quốc tế thống nhất đã biểu đạt một tư tưởng tập thể về những tự do và những quyền cơ bản mà vì những thứ đó xuôi dòng thế kỷ các dân tộc đã nhân danh cá nhân mình chiến đấu bằng khổ đau và mạng vong." Có tinh thần tìm đồng thuận không thôi chưa đủ. Còn phải có kỹ thuật tìm đồng thuận. Kỹ thuật này, trong việc sản xuất ra bản TNQTNQ, đã có thể phân tích như sau:

- *Tập hợp tối đa các dị biệt.* Nói theo cách hay nói ở Việt Nam, có đủ duy tâm, duy vật, quốc cộng, trí thức, bình dân, giàu, nghèo, nam. nữ, trắng, đen, vàng. Một thí dụ, Ủy hội của LHQ về nhân quyền. Bà Eleanor Roosevelt, Chủ tịch Ủy hội hạt nhân, đại diện cho nước Mỹ tại Hội đồng KTXH, thành viên Ủy hội của LHQ về nhân quyền, không phải là một trí thức có văn bằng đại học. Sự đóng góp của bà trong Ủy hội vì vậy không phải là những kiến thức triết lý hay pháp lý. Ông P.C. Chang, phó Chủ tịch Ủy hội của LHQ về nhân quyền, người Trung Hoa, tiến sĩ đại học đường Columbia về giáo dục Khổng giáo, đã vận dụng tư tưởng Khổng giáo để tìm thỏa hiệp cho những đối nghịch khó giải quyết. Ông Charles H. Malik, người Liban, tiến sĩ triết học đại học đường Harvard, chủ tịch Đại Hội Đồng LHQ, chủ tịch Ủy hội của LHQ về nhân quyền (từ 1951) đã hợp lực cùng với bà Eleanor Roosevelt vượt qua mọi khó khăn để hoàn tất bản TNQTNQ. Giáo sư luật học René Cassin, người Pháp, khoa trưởng đại học luật khoa Paris, một nhà hùng biện, nói giỏi, viết giỏi, người đã được yêu cầu phác thảo TNQTNQ để làm tài liệu thảo luận cho Ủy hội. Nhưng ông lại là người rất chú trọng tới ý kiến của người khác, không hay áp đặt ý của mình. Ngoài bốn khuôn mặt lớn này còn có giáo sư luật học người Bỉ, ông F. Dehousse, xu hướng xã hội, bà Hansa Mehta, người Ấn Độ, giáo sư đại học, Đại tá William Roy Hodgson, người Úc, rất bộc trực nhưng cũng rất "quốc," ông Stepanfenko (Biélorussie), ông Bogomolov (Liên Xô) tuy tuyên bố rất dè dặt đối với dự thảo của TNQTNQ vì còn nhiều thiếu sót nhưng ông vẫn tích cực đóng góp về việc bàn cãi các quyền kinh tế, xã hội văn hóa. Ngoài ra sự dị biệt còn ở nhiều mặt. Các chính quyền ở những nước thành viên của Ủy hội cũng gián tiếp tham dự vào việc soạn thảo thông qua các đại diện của họ. Rồi lại còn các tổ chức ngoại chính phủ mà ảnh hưởng tinh thần rất mạnh đối với Ủy hội.

- *Thảo luận trong tinh thần hoàn toàn tự do.* Không có áp lực ở trong cũng như ở ngoài hội trường. Đã có những cuộc khẩu chiến được truyền tụng như cuộc đụng độ tại Đại hội đồng LHQ giữa bà Eleanor Roosevelt, đại diện cho nước Mỹ và Vichinsky, đại diện cho Liên Xô.

- *Thảo luận trong tinh thần tương nhượng.* Những thành công được ghi nhận trong các cuộc thảo luận là những cố gắng dung hòa các ý kiến. Bà Eleanor Roosevelt, các ông Charles Malik, Defousse, P.C. Chang được tiếng là những người giỏi dung hòa. Nói một cách tổng quát, bản TNQTNQ là một đồng thuận lịch sử, một sự đồng thuận biểu hiện cụ thể qua cuộc đầu phiếu ngày 10-12-1948. Trong số 58 quốc gia thành viên có 48 phiếu thuận, không phiếu chống, tám phiếu trắng. Hai quốc gia thành viên không tham dự cuộc đầu phiếu. Tám quốc gia bỏ phiếu trắng đã minh xác rằng về mặt nguyên tắc họ không chống lại toàn bộ bản tuyên ngôn, họ chỉ không tán thành một số ít điều khoản. Cũng là điều tất nhiên. Đồng thuận tuyệt đối rất khó kiếm trên đời này. Ý nghĩa lịch sử của bản TNQTNQ chính là công trình đi tìm kiếm đồng thuận và đã đạt được đồng thuận trong một môi trường rất không thuần nhất.

II. Giá trị lịch sử của bản TNQTNQ

Trải qua 50 năm từ khi nó được công bố đến nay, bản TNQTNQ như một thứ rượu quý càng để lâu càng ngon. Một thập niên sau sự sụp đổ gần như toàn bộ của hệ thống chuyên chế toàn trị cộng sản quốc tế, văn kiện này đã trở thành nền tảng chung cho các thể chế chính trị trên thế giới. Một nền tảng tinh thần,

mang uy lực của một nguyên tắc chỉ đạo tổ chức xã hội. Giá trị của bản TNQTNQ vì vậy là một giá trị lịch sử vì nó đánh dấu một cuộc biến đổi về phẩm chất của phong cách sinh sống của cả loài người.

1. Giá trị chung cho cả nhân loại.

Đối với nhân loại nói chung, bản TNQTNQ có giá trị lịch sử chẳng những trong quá khứ mà ở cả hiện tại. Thật vậy, nói về quá khứ, bản TNQTNQ là một gạch nối giữa một chuỗi văn kiện cơ bản về nhân quyền vì nó đã mang trong nó, dưới cách diễn tả khác, những điều thiết yếu của nội dung của những văn kiện này. Theo thứ tự thời gian, đó là: Đại Hiến Chương (Magna Carta) năm 1215 của nước Anh trong đó có điều khoản cấm bắt giam người không có xét xử theo luật pháp; Bản thỉnh nguyện nhân quyền dân quyền 1628 (Petition of rights) cũng của nước Anh; Thủ tục bảo hộ nhân thân (Habeas corpus) năm 1679 của nước Anh nhằm bảo đảm an ninh nhân thân cho người dân, chống lại việc bắt người giam người một cách độc đoán. Thủ tục này buộc người hay cơ quan đã bắt giam phải đem người bị bắt ra trình diện để người ta nhìn thấy "thân thể" người ấy; Hiến chương nhân quyền (Bill of rights) 1689 cũng của nước Anh liệt kê các nhân quyền, dân quyền theo truyền thống, quyền tự do tôn giáo, công nhận quyền tối thượng của luật pháp; Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ (Declaration of Independence); Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1789 của Pháp (Déclaration des droits de l'homme et du citoyen). Có thể nói các văn bản cũ từ thế kỷ 13 cho đến thế kỷ 18 đã được kết tinh và cập nhật hóa trong bản TNQTNQ 1948. Người ta thường nói, bản TNQTNQ (ở hiện tại) không có hiệu lực của một đạo luật quốc tế, chỉ có giá trị tinh thần. Điều này trong hiện tình khoa học xã hội ngày nay có thể được hiểu như là bản ấy đã trở thành một điển mẫu (paradigme) về nhân quyền tổng quát, từ đó người ta có thể tìm ra các nguyên tắc để suy diễn ra nội dung của nhân quyền.

2. Giá trị đối với người Việt Nam

Chính thức công nhận bản TNQTNQ — như trước đây Việt Nam Cộng Hòa đã làm và như từ 1977, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã làm — là một quyết định có tích cách lịch sử trên danh nghĩa. Sự công nhận này có hậu quả chờ đợi là đưa lại cho người dân một thân phận mới khác với thân phận cổ truyền có tự ngàn xưa. Nhưng danh phải đi với thực. Và đó không phải là trường hợp của người dân Việt Nam hiện đang sống dưới chế độ cộng sản. Vấn đề nhân quyền cần đặt cụ thể cho người Việt Nam lúc này vì vậy không phải là nghiên cứu bàn luận suông về bản TNQTNQ mà phải là vấn đề tranh đấu thực hiện cho kỳ được văn kiện này. Nhưng tranh đấu nhằm chống ai, vì lý do nào phải chống. Và chống rồi còn phải xây dựng. Công việc này đòi hỏi người Việt Nam phải tích lũy được những kiến thức chắc chắn, sắc bén về nhân quyền để lập ra được một lý thuyết về nhân quyền và một chương trình hành động dưới ánh sáng của lý thuyết ấy. Nếu đã có rồi — hiện nay chưa có chỉ dấu nào cho phép khẳng định là đã có rồi — thì là điều đáng mừng. Nếu chưa có thì cũng nên bắt tay ngay vào công việc. Dù sao trước mắt, người Việt Nam trong cũng như ngoài nước có thể thanh toán hai chủ trương nguy hại cho nhân quyền.

Thứ nhất, chủ trương khinh miệt nhân quyền của cộng sản. Nhà cầm quyền Việt Nam khi xin gia nhập Liên Hiệp Quốc tuy đã cam kết tôn trọng nhân quyền trên cơ sở bản TNQTNQ, tuy sau đó đã bị luật quốc tế ràng buộc phải tôn trọng nhân quyền khi họ tham gia hai Công ước quốc tế về nhân quyền nhưng trong thực tế họ vẫn trước sau như một khinh miệt nhân quyền. Đã đến lúc phải vạch trần ra trước ánh sáng sự gian dối của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam trên địa hạt nhân quyền. Một sự thật đã hiển nhiên mà có những người vẫn cố tình che đấu đó là cộng sản không có khái niệm tổng quát về nhân quyền. Trong tư tưởng Mác và Ăng ghen cái được gọi là nhân quyền — kỳ thực theo Mác và Ăng Ghen chỉ là nhân quyền tư sản - không phải là những quyền có thực mà là những bánh vẽ phục vụ cho bóc lột giai cấp. Cũng không có con người chung chung — nếu có chăng thì là con người đã tách khỏi đồng loại để trở thành ích kỷ — chỉ có những con người sinh sống trong những hoàn cảnh nhất định và nói theo duy vật lịch sử, những con người bị bóc lột. Vậy giải quyết vấn đề nhân quyền là chấm dứt việc bóc lột để thực hiện một xã hội không còn bóc lột trong đó con người sẽ có đủ mọi thứ quyền, hay đúng hơn, sẽ không cần đến nhân quyền nữa. Nhưng từ nay tới đó thì phải tập trung mọi quyền lực vào tay những người cộng sản để họ đưa loài người tiến tới xã hội lý tưởng, tận thiện tận mỹ này. Như thế,

khi dịch thành ngữ "droits de l'homme" là "quyền con người" thì người Việt Nam không thể hiểu thành ngữ tiếng Pháp theo đúng nguyên nghĩa của nó mà tự nhiên sẽ hiểu theo những nghĩa ghép lại của hai tiếng Việt "quyền" và "con người." Theo Từ điển Tiếng Việt của Hà Nội con người là "loài động vật có tổ chức cao nhất, có khả năng tư duy, có tư thế đứng thẳng, tay và chân khác hẳn nhau về chức năng, óc lớn, có ngôn ngữ, có khả năng trừu tượng hóa và khái quát hóa" — một cách nói theo đó người từ vượn mà ra. Còn "quyền" là cái mà "luật pháp, xã hội, phong tục, lẽ phải" mang lại. Rõ ràng đó là một cách hiểu ngược lại với khái niệm con người của phương Tây mà nguồn gốc phải tìm nơi Thượng Đế, mà một số quyền đã có sẵn khi con người sinh ra đời. Không thể kéo dài mãi tình trạng nhập nhằng vừa cam kết tôn trọng những quy phạm quốc tế về nhân quyền vừa thượng tôn tư tưởng Mác-Lênin, duy trì độc quyền cho Đảng cộng sản tự do cai trị đất nước. Như vậy Đảng cộng sản chưa thực thi bản TNQTNQ để dứt khoát hội nhập vào thế giới văn minh. Chừng nào Đảng cộng sản còn bám trụ vào tư tưởng Mác-Lênin để độc chiếm quyền hành, chà đạp lên nhân quyền thì nó vẫn còn là đối tượng của sự chống đối không thể khoan nhượng của dân chủ.

Thứ hai, chủ trương cũng khinh miệt dân quyền nhưng của một số người chống cộng sản mà vẫn nuôi mộng độc tài. Đối với những người này, bản TNQTNQ chỉ là những khẩu hiệu để họ có danh nghĩa đối đầu với cộng sản. Nhân quyền ngày nay đã trở thành một giá trị cơ bản của văn minh. Nó chỉ chiến thắng được cộng sản khi nào nó được thực sự tôn trọng. Sự tôn trọng này không thể gian dối kiểu cộng sản mà phải thể hiện trong khắp mặt đời sống xã hội chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Người ta đã bắt đầu nói tới một nền văn hóa nhân quyền. Người Việt Nam công nhận bản TNQTNQ như một điển mẫu để thiết lập một nền văn hóa nhân quyền làm động lực cho việc dân chủ hóa đất nước.

Về nhân quyền giữa Đông và Tây có nhiều khác biệt không phải chỉ về chi tiết mà là những khác biệt mang tính chất cơ bản. Thứ nhất, chịu ảnh hưởng sâu rộng của Thiên chúa giáo, tôn giáo độc thần, tư tưởng nhân quyền phương Tây mang sẵn trong nó những mầm mống của tính phổ biến và tính bình đẳng. Vì tất cả mọi người trên cõi đời này đều do Chúa sinh ra nên bất cứ ở đâu, ai cũng như ai. Phương Đông đa thần, do đó tư tưởng nhân quyền trong bản thân nó có nhiều đặc thù, không phổ biến và bất bình đẳng.

Thứ nhì, tư tưởng cũng như ngôn ngữ phương Tây không giống tư tưởng và ngôn ngữ phương Đông. Một đằng "phân tích," một đằng "tổng hợp." Tư tưởng nhân quyền phương Tây vì "phân tích" nên dễ và mau biến đổi. Trái lại, tư tưởng nhân quyền phương Đông đã "tổng hợp" lại nhiều "đạo vị" nên chậm biến đổi vì rất bảo thủ.

Thứ ba, khoa học và kỹ nghệ đã mang lại cho tư tưởng nhân quyền phương Tây một nội dung phong phú trong khi tư tưởng nhân quyền phương Đông sa lầy lâu đời trong cái gọi là "phương thức sản xuất phương Đông." Bởi thế nó đơn điệu và chỉ thích hợp cho một công thức phân công nhất định trong một xã hội nông nghiệp đã đạt tới cao điểm của văn minh lúa ruộng. Sự gặp gỡ trước ngưỡng cửa thế kỷ 21 giữa phương Đông và phương Tây trên thế mạnh của phương Tây là sự va chạm của hai nền văn minh, đặt ra cho cả hai bên nhiều thử thách trong đó có vấn đề nhân quyền. Nhưng vì không còn là cuộc gặp gỡ dưới ngọn cờ thực dân tiến chiếm thuộc địa của những thế kỷ trước nên sẽ không có chuyện phương Đông đầu hàng phương Tây và cuộc giao lưu sẽ diễn ra theo hai chiều, có đi có lại. Phương Đông sẽ tiếp thu những kích thước cá thể của nhân quyền phương Tây đồng thời mang lại cho nhân quyền phương Tây những kích thước tập thể, những đặc thù của thiểu số để phương Tây nhân rộng những tiền lệ Mỹ "affirmative action," "positive discrimation" v.v... Trên nền văn hóa cổ truyền của mình người Việt Nam những năm 2000 có khả thế xây dựng một kiến trúc tinh thần tân tiến nếu rũ bỏ được hai tâm lý cực đoan là đương nhiên miệt thị hay đương nhiên sùng thượng tiền nhân. Lễ kỷ niệm lần thứ 50 ngày công bố bản TNQTNQ riêng đối với người Việt Nam có ý nghĩa lời dục dã lên đường.●

(*) Phỏng theo tài liệu của Unesco, của Vụ Thông Tin Liên Hiệp Quốc

(**) Chủ tịch Trung tâm Việt Nam về Nhân Quyền ở Paris

(***) Giữa thập niên 80, ông John P. Humphrey đã hiện diện và lên tiếng trong cuộc biểu tình do Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại tổ chức tại Montréal để phản đối nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đàn áp các thầy Đức Nhuận, Trí Siêu, Tuệ Sĩ, các nhà văn Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy v.v...

VỤ THỦY CUNG THĂNG LONG LÀ GIỌT NƯỚC TRÀN LY?

VƯƠNG HỮU BỘT

Chuyện công ty Vạn Thiện, Hà Nội, được phép khai thác 22 mẫu (ha) đất ở Hồ Tây, do chủ trương của ông Ngô Xuân Lộc (Phó Thủ tướng) và Đinh Hạnh (Phó Chủ tịch Hà Nội) vẫn tiếp tục gây sôi nổi dư luận, tiêu biểu là một bức thư của một nhà cách mạng già yêu cầu Thủ tướng Phan Văn Khải giải quyết vụ này, và những truyền đơn **"Đả đảo bọn bán đất - bán nước - bán dâm"**. Đồng thời, vụ ông Đỗ Mười tặng một triệu Mỹ kim cho 10 trường học cũng châm ngòi cho những lá thư, lần đầu tiên ở Việt Nam, tấn công một ông Tổng bí thư đảng Cộng Sản.

Từ tháng 7 năm 1998 đã có nhiều thư tố cáo Ngô Xuân Lộc, Đinh Hạnh cho phép công ty Vạn Thiện của tư nhân cướp lấy quyền sử dụng đất của đồng bào phường Quảng An, quận Tây Hồ, để làm khu giải trí. Công ty tư này sau đó đã bán lại một số đất, lời gấp 200 lần. Theo thư tố cáo của Kiến Trúc Sư Hoàng Phúc Thắng, trong Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thì văn phòng Thủ tướng có lần ngăn cản công tác này, nhưng ông Ngô Xuân Lộc với tư cách Phó Thủ tướng về Quy hoạch và Xây dựng đã cho phép, mà con trai ông Lộc làm cố vấn cho công ty Vạn Thiện.

Lá thư của cụ Phùng Văn Mỹ

Lá thư của ông Phùng Văn Mỹ gửi ông Phan Văn Khải viết ở Hà Nội ngày 20/10/1998, ký tên và ghi Địa chỉ: Tập thể Viện điều tra qui hoạch đất đai Dãy B1 - Phòng 9, Đường Giải Phóng - Quận Đống Đa - Hà Nội. Cụ Phùng Văn Mỹ là một người từng bị Cộng Sản đọa đầy, khép tội "xét lại, chống đảng" cùng nhóm ông Hoàng Minh Chính. Trong hồi ký của Trần Thư, Văn Nghệ xuất bản ở Hoa Kỳ, ông kể đã gặp Hoàng Minh Chính hai lần, đều do Phùng Văn Mỹ thu xếp. Lá thư của cụ Phùng Văn Mỹ có các đoạn như sau:

"Ông PHAN VĂN KHẢI kính mến,

Hiện nay, tại Hà Nội, dư luận đang xôn xao về một vụ bê bối lớn, vụ "Thủy cung Thăng Long" của Công ty Vạn Thiện, có nhiều quan chức và gia đình họ dính líu vào.

Đây là một vụ ăn cướp công khai và trắng trợn công thổ quốc gia, một thách thức đối với kỉ cương phép nước và luật pháp.

Đây là một sự chà đạp thô bạo lên đời sống của hơn một trăm hộ gia đình nông dân thuộc Phường Quảng An, quận Tây Hồ - Hà Nội.

Đây là một mũi dao độc ác thọc vào nền đạo lí và tâm linh Việt Nam, làm nhức nhối hàng vạn trái tim Việt Nam ở trong và ngoài nước.

...Trong những năm qua, biết bao nhiêu vụ bê bối đã xảy ra, gây xúc động đối với một bộ phận không nhỏ dân chúng nước ta. *Tình hình hiện nay chẳng khác gì một cốc nước đã đầy ấp, chỉ cần rót thêm một vài giọt là nước sẽ tràn ra.* Cổ nhân nói: 'Nếu mọi người cùng giậm chân thì trái đất sẽ bẹp. Nếu mọi người cùng thổi thì thế giới sẽ có bão.'... Nhân dân cũng hiểu sâu sắc cái giá của sự yên lành nên luôn luôn tự kiềm chế, nhưng bất cứ sự chịu đựng và kiềm chế nào cũng có giới hạn của nó. Nếu không sớm ngăn chặn những bàn tay bất lương thì tai họa sẽ xảy ra chưa biết lúc nào. *Lúc ấy không thể qui buộc cho sự phẫn nộ của quần chúng là 'do những kẻ xấu khích động.'*

Chúng tôi, những người có tuổi đã đi theo cách mạng từ 50, 60 năm nay, luôn luôn mong muốn cho đất nước được yên bình. Chúng tôi thành tâm đề nghị Ông, trên cương vị người đứng đầu cơ quan hành pháp, cất tiếng nói có uy tín cảnh tỉnh những người chủ xướng và đồng lõa trong vụ 'Thủy cung Thăng Long' này, mở cho họ một lối thoát nhân đạo khỏi con đường tội lỗi. Quần chúng nhân dân chắc chắn sẽ ủng hộ và quí mến ông."

Sau những lá thư tố cáo vụ Thủy Cung Thăng Long, phe Đinh Hạnh đã có các phản ứng. Trong các phiên họp Quốc hội vừa qua, Đinh Hạnh cùng Giám đốc Công an Hà Nội Phạm Chuyên, và Chủ tịch Hà Nội Hoàng Văn Nghiên với tính cách đại biểu Hà Nội đã lên diễn đàn chỉ trích nhà nước, khiến ông Phan Văn Khải và các bộ trưởng phải đứng ra nhận các sai lầm. Trong một buổi họp Quốc hội, các người thuộc "phe Hà Nội" đã tấn công Phan Văn Khải liên tiếp, từ hành chánh, buôn lậu, đến các thứ thuế mới của Bộ Tài Chánh.

Một điểm được ông Phạm Chuyên, Thiếu tướng Công An, nêu lên để chỉ trích là nhà nước Cộng sản đã kỳ thị các nhà tư doanh, gọi họ là "bọn tư thương." Công ty Vạn Thiện là một doanh nghiệp tư do Trịnh Vạn Thiện mang vốn ở Nga về đầu tư sau khi đã mánh mung buôn lậu và đầu cơ vé máy bay Mát Cơ Va-Hà Nội kiếm hàng triệu Mỹ kim ở Nga. Ngoài ra, một số tư bản đỏ ở Nga và Đông Âu về nước lập ngân hàng giờ đây cũng đang gặp khó khăn vì làm ăn trái luật, có thể bị loại bỏ không cho hoạt động.

Vào tuổi gần đất xa trời, với tư cách và kinh nghiệm sống cả đời người, lời cảnh cáo của Phùng Văn Mỹ về "tai họa sẽ xảy ra chưa biết lúc nào" không phải là một lời nói nông nổi trong lúc nóng giận.

Truyền đơn đả đảo

Những truyền đơn được phân phối ở Hà Nội là một báo hiệu khác của li nước đang đầy ắp. Khác với những lá thư chống tham nhũng gần đây, có một truyền đơn không ký tên riêng một người nào, mà nhân danh "Toàn thể nhân dân" Hà Nội và cả nước.

Một truyền đơn đáng chú ý nhất đưa ra khẩu hiệu: **"Đả đảo bọn bán đất - bán nước - bán dâm"** ký tên "Toàn thể nhân dân thủ đô và nhân dân cả nước" đã buộc tội "bán đất - bán nước - bán dâm" cho các ông Ngô Xuân Lộc, Đinh Hạnh và Nguyễn Lân (Kiến trúc sư trưởng Hà Nội) cùng với Lê Tân Cương, Giám đốc công ty Vạn Thiện.

Truyền đơn này mở đầu với khẩu hiệu "Toàn dân đứng về phía Đảng, Quốc hội, Nhà nước và Chính phủ" để mang chiêu bài này dùng đảng đánh lại đảng. Sau đây là nguyên văn lá truyền đơn:

"Được ông Nguyễn Lân, Kiến trúc sư trưởng Thành phố Hà Nội 'giới thiệu' và 'thỏa thuận' về mặt địa điểm xây dựng một cách phi pháp (sai qui hoạch được duyệt).

Được ông Đinh Hạnh, Phó chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, 'xác nhận' về 'tư cách đạo đức' cũng như 'tài năng kinh doanh' một cách phi pháp (sai sự thật) của Lê Tân Cương.

Được ông Ngô Xuân Lộc, Phó thủ tướng Chính phủ, sau khi 'xem xét' đã 'đồng tình' và ký quyết định phê duyệt một cách phi pháp (sai chức năng được phân công của Thủ tướng Chính phủ).

Từ 18/2/1998, Ông Lê Tân Cương, Giám đốc Công ty TNHH Vạn Thiện - Chủ khách sạn Almaz - đã được giao làm chủ đầu tư dự án 'Thủy cung Thăng Long,' qua đó được giao trên 200.000 m2 diện tích đất và mặt nước trong một địa điểm được coi là 'thiêng liêng nhất' thuộc khu vực bán đảo Quảng An - Hồ Tây, Hà Nội, cạnh khu nhà nghỉ Trung ương Đảng.

Được ba quan chức chủ chốt nói trên 'đồng tình ủng hộ,' ngay sau khi nhận được quyết định làm chủ đầu tư, Ông Lê Tân Cương đã rao bán và đã bán ngay công thổ quốc gia một cách phi pháp (xem giấy bán đất kèm theo). Không những thế, bất chấp chủ trương của Đảng và Chính phủ về kiên quyết chống các hoạt động mại dâm - mà thực chất là buôn bán thân xác phụ nữ - đang làm hủy hoại số phận của hàng trăm ngàn những người dân lương thiện, thậm chí bất chấp việc cách đó chưa đầy hai tuần, lực lượng an ninh thủ đô vừa triệt phá một ổ mại dâm lớn gây chấn động dư luận cả nước (mà ổ mại dâm này - khách sạn Lưu Ly và Nhà hàng Công Dung - chỉ nằm cách khách sạn Almaz của ông chủ dự án 'Thủy cung Thăng Long' chưa đầy 5 mét), như tin cậy tuyệt đối vào quyền lực và sự 'bao che' của các quan chức nói trên và lấy đó làm chỗ dựa để tự coi là có thể dẫm đạp lên luật pháp và thể chế quốc gia. Khách sạn Almaz (mà ông chủ Lê Tân Cương đã đưa vào làm 'tài sản đối ứng' và hiện đang được dùng làm 'Trụ sở ban quản lý dự án Thuỷ cung Thăng Long') vẫn ngang nhiên tiếp tục tổ chức mua bán dâm công khai giữa ban ngày. Và tới ngày 26/9/1998 mới đây đã chính thức bị lực lượng công an nhân dân kiểm tra, bắt quả tang (xem báo *An ninh Thủ đô* số 206 ngày 1/10/1998).

Thế là đủ cả: Bán đất - Bán nước - Bán dâm.

Chẳng lẽ cần phải nói gì thêm nữa trước những hành động gần như 'điên cuồng,' mất

hết lý trí, tình cảm cũng như đạo đức của bọn người trên. Và bọn chúng sẽ còn ngang nhiên tồn tại ngoài vòng pháp luật tới bao giờ?

Hà Nội, ngày 2 tháng 10 năm 1998

Toàn thể nhân dân thủ đô và nhân dân cả nước."

Trong phần thứ nhì tờ truyền đơn đưa ra các Chứng cớ, là nguyên bản giấy bán đất gọi là "THOẢ THUẬN HỢP TÁC KINH DOANH" làm tại Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 1998. Người đứng bán là Ông Lê Tân Cương - Giám đốc Công ty TNHH Vạn Thiện ghi đủ địa chỉ, giây nói, số Tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á. Người mua là Ông Nguyễn Văn Hiền với địa chỉ và số tài khoản dùng Mỹ kim và tiền Việt Nam tại EXim Bank.

Công ty Vạn Thiện đồng ý nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Hiền quyền sử dụng một lô đất 400m2 nằm trong khu đất thuộc dự án "Thuỷ cung Thăng Long" do Công ty Vạn Thiện làm chủ, không phải tham gia đấu thầu qua Sở Địa chính Hà Nội. Giá chuyển quyền sử dụng đất này được ưu đãi với giá 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)/1m2. (Các chủ nhân cũ được công ty Vạn thiện bồi hoàn hơn 7 ngàn đồng mỗi mét vuông.) Tổng trị giá là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng.)

Ngoài ra tờ truyền đơn đưa ra Chứng cớ khác, là bản sao chụp từ báo An ninh Thủ đô, viết: **Cơ quan của công an thành phố Hà Nội Bắt quả tang vụ mua bán dâm tại khách sạn Almaz**

Vụ này xảy ra chiều 26-9-1998, phát giác tại Khách sạn Almaz, Quảng An, Tây Hồ 2 đôi nam nữ đang mua bán dâm, người phụ nữ 22 tuổi. Một điều rất đáng lưu ý là Khách sạn Almaz chỉ nằm cách ổ Lưu Ly vừa bị triệt phá có chưa đầy 5m! Một điều rất đáng lưu ý nữa là ông chủ khách sạn Almaz này là Ông Lê Tân Cương. Hiện khách sạn Almaz đang được dùng làm Trụ sở ban quản lý dự án "Thuỷ cung Thăng Long."

Một điểm đáng chú ý là tờ truyền đơn gửi cho chính quyền, không nhắm vào công chúng, chưa kêu gọi người dân tỏ thái độ đối với cường quyền tham nhũng. Đây là một bước tiến dè dặt của các tác giả. Lá thư không đề gửi Đảng mà gửi cho ông Phan Văn Khải, là người trên danh nghĩa thủ tướng chính phủ, phải chịu trách nhiệm về hành động của các quan chức lợi dụng quyền thế. Yêu cầu của các tác giả lá thư rõ ràng là phải dùng luật pháp để giải quyết các tội phạm, không thể dùng lối "xử lý nội bộ" quen thuộc của đảng.



Nhưng điểm đặc biệt nhất của lá thư truyền đơn này là kỹ thuật viết truyền đơn tranh đấu, nhắm vào đại chúng. Lá thư chỉ đích danh ba thủ phạm chính trong vụ Thuỷ Cung Thăng Long: Ngô Xuân Lộc, Đinh Hạnh, Nguyễn Lân, để người dân Hà Nội thấy mục tiêu tranh đấu cụ thể và có giới hạn.

Ai cũng biết rằng ba người này chỉ là mặt tiền của tòa nhà tham nhũng thối nát. Nhưng cô lập hóa ba tên tiêu biểu, thay vì tấn công cả ổ tham nhũng từ trên xuống dưới, khiến người dân dễ dàng hưởng ứng hơn. Giới hạn mục tiêu ở ba viên chức cấp trung, thay vì tấn công các mục tiêu cao hơn giúp người dân đỡ sợ hãi.

Kinh nghiệm các phong trào quần chúng, từ vụ phản đối chính phủ Ngô Đình Diệm năm 1963 đến vụ lật đổ ông Marcos ở Phi Luật Tân năm 1986, ông Suharto ở Indonesia năm 1998, cho thấy người dân dễ tham gia vào một cuộc

tranh đấu có mục tiêu cụ thể, hơn là đi theo các lời kêu gọi tổng quát, trừu tượng. Nhưng thường thường, sau khi phong trào đã dấy lên thì các mục tiêu tranh đấu sẽ dần dần mở rộng. Vì muốn thỏa mãn các đòi hỏi cụ thể của dân, phe đảng cầm quyền sẽ phải đụng tới các quyền lợi chằng chịt liên hệ trong giai cấp thống trị với nhau, không thể tránh cảnh bứt dây thì động rừng. Mặt khác, sau khi đưa ra các đòi hỏi thu hẹp mà chính quyền không thể thỏa mãn đủ, người dân cũng ý thức rằng muốn giải quyết các ung nhọt nhỏ thì phải giải phẫu hoàn toàn cơ thể chế độ.

Lá thư truyền đơn này cũng báo hiệu cuộc tranh đấu không phải chỉ giới hạn trong mục tiêu nêu trong thư. Tội trạng được nêu lên là "Bán đất, bán nước, bán dâm," mới nghe thì nhắm vào vụ Thuỷ Cung Thăng Long. Nhưng hai chữ "Bán nước" trong tiếng Việt Nam còn ý nghĩa khác. Vài ba viên chức trung cấp không có khả năng "bán nước," hiểu theo nghĩa bóng. Lá thư phản đối của kiến trúc sư Hoàng Phúc thắng cũng viết: "từ việc bán đất của người dân đến chuyện bán nước, con đường không xa."

Đòi giải tán Ban Cố Vấn Đảng

Trong lúc vụ Thủy Cung Thăng Long còn sôi nổi, dân Hà Nội lại được đọc những lá thư phản đối nhắm vào ông Đỗ Mười, cựu Tổng bí thư. Báo Nhân Dân đã đăng tin ông Đỗ Mười tặng một triệu Mỹ kim cho các trường dạy trẻ em khuyết tật, rồi cho biết đó là tiền của tổng công ty LG ở Nam Hàn tặng ông Đỗ Mười.

Ông Trần Dũng Tiến, rồi bốn đảng viên lão thành khác, các ông Hoàng Thúy Việt, Lê Mạnh Nam, Đoàn Dân Thức, Trần Trí Anh, đã đặt các câu hỏi về nguồn gốc các món tiền và quà tặng mà ông Đỗ Mười cũng như các Tổng bí thư khác, các vị chủ tịch nước, thủ tướng nhận được khi đi công du. Đây là lần đầu tiên một món quà một triệu Mỹ kim được tiết lộ, còn từ trước đến nay không ai biết gì và không quan chức nào cảm thấy cần báo cáo!

Bốn vị đảng viên lão thành đã đặt đúng vấn đề "trách nhiệm" của những người cầm đầu cả nước. Những khái niệm về "quy trách" (accountability) và "quang minh" (transparency) chưa bao giờ được nêu ra ở Việt Nam, đây là lần thứ nhất. Cũng trong tinh thần đó, bốn đảng viên lão thành yêu cầu Quốc hội giải tán Ban Cố vấn Trung ương Đảng, noi theo gương ông Đặng Tiểu Bình làm ở Trung Quốc từ 10 năm trước.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đang bị đặt trong tình thế thụ động, đứng trước một ngã ba đường khó lựa chọn. Phe cánh tham nhũng trong vụ Thuỷ Cung Thăng Long đã bám rễ tại Hà Nội, bắt đầu từ các vụ xây nhà bất hợp pháp trên đê Yên phụ, cho đến các vụ chiếm đất ở các huyện Thanh Trì, Từ Liêm, v.v. mà Phạm Thế Duyệt và đồng đảng chủ mưu, đã bị 11 đảng viên già tố cáo. Nhưng các vụ làm ăn móc ngoặc ngay giữa thủ đô không thể che mắt bộ máy công an và tai mắt của Bộ Chính trị. Mổ cái ung nhọt Thuỷ Cung Thăng Long thì cũng đụng tới cả đầu não của đảng.

Mặt khác, trong vụ Thuỷ Cung Thăng Long này, văn phòng Thủ tướng Phan Văn Khải đã từng ngăn cản từ đầu, đòi dự án phải theo đúng các thủ tục bình thường, nhưng sau cùng chịu thua. Nay nếu ông Phan Văn Khải đứng ra "giải phẫu" vụ này thì cuộc tranh chấp sẽ khó tránh khỏi biến thành một cuộc đấu giữa nhà nước và đảng, tệ hơn, bị coi như "Phe Sài Gòn" đánh "Phe Hà Nội." Để báo hiệu cuộc tranh chấp giữa "phe Bắc" với "phe Nam," tập đoàn các đại biểu Hà Nội đã tấn công Phan Văn Khải ngay từ ngày đầu của phiên họp Quốc hội. Từ Chủ tịch Hà Nội Hoàng Văn Nghiên đến Phó Chủ tịch Đinh Hạnh, Tướng Tư lệnh Quân khu thủ đô và tướng Giám đốc công an Hà Nội đã nhất loạt lên diễn đàn tấn công chính phủ Phan Văn Khải, làm như họ đang quan tâm thiết tha đến các chuyện cải tổ hành chánh, nâng đỡ tư doanh, hay việc áp dụng thuế biểu mới, mà trước kia họ chưa bao giờ nói đến trong các buổi họp Quốc hội!

Nhưng Bộ Chính trị đảng Cộng Sản sẽ giải quyết cách nào? Với phong trào dân chúng mỗi ngày càng ý thức về nhu cầu tranh đấu chống tệ trạng tham nhũng, đảng Cộng Sản sẽ không thể "xử lý nội bộ" theo lối cũ. Và khi họ phải dùng bộ máy hành chánh, tư pháp giải quyết, thì người dân Hà Nội đã thắng một trận lớn: Từ nay trở đi, đảng Cộng Sản phải tập sống theo luật lệ, không thể ngồi lên trên pháp luật nữa. Cũng như vụ một triệu Mỹ kim của ông Đỗ Mười, người dân Việt Nam sẽ thấy tầm quan trọng của các quy tắc dân chủ: minh bạch, công khai, pháp trị, quy trách nhiệm rõ ràng. Nếu đảng Cộng Sản nhân cơ hội này bắt đầu thực hiện những quy tắc đó thì họ tự cứu và không lo những giọt nước làm tràn li nữa.●

THỬ BÀN VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

NGUYỄN THANH GIANG

Đọc lại Luận cương Chính trị của đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930 ta gặp những dòng này: *"Trong lúc đầu, cuộc cách mạng Đông Dương sẽ là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền... Tư sản dân quyền cách mạng được thắng lợi, chánh phủ công nông đã dựng lên rồi, thì công nghiệp trong nước được phát triển, các tổ chức vô sản sẽ thêm kiên cố, sức mạnh giai cấp tương đương sẽ nặng về phía vô sản. Lúc đó sự tranh đấu sẽ thêm sâu, thêm rộng, làm cho cách mạng tư sản dân quyền tiến lên con đường cách mạng vô sản."* Tuy nhận thức được rằng chỉ đến khi công nghiệp trong nước phát triển thì sức mạnh giai cấp tương đương mới sẽ nặng về phía vô sản, bản Luận cương vẫn khẳng định *"Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chánh, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được."* Đến đại hội VIII, khi đã muốn tiến lên hiện đại hóa đất nước trong tình hình thế giới đang bước vào thời đại văn minh tin học, Báo cáo Chính trị do Tổng Bí thư Đỗ Mười đọc ngày 28 tháng 6 năm 1996 vẫn quả quyết "Cần thống nhất nhận thức: đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiền phong của giai cấp công nhân Việt Nam" và "điểm xuyên suốt có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với đảng ta trong giai đoạn hiện nay là giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của đảng."

Vậy, giai cấp công nhân là gì? Giai cấp công nhân Việt Nam có đúng là một thực thể hiện hữu không những đã từng đóng vai trò quyết định đưa cách mạng Việt Nam tiến tới mà đến nay vẫn đang và sẽ còn đầy đủ những tư chất trác việt để bao giờ cũng nhất thiết phải là giai cấp lãnh đạo đối với một dân tộc mà ngay từ 1428 (tức là 502 năm trước khi xuất hiện các nhà lãnh đạo mang danh công nhân), Nguyễn Trãi đã tổng kết qua thực tiễn lịch sử: "Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau. Song hào kiệt thời nào cũng có."

Sự hình thành những công nhân Việt Nam

Giai cấp công nhân Việt Nam hình thành từ bao giờ? Có đúng là đã có một giai cấp công nhân ở Việt Nam theo định nghĩa của Mác - Lênin không? Nếu có thì đến nay nó có còn tồn tại không?... đây là những câu hỏi lẽ ra phải được bàn thảo nghiêm túc, với tinh thần khoa học khách quan chứ không nên bị uốn lưỡi bởi sức uy hiếp của "lãnh đạo." Căn cứ vào những sử liệu như của Hồng Đức Thiện Chính, Giáo sư Phan Huy Lê cho rằng ngay từ thời phong kiến ở Việt Nam đã tồn tại các "cố công nhân," họ là những người làm công phục vụ trong các gia đình. Những người làm thuê này còn có loại gọi là "dung nhẫm," "đinh phu" mà Quốc triều Hình luật ghi là "đinh phu thợ thuyền" cùng với "dung phu" là những lao động trong hầm mỏ. Thời Lê mạt, năm 1831, mỏ vàng Chiên Đàn (Quảng Nam) đã được khai thác với khoảng gần 1000 lao động. Năm 1833, mỏ vàng Tiên Kiều (Tuyên Quang) tập trung tới 3122 công nhân. Tính đến đầu đời Tự Đức, từ Quảng Nam trở ra đã có 124 mỏ được khai thác trong đó có ba mỏ vàng, 29 mỏ sắt, 14 mỏ bạc, chín mỏ đồng, bảy mỏ kẽm, bốn mỏ chì, một mỏ thiếc... Lao động công nghiệp và thủ công nghiệp từ Lý - Trần trở đi ngày càng tinh xảo. Từ khi Lý Thái Tổ đời đô ra Thăng Long, kinh tế - văn hóa phát

triển mạnh mẽ. Nhiều lao động công nghiệp, thủ công nghiệp đã được huy động vào các công việc xây dựng chùa quán, tô tượng, đúc chuông, làm cầu, đóng thuyền... Công nghệ đóng thuyền tầu đi sông đi biển bấy giờ từng đã được các thương nhân Hà Lan, Bồ Đào Nha... đánh giá cao. Năm 1820, đại tá hải quân Hoa Kỳ J. White sang Việt Nam đã nhận xét "Người Việt Nam quả là những nhà đóng tàu thành thạo. Họ hoàn thành những công trình của họ rất mực chính xác."

Cho đến trước ngày 19 tháng 12 năm 1946 toàn bộ số công nhân ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có khoảng 100.000 người, trong đó có 25.000 làm việc tại các xí nghiệp, nhà máy và cơ sở kinh doanh của tư bản Pháp và tư bản ngoại quốc. Công nhân ở Nam bộ đông hơn nhưng đã bị phân tán và chuyển hóa khá phức tạp khi chiến tranh xẩy ra. Kháng chiến càng diễn ra ác liệt tại Nam Bộ thì sự phân tán của đội ngũ công nhân ở đây diễn ra càng mạnh. Tháng 10 năm 1950, chiến dịch biên giới kết thúc thắng lợi, năm thị xã, 13 thị trấn cùng nhiều vùng đất dọc theo giải biên giới dài 750 km gồm 35 vạn dân được giải phóng, số lượng công nhân trong các vùng do ta kiểm soát tăng lên đến 346.000 người, trong đó, chủ yếu là thợ thủ công. Càng về những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp số lượng công nhân thủ công nghiệp càng tăng hơn. Tỷ trọng công nhân công nghiệp (công nghiệp quốc phòng và công nhân kinh tế quốc doanh) rất thấp, chỉ chiếm khoảng 10%.

Trong tiến trình lịch sử ấy giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành vào lúc nào\?

Giáo sư Trần Văn Giàu cho rằng "Dù số lượng chỉ mới là trên dưới 100.000 người hoàn toàn sống vào nghề bán công nuôi miệng, chúng tôi nhận định rằng trước khi đại chiến thế giới 1914 - 1918 bùng nổ, giai cấp vô sản Việt Nam đã thành giai cấp... đó là "giai cấp tự mình," chưa phải "giai cấp cho mình." Giáo sư Văn Tạo lại cho rằng "Khi Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước là lúc giai cấp công nhân Việt Nam bắt đầu hình thành 'giai cấp tự nó.'"

Người viết bài này phần không đủ trình độ, phần e khiếm nhã nếu dám thẳng thắn tranh luận với các học giả lão thành nhưng chợt nhớ rằng, khi được hỏi: giai cấp vô sản đã ra đời như thế nào, Anghen trả lời: "Giai cấp vô sản là do cuộc cách mạng công nghiệp sinh ra." Trước Mác và Anghen, người ta chưa ý niệm về giai cấp vô sản nên thường cho rằng vô sản là những người lười biếng, hèn kém nên nghèo khổ, bị áp bức, bóc lột trong các công trường thủ công và trong nền công nghiệp đang phát triển, bao gồm cả tầng lớp lưu manh, du thủ du thực. Tuyên ngôn của đảng Cộng sản tái bản năm 1988 đã nói rõ: "Giai cấp vô sản là giai cấp những công nhân làm thuê hiện đại, vì mất các tư liệu sản xuất của bản thân, nên buộc phải bán sức lao động của mình để sống."

Không biết ở Việt Nam cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra bao giờ?

Có được bao nhiêu công nhân làm thuê hiện đại và họ đã tập họp thành giai cấp như thế nào?

Họ có vì mất các tư liệu sản xuất của bản thân nên buộc phải đi bán sức lao động để kiếm ăn hay hầu hết đều là những người rời bỏ quê hương ruộng đồng để đi tìm cuộc sống khả dĩ hơn ở nơi chốn thị thành?

Sự phân định đội ngũ giai cấp công nhân ở Việt Nam

Luận cương chánh trị của đảng Cộng sản Đông Dương đã xác quyết: "Đảng là đội tiền phong của vô sản giai cấp, lấy chủ nghĩa Các Mác và Lê-nin làm gốc mà đại biểu quyền lợi chánh và lâu dài chung cho cả giai cấp vô sản ở Đông Dương, và lãnh đạo giai cấp vô sản Đông Dương ra tranh đấu để đạt được mục đích cuối cùng của vô sản là chủ nghĩa cộng sản." Trong khi đó, lý luận Mác - Lê-nin coi lý thuyết về giai cấp và đấu tranh giai cấp là hòn đá tảng của mình. Phủ nhận giai cấp và đấu tranh giai cấp tức là làm cho hòn đá tảng kia mủn ra. Vậy thì còn đâu một thực thể ước lệ để người ta thả sức gán ghép cho nó đủ các đặc tính ưu việt? còn đâu cái thiên sứ lãnh đạo bất khả luận của đội tiền phong của nó! Phải chăng vì vậy mà bằng bất cứ giá nào, bất kể phương sách nào người ta cũng phải ra sức biện bạch cho được rằng đã từng, và sẽ còn tồn tại mãi mãi (chừng nào chưa có chủ nghĩa Cộng sản) một giai cấp công nhân Việt Nam không những đích thực mà còn vào loại tiên tiến nhất trong phong trào cách mạng vô sản quốc tế. Đã nhất định có giai cấp thì phải gán ghép cho được những con người (dù chỉ rất ước lệ) vào đó cho nó có vẻ có thật chứ! Thế là hàng loạt định nghĩa được sáng tạo ra để đối với người này thì nó làm lóa mắt, với

người nọ làm ngỡ ngàng, với người kia, đành ngậm cười lặng lẽ.

Như đã đề cập ở trên, Mác và Anghen bao giờ cũng quan niệm giai cấp công nhân là những người lao động công nghiệp, là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp; giai cấp công nhân ra đời và phát triển cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp. Lê-nin cũng nói "Công nhân là những người lao động công nghiệp, làm việc trong nền đại công nghiệp." Rạch ròi hơn, ông còn nhấn mạnh "được coi là công nhân người nào trước đây đã là công nhân làm thuê bình thường trong nền đại công nghiệp ít ra là 10 năm và hiện nay đang làm việc trong đại công nghiệp từ hai đến ba năm."

Ở Việt Nam có bao nhiêu công nhân đạt tiêu chuẩn ấy? Cho đến 1896, Toàn quyền Paul Dumère — một nhà kinh tế - chính trị — mới được chính phủ Pháp cử sang Đông Dương triển khai kế hoạch khai thác thuộc địa. Số lao động được sử dụng để xây cầu Long Biên (1902), cầu Sông Hương (1900), mở tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn (1902), Đà Nẵng - Huế (1906), Sài Gòn - Nha Trang và Hải Phòng - Vân nam (1910), ... ước tới hàng chục vạn người. Phần lớn là nông dân bị trưng tập hay bắt phu theo thời vụ. Trong số 3500 lao động làm đường xe lửa chỉ có khoảng 100 thợ nề chuyên nghiệp. Đến năm 1906, cả nước có khoảng 90 nhà máy. Nam Kỳ có các xưởng sửa chữa ôtô, làm xà phòng, chế biến đồ hộp, đóng tàu, xay sát gạo, nhà in... Bắc Kỳ có các nhà máy rượu, nhà máy điện, nhà máy dệt, nhà máy xi măng, nhà máy giấy, nhà máy thuộc da... Năm 1929, toàn cõi Đông Dương, mà chủ yếu là ở Việt Nam, có 220.000 công nhân làm việc trong các doanh nghiệp của tư bản thực dân Pháp (53.000 công nhân mỏ, 86.000 công nhân công thương nghiệp, 81,000 công nhân đồn điền). Trong số này, đa số là công nhân áo nâu, tức là lao động tạp dịch đơn giản, lao động thủ công, văn hóa hết sức thấp, phần đông mù chữ. Công nhân áo xanh, tức công nhân kỹ thuật rất hiếm. Độ tập trung công nhân đã thấp lại luôn luôn bị phá vỡ do số công nhân lao khổ bị chết nhiều: một số mãn hạn được về quê, số khác bỏ trốn nên luôn phải bổ sung người mới. Riêng năm 1929 có 4.302 công nhân phá giao kèo, bỏ trốn, 6.907 người được mãn hạn. Số lượng công nhân ít ỏi, sống và làm việc phân tán rải rác, chất lượng lại kém nên người ta đã phải bàn đến chuyện ghép cả các công chức và giáo viên vào hàng ngũ công nhân, cho nên Giáo sư Trần Văn Giàu đành đưa ra ý kiến "Trong số những đảng viên Cộng sản đầu tiên có hàng trăm giáo viên, thì khi bàn đến giai cấp công nhân ta không nên quên giáo viên." (?!)

Hiện nay ta có khoảng 5.690.000 lao động làm công ăn lương. Trong đó chỉ có 1.760.000 lao động trong khu vực quốc doanh, chưa bằng một nửa so với con số 3.640.000 lao động trong khu vực ngoài quốc doanh, 290.000 người Việt Nam lao động ở nước ngoài (200.000 đã về nước). Số công nhân lao động trong các ngành công nghiệp nặng rất không đáng kể. Bước vào thập kỷ 80, và đặc biệt những năm gần đây số công nhân trong khu vực quốc doanh giảm rất nhanh. Đã vậy độ bất đồng nhất và sự phân hóa trong hàng ngũ công nhân Việt Nam ngày nay lại diễn ra hết sức dữ dội. Trong khu vực kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể có bộ phận công nhân thuộc các xí nghiệp, nhà máy, công ty... hoặc toàn bộ thuộc về nhà nước ta, hoặc có một số bộ phận liên doanh liên kết với nước ngoài. Trong các đơn vị kinh tế quốc doanh có bộ phận công nhân không có cổ phần, có bộ phận công nhân có cổ phần. Trong những công nhân đóng cổ phần lại có người có cổ phần lớn, người có cổ phần nhỏ... Ngoài bộ phận công nhân khu vực kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, công tư hợp doanh, hiện nay còn rất nhiều bộ phận công nhân khác: công nhân làm thuê trong các xí nghiệp tư bản tư nhân, công nhân làm thuê ở nước ngoài, công nhân trong các xí nghiệp của tư bản tư nhân nước ngoài hoặc các tổ chức nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, công nhân trong các tổ hợp, hợp tác xã cơ khí cao cấp tiểu công nghiệp v.v... Trong nhiều doanh nghiệp, cùng làm việc với các công nhân sinh trưởng và đào tạo trong chế độ của ta là những công nhân đã được đào tạo và làm việc trong các chính quyền đối địch. Một bộ phận không nhỏ rời bỏ quốc doanh ra làm việc ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh vì muốn có được thu nhập cao hơn. Rất nhiều trường hợp vừa là công nhân lại vừa không phải là công nhân một khi họ phải sống (đôi khi chủ yếu) bằng nghề phụ như buôn bán, phe phẩy, làm dịch vụ, chăn nuôi, trồng trọt, đan lát.... Trước trạng thái hoàn toàn bất định ấy làm sao có thể phân định được một thực thể khả dĩ gọi là giai cấp dù mang nội hàm triết học, hay kinh tế, hay xã hội với một tinh thần khoa học nghiêm túc.

Thế rồi hàng loạt "sáng kiến" phải được đưa ra: "Cần hay không cần tính vào giai cấp công nhân mấy triệu người làm công ăn lương trong các cơ quan nhà nước và xã hội mà dưới sự lãnh đạo của đảng, đang thực thi vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với toàn xã hội?"... "Chẳng lẽ trong một đất nước do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo mà những viên chức nhà nước lại không nằm trong giai cấp công nhân!" v.v... Trong tình huống ấy Giáo sư Văn Tạo đành biện giải "Cả trí thức, các nhà kỹ thuật cũng như công nhân đều tham gia vào quá trình sản xuất ra sản

Vậy thì, vì sao? Vì sao hỡi trí thức Việt Nam!) Giáo sư Văn Tạo đã nói thế thì Phó Tiến sĩ Bùi Đình Bôn cũng đành phụ họa "Như vậy, một bộ phân trí thức (gắn liền trực tiếp với lao động công nghiệp, với quy trình sản xuất công nghiệp, tạo ra của cải vật chất cho xã hội) nằm trong nội hàm "giai cấp công nhân." Còn các nhà khoa học, các tầng lớp khác của tầng lớp trí thức như các ngành khoa học xã hội nhân văn, trí thức nghiên cứu không có hoạt động lao động sản xuất trực tiếp theo quy trình công nghệ thì không thể gọi là công nhân."



phẩm xã hội, đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau. Họ có địa vị bình đẳng trong hệ thống sản xuất xã hội (cụ thể mọi người đều phải nộp thuế thu nhập, được tính theo mức thu nhập)... Trừ một số ít nhà tư bản (với số vốn và số công nhân thuê mướn được nhà nước xác định là tư sản), còn tất cả những trí thức, lao động chân tay, trí óc trong lĩnh vực công nghiệp, công nghệ đều có thể được coi là ở trong giai cấp công nhân hiện đại."

(Thú thật, đọc những dòng này, tôi bỗng trào nước mắt. Tôi không thể nào tin một người lao động trí óc, đã từng miệt mài nghiên cứu lâu năm lại thực lòng suy nghĩ như thế!

Những gì được xem là sản phẩm xã hội và những ai được xem là tham gia vào quá trình sản xuất ra các sản phẩm đó? Người thiết kế ra cái đầu máy hay người chỉ biết vặn bù loong? Người viết ra bản cương lĩnh chính trị hay người chỉ biết xén giấy để in ra nó? Trong một gia đình, người ông là một giáo sư - tiến sĩ xã hội học đã có nhiều công trình lý luận đóng góp tích cực cho phong trào cách mạng, người con trai là một nghệ sỹ ưu tú, người dâu là một kỹ sư chế tạo máy, người cháu chẳng may bị bạn bè rủ rê lêu lổng, đành đi làm thợ cán thép; mỗi ngày ngồi quanh chiếc bàn ăn có hai giai cấp cùng cầm đũa. Người ông và người bố

thuộc giai cấp đồng minh (hoặc giai cấp bị lãnh đạo). Trong hai người còn lại thì đứa cháu "khả úy" kia lại là đại diện hàng đầu trong giai cấp lãnh đạo. (!)

Hẳn là, không hề đã từng có một giai cấp công nhân như định nghĩa của Mác - Lênin ở Việt Nam. Ngày xưa đã không hề có, ngày nay cũng không thể có. Trong tương lai, khi mà các nền "kinh tế tốc độ" sẽ thay thế các nền "kinh tế quy mô"; khi mà phương thức sản xuất hàng loạt mà ta có thể coi gần như dấu hiệu định nghĩa đặc trưng cho xã hội công nghiệp trở thành hình thức lỗi thời và nền sản xuất phi hàng loạt hóa tức là sản xuất những lô hàng với sản phẩm theo yêu cầu của rất ít khách mua với khối lượng nhỏ trong những đợt ngắn đòi hỏi phát sinh một thứ lao động mà tính chất thay thế lẫn nhau ngày càng tăng thì cái khái niệm giai cấp ấy càng không còn nữa. Chính Mác đã từng dự báo: "Sự tồn tại của giai cấp chỉ gắn liền với những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định của sản xuất." Vả lại, những cách phân định gán ghép nêu trên chẳng qua là đã cố tình làm ngơ một trong những nguyên lý: điều có ý nghĩa quyết định đối với việc phân định giai cấp là mối quan hệ của các tập đoàn người đối với tư liệu sản xuất; cũng của chính Các Mác.

Vấn đề trí thức hóa công nhân

Lịch sử cận - hiện đại Việt Nam không những cứ phải đi đường vòng mà còn ngoặn ngoẹo đầy những khổ đau, bi hài và cay đắng. Trớ trêu sao, con người Việt Nam suốt những thập kỷ gần đây cứ luôn luôn bị đồi dập vật vờ. Hôm xưa, người ta bắt trí thức phải công nhân hóa, vô sản hóa. Thế là một số người chót được dùi mài đôi chút kinh sử đành buộc lòng ra sức phủi bỏ cái quá trình học vấn của mình để được là vô sản. Cụ Nguyễn Văn Cừ đi vô sản hóa ở mỏ Vàng Danh, các cụ Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Lương đi vô sản hóa ở hãng rượu Bình Tây, hãng dầu Nhà Bè. Cụ Nguyễn Lương Bằng đã là thuỷ thủ rồi mà còn phải tình nguyện đi làm phu kéo xe tay cho nó thật là vô sản hạ đẳng hơn v.v... (Nghĩ mà cảm phục, mà yêu thương cái đức xả thân mãnh liệt, cái hoài vọng thiêng liêng của các cụ quá. Chắc chắn các cụ lúc bây giờ không thể nào hình dung ra những hậu quả tạo nên thực trạng Việt Nam ngày nay). Phong trào công nhân hóa còn phát huy ảnh hưởng tích cực cho đến rất lâu sau này khi người ta buộc những bác sỹ giải phẫu nổi tiếng nhất cũng phải đi tập cày tập cuốc, những nghệ sỹ vĩ cầm điêu luyện mà không tham gia lao động chân tay thực sự thì cũng là đồ bỏ đi v.v...

Như là sự tôn trọng luật đối xứng, như là đã đổ dấm chua rồi thì phải đốt tiếp lửa nồng; hôm xưa đã công nhân hóa trí thức, hôm nay lại trí thức hóa công nhân. Hiềm một nỗi người ta hiểu và chủ trương trí thức hóa công nhân tức là không những phải làm cho công nhân trở thành kỹ sư (tương xứng vậy, ắt là hộ lý thì thành bác sỹ...), mà còn phải thành thạc sỹ, tiến sỹ v.v... Nhiều người sợ hãi rằng không biết rồi đây khi được giao nhiệm vụ thống kê trong nghiên cứu xã hội học mà với một tinh thần trung thực, tự trọng, với lương tâm của người làm khoa học nghiêm túc thì biết đưa những dữ liệu nào?, những tham số nào?, dùng thuật toán nào?, sử dụng loại máy điện toán cỡ nào? để xác định cho được kỹ sư nào là kỹ sư trí thức? tiến sỹ nào, bác sỹ nào là tiến sỹ - công nhân, bác sỹ - công nhân? Trong khi mà tại một tỉnh như tỉnh Bình Dương số lao động kỹ thuật chỉ chiếm 5 phần vạn dân số và ngay tại một thành phố phát triển công nghiệp nhất nhì trong nước như Thành phố Hồ Chí Minh thì trong số 11.000 lao động đang làm việc tại các khu chế xuất cũng chỉ có 10% là cán bộ kỹ thuật; trong khi mà số công nhân bậc bảy và thợ lành nghề còn ít hơn phó tiến sỹ, công nhân bậc sáu ít hơn kỹ sư (Theo số liệu điều tra của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, công nhân bậc thợ 7/7 chỉ có 2,8%, bậc thợ 5/7 chỉ có 22,2%, bậc 4/7 = 33,2%, bậc 3/7 = 21,8%, bậc 1/7 và 2/7 = 6.7%); trong khi mà 89% lao động chưa được đào tạo tay nghề, thì, chỉ vì chủ trương trí thức hóa công nhân một cách quái đản mà từ 1986 đến 1996 số trường dạy nghề giảm 41%, số tuyển sinh học nghề chính quy giảm 35%, số giáo viên dạy nghề giảm 31%. Tính ra, số người học nghề trong 20 năm đã giảm xuống 75%. Vì thế cho nên mới có tình trạng 15 khu công nghiệp ở Đồng Nai cần tuyển 30.000 lao động có tay nghề, toàn tỉnh còn đến hơn 100.000 lao động thất nghiệp nhưng chỉ tuyển được dăm ngàn người đạt yêu cầu. Bẩy khu công nghiệp ở Bình Dương có nhu cầu tuyển 15.000 - 17.000 công nhân nhưng lao động địa phương chỉ đáp ứng được khoảng 1/3. Ngộ nghĩnh đến mức trong khi khu công nghiệp Dung Quất (nếu được thiết lập thật, gần đúng như chủ trương đã đưa ra) cũng chỉ cần chừng 150 kỹ sư thì

tỉnh Quảng Nam ký hợp đồng với trường đại học Mỏ - địa chất đào tạo cấp tốc 450 kỹ sư chứ không chú tâm gì tới nhu cầu hàng ngàn công nhân chuyên ngành hầu như chưa có!

Khi tình hình đã trở nên quá bức xúc, Nghị quyết 2 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII mới khẩn cấp định ra chỉ tiêu phấn đấu từ nay đến năm 2000 phải có từ 22 đến 25% lao động xã hội qua đào tạo. Con số chỉ tiêu này quả là "vĩ đại" nếu ta nhẩm lại rằng đường lối xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh đã được ban bố qua bao nhiêu thập kỷ rồi mà cho đến nay con số khởi điểm để tiến tới chỉ tiêu kia mới là 11%. Xin được lưu ý rằng, thời gian còn lại chỉ không đầy hai năm nữa.

Phải chăng đây là một phần hệ quả của nhận thức: "Giá nhân công tương đối rẻ là một lợi thế quan trọng để phát triển," đã được ghi trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Việt Nam khóa VII mà người viết bài này từng có dịp bầy tỏ nổi băn khoăn trong tiểu luận "Mấy suy nghĩ nhỏ về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" cách đây ít năm. Trí thức là quý giá, là đáng tôn trọng và càng vô cùng cần thiết đối với một xã hội như xã hội ta hiện nay, nhưng đâu phải cứ có học vị nọ, học hàm kia thì đã là trí thức. Vả chăng công nhân, đặc biệt là công nhân có đạo đức, có lương tâm, có tay nghề cao thì quý, còn cần thiết và thực sự có ích hơn cả nhiều người có học hàm nọ, học vị kia chứ. (...)

(Ở đây tôi đã xóa bớt một mệnh đề: "huống chi còn có cả những 'giáo sư rởm,' những 'tiến sỹ hữu nghị,' những phó tiến sỹ do 'bầy tôi' viết hộ luận án..." Bởi vì các loại này chẳng những không thể đem sánh với công nhân được mà nhiều khi còn là tội nợ của nhân dân khi bọn họ được lợi dụng làm các con bài dâng những ý kiến "quân sư quạt mo" để góp phần tàn phá đất nước một cách thật đau lòng).

Các cụ ngày xưa đã nói "Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh." Đấy không phải chỉ là sự tổng kết từ thực tiễn mà còn là sự định hướng ít ra vẫn còn đúng đối với thực trạng phát triển công nghiệp của ta hiện nay. Ở Nhật, đại đa số xí nghiệp, nhất là những xí nghiệp lớn, đều trả lương và đề bạt các chức danh theo thâm niên. Chế độ này dựa trên tư tưởng trả công xứng đáng với trình độ lành nghề đã được tích lũy lại qua kinh nghiệm. Ở ta sao không có các chế độ chính sách bảo đảm hậu đãi xứng đáng những công nhân tay nghề cao? Những công nhân giỏi, quý hiếm phải được trả lương, được trọng vọng, được hưởng các tiêu chuẩn đãi ngộ không kém gì các tiến sỹ, giáo sư thực thụ.

Hãy chăm chút cho toàn bộ cơ thể phát triển hài hòa, trong đó, mỗi bộ phận ngày càng hoàn thiện hơn. đừng nghĩ chuyện cắt cái đầu lắp vào cánh tay mà cũng chớ tính chuyện gắn hai cánh tay vào cái đầu. Kỹ sư, tiến sỹ rất cần nhưng chỉ riêng họ thì chẳng làm ra được cái gì. Hãy tạo đầy đủ cơ chế, chính sách cho những ai có sở trường sở đoản, có thiên chức công nhân cứ phấn đấu để làm một công nhân xứng đáng cùng với vinh quang mà họ phải được thụ hưởng trong cuộc đời.

Chăm sóc thích đáng lực lượng lao động xã hội

Khi đọc phần nói về giai cấp công nhân trong bản Nghị quyết 7 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII: "Giai cấp công nhân thông qua đảng tiền phong của mình đã lãnh đạo cách mạng nước ta trong hơn nửa thế kỷ qua, ngày nay lại đang đi đầu trong sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng trong quá trình chuyển sang cơ chế mới đã có nhiều biểu hiện coi nhẹ vị trí, vai trò của giai cấp công nhân... Chưa chú trọng bồi dưỡng ý thức giai cấp, trình độ kiến thức và tay nghề, lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp... cho công nhân. Chưa làm tốt việc chăm lo lợi ích tạo ra động lực trực tiếp kích thích công nhân sáng tạo..."; tôi đã phát biểu trong một tiểu luận của mình: "Vì sao giai cấp công nhân đã đang đi đầu trong sự nghiệp vĩ đại của dân tộc mà lại bị coi nhẹ? Ai đi ở đâu, ai đứng ở đâu mà coi nhẹ? Một giai cấp còn thiếu rất nhiều tư chất: thiếu ý thức giai cấp, thiếu trình độ kiến thức và tay nghề, thiếu lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp... thì làm sao lãnh đạo nền công nghiệp hiện đại được? Một giai cấp lãnh đạo thì phải làm được sứ mệnh chăm lo lợi ích tạo ra động lực trực tiếp kích thích lao động sáng tạo cho toàn xã hội, chứ sao lại bắt xã hội làm việc đó cho mình?"

Đặt vấn đề đã ngược như vậy, biện pháp giải quyết nêu ra cũng chẳng thuận khi Nghị quyết ghi: "Xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng..." Tạm thời bỏ qua điều khó hiểu rằng vì sao người ta từng khẳng định giai cấp công nhân Việt Nam đã chuyển

từ giai cấp "tự mình" thành giai cấp "cho mình" từ khoảng trước 1930 mà nay vẫn còn phải xây dựng ở Việt Nam một giai cấp công nhân giác ngộ về giai cấp?; điều cần bàn hơn là tại sao lại đặt vấn đề "xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng?" Giai cấp công nhân là sản phẩm sinh ra từ cuộc cách mạng công nghiệp. Nó chỉ có thể phát triển về số lượng tùy thuộc vào nhu cầu của sức phát triển của nền kinh tế công nghiệp. Đặt vấn đề phát triển công nhân về số lượng theo sự lãnh đạo của Nghị quyết một cách duy ý chí e sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng thất nghiệp trong tổng thể hoặc cục bộ từng ngành. Hiện nay, tại Hà Nội có khoảng 100.000 công nhân lao động ở các doanh nghiệp nhà nước của trung ương và địa phương phải nghỉ việc đã bốn năm nay. Riêng các doanh nghiệp của Hà Nội có 1.400 công nhân không được làm việc trọn tháng, trọn tuần. Tại Thành phố Hồ Chí Minh riêng hai tháng cuối 1997 có 5.000 công nhân mất việc làm.

Từ 1954 đến 1975 không thấy chính quyền ở miền Nam đặt vấn đề xây dựng giai cấp công nhân nhưng từ giữa những năm 1960 trở đi, Sài Gòn trước 1954 chỉ là một trung tâm thương mại và tài chính đã nhanh chóng trở thành một trung tâm công nghiệp lớn với 20.000 nhà tư sản (tăng 10 lần so với số tư sản ở miền Bắc 1954). Trong đó có những ông "vua sắt thép" tham gia kinh doanh ở 11 ngành, có mặt ở 23 cơ sở sản xuất kinh doanh khắp Miền Nam... Nhờ đó, số lượng và chất lượng công nhân tăng rất nhanh. Năm 1955, toàn bộ số lượng công nhân ở Miền Nam mới khoảng 300.000 người, năm 1969 đã tăng lên 670.000; trong đó, công nhân công nghiệp là 170.000. Riêng ở Sài Gòn năm 1958 có 178.600 công nhân, 1960 có 191.030 và năm 1967 đã tăng lên đến 309.000 công nhân. Những năm gần đây ở nước ta xuất hiện một số ngành nghề mới đáp ứng được nhu cầu của nhân dân và hợp với trào lưu thời đại như dầu khí, điện tử, tin học, bưu chính viễn thông v.v... thì mặc nhiên cũng xuất hiện một đội ngũ lao động trẻ ngày càng đông về số lượng, mạnh về chất lượng. Đội ngũ lao động trẻ có sức khỏe tốt, có trình độ văn hóa này không ngừng say mê rèn luyện tay nghề, nâng cao trình độ học vấn, ngoại ngữ... chắc chắn không phải do tự ý thức về vai trò lãnh đạo giai cấp của mình mà trong điều kiện cạnh tranh hiện nay phải vượt lên hàng đầu để được tuyển dụng và được duy trì công việc tại những chỗ có lương cao, có điều kiện làm việc tốt.

Ngoài một số ngành nghề đặc biệt, một vài doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh, nói chung, đồng lương trả cho công nhân ta rất thấp và cách đối xử nhiều khi quá tồi tệ. Trong khi mỗi giờ lao động giản đơn ở Mỹ cũng được trả công 5 USD, thì lương trung bình của công nhân Việt Nam làm việc suốt gần 200 giờ mỗi tháng chỉ được chừng 20 USD. Rất nhiều công nhân không có nhà ở, 18% gia đình công nhân có diện tích bình quân đầu người từ hai đến bốn mét vuông. Do trình độ cơ giới hóa, tự động hóa rất thấp, lao động cơ bắp nặng nhọc vẫn là chủ yếu ở hầu hết các ngành sản xuất; có nơi đến 90%. Môi trường nơi công nhân lao động bị ô nhiễm nghiêm trọng. Ở tất cả các cơ sở sản xuất được kiểm tra, các yếu tố độc hại đều vượt tiêu chuẩn cho phép trên 50%, nhiều nơi 100%. Sức khỏe công nhân, nhất là phụ nữ công nhân không được chăm sóc đúng mức. Có nơi 40% công nhân mắc bệnh bụi phổi silic. Tai nạn lao động không những nhiều mà ngày càng tăng. Riêng khu vực quốc doanh hàng năm có trên 200 người chết thảm thương vì tai nạn lao động. Không phải chỉ ở một vài xí nghiệp ngoài quốc doanh nào đó mà quản lý là những kẻ khát máu tanh lòng nên có khi, chỗ này họ bị các bà chủ ngang nhiên đập giầy cao gót vào mặt, chỗ kia nữ công nhân bị tụt cả quần ra để khám xét chỉ vì xí nghiệp mất một vài thứ chẳng đáng giá là bao; ngay gần Trung ương, tại xí nghiệp gia công giầy da xuất khẩu Đông Anh của Nhà nước, người lao động thường xuyên phải làm việc quá sức từ 12 đến 14 giờ mỗi ngày. Trong số 2.905 công nhân chỉ có 441 người được xí nghiệp đóng bảo hiểm xã hội, 2.300 người không được ký hợp đồng lao động. Mỗi tổ sản xuất có từ 50 đến 60 lao động nữ mà chỉ có một thẻ đi vệ sinh!

Trong tình trạng chung của những công nhân lao động Việt Nam còn quá khổ nghèo túng quẫn như thế thì những vị đại biểu số một trong đội tiền phong của giai cấp này được các nhà tư bản nước ngoài biếu tặng hàng triệu USD! Ở thế kỷ XIX, khi mà thặng dư giá trị do người lao động tạo ra lại bị các nhà tư bản tước đoạt để bóc lột lại họ, Mác đã coi là người vô sản bị tha hóa. Đó là lần tha hóa thứ nhất. Ngày nay, tuy đã có độc lập, thống nhất nhưng do quản lý kém, do tham ô lãng phí quá tồi tệ, đời sống công nhân không

được cải thiện, giá trị lao động không được chi trả hợp lý và đúng mức thì coi như công nhân lại bị tha hóa lần thứ hai. Chứng kiến những nghịch cảnh này trong thực tế hay qua báo chí tôi đều muốn thét vào mặt bất cứ ai liên đới rằng hãy chấm dứt ngay đi những luận điệu dù là ngô nghê hay lừa dối xảo quyệt. Hãy đừng nhơn nhơn nói những điều nghịch lý trắng trợn mà không biết ngượng miệng. Không hề có và không thể có một giai cấp lãnh đạo mà lại gồm rất nhiều thực thể tàn tệ đến thế.

Trong tác phẩm "Gia đình thần thánh" xuất bản năm 1845, Mác và Anghen đã viết: "Giai cấp vô sản đang thi hành bản án mà chế độ tư hữu, trong khi đẻ ra giai cấp vô sản, đã làm ra cho mình, cũng giống như nó đang thi hành bản án mà lao động làm thuê, trong khi sản xuất ra sự giầu có cho kẻ khác và sự khốn cùng cho bản thân, đã làm ra cho mình. Sau khi thắng lợi, giai cấp vô sản dù sao cũng không thể trở thành mặt tuyệt đối của xã hội, vì rằng, chỉ có tự tiêu diệt và tiêu diệt mặt đối lập của mình thì nó mới giành được thắng lợi." Trong "Đằng Vương Công" Mạnh Tử cũng nói: "Người lao tâm trị người được, người lao lực bị người trị. Người bị người trị lo nuôi người; người trị người được nuôi sống ở người. Đó là thông nghĩa của thiên hạ." Lời thầy Mạnh Tử chỉ nửa vế đầu có thể xem là "thông nghĩa của thiên hạ" nếu tính theo luật số lớn. Tính tuyệt đối hóa của nửa vế sau dễ bị lợi dụng để duy trì đương nhiên sự thống trị, sự bóc lột của loại lao động này với loại lao động kia. Dẫu sao điều đó cũng không tệ hại bằng sự cố tình ngụy biện để lợi dụng cái gọi là sứ mệnh lịch sử của giai cấp mà ngoi lên nhưng chẳng làm được gì xứng đáng ngoài việc tiếp tục phỉnh phờ họ bằng những mỹ từ "làm chủ tập thể," "giai cấp lãnh đạo" v.v...

Ở Nhật không ai nói tới vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân nhưng người ta đã tạo ra cơ chế công nhân tham gia quản lý và thực hiện nghiêm túc qua bốn hình thức ở bốn cấp như sau:

1. Ở nơi làm việc (tổ sản xuất, phân xưởng, phòng ban), công nhân tham gia kiểm soát chất lượng sản xuất, ngăn ngừa những trục trặc trong sản xuất, tổ chức nhóm tự quản và những khóa học ở ngay nơi làm việc.

2. Ở cấp xí nghiệp hoặc công ty thường diễn ra việc tham khảo ý kiến giữa lao động và quản lý, thương lượng tập thể, bao gồm cả việc cử đại diện công nhân tham gia vào ban giám đốc...

3. Ở cấp ngành công nghiệp, thành lập các hội đồng tư vấn do đại diện của liên hiệp các nghiệp đoàn ngành công nghiệp và đại diện của các tổ chức của giới chủ...

4. Ở cấp toàn quốc thành lập các hội đồng tư vấn khác nhau của Chính phủ bao gồm đại diện của Chính phủ, liên hiệp nghiệp đoàn toàn quốc và liên đoàn của các giới chủ...

Nhờ cơ chế thiết thực đó mà công nhân có điều kiện tham gia thực sự vào việc quản lý, góp phần tích cực cho tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống bản thân.

*

Bàn về giai cấp công nhân Việt Nam qua bản tiểu luận có thể phần nào ấu trĩ này, tôi vẫn xin mạnh dạn nêu một vài suy nghĩ không thật hợp với những điều đã được nghe, được học trước đây và ai đó có thể trợn mắt quát tháo: nghịch tặc! Nhưng, tôi nghe Lep Tônxtôi: "Trí thức được coi là trí thức thực sự khi nó là kết quả của sự nỗ lực suy nghĩ chứ không phải là trí nhớ."

Sự vật phải được gọi đúng tên, được nghiên cứu để xác định và mô tả đúng bản chất và những biểu hiện của nó thì mới giúp ta hiểu đúng phải làm gì để nó phát triển đúng như ta vì nó và cũng đúng như nó bao hàm ta.●

Hà Nội tháng 9 năm 1998

Nguyễn Thanh Giang
Nhà A 13 - P 9 - TTPK Hòa Mục
Phường Trung Hòa -
Quận Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 8.586012



CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI TỰ PHÁN:
THẬP ĐẠI THẤT BẠI HAY THẬP ĐẠI BẤT HẠNH
(THEO ĐỨC TỔNG GIÁM MỤC NGUYỄN VĂN THUẬN)

NHUỆ HỒNG

Trong chức vụ Chủ Tịch Hội Đồng Giáo Triều Roma (Bộ Trưởng) Phụ Trách về Công Lý và Hòa Bình, Đức Cha Nguyễn Văn Thuận đã tới San Diego ngày 10-10-1998 để nói chuyện với Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam. Tuần lễ trước đó Đức Cha Nguyễn Văn Thuận đã nêu lên 10 Đại Thành Công của người Việt hải ngoại (thành công về học vấn, gia đình, kinh tế v.v...). Muốn cho khách quan và công bằng, tuần này Đức Cha đề cập đến 10 căn bệnh trầm kha được gọi là "Thập Đại Thất Bại của Cộng Đồng Người Việt hải ngoại chúng ta."

Đức Cha nói:

"Ông bà và anh chị em thấy tôi đang bệnh, mà bệnh thì tiếng không tốt, tức "tiếng xấu." Vì thế hôm nay tôi xin nói về "những cơn bệnh gây ra tiếng xấu trong cộng đồng (Cả nhà thờ cười rộ), *nói về các lý do hay nguyên nhân sai trái trong Cộng Đồng được gọi là Thập Đại Thất Bại của Cộng Đồng người Việt hải ngoại chúng ta."*

Để sắp xếp theo mạch lạc của giòng tư tưởng, chúng ta có thể liệt kê 10 Đại Thất Bại hay 10 Đại Bất Hạnh theo trình tự sau đây:

1. Bệnh Quá Khứ Cục Bộ phát sinh do lòng luyến tiếc các thành tích quá khứ.

2. Bệnh Bi Quan Tiêu Cực không chịu dấn thân vào việc vì cho rằng sức không làm nổi.

3. Bệnh Lười Biếng, Trốn Trách Nhiệm chỉ muốn nói mà không muốn làm.

4. Bệnh Vô Trách Nhiệm, nói nhiều làm ít, khi nói thì hăng say mà khi hữu sự lại đùn việc cho người khác.

5. Bệnh Ỷ Lại, chỉ ngồi Chờ Phép Lạ mà không chịu tích cực, dấn thân hay đóng góp.

6. Bệnh Tài Tử hay Làm Việc Tùy Hứng, vui làm khó bỏ, không kiên trì nhẫn nại, thiếu ý thức và niềm tin.

7. Bệnh Hình Thức Chủ Nghĩa hay Làm Để Phô Trương vì hiếu danh, nặng phần trình diễn mà không vụ vào nội dung hay mục tiêu công tác.

8. Bệnh Cá Nhân Chủ Nghĩa do tự cao tự đại hay kiêu ngạo là tội nặng nhất trong Bảy Mối Tội Đầu của người Công Giáo.

9. Bệnh Khôn Ngoan Thế Gian hay Bệnh Khôn Vặt, vận dụng tài trí để tính toán vị kỷ nhằm thủ lợi riêng, dầu hại đến công ích và công nghĩa.

10. Bệnh Bè Phái Chia Rẽ là căn bệnh trầm kha nhất của người Việt hải ngoại. Đây là Nguyên Nhân của những nguyên nhân thất bại trong việc xây dựng Cộng Đồng và xây dựng Niềm Tin.

Khi nói chuyện với các tín hữu Đức Cha Nguyễn Văn Thuận đã nhấn mạnh đến những lý do thất bại trong công tác xây dựng cộng đồng.

Trong Nội Các Giáo Triều Roma, Đức Cha là người phụ trách về Hòa Bình, Công Lý và Nhân Quyền (vì trong Công Lý có Nhân Quyền). Cũng như trước đây Đức Giáo Hoàng Giaon Phaolô Đệ Nhị đã ưu tư đến dân tộc Ba Lan, Đức Cha Nguyễn Văn Thuận ngày nay không thể nghĩ đến công cuộc Đoàn Kết của người Việt hải ngoại chúng ta nhằm tranh đấu đòi Công Lý và Nhân Quyền cho đồng bào trong nước.

Những mâu thuẫn nội bộ của chúng ta phải được đem ra chẩn bệnh để tìm phương thuốc chữa. Có như thế chúng ta mới hy vọng xây dựng được một tổ chức cộng đồng quy mô để thực hiện các công tác cộng đồng và đoàn kết thành một khối để yểm trợ cuộc vận động đòi Công Lý và Nhân Quyền của đồng bào chúng ta ở trong nước.

Và sau đây là phần diễn giảng của Đức Tổng Giám Mục:

1. Thứ Nhất Là Bệnh Quá Khứ Cục Bộ:

"Bệnh này phát sinh khi mỗi người, mỗi tổ chức cứ nhìn vào thành tích đã qua, rồi tự cho mình và tổ chức của mình là hay hơn cả trong khi làm việc thì thực sự có những người, những tổ chức cùng một mục đích làm việc với nhau. Có đầu óc cục bộ, thì khi hoạt động thiếu trao đổi kinh nghiệm, quên cả nâng đỡ lẫn nhau, thiếu đồng tâm nhất trí, không phát triển và tiến bộ được. Vì nặng quá khứ, nên làm gì cũng nhớ lại thành tích dĩ vãng. Vì cục bộ, cùng làm một công việc, hễ phe mình làm thì mình cho là hay là đúng; còn phe khác làm thì mình cho là sai hoặc thờ ơ không hợp tác, nhiều khi không phá đám, không cản trở tiến bộ là may. Người có đầu óc quá khứ cục bộ thì thất bại vì có muốn cho ai thành công ngoài tổ chức của mình xưa kia đâu...?"

Theo Đức Cha Nguyễn Văn Thuận, Bệnh Quá Khứ Cục Bộ đem lại hậu quả tai hại:

1) Thất bại trong hành động.

2) Đố kỵ trong thái độ.

Những người mắc bệnh này thường luyến tiếc một quá khứ tương đối huy hoàng với ít nhiều thành tích vẻ vang. Do thành kiến và đố kỵ. Có đầu óc kỳ thị, họ tìm mọi cớ để tẩy chay không hợp tác với những người có thiện chí muốn làm một cái gì cho tương lai đất nước. Nhiều khi vì ghen tuông, đố kỵ họ còn phá hoại, dèm pha hay chống đối mọi cố gắng cải thiện và tiến bộ. Thay vì phóng khoáng cởi mở, họ thường khép kín bảo thủ. Thay vì bao dung kết hợp, họ lại cố chấp, vị ngã.

2. Thứ Hai Là Bệnh Bi Quan Tiêu Cực:

"Đây là thứ bệnh thiếu tin tưởng vào việc mình làm. Bắt tay vào việc là chỉ nhắm vào việc dễ, mong thành công ngay; gặp việc gì khó thì nản chí, thối lui ngay. Mà bi quan thì dễ đưa đến thất bại, như chuyện hai người đại diện một hãng giày nọ đi Phi Châu để tìm kiếm thị trường, như sau: Người thứ nhất vừa tới nơi đã bi quan bỏ về, vì thấy Phi Châu toàn đi chân không thôi, bán giầy cho ai đây...? Còn người thứ hai khi thấy hầu hết dân Phi Châu đều đi chân không thì lạc quan lý luận rằng: 'Ở đây nhiều người đi chân đất nên chắc chắn sẽ bán giầy được nếu cho họ thấy đi giầy đỡ đau chân hơn.' Dĩ nhiên người lạc quan tích cực, nhờ khám phá nhu cầu mua giầy cao, nên mở được thị trường bán giầy và thành công lớn."

Bệnh bi quan tiêu cực chẳng những có hại cho công việc mà còn làm mai một Niềm Tin. Bi quan hay tích cực nhiều khi chỉ là một thái độ chủ quan. Còn nửa ly nước là còn vơi một nửa mà cũng là còn đầy một nửa.

Thái độ tích cực giúp chúng ta giữ được Niềm Tin. Kinh nghiệm đấu tranh cho biết lịch sử không viết bởi những người bi quan, những người tiêu cực, những người phủ nhận lý tưởng, từ bỏ hoài bão và mơ ước. Lịch sử viết bởi những người có Niềm Tin. Trên bình diện dân tộc, Niềm Tin là sức mạnh lớn nhất. Nó đem đến những hy vọng mới, những chân trời mới, hướng dẫn con người đi tới Tự Do.

Mục sư Martin Luther King Jr., một chiến sĩ đấu tranh cho Công Lý và Nhân Quyền đã khẳng định:

"Tôi giữ vững Niềm Tin vào tương lai đất nước. Tôi giữ vững Niềm Tin vào tương lai dân tộc. Tôi không đem sự bi quan chán nản ra ứng phó với những biến thiên của lịch sử. Tôi không chấp nhận quan niệm tiêu cực cho rằng con người chỉ là những sinh vật trôi giạt vật vờ trên giòng đời và không có tác động gì đối với những sự việc đang diễn ra trong cuộc sống."

Không phải chỉ có những người bi quan tiêu cực mới chùm chăn ở ẩn. Được xếp vào hạng này còn có những người lười biếng và trốn tránh trách nhiệm (loại 3), sống vô trách nhiệm (loại 4) và ỷ lại Chờ Phép Lạ (loại 5).

3. Thứ Ba Là Bệnh Lười Biếng, Trốn Tránh Trách Nhiệm:

"Bệnh này rất phổ thông. Lúc ngồi lại bàn bạc công tác, ai nấy đều hăng hái xung phong, hoặc vui vẻ nhận công việc giao phó. Nhưng họp xong ai về nhà nấy, dần dần buông xuôi. Số người quyết tâm thi hành nhiệm vụ giao phó đến nơi đến chốn không được bao nhiêu. Lắm lúc, rốt cuộc chỉ còn một mình ông Chủ Tịch! (Cả nhà thờ lại cười rộ và vỗ tay). *Mấy người khác viện đủ cớ: đưa ra bận chuyện này chuyện nọ để biện minh cho việc lơ là trách nhiệm của mình. Bệnh lười biếng, trốn trách nhiệm gây thất bại nặng nề cho cộng đồng vì bất cứ tổ chức nào trong cộng đồng cũng có chương trình hoạt động, phân công cho mỗi thành viên thực hiện. Nếu ai cũng tìm cách trốn trách nhiệm thì làm sao cộng đồng tồn tại được?"*

4. Thứ Tư Là Sống Vô Trách Nhiệm:

"Đây là căn bệnh rất nguy hiểm cho sự sống còn của cộng đồng, bởi lẽ sống trong xã hội, mọi người đều có liên đới với nhau. Việc cộng đồng là việc chung, mỗi người tùy khả năng và phương tiện, đều có bổn phận gánh vác và trách nhiệm về thành bại. Ai ai cũng có quyền hãnh diện và

vui mừng với thành quả chung. Điều cần thiết là phải góp phần tích cực của mình, chứ không phải đợi khi có kết quả thì kể công, hoặc rêu rao là công trạng của mình; trái lại khi thất bại xảy đến thì đổ lỗi cho cho người khác, coi mình hoàn toàn vô can. Người sống vô trách nhiệm thường nói nhiều hơn làm; rõ nét nhất là khi hội họp thì phát biểu rất hăng, đưa ra nhiều bàn cãi sôi nổi, nhưng đến khi làm thì tránh né, đùn việc cho người khác làm còn mình thì nút êm. (Nhiều tiếng cười rộ lên trong nhà thờ và vỗ tay). *Bệnh vô trách nhiệm là đầu mối gây thất bại trong cộng đồng vì người mắc bệnh này chỉ nói mà không làm, hoặc tìm cách chọn việc dễ, chối từ việc khó để lẫn tránh trách nhiệm."*

5. Thứ Năm Là Bệnh Ỷ Lại Chờ Phép Lạ:

"Bệnh này nhiều người mắc phải khi sống trong cộng đồng mà không đóng góp phần tích cực làm việc của mình, chỉ ngồi yên nhờ ơn trên giúp. Tình trạng này không khác gì một người cầu xin Chúa cho trúng số, cầu nguyện hoài và chăm lắm. Cho đến một ngày nào đó người ấy lại kêu trách Chúa bất đợi hoài mà không được nhận lời cho trúng số. Chúa hiện ra bảo người ấy: Chúa cũng đang chờ người mua vé số! (Có nhiều tiếng cười trong nhà thờ). *Cầu nguyện là điều tối cần trong đời sống Kitô hữu, vì nhờ đó mà người tín hữu thêm lòng tin tưởng và hy vọng. Ở đời, hy vọng rất cần cho cuộc sống. Nhưng, cầu nguyện và hy vọng không có nghĩa là cứ ngồi chờ phép lạ. Chúa đòi hỏi sự nỗ lực của mỗi người. Đức Kitô xuống thế để cứu chuộc nhân loại, nhưng Ngài đòi hỏi con người phải cộng tác với Ngài: không thể nhận lãnh Ơn Cứu Độ, nếu con người sống tiêu cực, không có nỗ lực tự cứu."*

Nhưng căn bệnh lười biếng, ỷ lại, trốn tránh trách nhiệm chẳng những làm hỏng các công tác cộng đồng mà còn đưa đất nước và dân tộc đến điêu linh.

Năm 1925, khi từ hải ngoại trở về, cụ Phan Chu Trinh đã cảnh giác đồng bào phải biết cố gắng, tự lực tự cường và nhận trách nhiệm trước quốc dân và lịch sử:

"Xét lịch sử xưa, dân tộc nào khôn ngoan biết lo tự cường tự lập, mua lấy sự ích lợi chung của mình, thì càng ngày càng bước tới con đường vui vẻ. Còn dân tộc nào ngu dại, cứ ngồi yên mà nhờ trời, mà mong đợi trông cậy ở vua ở quan, giao phó tất cả những quyền lợi của mình vào trong tay một người, hay là một chính phủ muốn làm sao thì làm, mà mình không hành động, không bàn luận, không kiểm soát, thì dân tộc ấy phải khốn khổ mọi dường.

Anh chị em đồng bào ta đã hiểu thấu các lẽ, thì phải mau mau góp sức lo toan việc nước, mới mong có ngày cất đầu lên nổi."

Trong cuộc đấu tranh cho Công Lý và Nhân Quyền chúng ta phải can đảm dấn thân để giành lại quyền sống cho các đồng bào, đồng loại của ta, đồng thời tự cứu lấy mình. Nhà văn Elie Wiesel khi nhận giải Nobel Hòa Bình năm 1986 đã long trọng cam kết:

"Tôi thề sẽ không bao giờ im tiếng nếu ở đâu và khi nào con người còn bị đau khổ và đày đọa. Chúng ta phải nhập cuộc. Trung lập chỉ có lợi cho kẻ đàn áp. Im lặng là khuyến khích kẻ áp bức. Do đó chúng ta phải can thiệp. Khi đời sống con người bị đe dọa, phẩm giá con người bị chà đạp, các biên thùy quốc gia không còn quan trọng nữa. Nơi nào con người bị hành hạ vì lý do tôn giáo, chính trị hay chủng tộc, nơi đó, lập tức trở thành trung tâm của vũ trụ. Nếu chỉ còn một tù nhân lương tâm bị giam giữ, quyền tự do của chính chúng ta cũng bị đe dọa. Khi còn một trẻ thơ bị đói, đời sống của chính chúng ta cũng bị tủi hổ. Các nạn nhân này chỉ đòi hỏi một điều, là họ biết rằng họ không bị cô đơn, không bị quên lãng; rằng khi họ không còn quyền được nói, chúng ta sẽ nói thay cho họ; rằng nếu tự do của họ tùy thuộc vào cuộc tranh đấu của chúng ta, thì ngược lại tự do của chúng ta cũng tùy thuộc vào số phận của họ."

6. Thứ Sáu Là Bệnh Tài Tử, Làm Việc Tùy Hứng:

"Bệnh này thường dễ thấy qua những thành viên sinh hoạt cộng đồng mà không có tinh thần tự giác: vui thì làm, buồn thì bỏ. Hậu quả là không có việc gì thành tựu được, vì khi hoạt động, dù chương trình đặt ra rất hay, dù người lãnh đạo có khả năng và tài đức, nhưng chính bản thân lãnh đạo hoặc các thành viên lại hoạt động thiếu kiên trì nhẫn nại, nay làm mai không, tùy tiện, thì làm sao tránh khỏi thất bại? Muốn cho công việc của tổ chức thực hiện đạt được thành công thì phải có mục đích và đem lại kết quả tương xứng với sự đóng góp của các thành viên trong tổ chức. Điều này đòi hỏi ý thức và niềm tin của mỗi người vào thành quả công việc cũng như mục đích theo đuổi. Nếu làm việc tùy hứng thì chỉ là chuyện vui thích trong chốc lát, không có định hướng và gặp khó khăn, trở ngại là thất bại ngay."

7. Thứ Bảy Là Bệnh Hình Thức Chủ Nghĩa Làm Để Phô Trương:

"Bệnh này được phát hiện trong sinh hoạt

cộng đồng khi có người làm việc chỉ cốt để phô trương chứ không nhắm vào nội dung tinh thần công tác. Ví dụ trong những ngày lễ trọng đại của Giáo Hội như mừng kỷ niệm 200 năm Đức Mẹ hiện ra tại La Vang có mục đích chính yếu là đề cao giá trị tinh thần, gia tăng lòng đạo đức của các tín hữu. Đối với người Công Giáo, trong những dịp lễ này việc dọn lòng xin được Ơn Toàn Xá, được tha hết mọi tội lỗi, là điều quan trọng nhất. Thế nhưng, nhiều cá nhân, nhiều đoàn thể khi tham gia vào tổ chức cuộc lễ, chỉ chú trọng phô trương, như thi nhau nước kiệu rầm rộ, thi nhau hát thật hay, múa thật đẹp, dâng hoa đủ màu sắc ngoạn mục, thi đua trình diễn văn nghệ quyết hơn kẻ khác. Thực ra, nỗ lực như thế là điều đáng khen, nhưng nói chung, làm cốt để phô trương thì dễ thất bại vì ganh đua thì gây căng thẳng, gay cấn, xích mích, chia rẽ, mất hòa khí. Cuối cùng, sau cuộc lễ, nhiều người ra về tay không, bỏ quên đâu mất Ơn Toàn Xá!" (Cả nhà thờ cười rộ và vỗ tay).

8. Thứ Tám Là Bệnh Cá Nhân Chủ Nghĩa:

"Bệnh này nhiều người mắc phải khi tham gia sinh hoạt cộng đồng, nhưng có ai thấy đâu...? Bắt tay vào việc thì ai cũng hô "tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách" hoặc "thiểu số phục tùng đa số." Đúng thế! Vượt ra ngoài nguyên tắc căn bản đó thì không tài nào tổ chức cộng đồng tồn tại được. Đồng ý rằng mỗi cá nhân đều có tài năng, danh dự và tự ái riêng của mình, nếu sử dụng cho đúng trong việc bảo vệ phẩm giá cá nhân vì lợi ích chung thì quý biết bao! Hơn nữa, cá nhân có trí tuệ siêu việt, có tài đức, và quyết tâm kiên định, thì đó là tiêu chuẩn để tổ chức chọn được người lãnh đạo tốt, khi lãnh đạo biết đem tài đức cá nhân để phục vụ cộng đồng. Nhưng, trong thực tế, khi làm việc, có những người cho cá nhân mình hơn tất cả, không thể dung hòa được với người khác. Họ đặt cá nhân trên tập thể, trên tổ chức. Người Công Giáo gọi đó là tội kiêu ngạo, tội nặng nhất trong Bảy Mối Tội Đầu. Ở đời, có ai thua ai đâu...? Khi cá nhân này không chịu cá nhân nọ làm sao hợp tác để thành công được? Hóa ra Cá Nhân Chủ Nghĩa trở thành cơn bệnh hay lây khiến cộng đồng đi đến thất bại ê chề là chuyện đương nhiên thôi!"

Bệnh Tài Tử Làm Việc Tùy Hứng có căn nguyên ở sự thiếu Ý Thức, thiếu Niềm Tin và thiếu Lý Tưởng. Vì không đủ nghị lực để đối phó với tình thế, gặp khó khăn trở ngại là bỏ dở, buông xuôi.

Bệnh Cá Nhân Chủ Nghĩa và Phô Trương Hình Thức phát sinh từ tính kiêu ngạo, hiếu danh, vị ngã. Làm để khoe khoang, tự quảng cáo cá nhân chứ không vụ vào tinh thần và mục tiêu công tác của cộng đồng hay của dân tộc.

Theo Đức Cha Nguyễn Văn Thuận, người lãnh đạo xứng đáng phải hội đủ ba điều kiện:

1) Có tâm đức (tâm
2) Có trí tuệ (trí)
3) Có quyết tâm (đũng)

Muốn đạt được ba đức độ này, chúng ta phải sửa mình (tu thân). Muốn kết hợp lòng người, chúng ta phải khiêm nhượng, khoan nhu và bao dung. Người Kitô giáo thuần thành được mọi người quý mến vì lòng khiêm nhượng công giáo (humilité chrétienne). Kẻ sĩ Đông Phương được dân yêu là vì nhún nhường, biết lấy lời mà tự hạ mình (ngôn hạ) và lấy mình để ra sau (thân hậu):

"Sông biển sở dĩ được vua trăm hang động là vì nó khéo đứng dưới thấp. Vì vậy muốn ở trên dân thì phải lấy lời khiêm tốn mà hạ mình. Muốn đứng trước dân thì phải lấy mình để ra sau." (Đạo Đức Kinh)

Theo Đạo Nho, cái Dũng của người phương Nam khác với cái Dũng của người phương Bắc:

"Mặc áo giáp, mang vũ khí, nhìn cái chết không sờn lòng. Đó là sức mạnh của phương Bắc, của những người vụ về huyết khí.

Lấy khoan nhân nhu hòa mà giáo hóa, không chủ trương báo thù kẻ vô đạo. Đó là sức mạnh của phương Nam và là cách cư xử của người quân tử." (Trung Dung)

9. Thứ Chín Là Bệnh Khôn Ngoan Thế Gian:

"Bệnh này thường khó khám phá vì bệnh nhân khéo léo xoay sở theo kiểu khôn vặt. Nhưng nếu để ý, ông bà, anh chị em có thể thấy đó là hạng người làm việc mà không lo đến lợi ích chung, chỉ tính phần lợi về mình. Muốn cho một tổ chức, một xã hội tiến bộ thì cần phải có sự hy sinh của nhiều người dám chịu thiệt thòi riêng của mình vì lợi ích của tập thể. Khôn ngoan theo ý nghĩa Kitô giáo là ơn cho thấy điều gì thật sự quý giá trong đời sống theo tiêu chuẩn của Chúa, không ích kỷ, không thủ lợi. Khôn Ngoan Thế Gian đưa cộng đồng đến thất bại vì tính toán trục lợi. Theo đức tin Kitô giáo, nếu Chúa Giêsu cũng khôn ngoan theo kiểu thế gian thì chắc chắn Ngài đâu có chịu chết trên Thánh Giá, và như thế chúng ta sẽ ra sao trước án phạt của tội lỗi...?

Khôn Ngoan Thế Gian là một triệu chứng của bệnh Ích Kỷ và Cá Nhân Chủ Nghĩa. Theo cổ nhân, những người mắc bệnh này thường "suốt ngày đàn đúm, không nói về nghĩa lý, mà

chỉ thích làm những chuyện khôn vặt." (quần cư chung nhật, ngôn bất cập nghĩa, hiếu thành tiểu tuệ: Luận Ngữ).

Khôn Ngoan Thế Gian là căn bệnh phổ thông của những người Việt Nam và Do Thái.

Hai dân tộc thông minh nhất Á Châu, một tại cực Tây là Do Thái, một tại cực đông là Việt Nam, đã phải trải qua nhiều gian lao thử thách nhất. Lý do thứ nhất là vì Do Thái và Việt Nam nằm trên con đường di dân và chinh phục của các đế quốc từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Lý do thứ hai là vì hai dân tộc này quá thông minh tài trí nên thường hay tính toán suy xét hơn thiệt và đặt quyền lợi cá nhân trên quyền lợi cộng đồng. Cũng vì vậy mà Do Thái đã bị xóa tên trên bản đồ thế giới trong hai ngàn năm. Và Việt Nam cũng đã lâm vào cuộc chiến tranh trường kỳ trong 30 năm để rốt cuộc chính chúng ta ngày nay phải chịu cảnh ly tán.

Nhưng rồi dân tộc Do Thái đã giác ngộ, đã bỏ sự tính toán vị kỷ để khôi phục tinh thần cộng đồng và khôi phục đất nước.

Đến bao giờ người Việt chúng ta mới bỏ được những hành động tiểu tuệ, biết nói những lời công nghĩa, làm những việc công ích để quang phục quê hương?

10. Thứ Mười Là Bệnh Bè Phái Chia Rẽ:

Có thể nói đây là bệnh trầm kha nhất trong cộng đồng. Kêu gọi đoàn kết thì dễ, nhưng chỉ đoàn kết một chiều, theo ý mình, theo phe phái mình. Đức Tổng Giám Mục kể: "Một hôm Cha Xứ nọ loan báo mời giáo hữu trong giáo xứ đến dự lễ an táng những người gây chia rẽ. Giáo dân đi dự lễ rất đông, vì họ vừa ngạc nhiên, vừa tò mò muốn biết các kẻ gây chia rẽ đó là ai. Giữa nhà thờ có đặt một quan tài chưa đậy nắp. Cha xứ làm mọi nghi thức thường lệ, rồi đến bên quan tài, mời mọi người đến xem người quá cố. Lạ thay, ai nhìn vào trong quan tài cũng đều thấy mặt mình: từ Cha Xứ, đến các chức sắc, cũng như tất cả giáo dân đều thấy chính mình gây chia rẽ, nằm trong quan tài. Thì ra, Cha Xứ đã có sáng kiến đặt một tấm gương soi mặt trong quan tài, nên ai nhìn vào cũng thấy mặt mình, để thức tỉnh mọi người hiểu rằng mỗi người đều có trách nhiệm về hành động gây chia rẽ trong giáo xứ.

Người nói: "Nếu đem quan tài đi chôn thì chôn tất cả mọi người trong giáo xứ. Còn nếu ai cũng tự thấy lỗi mình và sám hối sửa đổi lại thì không cần phải tranh cãi hay tuyên truyền gì nhiều, mà chỉ cần thông cảm, biết đoàn kết lại với nhau."

Đức Tổng Giám Mục Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận kết luận:

"Đó cũng là điều tôi xin cầu chúc ông bà anh chị em cùng chung sức xây dựng Cộng Đồng Người Việt hải ngoại — cụ thể là Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam Giáo Phận San Diego, được càng ngày càng thêm tốt đẹp, xứng đáng là một trong những cộng đồng sắc dân định cư thành công vẻ vang tại Hoa Kỳ. (Cả nhà thờ vỗ tay vang dội).

Thân ái chào ông bà và anh chị em."

Tại Liên Hiệp Quốc năm 1995 Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô Đệ Nhị đã nói về vai trò của đoàn kết trong cuộc đấu tranh cho Công Lý và Nhân Quyền:

"Đoàn kết là yếu tố quyết định sự thành công của cuộc cách mạng bất bạo động chống lại những chính quyền thiết lập trên tuyên truyền và khủng bố. Đoàn kết là sức mạnh tinh thần của những người dân bị trị, là nguồn hy vọng hướng dẫn con người trong cuộc hành trình lịch sử để thực hiện những hoài bão cao đẹp nhất của lương tri nhân loại."

Chính sự đoàn kết dấn thân của thanh niên nam nữ Đông Âu và Trung Âu đã đưa ra cuộc Cách Mạng Bất Bạo Động 1989 tới thành công.

"Động lực tinh thần của phong trào đòi tự do trên thế giới đã dẫn tới cuộc cách mạng bất bạo động năm 1989 tại Đông Âu và Trung Âu. Biến cố này đã dạy ta rằng khát vọng tự do không thể bị đàn áp, rằng nhân phẩm cao quý vô giá phải được thừa nhận, rằng chế độ độc tài trước hết là một xâm phạm về phẩm giá bất khả chuyển nhượng của con người.

Cách mạng 1989 thành công là nhờ sự đoàn kết dấn thân của các thanh niên nam nữ được thúc đẩy bởi sức mạnh của một viễn kiến sâu xa theo đó con người có minh triết và đạo lý, có trí thông minh để suy nghĩ và tự do để lựa chọn con đường phải đi.

... Chúng ta phải vượt qua sự lo sợ tương lai. Chúng ta không được quyền lo sợ con người. Vì con người được cấu tạo cùng một bản thể với Đấng Tạo Hóa nên có đủ minh triết và đạo lý. Nhờ Ơn Trên, con người có khả năng xây dựng một nền văn minh nhân bản, và một nền văn hóa tự do cho thế kỷ và thiên niên kỷ sắp tới đây. Chúng ta có thể làm được việc này. Chúng ta có nghĩa vụ phải làm! Hành động như vậy, chúng ta sẽ được chứng kiến một mùa xuân mới của lương tri nhân loại nối tiếp một thế kỷ đầy nước mắt đau thương."●

"LÒNG NHÂN ĐẠO" CỦA NHỮNG KẺ GIẾT NGƯỜI

(Trả lời thư bạn đọc)

NGUYỄN MINH CẦN

Vừa qua, tôi vui mừng nhận được thư của ông H., một độc giả từ Lincoln, Hoa Kỳ, gửi đến, sau khi ông đọc bài của tôi đăng trên tạp chí "Thế Kỷ 21" nhan đề *"Cảm nghĩ khi đọc bài CÁCH NHÌN VÀ CÁI BIẾT."* Ông đã góp ý kiến khá xác đáng về cái tên của "một Nhạn Đà nào đấy" là tác giả bài báo đả kích tướng Trần Độ. Tôi xin thành thực cám ơn ông về điều đó. Đồng thời ông đã nêu cho tôi hai câu hỏi mà tôi thấy cần trả lời cho ông, và luôn thể cả cho nhiều bạn đọc khác.

Vụ thảm sát gia đình Nga hoàng

A. Trong thư, ông kể: "Hồi tháng 10-11 năm 1977, lúc tôi còn ở trong trại tù của cộng sản Việt Nam, suốt ngày được nghe đài Tiếng nói Việt Nam ra rả ca ngợi thành quả của 'cách mạng' tháng10 Nga, chả là vì năm 1977 kỷ niệm 60 năm cuộc 'cách mạng' ấy, nên họ làm rùm beng lắm. Trong những điều ba hoa trên đài, tôi đặc biệt chú ý đến một tin nhỏ là nhân dịp kỷ niệm 60 năm 'cách mạng' tháng 10 'vĩ đại,' vì 'lòng nhân đạo,' Liên Xô đã phóng thích hàng ngàn tù nhân học tập cải tạo tốt, trong đó có công chúa út của Nga hoàng. Số là khi nổ ra 'cách mạng' tháng 10/1917, cả gia đình Nga hoàng hình như bị thanh toán sạch, chỉ trừ có công chúa út 12 tuổi được xem là chưa có tội nên thoát chết, nhưng vẫn bị đưa đi Siberie để cải tạo, tẩy não cho trở thành 'người tốt.' Và từ năm 1917, cô công chúa mới 12 tuổi ấy đã phải lao động cải tạo ở vùng Siberie lạnh giá ròng rã đến năm 1977, tức là 60 năm sau, lúc này đã trở thành cụ già 72 tuổi mới được tha về... Lúc ấy, nằm trong tù, tôi tự nhủ: 'Đúng, 72 tuổi, cho về, giỏi lắm vài năm nữa thì chầu tổ tiên, hết nguy hiểm cho xã hội là... cái chắc!" Ông H. muốn hỏi tôi, chuyện ấy thực hư như thế nào? Sao tôi không viết gì về chuyện ấy?

Tôi xin trả lời. Việc cả gia đình Nga hoàng bị thảm sát hồi năm 1918 đã có nhiều sách, báo trên thế giới viết rồi. Ở Nga, từ năm 1991, cũng đã xuất bản nhiều sách và đăng hàng trăm bài báo về đề tài này. Trong thời gian qua, nhà báo và là một chiến sĩ đấu tranh cho nhân quyền, cô Hoàng Dung (Bùi Thị Lan Hương) cũng đã viết bài về cái chết của gia đình Nga hoàng cuối cùng của nước Nga đăng trên báo chí tiếng Việt ở Hoa Kỳ, nên tôi thấy không cần viết về đề tài đó nữa. Tuy nhiên, ông đã hỏi thì tôi cũng xin vắn tắt thưa rõ sự việc đó như sau.

Ngày 27.2.1917 (theo lịch cũ), cách mạng dân chủ giành được chính quyền ở thủ đô Petrograd. Hai ngày sau, Nga hoàng Nikolai đệ nhị tuyên bố thoái vị và bảy ngày sau, chính phủ lâm thời của cách mạng dân chủ đã quyết định bắt giữ Nga hoàng và Nga hậu. Cả gia đình Nga hoàng bị giữ tại Hoàng Thôn, sau được đưa đến một nơi khác là Tobolsk. Dưới thời chính phủ lâm thời, tiếng là bị giam giữ, nhưng họ được đối xử tử tế, được đi lại tương đối thoải mái. Đến ngày 25.10 (ngày 7.11 theo lịch mới), những người bolshevik (tức là những người cộng sản Nga) gây ra cuộc đảo chính, lật đổ chính phủ lâm thời để cướp chính quyền về tay họ. Sự biến đó họ gọi là

'cách mạng' xã hội chủ nghĩa tháng 10. Từ đó, những người bolshevik đối xử với gia đình Nga hoàng khắt nghiệt hơn nhiều. Họ đã chuyển gia đình Nga hoàng đến nhiều nơi, với sự canh gác nghiêm ngặt của công an mật vụ. Địa điểm cuối cùng gia đình Nga hoàng bị chuyển đến là thành phố Ekaterinburg, nơi giam giữ là ngôi nhà của Ipatiev. Gia đình Nga hoàng bị giam giữ tại đây gồm có: Nga hoàng Nikolai Alexandrovich Romanov, Nga hậu Alexandra Fiodorovna, con gái cả, công chúa Olga 22 tuổi, con gái thứ hai, công chúa Tatiana 20 tuổi, con gái thứ ba, công chúa Maria 18 tuổi, con gái thứ tư, công chúa Anastasia 16 tuổi, con trai út, thái tử Aleksei 14 tuổi. Ngoài ra, còn có các gia nhân là bác sĩ Botkin, chị người hầu Demidova, anh người hầu Trupp và ông nấu bếp Kharitonov. Cả thảy 11 người.

Đêm 16 rạng ngày 17.7.1918 (theo lịch mới), những người bolshevik đã tàn sát toàn bộ gia đình Nga hoàng, không sót một ai. Họ cũng giết tất cả các gia nhân, từ ông bác sĩ, cho đến hai người hầu và ông nấu bếp. Thậm chí, đến cả... con chó nhỏ giống Nhật Bản của công chúa Anastasia cũng bị giết. Như vậy là không có một công chúa nào trong gia đình Nga hoàng thoát chết và được cái 'đặc ân'... đi 'cải tạo' ở Siberie để rồi cuối cùng được thả ra cả, như 'con vịt' to tướng mà ông cùng các tù nhân trong trại 'cải tạo' đã được đài Hà Nội thết đãi nhân dịp 60 năm 'cách mạng' tháng 10. Xin nói thêm là sau khi gây xong cuộc thảm sát rùng rợn kia, quân giết người, gồm toàn bọn công an mật vụ làm theo lệnh cấp trên của chúng, liền được lệnh phi tang ngay trong đêm đó: chúng chở các tử thi đến một cái hầm mỏ cũ, chặt đầu, phân thây thành mảnh, vứt xuống đó, rồi rưới xăng đốt, khi thấy đốt không cháy hết thì chúng đổ axit sunfuric xuống và ra về. Sau đó, người ta cho công bố một tin ngắn trong đó có những câu: 'Trong những ngày gần đây, ở thủ đô vùng Ural đỏ, tức là thành phố Ekaterinburg, đã khám phá ra âm mưu của bọn phản cách mạng muốn đoạt từ tay chính quyền Xô-viết tên đao phủ đã đăng quang (ý nói Nga hoàng Nikolai - NMC). Trước tình hình đó, chủ tịch đoàn Xô-viết vùng Ural quyết định bắn Nikolai Romanov, và quyết định đó được thi hành ngày 16.7. Vợ và con trai của Nikolai đã được đưa đến một nơi an toàn.'

Cũng xin nói thêm: ngoài việc giết toàn bộ gia đình Nga hoàng cùng các gia nhân, những người bolshevik còn lần lượt giết cả những người trong hoàng tộc Romanov còn ở lại trên đất nước Nga, chẳng hạn: Đại Nữ Công tước Elizavetta Fiodorovna, Đại Công tước Sergei Mikhailovich, Công tước Ioan Konstantinovich, Công tước Konstantin Konstantinovich, Công tước Igor Konstantinovich, Công tước Vladimir Pavlovich Paleya, tất cả các vị trên đều bị giết tại thành phố Alapaevsk, còn Đại Công tước Mikhail Alexandrovich bị giết tại Perm. Họ bị giết chỉ vì có một cái 'tội' là người trong hoàng tộc, chứ họ không hề có hành động nào chống đối chế độ mới cả!

Tôi kể lại các sự kiện thực tế nói trên mà không bình phẩm vì thiết nghĩ các sự kiện đó tự chúng đã nói rất nhiều rồi. Có điều tôi muốn nói thêm là dưới chính quyền Xô-viết thì không ai dám tìm hiểu thực hư về việc hành quyết Nga hoàng. Tuy vậy, hồi đó, ở trong vùng Bạch quân kiểm soát, thì cũng đã có những cuộc điều tra khách quan và cụ thể về vụ thảm sát hèn hạ gia đình Nga hoàng Nikolai đệ nhị. Những cuộc điều tra đó đã được nêu ra trong cuốn sách 'Vụ Thảm Sát Gia Đình Nga Hoàng,' mà tác giả là Nikolai Sokolov (1882-1924), một dự thẩm viên phụ trách điều tra các vụ án đặc biệt quan trọng của Tòa án khu Omsk ở vùng Bạch quân, chính ông được giao điều tra về vụ thảm sát gia đình Nga hoàng. Những kết luận của N.Sokolov trước đây, sau này đã được các nhà sử học và các người điều tra tình nguyện ở Nga xác minh và bổ sung đầy đủ, cho ta thấy một bức tranh toàn cảnh phơi bày bộ mặt thật của những người bolshevik. Điều may mắn hiếm có là sau khi Liên Xô sụp đổ, nhờ một người dân địa phương báo cho biết, Alexandre Avdonin và những người điều tra tình nguyện khác đã tìm được di cốt của những người trong gia đình Nga hoàng ở hầm mỏ cũ, nơi trước đây bọn công an mật vụ xô-viết đã vứt những mảnh xác của những người trong gia đình Nga hoàng. Phần lớn các sọ đã được tìm thấy, trừ sọ của thái tử Aleksei và công chúa Maria. Cuộc nhận dạng được tiến hành rất khoa học và rất công phu bởi nhiều nhà bác học thuộc nhiều cơ quan khoa học khác nhau (giám định pháp y, hình sự học...) của nhiều nước (Nga, Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản...) trong nhiều năm, cùng với việc dựng lại chân dung theo sọ người bằng phương pháp của nhà nhân chủng học - điêu khắc M.Gherasimov, cùng với hàng

trăm cuộc giám định khác nhau được thực hiện ở Anh, Hoa Kỳ, Nga... đã giúp xác định được di cốt từng nạn nhân trong gia đình của Nga hoàng. Đúng 80 năm sau khi bị giết vô cùng tàn bạo, di cốt bị dập vùi, bị nhục mạ, bị hành hạ triền miên, cuối cùng, vào một ngày tháng 7 năm 1998, các nạn nhân trong vụ thảm sát này được chính quyền của nước Nga mới mai táng trọng thể theo nghi lễ nhà nước ở khu mộ dành cho các Nga hoàng. Tổng thống Liên bang Nga Boris Yeltsin cùng nhiều quan chức nhà nước đã tham dự lễ mai táng. Còn Đại Giáo chủ Aleksi II và hàng giáo phẩm cao cấp của Giáo hội Chính Thống giáo Nga đã không tham gia lễ mai táng vì lý do riêng (!?) của họ.

Sau đây là ý kiến của nhiều nhà sử học về vụ thảm sát này:

1/ Những người bolshevik Nga, do Lenin cầm đầu, hồi đó đã có âm mưu tận diệt những người trong hoàng tộc Romanov một cách hoàn toàn không thương xót; sự tàn bạo của họ lên đến cực điểm, hầu như không còn nhân tính, nên họ đã giết cả trẻ con hoàn toàn vô tội, giết cả những người lao động hoàn toàn vô can như bác sĩ, những người hầu, người nấu bếp, thậm chí con chó nhỏ cũng không thoát chết.

2/ Biết là việc quá bất nhân, hoàn toàn phi nghĩa, nhưng những người bolshevik vẫn cứ làm, vừa làm, họ lại vừa sợ dư luận lên án, nên họ làm chùng lén, ám muội, đồng thời cố bịa đặt ra những lý do hoàn toàn vô căn cứ để biện minh cho việc giết người; các thủ đoạn dối trá của họ rất trắng trợn. Sau đây là lời của tiến sĩ sử học Alexandre Avdonin, người đã có công tìm thấy di cốt của những người trong gia đình Nga hoàng: 'Năm 1918, và cả những năm sau nữa, những người bolshevik đã ra sức chẳng những để xóa hết mọi dấu vết tội ác của họ ở Ekaterinburg, mà còn bằng mọi cách, tạo ra những chứng cớ giả nhằm làm rối loạn bức tranh lịch sử khủng khiếp đó cốt để không một ai và không bao giờ tìm ra được sự thật. Và phải nói là họ đã thành công không ít trong việc này.' Nhưng có lúc việc làm của họ cũng thật lộ liễu và ngu ngốc đến lố bịch, chẳng hạn, dưới thời Brejnev, theo đề nghị ngày 26.7.1975 của chủ tịch KGB Andropov, Trung ương đảng cộng sản Liên Xô đã quyết định san bằng cả ngôi nhà của Ipatiev để không còn chứng tích tội ác khủng khiếp của họ! Ông B.Yeltsin hồi bấy giờ là bí thư tỉnh ủy Sverdlov (từ năm 1991 tỉnh và thành phố này được lấy lại tên cũ là Ekaterinburg, tức là thành phố mang tên Nữ hoàng Ekaterina) đã chấp hành mệnh lệnh đó mà sau này ông thành thực sám hối. Thế nhưng, ngôi nhà đã bị san phẳng rồi mà lòng thương tiếc của dân chúng đối với gia đình Nga hoàng cho đến nay vẫn không nguôi: tại chỗ nền nhà cũ của Ipatiev, dân chúng đã góp tiền xây một Nhà nguyện để tưởng niệm những người bị đảng cộng sản giết oan.

3/ Để giấu hành động tội ác của cấp trên, những người bolshevik làm như tuồng quyết định giết người chỉ là của chủ tịch đoàn Xô-viết vùng Ural, làm như tuồng trước đó trung ương không biết gì, hoặc không quyết định, hoặc sau đó chỉ tán thành mà thôi. Thực ra, N. Sokolov và nhiều nhà sử học đã tìm được bằng chứng và giải mã nhiều bức điện mật tỏ rõ rằng Yakov Sverdlov, lúc bấy giờ là Chủ tịch Ban chấp hành Xô-viết toàn Nga, là một trong những lãnh tụ của đảng cộng sản Nga, người thân cận nhất của Lenin hồi đó, đã quyết định việc giết hại gia đình Nga hoàng. Nhiều người cho là cả Lenin cũng đã tham gia quyết định này, chỉ có điều là cho đến nay không tìm được chứng cớ trực tiếp, chỉ có những bằng chứng gián tiếp mà thôi.

Trong vụ này, còn nhiều điều khác nữa, nhưng thôi, xin tạm dừng ở đây vậy.

Vụ thả tù nhân ở Việt Nam

Ông H. hỏi tôi: sao không viết gì về vụ Hà Nội vừa qua thả tù nhân chính trị, hoặc không nhân vụ thả tù đó để viết một bài về sự tàn bạo của những người cộng sản Việt Nam từ năm 1945 đến nay. Tôi xin nói rõ trong mấy năm qua tôi đã viết nhiều bài nói lên những nỗi oan khuất của nhiều người qua nhiều vụ đàn áp vô căn cứ và phi pháp dưới chế độ của những người cộng sản với mục đích chính là để đòi công bằng xã hội, đòi công lý cho các nạn nhân, để kêu gọi những người cầm quyền sám hối và giải oan cho các nạn nhân. Những bài đó đã được nhà xuất bản Văn Nghệ (Hoa Kỳ) tập hợp lại và in thành sách với nhan đề 'Công Lý Đòi Hỏi.' Còn về vụ thả tù gần đây thì tôi xin nêu vài ý kiến sau đây:

1/ Trước hết, tôi đề nghị chúng ta không dùng chữ 'ân xá,' 'đặc xá' hoặc 'được tha' đối với các tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm, vì những chữ đó xúc phạm danh dự của họ; thực tế thì họ không có tội gì đối với Tổ quốc

và dân tộc mà phải 'xá,' phải 'tha' cả.

2/ Như mọi khi, Hà Nội tuyên bố họ thả tù vì 'lòng nhân đạo.' Nói vậy thôi, chứ trong thâm tâm, chắc gì họ đã tin lời họ nói! Còn dân chúng Việt Nam, cũng như nhân dân thế giới chắc chắn là không ai tin lời nói tầm phào đó. Nếu họ có lòng nhân đạo thì họ đã không giam cầm, đày đọa trong nhiều năm trời hàng ngàn tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm (kể cả những người đã từng đứng cùng trong hàng ngũ với họ, như các vụ án Nhân Văn - Giai Phẩm, Xét lại - chống Đảng, Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ, Hoàng Minh Chính-Đỗ Trung Hiếu, Lê Hồng Hà-Hà Sỹ Phu-Nguyễn Kiến Giang...), và hàng chục vạn người trước đây đã làm việc trong chế độ cũ. Nếu họ có lòng nhân đạo thì họ đã không thi hành chính sách kỳ thị đối với vợ con của tất cả các nạn nhân nói trên. Hành động này của họ làm cho bao nhiêu người đã phải chết thảm trong chốn tù ngục, gây ra bao nhiêu khốn khổ, bao nhiêu bi kịch cho số phận con người. Đã thế mà họ còn dám nói đến 'lòng nhân đạo'! Thẳng thắn mà nói, nếu không có sức ép của dư luận thế giới, của các tổ chức nhân quyền quốc tế, của Nghị viện châu Âu, của các chính phủ Âu Mỹ và bản thân chế độ Hà Nội không gặp khó khăn về mọi mặt như hiện nay, thì còn lâu Hà Nội mới nhớ tới 'lòng nhân đạo.'

3/ Xin lưu ý rằng trong số 5219 người tù được thả vừa qua tuyệt đại đa số là tù hình sự. Theo Hiệp hội Nhân quyền Quốc tế (IGFM), chỉ có 16 tù nhân chính trị và tù nhân lương tâm được thả mà thôi, mà đó là những người tù nổi tiếng nhất và có 'thế thần' nhất, nghĩa là những người được dư luận thế giới, được các tổ chức nhân quyền quốc tế nêu đích danh rõ ràng, được chính phủ các nước trực tiếp can thiệp với Hà Nội: Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, các Thầy Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Linh Mục Đinh Viết Hiếu, Thầy Châu Đạt, các ông Phạm Tường, Đồng Tuy, Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Văn Châu, Bùi Kim Đính, Trần Hữu Duyên, Lý Tống, Trần Mạnh Quỳnh và Phạm Anh Dũng (ba người sau đã dùng đến phương thức đấu tranh có tính chất bạo động, nhưng vẫn được thả vì có sự vận động của các chính phủ Âu Mỹ). Cho đến nay, trong số những người nổi tiếng được thế giới lên tiếng can thiệp, vẫn còn nhiều người bị giam cầm trong các nhà tù, như các ông Nguyễn Đình Huy, Nguyễn Ngọc Tân, Phạm Văn Thành, các Thầy Không Tánh, Nhật Ban, Huệ Đăng, Thiện Minh, Linh Mục Phạm Minh Trí, Mục Sư Tổ Đình Trung..., hoặc bị giam cầm theo lối quản chế dựa vào cái nghị định 31/CP phát xít, hoàn toàn vi hiến, như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đại Đức Thích Trí Tựu, nhà thơ Bùi Minh Quốc, nhà khoa học Hà Sỹ Phu, nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự... Hơn nữa, còn rất nhiều (chính phủ Hoa Kỳ nói trên 200, nhiều tổ chức nhân quyền nói có cả ngàn) tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm, những người chưa được dư luận biết đến nhiều, thì Hà Nội vẫn cứ tha hồ quên 'lòng nhân đạo' và giữ rịt họ mãi trong tù.

4/ Vì thế cho nên nhiệm vụ của các người dân chủ, các chiến sĩ nhân quyền, của mọi người có lương tâm là phải tiếp tục đấu tranh để đòi thả tất cả các tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm trong tất cả các nhà tù ở Việt Nam. Trong việc này, ta nên theo lời khuyên của cố Viện sĩ Andrei Sakharov, chiến sĩ nhân quyền nổi tiếng toàn thế giới: 'Hãy sưu tầm và công bố tất cả tên những ai bị bắt bớ tù đày vì đấu tranh chống chế độ cực quyền, vì đòi tự do dân chủ, hãy gọi đích danh từng người, đừng bỏ sót một ai cả, đừng bỏ quên một người nào cả! Hãy kịp thời tố cáo bất cứ một hành động đàn áp khủng bố nào của kẻ cầm quyền đối với bất cứ người nào đấu tranh cho dân chủ và tự do.' Đừng quên rằng Hà Nội còn nhiều mưu mô, thủ đoạn đánh lừa dư luận thế giới, như từ trước đến nay họ đã nhiều lần đánh lừa được. Đừng nghe họ nói sắp tới sẽ thả thêm 3000 tù nữa mà cứ khoanh tay chờ đợi. Phải đấu tranh không ngừng, vì ngày nào còn tồn tại chế độ cực quyền cộng sản, ngày đó còn chuyên chính vô sản, thì vẫn còn có tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm. Cái bản chất của chế độ cực quyền là như thế, nó không thể đứng vững được nếu không đàn áp, khủng bố, bắt bớ, tù đày những người bất đồng chính kiến.●

31.10.98

* Nếu tôi có khả năng hiểu được mọi sự, đó chỉ là vì tôi có khả năng yêu thương mọi sự.

Leo Tolstoy

* Sự khác biệt giữa kiến thức và sự thông tuệ là ở chỗ bạn có thể chia sẻ với người khác kiến thức của bạn.

Herman Hesse

DỊCH IMPEACHMENT LÀ ĐÀN HẶC

CAM VĂN

Nhật báo *Người Việt* ở California đã dùng từ "Đàn hặc" để nói về vụ Tổng thống Mỹ Bill Clinton bị đưa ta Quốc hội luận tội. Một số đồng nghiệp ở Quận Cam không chịu, có độc giả nói họ không hiểu hai chữ Đàn hặc nghĩa là gì. Như ông Nguyễn Vinh, nêu câu hỏi qua e-mail, viết rằng: "Yêu cầu quý báo cho biết danh từ Đàn hặc ... xuất phát từ đâu? Cha sinh mẹ đẻ đến nay mới được nghe lần đầu. Tôi chẳng hiểu gì về danh từ này....." Và sau đây báo *Người Việt* trả lời:

Người Việt chọn từ ngữ *"Đàn hặc"* để dịch các tiếng Anh *Impeach* (động từ) và *Impeachment* (danh từ), với hai tiêu chuẩn: 1) từ ngữ có sẵn trong tiếng Việt ý nghĩa giống như chữ tiếng Anh, và 2) có giá trị tương đương trong khung cảnh chính trị, pháp lý, và lịch sử.

Vậy chữ Impeachment trong khung cảnh chính trị, luật pháp và lịch sử nước Mỹ có ý nghĩa thế nào? Tự điển tiếng Anh *Webster's New Universal...* 2nd edidion, 1972, cho biết từ ngữ này gốc chữ Pháp cổ: động từ *empescher* (nay viết là empêcher) và danh từ *empeschement,* chỉ có nghĩa là ngăn cấm. Sang tiếng Anh, những từ này trong luật pháp có nghĩa là "hài tội hoặc truy tố" (accusation or charge) một viên chức làm sai trái trong khi thi hành nhiệm vụ (misconduct in office.)

Nhưng trong lịch sử chính trị Hoa kỳ, từ này còn có ý nghĩa riêng biệt. Điều 4, chương II của Hiến pháp Mỹ viết rằng "Tổng thống, Phó Tổng thống, và mọi viên chức dân sự có thể bị "bãi chức khi bị đàn hặc về, và kết án vì, các tội phản bội, tham ô, hay các tội hình và vi phạm luật nghiêm trọng" (*removed from office on impeachment for, and conviction of, treason, bribery, or other high crimes and misdemeanors.*") Người Mỹ áp dụng điều khoản đó như thế nào?

Theo thủ tục ở Mỹ, các dân biểu Hạ viện sẽ bỏ phiếu mở cuộc điều tra để đàn hặc, gọi các nhân chứng, luận tội, rồi quyết định có làm thủ tục đàn hặc hay không. Làm thủ tục đàn hặc nghĩa là Hạ viện bỏ phiếu thông qua "quyết định đàn hặc" - article of impeachment - để đưa nội vụ lên Thượng viện xử. Điều 3, Chương I Hiến pháp Mỹ nói Thượng Viện có quyền xét xử mọi vụ đàn hặc. Đối với một Tổng thống thì phiên họp Thượng viện phải do Chánh án Tối cao Pháp viện chủ tọa và cần hai phần ba nghị sĩ có mặt đồng ý mới kết tội được. Năm 1868 Tổng thống Andrew Johnson, vị Tổng thống Mỹ duy nhất đã bị đàn hặc và xét xử, được tha bổng vì chỉ thiếu đúng một phiếu mới đủ hai phần ba. Cái ông nghị sĩ khó tính bỏ phiếu chống đó, lại thuộc đảng đối lập với ông Johnson, nay vẫn được coi là một tấm gương can đảm. Hiến pháp Mỹ rõ ràng phân biệt hai chuyện, đàn hặc và truy tố ra tòa án thường. Nếu một tổng thống Mỹ bị huyền chức sau khi đàn hặc, hay từ chức trước khi bị đàn hặc, thì theo Hiến pháp, còn có thể bị truy tố sau khi rời chức vụ, để xử ở tòa án thường. Vì vậy mà sau khi ông Nixon từ chức năm 1974 để khỏi bị đàn hặc, Tổng thống Ford kế vị đã ký lệnh ân xá các tội của ông ta, khỏi phải ra tòa án thường hỏi tội.

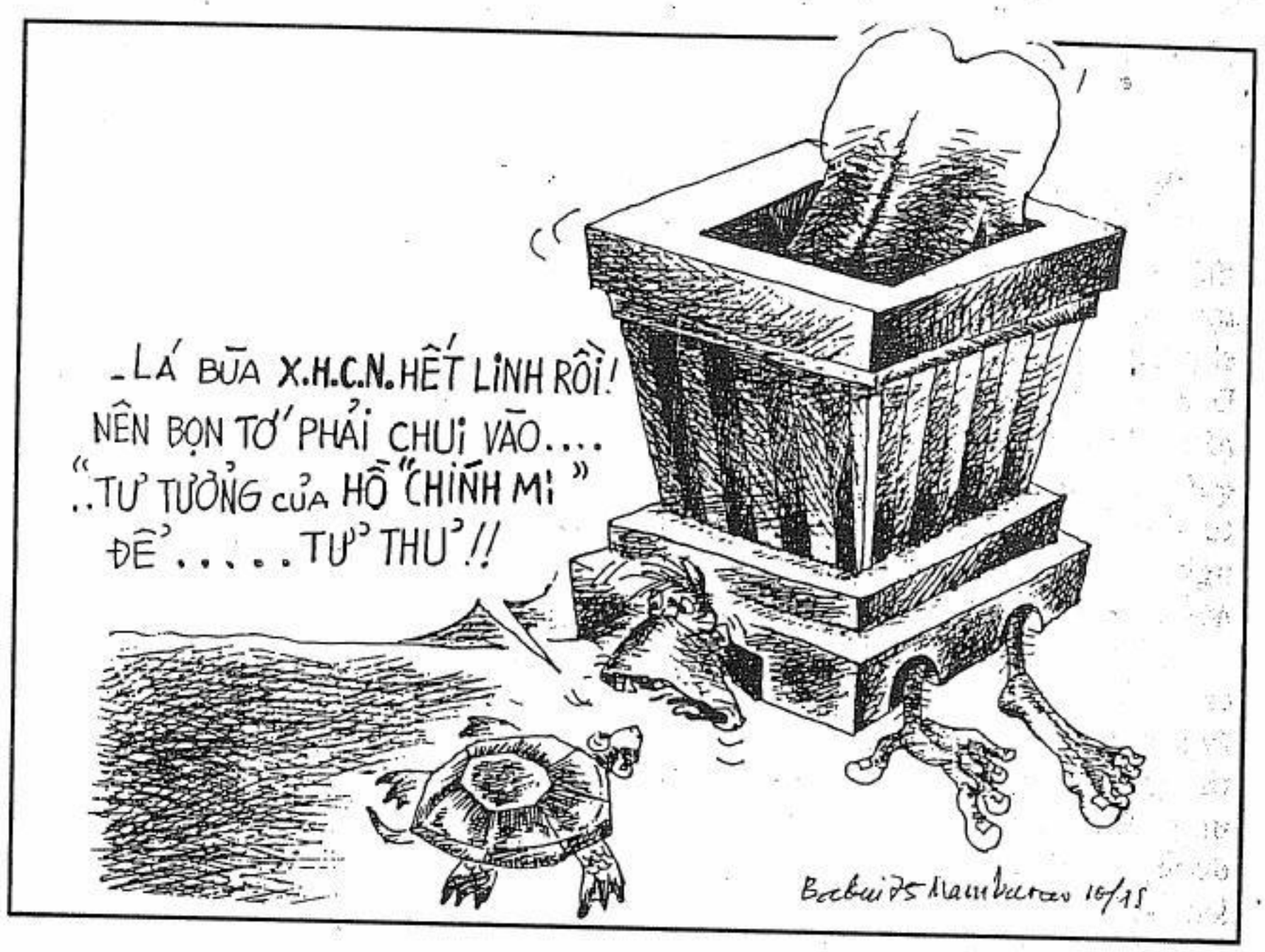
Nhiều tờ báo và đài phát thanh tiếng Việt, kể cả các đài bên Anh, Pháp, đôi khi dịch Impeachment là "truất phế," hoặc "kết tội," chắc không đúng nghĩa. Nếu câu "Tổng thống

Andrew Johnson bị impeached năm 1868," được dịch là ông ta bị kết án, hay bị truất phế, thì sai. Ông Johnson có bị đàn hặc, nhưng Thượng viện Mỹ thiếu đúng một phiếu để kết tội và truất phế ông. Hiến pháp Mỹ phân biệt ba hành động: đàn hặc (Impeachment,) là việc của Hạ viện; kết án (conviction) và huyền chức (remove from office,) là việc của Thượng viện. Thực ra, impeachment không phải là một hành động, mà là cả một diễn trình sau khi điều tra, trong đó có hạch tội, luận tội, và sau cùng, thấy đáng tội Hạ viện tội mới bỏ phiếu cho quyết định đàn hặc, article of impeachment. Trong tự điển Bách Khoa Funk&Wagnalls của Mỹ, họ công nhận nhiều người nhầm impeachment với truất phế.

Bên Pháp, tuần báo Express dùng luôn chữ Impeachment, in nghiêng để cho độc giả biết là tiếng ngoại lai. Giáo sư Tôn Thất Thiện cho biết nhiều đài tivi ở Pháp, Bỉ, dùng cụm từ "procédure de destitution," thủ tục bãi chức. Vì impeachment là một thủ tục đặc biệt ở Mỹ và Anh, và ít khi được sử dụng, cho nên ngay người Mỹ cũng hiểu lầm, và người nước khác càng thấy khó kiếm một từ tương đương.

Dịch Impeachment là kết tội, hay truất phế thì không sát nghĩa. Nhưng tại sao lại dùng hai chữ "Đàn hặc" thay vì dịch là "truy tố," một tiếng thông dụng hơn? Chính vì chữ Impeach trong tiếng Anh cũng không phải là một từ thông dụng. Từ truy tố áp dụng cho tòa án thường, không phải thủ tục impeach ở Quốc hội Mỹ. Người Mỹ không impeach một người ăn cướp hoặc lái xe khi say rượu, chỉ impeach một viên chức (cao cấp) phạm lỗi trong khi thi hành nhiệm vụ. Và trong lịch sử, họ mới impeach các bộ trưởng, chánh án, tổng thống thôi, còn các vụ ăn hối lộ hay lạm quyền của cấp dưới cũng chỉ bị truy tố tại tòa án thường, không cần lên Thượng viện xử. (Có vị chánh án bị đàn hặc rồi bị mất chức chỉ vì say rượu trong lúc đang xử án.)

Hạ viện Mỹ khi quyết định đàn hặc cũng không theo thủ tục tòa án, ngay trong việc xác định tội danh. Nghĩa là quyết định đàn hặc luôn luôn mang tính cách chính trị, trong khi truy tố là hành động thuần pháp lý. Chúng ta sẽ thấy điều đó khi Hạ viện Mỹ cãi nhau coi



các hành vi của ông Clinton có đáng bị đàn hặc hay không. Như cựu Tổng thống Ford nói (khi ông còn là trưởng khối Cộng hòa tại Hạ viện): "Một tội được coi là đáng bị đàn hặc khi nào đa số dân biểu đồng ý như vậy." Cho nên chúng ta không nên dùng chữ truy tố dịch chữ impeach, để khỏi lẫn lộn hai hành động pháp lý và chính trị khác nhau.

Từ Đàn hặc có người coi là khó hiểu, ít dùng, nặng hơn là lập dị. Thì cũng như khi chúng ta viết một vị hòa thượng đã "viên tịch," thay vì dùng chữ "chết" mà ai cũng hiểu. Từ "Đàn hặc" đã được dùng trong tiếng Việt từ lâu. *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức, xuất bản năm 1931 giải thích Đàn hặc là "Vạch tội." Và Tự điển này cho một

câu thí dụ: "Chức Ngự sử phải giữ việc đàn hặc các quan." (Trang 106, bản chụp in lại ở Californiia.) *Từ điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn Ngữ học, in năm 1992 tại Hà Nội cũng giải thích Đàn hặc là "tố giác tội lỗi của quan lại." Và cho thí dụ "Dâng sớ đàn hặc một cận thần." *Việt Nam Tự điển* của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ có chữ Đàn hạch, nhưng yêu cầu độc giả "xem chữ Đàn hặc," và giải nghĩa Đàn hặc là "Vạch ra để chỉ trích, gạn hỏi gắt gao," với thí dụ "Quyền đàn hặc của dân."

Trong từ kép Đàn hặc, cả hai chữ đều có nghĩa là hỏi tội, "đàn" 弹 có ý xét hỏi để chê trách, "hặc" 劾 có nghĩa rõ hơn, liên hệ đến tội lỗi. *Hán Việt Tự điển* của Thiều Chửu cho thí dụ: "Làm quan có lỗi tự thú tội mình gọi là Tự Hặc." Chức Ngự sử đã có trong triều đình nước ta ít nhất từ đời Trần Thái Tông (1225-1258), thì hai chữ đàn hặc chắc đã được dùng từ thời đó. Tức là các quan lại cao cấp ở Việt Nam từng bị đàn hặc từ hơn 700 năm nay rồi — nhưng chắc chưa có quan Ngự sử nào mẫn cán như Công tố viên Starr, nên chưa có bản phúc trình đầy đủ chi tiết nào về những tội giống ông Bill Clinton đã làm hoặc để cho người khác làm.

Chúng ta hay dùng hai chữ Hặc (chữ Hán) và Hạch (chữ nôm) lẫn với nhau, như trong Tự điển của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ. Có thể giả thuyết rằng tiếng "Hạch" (hạch hỏi) gốc từ chữ Hặc mà ra, hoặc đó là hai cách đọc của cùng một chữ. Trong tự điển Hán Việt không thấy chữ Hạch nào với nghĩa "hạch tội." *Đại Nam Quốc Âm Tự vị* của Huỳnh Tịnh Của viết chữ Hạch (nôm) giống với Hặc, chữ Hán (Bộ lực bên chữ Hợi.) Vì hai chữ dùng lẫn nhau được nên trong *Việt Nam Sử lược* Trần Trọng Kim viết về triều Gia Long: "Ngoài Lục bộ lại có Đô Sát viện để giữ việc can gián vua và **đàn hạch** các quan." (trang 411, bản Tân Việt in lần thứ bảy, năm 1968.) Nhưng ghép một tiếng Hán (Đàn) với tiếng Nôm (Hạch) thì không thích hợp bằng Việt hóa cả hai chữ gốc Hán, như lối viết trong *Việt Nam Tự điển* của hội Khai Trí Tiến Đức và *Từ điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn Ngữ.

Giống như từ Impeachment trong tiếng Anh, Đàn hặc cũng được dùng đặc biệt về việc hỏi tội các viên chức cao cấp đã phạm khi họ thi hành chức phận, chứ không dùng trong các vụ án thường. Cũng như người ta dùng chữ "băng hà" thay vì "chết" khi vua qua đời. Giống như thủ tục impeachment tại Hạ viện Mỹ, các Ngự sử đàn hặc các quan lại chỉ vạch tội của họ ra, còn việc kết tội hay khoan hồng, xử phạt nặng nhẹ ra sao, nhà vua quyết định — giống trách nhiệm của Thượng viện Mỹ.

"Vì vậy," báo *Người Việt* viết, "chúng tôi thấy dịch Impeachment là Đàn hặc có lẽ thích hợp hơn cả. Từ ngữ này ít thông dụng vì lâu nay ở nước ta các bậc vua quan không ai bị đàn hặc, cùng lắm họ bị "Xử lý nội bộ" thôi. Nhưng nếu dịch Impeachment là Xử lý nội bộ thì chắc không ổn! Vì thế tạm dịch là Đàn hặc, hy vọng dùng mãi sẽ thành quen. Không những người mình nên làm quen lại với một từ ngữ cũ, mà cũng cần phải làm quen lại với một khái niệm cổ xưa, là không để ai vượt lên trên luật pháp, các quan chức cao nhất cũng có thể bị hỏi tội. Xử lý nội bộ với nhau không đủ. Thí dụ ông Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình. Sau khi hàng trăm viên chức cấp dưới bị bắt vì tham nhũng, lạm quyền, hình phạt nặng nhất xử ông ta là "trục xuất khỏi Ban chấp hành Trung ương Đảng." Bây giờ mà ông Clinton bị xử lý nội bộ, trục xuất khỏi đảng Dân chủ thôi thì sướng quá! ◉

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

NGUYỄN TẤT THÀNH (HỒ CHÍ MINH) ĐÃ XIN PHÁP GIÚP ĐỠ TIẾN THÂN VÀ BÁO HIẾU

LÊ VĂN TIẾN

LTS: *Trước đây, hai sử gia Vũ Ngự Chiêu và Nguyễn Thế Anh đã công bố một lá thư của Nguyễn Tất Thành (tên thật của Hồ Chí Minh) vào năm 20 tuổi, xin học Trường Thuộc địa, nơi huấn luyện nhân viên phục vụ cho bộ máy cai trị thuộc địa của chính phủ Pháp. Gần đây, chúng tôi được ký giả lão thành Lê Văn Tiến cung cấp những bản chụp do ông thực hiện tại văn khố của Pháp, trong đó, có hai lá thư xin học của Nguyễn Tất Thành, các văn thư tham khảo trong chính phủ Pháp, cũng như lá thư từ chối của Trường Thuộc địa. Một tài liệu khác là đơn Nguyễn Tất Thành xin Khâm sứ Trung Kỳ giúp cho thân phụ là cụ Nguyễn Sanh Huy một chức quan nhỏ.*

Tài liệu của ông Lê Văn Tiến nhan đề **"Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc, trước và sau khi là người Cộng Sản,"** *còn nói thêm về lá thư gửi Hội Quốc Liên do Nguyễn Thế Truyền và Phan Văn Trường soạn nhưng ký tên Nguyễn Ái Quốc, và một bản cung khai với bộ máy công an Pháp, của Trần Phú, Tổng Bí Thư đầu tiên của Đảng Cộng Sản Đông Dương, trong đó ông ta nói về người vợ của Hồ Chí Minh ở Trung Hoa.*

Vì tài liệu khá dài, chúng tôi xin chia làm nhiều phần, trong phần đầu là các lá thư xin học và xin việc cho thân phụ của Nguyễn Tất Thành, tức Hồ Chí Minh.

Sau đây là tài liệu do ông Lê Văn Tiến biên soạn.

*

Về thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Tất Thành rồi Nguyễn Ái Quốc, v.v..., rồi đến Hồ Chí Minh, có những điều người ta chỉ được biết mơ hồ và hy vọng có thể tìm thấy rõ hơn trong rất nhiều tài liệu được lưu trữ tại các văn khố của những nước mà ông ta đã sống và làm việc, tại các tổ chức và các cơ quan mà ông đã hợp tác, ở Pháp, ở Anh, ở Liên Xô cũ, ở Trung Hoa, ở Xiêm và ngay cả ở Việt Nam. Có những thời gian mà hành tung của ông ta rất là mơ hồ, thiếu sót và hơn thế nữa, thật hoặc giả khó mà phân biệt.

Trước hết là năm sinh. Cho đến nay các nhà sử học vẫn chưa quả quyết Nguyễn Tất Thành sinh năm nào. Trong tập sách nhỏ nhan đề *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch,* (người viết ký tên là Trần Dân Tiên, đã được xác nhận là một bút hiệu của Hồ Chí Minh), năm sinh được ghi là 1890 (1). Nhưng trong đơn đề ngày 15 tháng 9 năm 1911 của Nguyễn Tất Thành xin vào học Trường Thuộc Địa của Pháp ở Paris lại khai năm sinh là 1892.

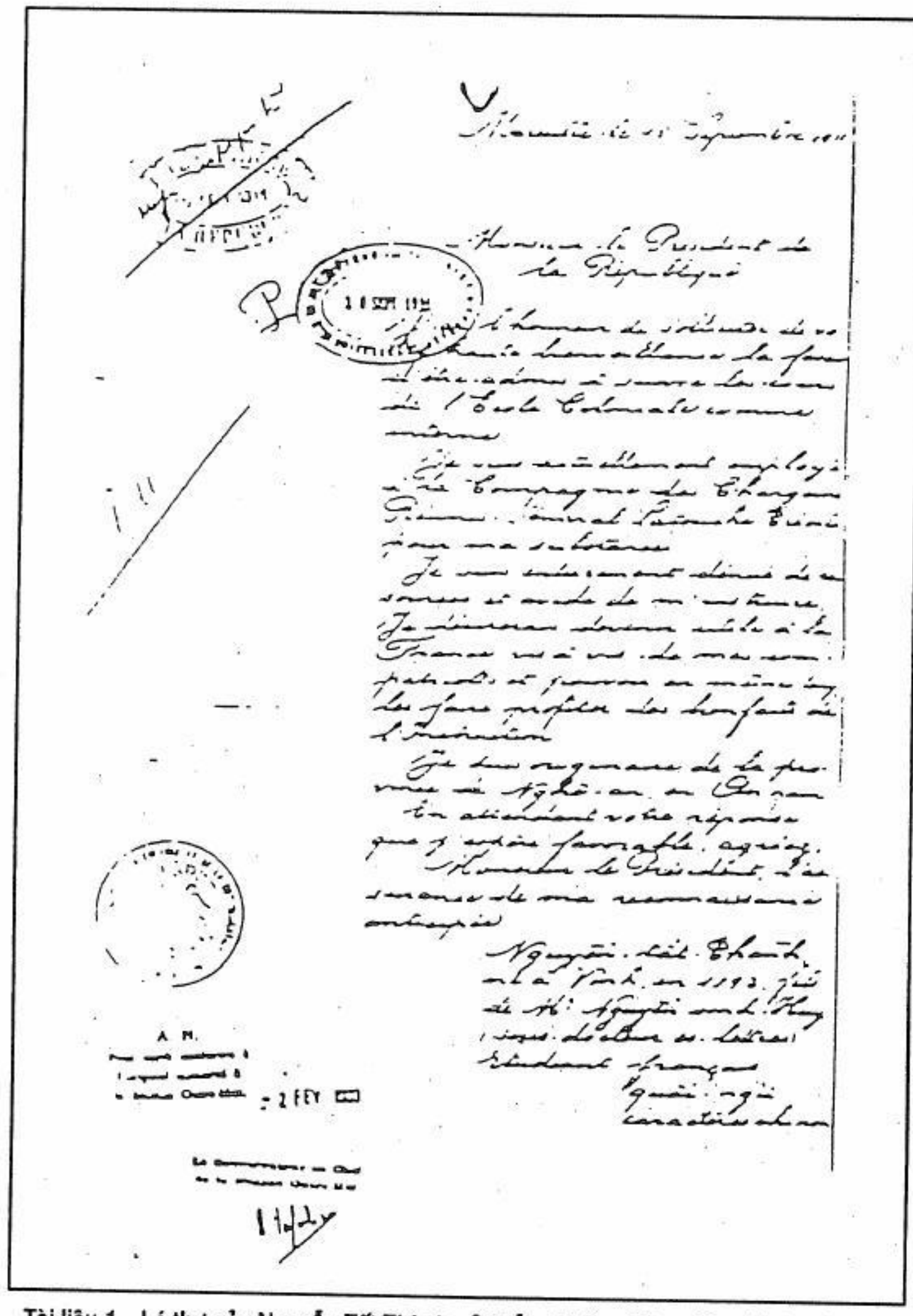
Thứ đến là ý nguyện khi ra đi năm 1911 của người thanh niên mang tên Nguyễn Tất Thành là như thế nào? Có phải là người thanh niên đó "ra đi để tìm đường cứu nước" như lời xưng tụng của những đệ tử sau này? Hoặc là, cũng như hầu hết những người khác, ông bỏ

quê quán ra đi để tìm một đời sống khá hơn và điều kiện lập thân, tạo sự nghiệp?

Sau nữa, cái tên Nguyễn Ái Quốc là do đâu mà có? Người ta biết rằng trong những năm sau Chiến Tranh Thế Giới lần thứ Nhất, Nguyễn Ái Quốc là bút hiệu chung của một nhóm trí thức người Việt sống tại Pháp chống chế độ thuộc địa. Hai cây bút chính của nhóm người Việt Nam này là Nguyễn Thế Truyền và Phan Văn Trường (2). Vậy Nguyễn Tất Thành được uỷ nhiệm đứng tên — hoặc tự nhận — là Nguyễn Ái Quốc từ bao giờ?

Trong Văn Khố Quốc Gia của Pháp có lưu trữ nhiều tài liệu về Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Tại Trung Tâm Văn Khố Hải Ngoại (CAOM) ở Aix En Provence có một thùng tài liệu ghi: "*Hồ sơ Nguyễn Ái Quốc,*" mã số INDO-HCI-SPCE //1116 mà người nghiên cứu có thể đến tham khảo và được sao chép tự do. Bộ hồ sơ này gồm hàng ngàn trang tài liệu, chia làm nhiều phần, trong đó có phần sưu tập những bản thủ bút ký tên Nguyễn Tất Thành, hoặc Paul Tatthanh. Các chuyên gia giảo nghiệm tuồng chữ đã dùng những thủ bút này để so sánh với những thủ bút về sau ký tên Nguyễn Ái Quốc.

Dưới đây là một tài liệu sao từ bản gốc bằng tiếng Pháp dịch sang tiếng Việt, đối chiếu với tài liệu viết do Trần Dân Tiên và do một số môn đệ khác viết về thời kỳ 1911-1920 của Nguyễn Tất Thành Nguyễn Ái Quốc. Để giữ tính khách quan, người sưu tầm không đưa ra ý kiến riêng, chỉ thêm chú thích khi cần, như vậy có lẽ người đọc tự mình tìm ra những nhận xét đích đáng hơn.



Tài liệu 1 - Lá thư của Nguyễn Tất Thành gửi Tổng Thống Cộng Hòa (Pháp) đề ngày 15-9-1911, trong đó ông ta tự khai sinh năm 1892 ở Vinh.

Việc ra đi

Trong tập "Những mẩu chuyện...," Trần Dân Tiên viết (trích dẫn):

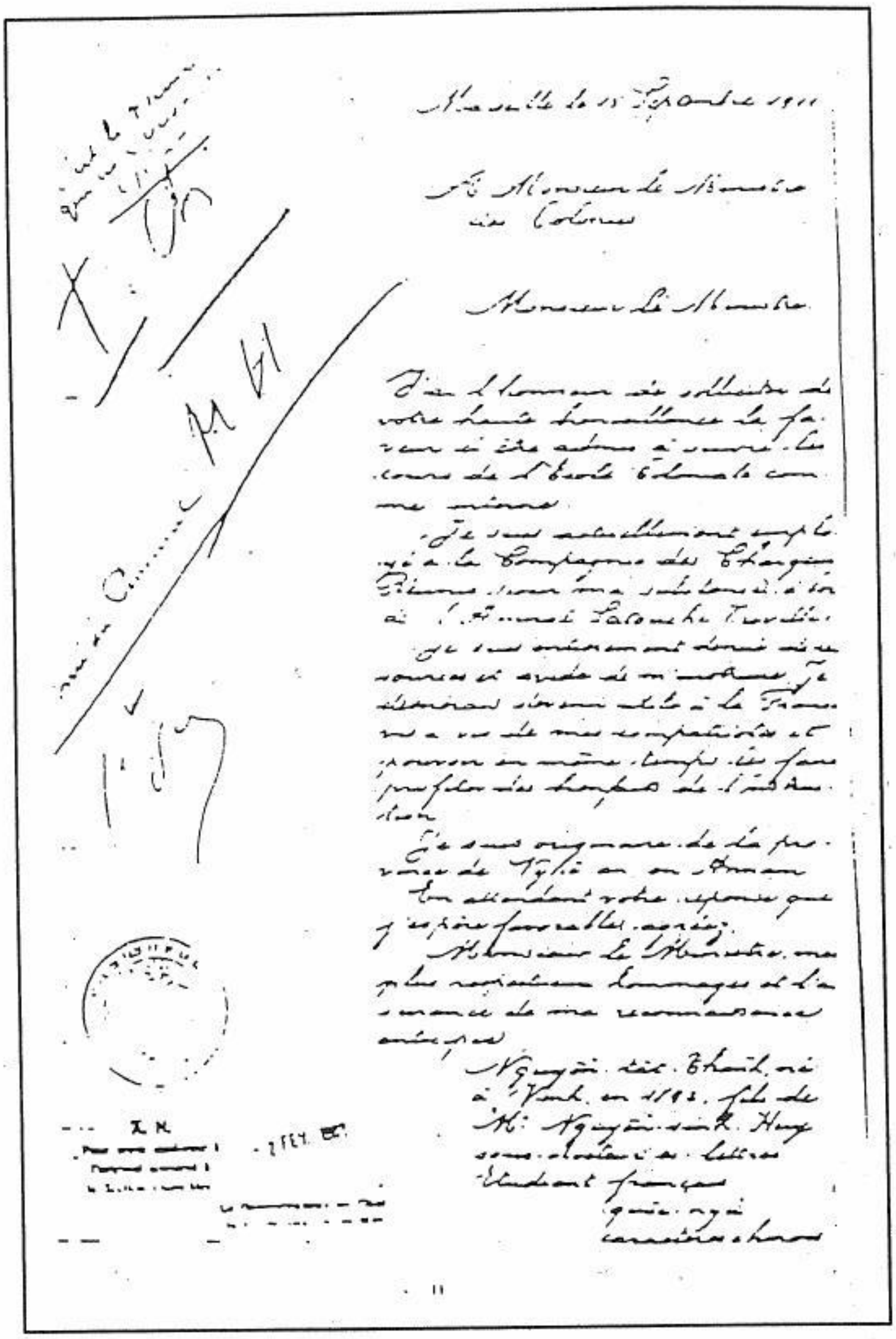
Hồ Chủ tịch sinh năm 1890 (trang 8)... *Năm 1907, lần đầu tiên nông dân các tỉnh Trung Bộ nổi dậy chống thuế* (trang 9)... *Đó là tình trạng trong và ngoài nước, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là* người thiếu niên mười lăm tuổi... *Người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ Anh đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh đã tham gia công tác bí mật,*

nhận công việc liên lạc. (trang 10)

Tàu biển mà Nguyễn Tất Thành xin được việc làm để nhờ đó sang Pháp có tên là Amiral Latouche Tréville của Compagnie des Chargeurs Réunis. Công ty này có trụ sở chính ở Paris và chi nhánh ở cảng Le Havre. Chuyến tàu cặp bến Le Havre ngày 15 tháng Bảy, 1911 (3).

Ý nguyện - Tìm sự nghiệp

Hai tháng sau khi tới Pháp, Nguyễn Tất Thành có ý định thôi việc làm lao động dưới tàu biển để đi học. Tham vọng của anh ta lúc này đã khá lớn. Trường anh ta muốn xin vào học là Ecole Coloniale (Trường Thuộc Địa) trực thuộc Bộ Thuộc Địa. Trường này chuyên đào tạo viên chức trung cấp và cao cấp để phái đi làm quan cai trị tại các thuộc địa. Đơn xin học của Nguyễn Tất Thành trước đây đã được một số các sử gia công bố, nay góp thêm cho hồ sơ được đầy đủ.



Tài liệu 2 - Lá thư giống như trong Tài liệu 1, gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa "A Monsieur le Ministre des Colonies"

Hồ sơ xin vào học Trường Thuộc Địa của Nguyễn Tất Thành gồm 5 tài liệu:

1. Đơn viết từ Marseille ngày 15 tháng 9 năm 1911, gửi Tổng Thống Cộng Hòa, xin được nhận làm sinh viên nội trú của Trường Thuộc Địa.

2. Đơn viết từ Marseille ngày 15 tháng 9 năm 1911, gửi Bộ Trưởng Bộ Thuộc Địa (nội dung giống như đơn trên).

3. Phiếu chuyển từ Paris ngày 27 tháng 9 năm 1911 của Bộ Trưởng Bộ Thuộc Địa gửi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Thuộc Địa.

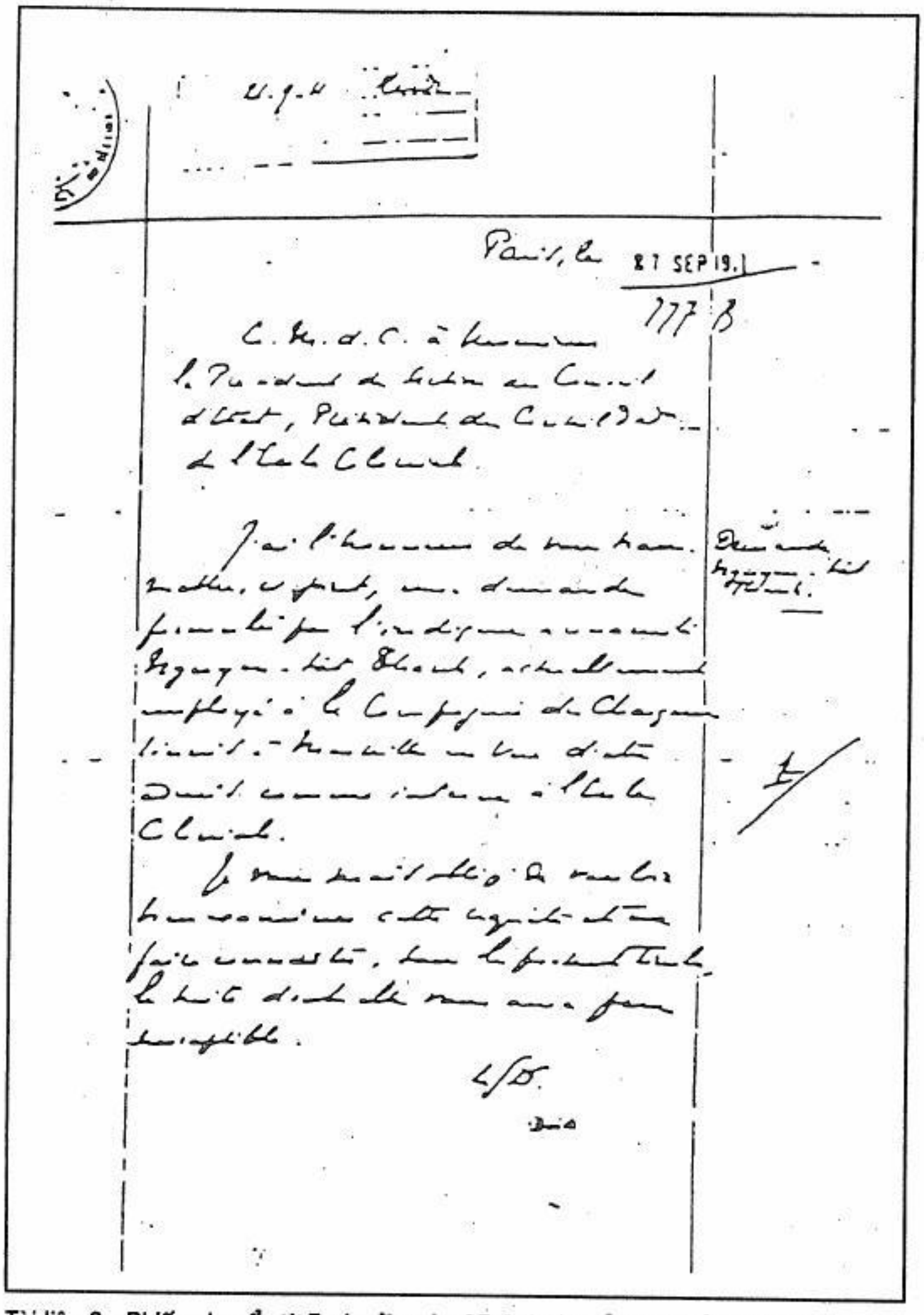
4. Văn thư từ Paris ngày 12 tháng 10 năm 1911 của Chủ tịch HĐQT Trường Thuộc Địa gửi Bộ trưởng BTĐ v/v Nguyễn Tất Thành, nội dung: Không thể cứu xét đơn của Nguyễn Tất Thành bởi vì học sinh Ban bản xứ của Trường TĐ phải do Phủ Toàn Quyền Đông Dương tuyển mộ và gửi sang.

5. Văn thư từ Paris ngày 21 tháng 10 năm 1911 trả lời Nguyễn Tất Thành. Nội dung: như đã trình bày với Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa: rất tiếc không thể chấp nhận.

Đơn của Nguyễn Tất Thành xin theo học Trường Thuộc Địa gửi Tổng thống Pháp và gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa y hệt nhau, thư viết tay, một trang, tiếng Pháp, nguyên văn như sau (hình chụp kèm theo).

Tài liệu 1.

Marseille le 15 Septembre 1911



Tài liệu 3 - Phiếu chuyển từ Paris đề ngày 27-9-1911 của Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa gửi Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Trường Thuộc Địa.

Monsieur le Président de la République

J'ai l'honneur de solliciter de votre haute bienveillance la faveur d'être admis à suivre les cours de l'École Coloniale comme interne.

Je suis actuellement employé à la Compagnie des Chargeurs Réunis (Amiral Tréville Latouche) pour ma substance (4).

Je suis entièrement dénué de ressources et avide de m'instruire. Je désirerais devenir utile à la France vis à vis de mes compatriotes et pouvoir en même temps les faire profiter les bienfaits de l'instruction.

Je suis originaire de la province de Nghệ-an en Annam.

En attendant votre réponse que j'espère favorable, agréez, Monsieur le Président, l'assurance de ma reconnaissance anticipée.

Nguyễn Tất Thành
né à Vinh, en 1892, fils
de Mr. Nguyễn Sinh Huy
(sous-docteur es-lettres)
Etudiant francais, quốc ngữ, caractères chinois

Dịch:

Marseille ngày 15 tháng Chín 1911

Kính gửi Ngài Chủ Tịch Nước Cộng Hòa

Tôi hân hạnh xin Ngài ban đặc ân là cho tôi được nhận cho theo học Trường Thuộc Địa làm sinh viên nội trú.

Hiện tôi đang làm tại Công ty Chargeurs Réunis, tàu Amiral Tréville Latouche để có kế sinh nhai.

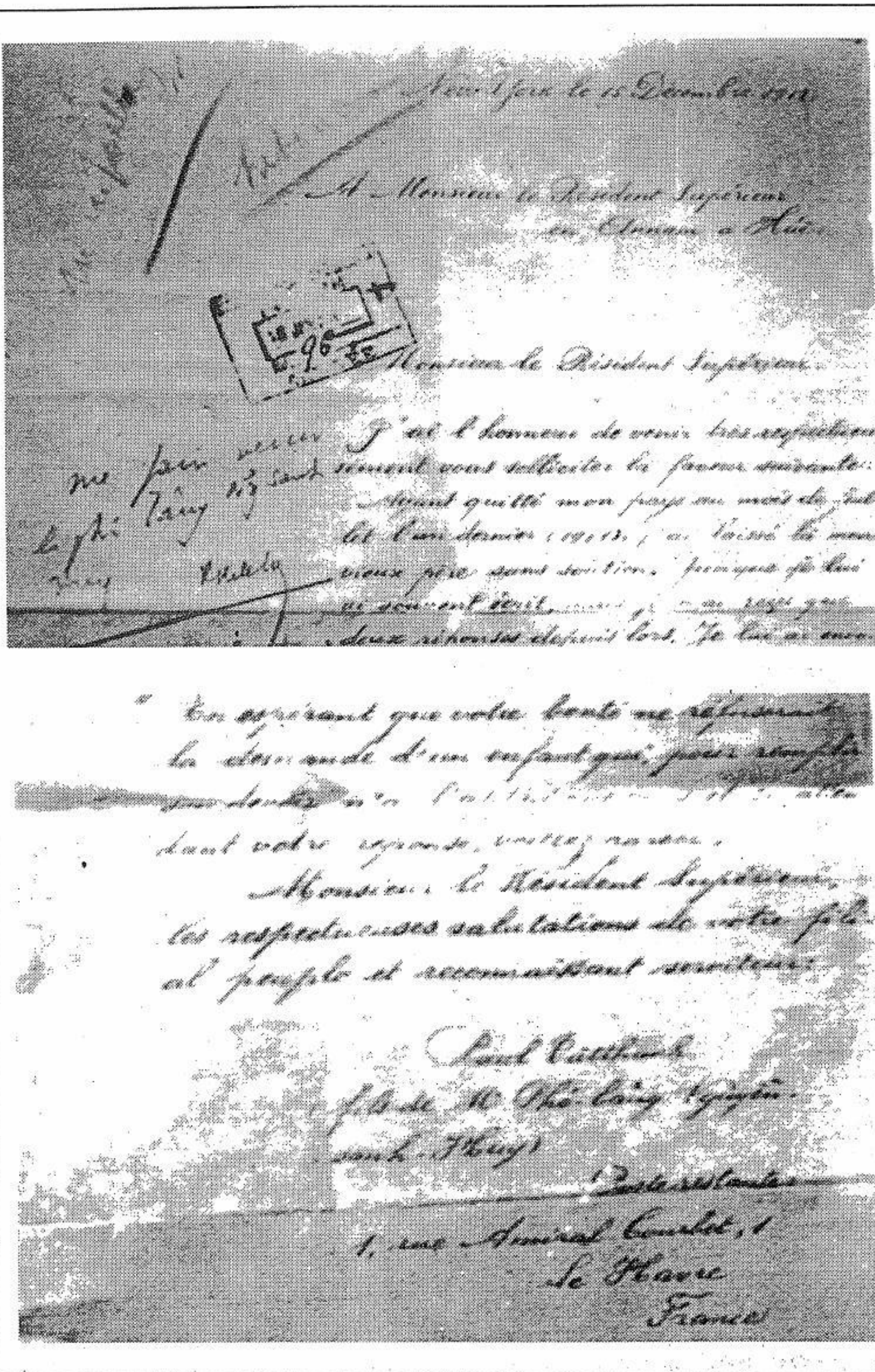
Tôi hoàn toàn không có nguồn lợi tức nào và tôi khao khát được học. Tôi mong muốn được phụng sự nước Pháp đối với những đồng bào tội và đồng thời có thể giúp họ được hưởng những lợi ích của học vấn.

Tôi gốc người Nghệ-an ở Trung kỳ.

Trong khi chờ đợi phúc đáp của Ngài mà tôi mong là thuận lợi, Thưa Tổng Thống, tôi xin Ngài nhận cho lòng biết ơn sâu xa của tôi.

Nguyễn Tất Thành
Sinh tại Vinh, năm 1892
Con của Ông Nguyễn Sinh Huy (phó bảng)
Sinh viên học tiếng Pháp, quốc ngữ, chữ Hán

Tài liệu 4 (dịch):
Bộ Thuộc Địa
Trường Thuộc Địa
Hội đồng Quản trị
CỘNG HÒA PHÁP QUỐC
Tự do - Bình đẳng - Huynh đệ
Paris ngày 12 tháng Mười 1911
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Thuộc Địa



Tài liệu 8: Thư của Nguyễn Tất Thành gửi Khâm Sứ Trung Kỳ xin giúp cụ Phó bảng Nguyễn Sanh Huy

(Sở Nhân Viên - Ban 1)

Thưa Ông Bộ Trưởng,

Do công văn đề ngày 27 tháng Chín 1911 (số 777-) Ngài đã chuyển cho tôi một thư của người An-nam tên Nguyễn Tất Thành xin được thâu nhận vào ban bản xứ của Trường Thuộc Địa.

Tôi trân trọng trình Ngài rằng đơn xin này không thể cứu xét được: đúng theo sự quy định của điều 1 của nghị định ngày 30 tháng Tư 1910, các học sinh Ban bản xứ đều phải do Phủ Toàn Quyền Đông Dương gửi sang.

Tôi gửi kèm theo đây thư của thanh niên Nguyễn Tất Thành.

Ký tên, đóng triện

Tài liệu 5 (dịch):

Paris ngày 21 tháng Mười năm 1911

Ông Nguyễn Tất Thành,

nhân viên La Compagnie des Chargeurs Réunis, tàu Amiral Latouche Tréville, Marseille

Thưa ông,

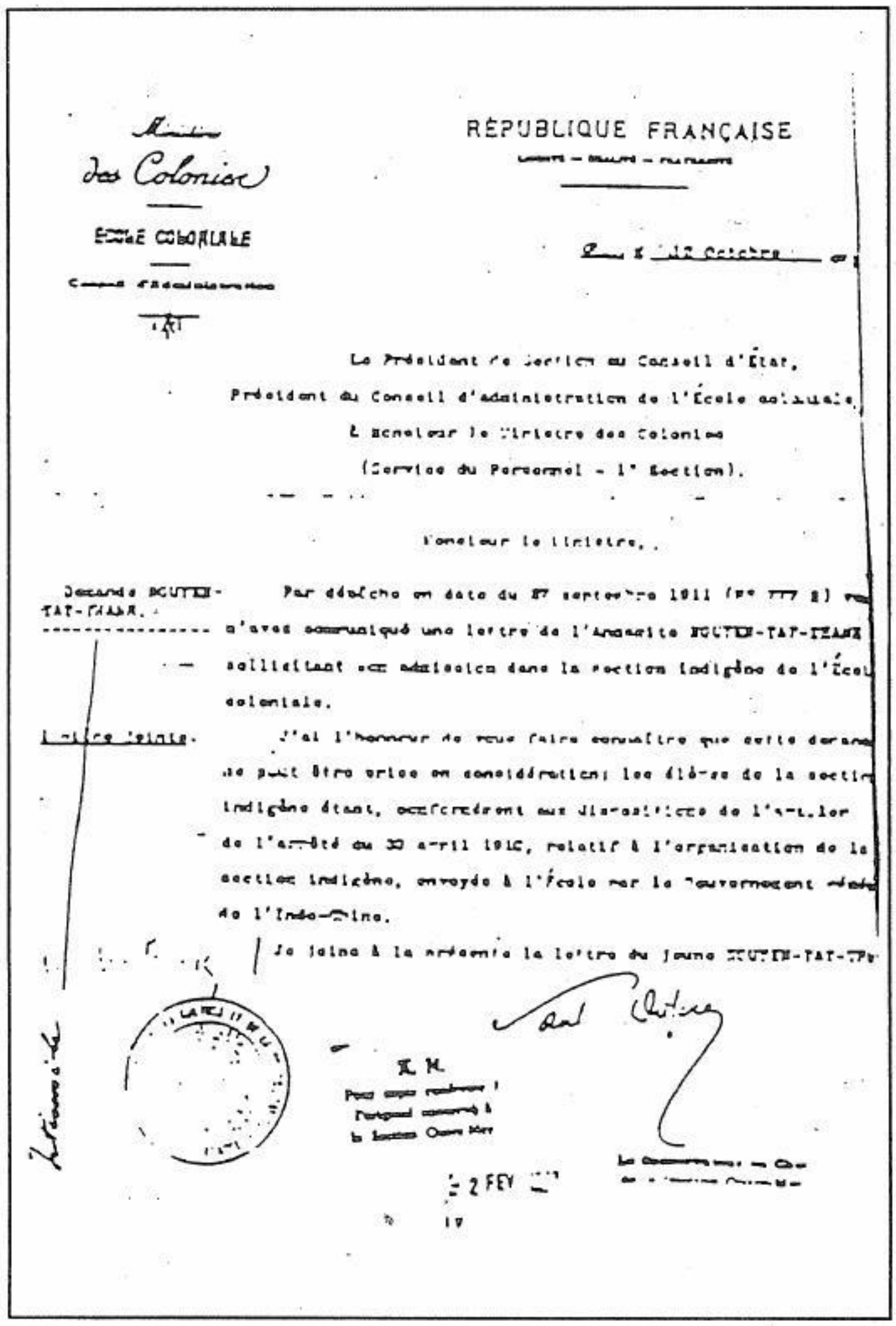
Ông đã gửi cho tôi đơn xin được nhận làm nội trú Trường Thuộc Địa.

Tôi hân hạnh báo cho ông biết theo qui định của điều thứ nhất trong Nghị định ngày 30 tháng Tư năm 1910 về tổ chức Ban bản xứ dành cho Phủ Toàn Quyền Đông Dương,

Tôi không thể chấp nhận đơn xin của ông và tôi rất lấy làm tiếc.

Giám đốc

điện. Số lần gửi tiền về nước là ba lần, tổng số tiền đã gửi không rõ là bao nhiêu, nhưng theo lời anh ta thì ông Phó bảng chỉ nhận được có một lần.



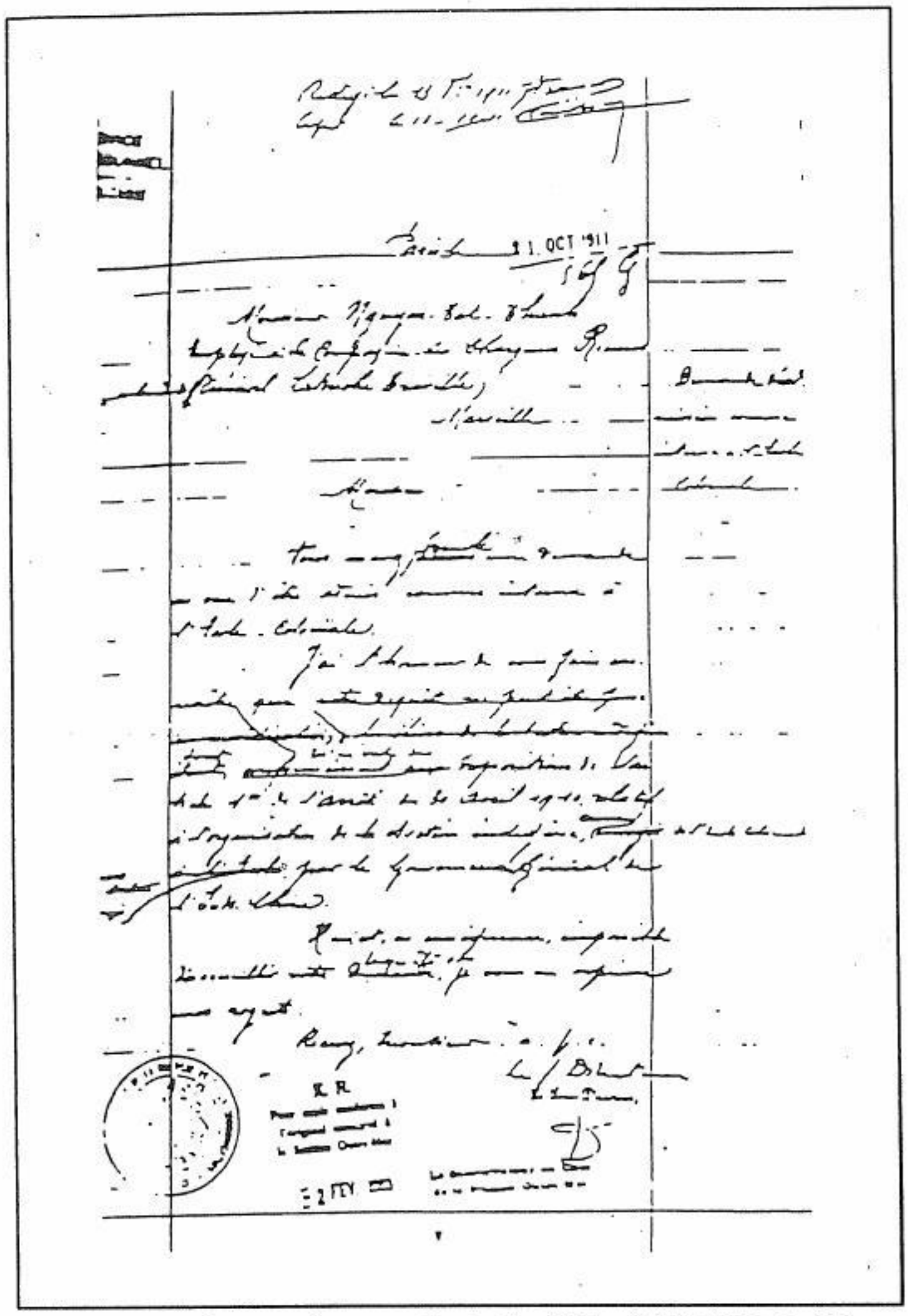
RÉPUBLIQUE FRANÇAISE

Tài liệu 4 - Văn thư của HĐQT Trường Thuộc Địa gửi Bộ Trưởng Bộ Thuộc Địa cho biết lý do không thể cho Nguyễn Tất Thành vào học.

Mùa đông năm sau, 1912, tàu Đô đốc Latouche Tréville đi một chuyến sang Châu Mỹ. Khi tới Hoa Kỳ ghé bến New York, Nguyễn Tất Thành không rõ có gửi tiền từ New York về cho gia đình hay không, chỉ được biết anh ta viết thư thẳng cho quan chức cầm quyền, cao nhất của Pháp ở Trung kỳ và viên Khâm sứ. Thư bày tỏ hai điều. Một là xin cho biết địa chỉ của cha để có thể gửi tiền về hằng tháng. Hai là xin Khâm sứ giúp cho cha mình có việc làm để có lương ăn. Việc làm mà

Năm 1912 Nguyễn Tất Thành xin việc cho thân phụ

Sau khi bị bác đơn xin vào làm học sinh nội trú Trường Thuộc Địa, Nguyễn Tất Thành tiếp tục làm công dưới tàu Amiral Latouche Tréville. Trong năm đầu tiên sống và làm việc ở Pháp, anh ta đã dành dụm tiền để gửi về cho cha là ông Phó bảng Nguyễn Sanh Huy. Tiền được gửi về bằng ngân phiếu qua đường bưu



Tài liệu 5 - Thư của Giám đốc Trường Thuộc Địa gửi Nguyễn Tất Thành từ chối không nhận cho học

Nguyễn Tất Thành muốn xin cho cha là một chân thừa biện trong một bộ nào đó của Chính phủ Nam triều ở Huế, hoặc là được làm một chân huấn đạo hay giáo thụ để đi dạy chữ Nho.

Sau đây là ba tài liệu, ảnh chụp kèm theo, tìm thấy trong tập lưu trữ các thủ bút của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc trong bộ hồ sơ CAOM về việc đương sự xin gửi tiền và xin việc làm cho cha.

Tài liệu 6: Công văn MẬT số 877-S từ Sài Gòn ngày 5 tháng Mười Hai 1923 của Sở Công An Nam Kỳ gửi Giám đốc Nha Chính Trị và Công An, Phủ Toàn Quyền Đông Dương. Dịch:

Cảnh Sát Đông Dương NAM KỲ

Sở Công An

Công văn kín Số 877-S

Saigon, ngày 5 tháng Mười Hai 1923

Gửi Ông Giám Đốc Nha Chính Trị và Tổng Nha Công An tại Phủ Toàn Quyền ở HANOI

MẬT

Phúc đáp công văn Kín số 2261 SG ngày 25 tháng Mười Một 1923,

Gửi Ngài kèm theo đây một tấm hình chụp lá thư đã nói đến trong công điện của tôi số 125 gửi ngày 13 tháng Mười Một vừa qua.

Bản chính lá thư này đã được Quan Khâm Sứ Trung Kỳ chuyển đạt tới Quan Thống Đốc Nam Kỳ do phiếu gửi số 12 ngày 12 tháng Ba năm 1913, NGUYỄN SANH HUY có mặt ở dây vào thời gian này. Tuy nhiên sau đó không tìm thấy tung tích đương sự và chỉ tới khi Sở Công An được thành lập (5) HUY bị liệt vào thành phần bị tình nghi, được tìm ra và đặt dưới sự quản chế thường lệ.

Chánh Sở Công An

ký tên, đóng triện

Tài liệu 7: Phiếu gửi KÍN số 2394-SG ngày 17 tháng Mười Hai 1923. Dịch:

HỒ SƠ NGUYỄN ÁI QUỐC

KÍN

2394 - SG

17 tháng Mười Hai 1923

TỔNG KIỂM TRA VIÊN QUÂN ĐỘI ĐÔNG DƯƠNG

PARIS

Hình chụp một lá thư từ New York ngày 15 tháng Mười Hai gửi Quan Khâm Sứ Trung Kỳ

ký tên Paul Tatthanh

(giả định Nguyễn Ái Quốc)

để tường

Dùng so sánh tuồng chữ, nếu có việc đó, với tuồng chữ trong các tài liệu bản gốc đã thâu thập do SR của CGI

TỔNG KIỂM TRA

ký tên, đóng triện

Tài liệu 8: Thư, từ New York ngày 15 tháng Mười Hai năm 1912 của PAUL TATTHANH gửi Khâm Sứ Trung Kỳ ở Huế. Hình chụp thư viết tay, tiếng Pháp, hai trang kèm theo.

Photo d'une lettre adressée de New York le 15 Décembre 1912 à Résident Supérieur en Annam, signé Paul TATTHẠNH, supposé NGUYEN AI QUOC

New York, 15 Décembre 1912

À Monsieur le Résident Supérieur en Annam à Hué

Monsieur le Résident Supérieur,

J'ai l'honneur très respectueusement vous solliciter la faveur suivante:

Ayant quitté mon pays au mois de Juillet l'an dernier (1911) j'ai laissé là mon vieux père sans soutien. Quoique je lui ai souvent écrit, mais je n'ai recu que deux réponses depuis lors. Je lui ai envoyé trois mandats, une fois seulement il m'a répondu; car cette fois-là le mandat était confié à vous qui le lui aviez remis entre les mains. Maintenant je ne sais ce qu'il devient et où il est.

Oh! quelle brulante qu'est ma situation, vivant très loin de mes parents, n'ayant recu que rarement de leurs nouvelles, voulant les aider sans le pouvoir!

Poussé par mon amour d'enfant, j'ose même désirer vous prier de bien vouloir lui accorder un emploi comme Thừa Biện des Bộs ou Huấn Đạo, Giáo Thụ; afin qu'il puisse gagner sa vie sous votre haute bienveillance.

Je vous prie, Monsieur le Résident Supérieur, d'avoir pitié de moi de me faire savoir l'état actuel de mon père et de me permettre envoyer à votre résidence tout ce que voudrais lui envoyer.

En espérant que votre bonté ne refuserait la demande d'un enfant que, pour remplir son devoir, n'a l'appui que vous et en attendant votre réponse, veuillez agréer,

Monsieur le Résident Supérieur, les respectueuses salutations de votre filial peuple et reconnaissant serviteur.

Paul Tatthanh

(fils de Mr. Phó Bảng Nguyễn Sanh Huy)

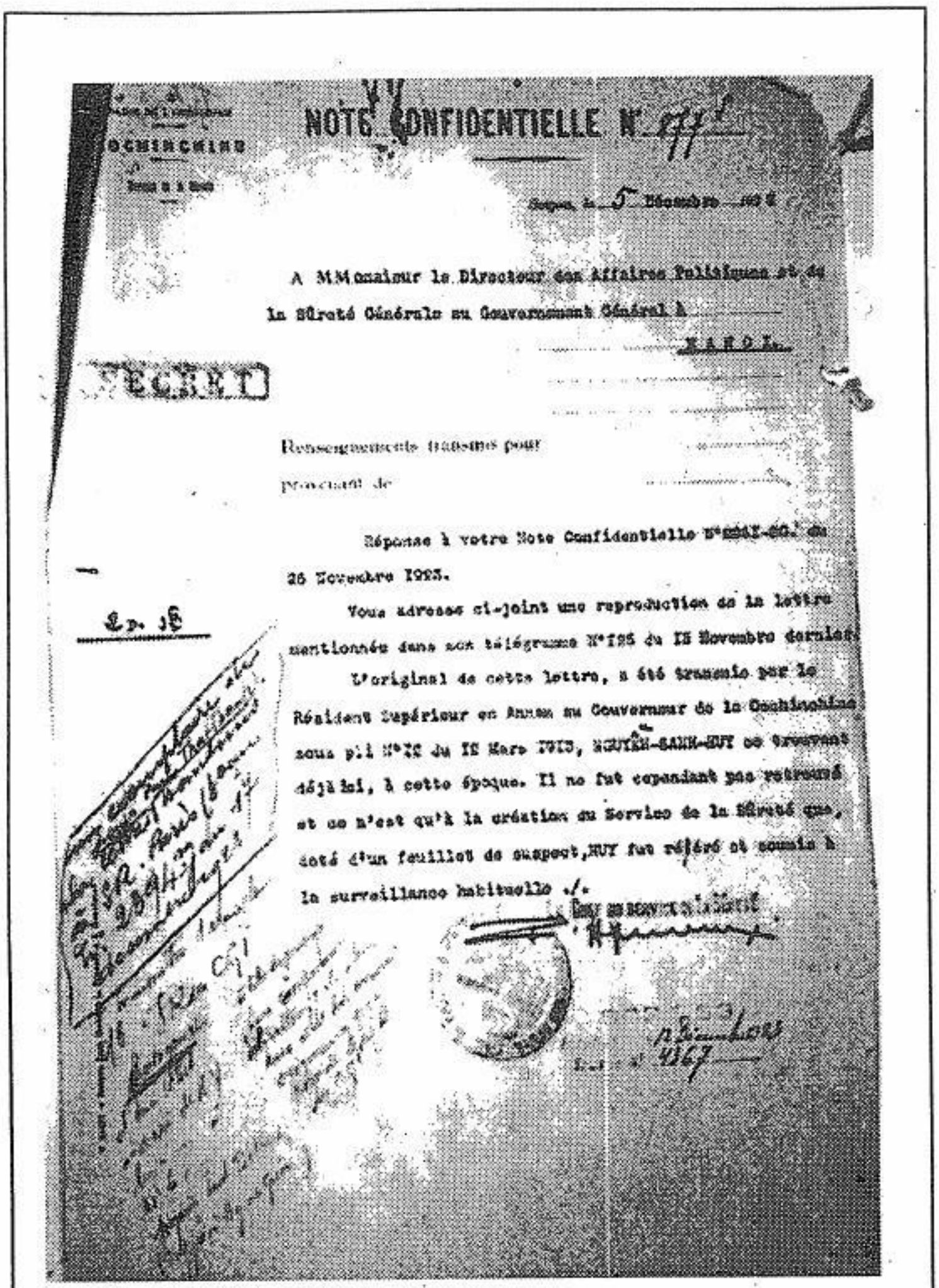
Poste restante: 1, rue Amiral Courbet, 1

Le Havre, France

Người sưu tầm phỏng dịch:

New York, ngày 15 tháng Mười Hai năm 1912

Gởi Quan Khâm Sứ Trung Kỳ ở Huế



NOTE CONFIDENTIELLE N° 677

A M. le Directeur des Affaires Politiques et de la Sûreté Générale au Gouvernement Général à HANOI.

SECRET

Renseignements demandés pour

provenant de

Réponse à votre Note Confidentielle N°2881-CC. du 26 Novembre 1923.

Vous adresse ci-joint une reproduction de la lettre mentionnée dans son télégramme N°195 du 13 Novembre dernier.

L'original de cette lettre, a été transmis par le Résident Supérieur en Annam au Gouverneur de la Cochinchine sous pli N°32 du 12 Mars 1913, NGUYEN-SAUH-HUY se trouvant déjà ici, à cette époque. Il ne fut cependant pas retrouvé et ce n'est qu'à la création du Service de la Sûreté que, doté d'un feuillet de suspect, HUY fut référé et soumis à la surveillance habituelle ./.

Tài liệu 6: Công an Nam Kỳ trình về Nguyễn Sanh Huy

Thưa Quan Khâm Sứ,

Tôi lấy làm vinh hạnh rất kính cẩn xin Ngài ban ơn như sau:

Ra khỏi nước vào tháng Bảy năm ngoái (1911) tôi bỏ lại người cha già không nơi nương tựa. Mặc dầu tôi thường viết thư cho cha tôi nhưng tôi chỉ nhận được hai thư trả lời kể từ đó. Tôi đã gởi cho cha tôi ba ngân phiếu, nhưng cha tôi chỉ trả lời có một lần; bởi vì lần đó tấm ngân phiếu được gởi tới Ngài và Ngài đã trao tận tay cho cha tôi. Bây giờ tôi không biết cha tôi như thế nào và ở đâu (6).

Ôi! Hoàn cảnh tôi nôn nóng xiết bao, sống xa cha mẹ, họa hoằn mới nhận được tin cha mẹ, muốn giúp đỡ mà không được!

Vì chữ hiếu, tôi dám cầu xin Ngài ban cho cha tôi một việc làm như Thừa biện ở các Bộ hoặc Huấn Đạo, Giáo Thụ; để cho cha tôi có đường sinh nhai dưới sự ưu ái cao cả của ngài.

Thưa Quan Khâm Sứ, xin Ngài rủ lòng thương mà cho tôi được biết tình trạng hiện nay của cha tôi và cho phép tôi được gởi về dinh thự Ngài những gì tôi muốn gởi cho cha tôi.

Trong khi mong đợi lòng nhân từ của Ngài không nỡ từ chối lời xin của một đứa con muốn làm tròn bổn phận mà chỉ biết trông cậy ở Ngài, và trong khi chờ đợi hồi âm của Ngài,

Thưa Ngài Khâm Sứ, xin Ngài nhận cho lời chào kính của dân con và tôi tớ biết ơn của Ngài.

PAUL TATTHANH
(con của Ông Phó Bảng Nguyễn Sanh Huy)
Hộp thư lưu: 1, đường Amiral Courbet, 1
Le Havre, France

Bút phê bên lề trái *(Mời viên phó bảng Ng Sanh Huy tới gặp tôi).*

Chú thích

(1) Trần Dân Tiên, "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch." Cuốn sách ghi ngày viết xong: Mùa Xuân 1948. Nhà xuất bản Văn Học - Công ty Xuất Bản Đối Ngoại, Hà Nội, 1989, in theo bản in lần thứ 8 của Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1972. Theo nhiều nguồn đáng tin cậy thì cuốn sách 143 trang này do chính Hồ Chí Minh viết nhưng ký tên là Trần Dân Tiên.

(2) Nguyen Ai Quoc, Le Procès de la Colonisation Francaise — Première Série — Moeurs Coloniales. Librairie du Travail, Paris, 1923. Préface de Nguyen The Truyen. Trang cuối sách có ghi bằng tiếng Pháp: Sẽ xuất bản: 1) Bản Án Chế Độ Thuộc Địa Pháp, Tập thứ Hai, của Ng. Thế Truyền - 2) Bản Án Chế Độ Thực Dân Pháp, Tập thứ Ba, của Nguyễn Ái Quốc, có thêm hai vở tuồng hát, các truyện ngắn và ký - 3) Cuộc nổi loạn của Xích Quỷ, truyện dài của Ng. Thế Truyền v.v...

LỜI TỰA của Ng. Thế Truyền. Trích, dịch đoạn mở đầu:

Vào năm 1923 chế độ thuộc địa của Pháp là chủ đề cho một vụ án vang dội.

Những vụ tai tiếng gây ra ở xứ Togo và xứ Cameroun đã làm sôi sục các giới người bản xứ bị buộc phải sống dưới quyền uỷ trị của người Pháp, đến đỗi mà chính Hội Quốc Liên phải ra lệnh mở cuộc điều tra.

Vụ án mà chúng tôi muốn khởi tố ngày hôm nay bao gồm toàn thể các lãnh thổ thuộc địa của đế quốc Pháp... Những lời phản kháng cũng như những lời than phiền của 59 triệu dân nô lệ thuộc địa sẽ được thâu góp kỹ lưỡng để trình bày trong một loạt những tập sách.

Chúng tôi bắt đầu bằng lời điều trần của một người An nam: Nguyễn Ái Quốc.

Một điều khác: Không phải là Hội Quốc Liên với chủ trương nhân đạo khiến chúng tôi quan tâm, mà chính là chúng tôi muốn trình với Tòa Án của Lịch Sử. Do những tài liệu đồi dào, khác biệt, cụ thể là "sống động" chúng tôi đưa ra, nhân loại trong tương lai mà chúng tôi mong là sẽ tốt lành hơn, sung sướng hơn, sẽ có thể phán xét cuộc thánh chiến chống lại chế độ thuộc địa với giá trị đích thực của nó.

(3) Về việc xuống tàu biển đi Pháp, Trần Dân Tiên thuật lời kể của người tên là Mai nơi trang 12:

Vào khoảng cuối năm 1911 hay 1912 — tôi nhớ không đúng nữa — tôi làm việc ở phòng ăn của các sĩ quan trên tàu. Tàu của chúng tôi cặp bến Sài Gòn để lấy hàng và đón khách.

Một buổi trưa, một người trai trẻ lên tàu. Sau một phút ngập ngừng, anh ta hỏi xin việc. Chúng tôi trả lời là không có việc và có chăng nữa, chúng tôi cũng không có quyền nhận anh ta. Chúng tôi cười vì chàng trai có vẻ một anh học trò, không phải là người lao động như chúng tôi... Tôi không hiểu tại sao tôi thấy thương hại anh ta và tôi nói: "Đi theo tôi, tôi sẽ dẫn anh đến gặp chủ tàu. Có lẽ ông ta sẽ có việc cho anh làm."

Chủ tàu hỏi: "Anh có thể làm việc gì?"
- Tôi có thể làm bất cứ việc gì! Chàng trai trả

lời.

- Được, ta sẽ lấy anh làm phụ bếp. Sáng mai anh đến đây nhận việc.

Nói về việc làm gọi là phụ bếp — đúng ra là lao động nhà bếp — Trần Dân Tiên viết tiếp nơi trang 13:

Phụ bếp trên tàu, mỗi ngày anh ta phải làm: từ bốn giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, rồi đốt lửa trong các lò. Sau đó đi khuân than, rồi xuống hầm lấy rau, thịt, cá, nước nóng... Sau đấy, nhặt rau, rửa chảo nồi và đun lò lại... Luôn luôn nghe tiếng:

- Ba, đem nước đây!
- Ba, dọn chảo đi!
- Ba, thêm than chỗ này, thêm than chỗ kia.

Nên biết dưới chế độ thuộc địa của Pháp, người Việt muốn đi lại giữa ba xứ Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ bắt buộc phải có Thẻ Căn Cước có dán hình, in dấu tay, do Sở Căn Cước cấp phát. Việc xuất nhập cảnh giữa các thuộc địa với chính quốc Pháp còn nhiều thủ tục rất khó khăn, không thể đơn giản như Trần Dân Tiên đã thuật. Cả đến việc một người lạ tự tiện xuống một tàu hàng cập Bến Nhà Rồng mà không xin phép cũng là việc rất khó có thể xảy ra. Theo lời ông Nguyễn Thế Truyền thuật lại tại Hà Nội năm 1949 và tại Sài Gòn hồi 1960 thì sau khi ông Nguyễn Sinh Huy bị cách chức Tri Huyện vì phạm lỗi, người con là Nguyễn Tất Thành phải bỏ học, đi làm con nuôi cho một Linh mục Thiên Chúa Giáo người Pháp. Vị Linh mục này có một thời kỳ coi một xứ đạo ở Phan Rang hoặc Phan Thiết; Nguyễn Tất Thành giúp việc dạy học, dạy kinh bổn cho trẻ em trong họ đạo. Ông Nguyễn Thế Truyền cho biết rằng Nguyễn Tất Thành viết chữ rất đẹp, đúng kiểu viết tập đồ của Nhà Thờ, và rằng chính vị Linh mục người Pháp này đã giúp xin việc làm cho người con đỡ đầu của mình để được xuống tàu sang Pháp tìm sự nghiệp. Điều này có thể kiểm chứng được nếu có điều kiện tra cứu sổ sách của Địa Phận TCG Nha Trang.

(4) Viết sai chính tả: subsistance.

(5) Daniel Hémery, Révolutionnaires Vietnamiens et Pouvoir Colonial en Indochine, Bib. Socialiste, Paris, 1975. Chú thích cuối trang 175: Tổng Nha Công An (Sureté Générale) là cơ quan đặc biệt của Cảnh Sát Đông Dương (Police d'Indochine) được thành lập do nghị định của Toàn Quyền Roume ngày 23 tháng 5 năm 1915, tổ chức lại theo nghị định của Albert Sarraut ngày 18 tháng 6 năm 1917.

(6) Daniel Hémery, theo lời thuật lại của ông Hồ Tá Khanh: Nguyễn Sanh Huy chết ở Nam Kỳ vào thời điểm không rõ, nhưng phải sau 1928. NSH có mặt tại Sài Gòn đầu năm 1926, sống bằng nghề thầy thuốc Nam; dường như có mặt trong số người lui tới ông Phan Châu Trinh trước khi ông Phan mất tại Sài Gòn năm 1926. NSH chết tại Cao Lãnh, chôn trên đất của một ông chủ điền là ông Nguyễn Văn Phong. D. Hémery, sách đã dẫn, trang 152.

Say

CHUYỆN TÌNH TRONG CA DAO



Muốn say với:
mối tình của cậu nghè-
kẻ sĩ Tưởng và cô hàng rượu Lý
tình dân tộc
tình đất nước
ca dao- tục ngữ

THƠ của:
Nguyễn Du,
Nguyễn Công Trứ,
Nguyễn Khuyến,
Cao Bá Quát,
Hồ Xuân Hương,
Đoàn Thị Điểm,
Sương Nguyệt Ánh,
Nguyễn Bỉnh Khiêm,
Phan Bội Châu,
Tản Đà...
Trần Tế Xương,
Bàng Bá Lân...

phong tục cổ xưa:
thú cô đầu,
hát đối,
thi cử,
lễ Kỳ Phúc,
vinh quy bái tổ...

TÌM ĐỌC Say

VŨ THÁI-THÁI VĨNH KHIÊM

LIÊN LẠC: VŨ THÁI- THÁI VĨNH KHIÊM
18030 BROOKHURST # 582
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
GIÁ TRONG NƯỚC MỸ: $15
NGOÀI NƯỚC MỸ: $15.00 + CƯỚC PHÍ

CỬU LONG CẠN DÒNG BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG

Gửi Nhóm bạn Cửu Long

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Lý Thường Kiệt

NGÔ THẾ VINH

Khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu tiểu thuyết

Giữa lúc biến cố Hoàng Sa 1974 và Trường Sa 1988 đang gây xúc động sâu xa cho mọi con tim Việt Nam, Cao bắt liên lạc với Kham để hẹn gặp ở Berkerley trong buổi hội thảo *"Địa lý Biển Đông với Hoàng Sa và Trường Sa."* Đang từ mối quan tâm về đồng bằng sông Cửu Long với con sông Mekong - với tám con đập bậc thềm Vân nam Trung Quốc gây lo ngại hạn hán và hủy hoại môi sinh nơi các quốc gia hạ nguồn mà Việt Nam sẽ phải chịu hậu quả nặng nề nhất và chưa biết phải ứng xử ra sao - nay Cao lại bị cuốn hút ra xa thềm lục địa với các nhóm hải đảo ngoài khơi biển Đông.

Chuyến đi lên Thung lũng Hoa vàng lần này sẽ giúp Cao bổ sung phần *home work* của anh trong cái nhìn thoáng và toàn cảnh về con sông Mekong với biển Đông và mối liên hệ các quốc gia trong khu vực Thái Bình Dương đặc biệt là với nước lớn Trung Hoa và cũng là quốc gia hung hãn nhất.

Hình như trong suốt dòng lịch sử, hai yếu tố vừa phá hủy vừa tạo dựng xã hội Việt Nam đó là: đối đầu với cường địch phương bắc và chống chỏi với khắc nghiệt của thiên nhiên. SarDesai khi nghiên cứu về Việt Nam cũng đưa ra ý kiến tương tự như vậy.

Giá trị chiến lược của Hoàng Sa Trường Sa trên biển Đông không phải là điều mới mẻ, rất sớm ngay từ thời Pháp thuộc, Gustave Salé trong bài *"Les Iles Paracels et la securité d'Extrême-Orient" báo Avenir du Tonkin* (1931) đã viết: *"Không ai có thể phủ nhận tầm quan trọng có tính cách chiến lược của quần đảo Hoàng Sa... Cho dù trước 1816 thực sự chẳng ai biết tới, năm 1816 vua Gia Long long trọng cho dựng cờ trên đảo, việc này còn ghi rõ trong văn khố triều đình và vì thế cho dù Trung Hoa có muốn tranh giành thì chính phủ Pháp phải lên tiếng xác định chủ quyền các đảo ấy."*

Chỉ mấy thập niên gần đây thôi, do hứa hẹn về dầu mỏ trên vùng biển quanh các quần đảo này mới là nguyên nhân tranh chấp gay gắt giữa nước lớn Trung Quốc và các nước quanh biển Đông nhất là với Việt Nam. Hoàng Sa Trường Sa đang có nguy cơ trở thành lò thuốc súng.

Nói về dầu khí trên biển Đông thì Cao - khi ấy là sinh viên MPC Đại học Khoa học - anh còn nhớ như in là vào những năm 60, một giáo sư khoa Địa chất *đã quả quyết theo kiến thức chuyên môn của ông* thì Việt Nam và biển Đông không có dầu lửa, cho dù lúc đó đã có những tường trình sơ khởi của các đoàn thăm dò Liên Hiệp Quốc xác nhận về sự hiện hữu các túi dầu khí.

Cho tới cả đầu thập niên 70, vẫn ông giáo sư Địa chất ấy quả quyết là ông không tin có dầu lửa như kết quả của các cuộc thăm dò. Ông còn đưa ra hình ảnh ví von: dầu hỏa nếu có thì cũng chỉ như những hạt sương buổi mai đọng trên những ngọn cỏ lá cây ngoài đồng ruộng nên nói tới kỹ nghệ khai thác dầu ở biển Đông là *"chuyện không tưởng"* vì làm sao mà thu nhặt được những giọt dầu rải rác ấy mà đem ra thị trường thương mại.

Nhưng rồi chỉ một tháng sau ngày *Sài gòn giải phóng* - lúc đó Cao đã đi du học Tân Tây Lan - nhưng sau này nghe Điền anh của Kiều Giang kể lại thì tại hội trường số 4 Duy Tân, trong một đại hội bừng bừng khí thế của *Hội Trí thức Yêu nước* và *Tổng hội Sinh viên Giải phóng*, cũng lại vẫn ông giáo sư Địa chất khi được hỏi về tương lai Dầu khí Việt Nam, bằng một giọng giảo hoạt, ông dõng dạc tuyên bố:

"Chúng ta không những có dầu mà có rất nhiều nữa, không những ngoài biển Đông trên thềm lục địa mà có khả năng có túi dầu khí ngay trong vùng đồng bằng sông Cửu Long nữa kìa!"

Khi được hỏi về ý kiến khác biệt của ông trước đây, ông giáo sư như tự kể công với cách mạng và cười nói thích thú:

"Đúng là tôi đã đưa ra nhận định đó, *nhưng cần phải đặt lời tuyên bố ấy trong bối cảnh lịch sử của nó (rất giống với xã luận của báo Nhân Dân)*. Sở dĩ trước đây tôi nói "dzậy" là để tránh không cho Mỹ ngụy biết mà khai thác sớm."

Rồi ông giáo sư mau mắn đưa ra ngay lời trích dẫn:

"Bác Hồ kính yêu đã dạy: *'Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước'* mà giữ nước là phải bảo vệ cả nguồn tài nhiên thiên nhiên không có chi quý bằng dầu khí ở thời đại công nghiệp... Ngày nay nước nhà thống nhất, thì đây chính là tin vui tôi muốn được chánh thức thông báo cho tất cả anh em và bà con."

Thêm một câu chuyện bên lề, cũng trong buổi hội thảo đầy hưng phấn ấy, một ông giáo sư tiến sĩ khác tốt nghiệp ở Mỹ đã phát biểu về phi thuyền Apollo như sau:

"Không làm gì có chuyện Mỹ có khả năng đưa người lên cung trăng khi mà khoa học không gian của họ còn thua Liên xô tới hơn một thế hệ."

Mãi cho đến bây giờ Cao vẫn thấy là mình thật sự may mắn chưa có một ngày học để phải gọi hai ông giáo sư ấy là thầy và anh cũng có ý nghĩ rằng nỗi khổ không ở đâu xa không cần phải chờ tới ngày mở ra hàng ngàn những trại tù lao cải. Châu thổ phù sa sông Cửu Long không phải chỉ sản xuất toàn trái ngọt, hậu duệ của thế hệ tiên phong khai phá ấy cũng không tránh được một hai đứa con với nhiễm sắc thể suy thoái - *defective gene*, lại vẫn nói theo ngôn từ của bác sĩ Duy.

Để rồi sự thể ngày nay, câu chuyện biển Đông có những túi dầu không những là hiển nhiên mà còn có dấu hiệu trữ lượng dầu khí có thể lên tới con số bảy tỷ thùng hoặc nhiều hơn nữa.

Chưa một lần gặp mặt, Cao chỉ được biết Kham khi đọc xong cuốn sách mới nhất của anh. Cao nghĩ chắc anh ta là con người *đã đạt* hoặc nếu không thì cũng cực kỳ khiêm tốn nên trong suốt cả cuốn sách người ta không thấy được cái tôi đáng trân trọng của anh.

Cũng vẫn lại ông Khắc - chiếc chìa khóa nhiệm mầu mở ra mọi cánh cửa - qua bộ nhớ của ông về những *Kinh nghiệm Việt Nam*, Cao mới được biết chút ít tiểu sử của Kham: anh nguyên là hạm trưởng của một trong bốn chiến hạm cũ kỹ của Mỹ để lại từ thời Thế chiến Thứ Hai, tham dự trận hải chiến tại Hoàng Sa năm 1974 với một hạm đội đông đảo của Trung Quốc với những phóng pháo hạm Kronshtad có trang bị hỏa tiễn tầm xa lại có cả phản lực cơ Mig 21 yểm trợ trên không. Chính anh là nhân chứng máu và nước mắt của những con tàu Việt Nam chiến đấu đơn độc trên biển Đông, chứng kiến lòng yêu nước vô hạn ý chí quyết tử cũng như sự hy sinh dũng cảm vô bờ của các đồng đội, nhất là của thủy thủ đoàn trên con tàu Nhật Tảo ở những giờ phút cuối cùng ý chí sắt thép vẫn không chịu buông tay súng để rời con tàu đắm. Họ đã là những thủy thủ tận trung với nước mà vị quốc vong thân.

Cho dù đã bao năm rời xa con tàu xa biển nhưng trong ánh mắt Kham như còn vương vấn những áng mây hải đảo những con sóng bạc của trùng dương và trong chiều sâu đáy mắt ấy luôn luôn có ánh lửa của nhiệt tâm với cả nỗi khắc khoải khôn nguôi về tấn thảm kịch đã lùi xa đến gần một phần tư thế kỷ và chắc hẳn Kham đã không bao giờ quên.

Chuyện 25 năm trước mà vẫn như mới hôm qua, Kham và những người lính đã đánh một trận đánh hết sức mình, *với nỗi uất hận của cả ngàn năm nô lệ:* họ đã trút hết hỏa lực vào đầu

địch, đã bắn đến viên đạn cuối cùng cho tới khi tất cả các dàn đại pháo bất khiển dụng. Họ chỉ còn chờ lệnh cho các con tàu hướng về Hoàng Sa chuẩn bị ủi lên đảo, dùng xác tàu và xác mình để làm chứng tích chủ quyền. Nếu có một lệnh như vậy, cho dù đã mang đầy thương tích - riêng con tàu của Kham đã bị nghiêng sang trái 15 độ, các chiến hạm còn lại cũng sẽ mở hết tốc lực hướng về Hoàng Sa hướng về cõi chết tất cả chuẩn bị lên cạn để phơi xác mình. Nhưng rồi cuối cùng là một lệnh khác bắt các chiến hạm phải rời bỏ Hoàng Sa đã rơi vào tay địch, bỏ lại phía sau trận địa là hộ tống hạm Nhật Tảo với hạm trưởng Ngụy văn Thà và các thủy thủ đã cùng con tàu vùi thân dưới biển sâu, bỏ rơi luôn cả những đồng đội còn sống sót trên những chiếc phao trôi rạt giữa đại dương với ngày nắng cháy da với đêm lạnh cắt thịt trong đói và khát. Mặc cảm phạm tội luôn luôn đeo đẳng Kham cho dù chẳng ai trách cứ anh, lại còn có người choàng hoa cho anh - một vòng hoa cho người chiến bại. Kham chỉ còn một an ủi mình là một quân nhân kỷ luật, anh chỉ biết nghe theo lệnh.

Cũng lại qua ông Khắc Cao mới được biết thêm về Ngụy Văn Thà, từng mang biệt danh *"người chiến thắng trên dòng nước nâu Cửu Long"* khi anh còn là hạm trưởng pháo hạm HQ331 bởi vì chính ông Khắc khi còn là phóng viên chiến tranh đã từng theo Thà trong chuyến hộ tống đầy bất trắc cho *các đoàn voi tiếp tế* cứu nguy thủ đô Nam vang lúc ấy đang bị Khmer Đỏ bao vây.

Sau trận chiến Hoàng Sa, bản thân Kham đã phải qua một chặng đường đau khổ. Trong nhiều tháng như vậy nếu không là những đêm dài mất ngủ thì là sự lặp lại của những cơn ác mộng khác nhau của tấn thảm kịch Hoàng Sa: cũng vẫn anh là cấp chỉ huy của con tàu ấy với thủy thủ đoàn dũng cảm ấy mà anh biết rõ từng người như đường chỉ trên bàn tay của mình... lần nào cũng vậy, còn rất xa trận địa chưa thấy địch quân chưa được nổ một phát súng thì con tàu của anh đã bị *rockets tầm xa của Trung Cộng* bắn chìm, tiếp theo đó là tấm thảm kịch của chính anh và những thủy thủ trong một con tàu ngập nước. Không mấy xa nơi con tàu đắm anh vẫn thấy rõ dấu hiệu HQ10 của hộ tống hạm Nhật Tảo thấy rõ cả Ngụy Văn Thà và Trí Voi hạm phó và đủ 80 thủy thủ, họ vẫn an nhiên tự tại làm nhiệm vụ tuần tiễu trên biển Đông nước xanh, trong cơn quẫn bách Kham đưa cánh tay vẫy gọi nhưng họ không thấy anh. Trong giấc mơ đầy lửa đạn và tức tưởi ấy, thì Nhật Tảo như từ bao giờ vẫn là một con tàu vững chãi hiên ngang lừng lững và như không bao giờ có thể bị đánh chìm - *unsinkable ship*...

Người bác sĩ tâm thần giải thích là Kham đang mang nỗi ám ảnh thường xuyên của người đàn ông *bị hoạn - castration:* trên con tàu anh là cấp chỉ huy bị giải giới, trong gia đình anh đóng vai người đàn ông bất lực. Không chỉ bằng thuốc anh còn được giúp cho *trở lại thăm một nơi giống như chiến trường* để *thả* xuống những vòng hoa nơi vùng biển sâu nơi con kình ngư Ngụy Văn Thà và đồng đội đã chọn ở lại. Điều trị bằng *catharsis - cách sổ* ấy anh đã ra khỏi cái *Hội chứng sau chấn thương - PTSD,* anh tìm lại được sức mạnh tiềm tàng của bản thân, của đời sống gia đình và anh thực sự bắt đầu làm việc trở lại.

Trong suốt bấy nhiêu năm như mệnh lệnh của trái tim anh đã không ngừng thu thập những dữ kiện phong phú về biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa mà anh biết rõ là đang tuột dần ra khỏi chủ quyền của Việt Nam không biết tới bao giờ. Anh ngẫu nhiên và cũng là bất đắc dĩ trở thành một học giả - thứ danh xưng quá lớn chạm tới lòng khiêm tốn mà người ta cứ gán cho anh - và anh được coi là tiếng nói có thẩm quyền về các vấn đề liên quan tới biển Đông.

Kham cũng biết rất rõ rằng một quốc gia như Việt Nam để được công nhận quyền sở hữu các đảo anh phải trưng ra được các bằng cớ: về vị trí địa dư và tính chất địa chất của đảo, lịch sử và các di tích trên đảo, tổ chức hành chánh và sắc dân chính trên đảo.

Cuốn sách của Kham được kể như bước đầu đáp ứng những yêu cầu ấy. Anh còn nuôi ao ước giới trẻ Việt Nam hải ngoại cũng như trong nước không những chỉ quan tâm mà còn dấn thân vào những cuộc nghiên cứu sâu rộng để tương lai trong các thư viện đại học lớn sẽ có những luận án Tiến sĩ về những đề tài đa dạng liên quan tới biển Đông - cũng giống như nỗi ao ước của Cao bấy lâu về con sông Mekong.

Giở tấm bản đồ *Asia Pacific* mới nhất của *National Geographic Society* - một cơ sở mà trước đây Kham vẫn tin là có uy tín với tính khoa học vô tư - nhưng Kham đã không nén được sự bực bội. Khi vẽ vùng biển Đông, cả khu vực mà họ gọi là *South China Sea* gần như hoàn toàn giống với *ranh giới lịch sử lưỡi rồng*

của Trung Quốc với ôm trọn cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Và Kham cũng đã không ngạc nhiên khi thấy cũng trên tấm bản đồ ấy cả ranh giới xứ Tây Tạng bị xóa nhòa trong cái trật tự mênh mông của lục địa nước Trung Hoa.

Rõ ràng sẽ là một sai lầm về chánh trị - *politically incorrect* - và cả đưa tới những ngộ nhận nếu cứ xử dụng dễ dãi các bản đồ ngoại quốc với cách phân định ranh giới và các địa danh Trung hoa như Tây Sa, Nam Sa, Nam Hải, biển Trung Hoa như hiện nay.

Bởi vì - theo nhà Trung Hoa học Từ Nguyên - như một bất hạnh lịch sử, cũng là điều bi thảm khi dân tộc Việt Nam đã bị người Tàu đô hộ cả ngàn năm đã chịu ảnh hưởng của họ sâu xa về mọi phương diện ngay cả khi lấy lại được nền tự chủ thì chữ Hán vẫn là văn tự chính thức kết quả là hầu hết các địa danh Việt Nam là những từ Hán. Lại thêm bao nhiêu sách lịch sử địa lý của tiền nhân nếu không bị chiến tranh phá hủy thì cũng bị người Tàu tịch thu đem về Trung Quốc. Phải có hùng tâm khởi sự từ bước đầu để tìm lại những tác phẩm bị thất truyền hay còn lưu trữ đâu đó trong những kho sách xưa của Trung Quốc.

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC

THÀNH QUÁCH XƯA

Những thành quách xưa
Sơn phết lại
Đứng buồn thiu
Giữa trái khuấy thời gian.

Người thiếu phụ
Vào độ thu tàn
Khoác chiếc áo hai mươi
Hờ hững
Tình ta đã qua rồi.

Sông không còn thơm
Dòng không còn thơ
Nước không còn ngọt
Những tàu lá chuối vật vờ
Những mảnh vá không kín
Trên lưng người mẹ già
Ngồi chờ bữa chiều nay.

Có khúc hát Nam ai
Thoảng nỗi niềm Ô Lý?
Còn đâu - Nức nở chiếc thân tàn
Đổi chén cơm vơi trong tiếng ca.

Trăng buồn giăng trên sông
Gió buồn từ núi lại
Trăng theo gió vữa trong nước
Thành quách vữa theo trăng
Và hồn ai đã vữa theo thành quách.

Hè 98
(Một đêm trở lại phố cũ)

Do đó Kham đã thật chí lý khi nói tới nhu cầu thiết lập một bản đồ về biển Đông với thềm lục địa và cả xác định rõ các thành phần đâu là đảo, đá, bãi nông hay bãi ngầm với các *địa danh thuần Việt*. Điều ấy thì Kham đang làm. Đó sẽ là phần tài liệu pháp lý khi Việt Nam lên tiếng xác nhận chủ quyền trên biển Đông.

Là một đất nước vĩ đại với hơn một tỉ dân, vừa ra khỏi những năm tháng đắng cay nhục nhã vì bị liệt cường Tây phương sâu xé, ngày nay Trung Quốc không những phát triển rất nhanh về kinh tế mà con gia tăng gấp bội về sức mạnh quân sự và cả tham vọng bành trướng - trở thành đối thủ hàng đầu của Hoa Kỳ bước vào thế kỷ 21. Bắc Kinh đã nói không úp mở *Á châu phải là khu vực ảnh hưởng của Trung Quốc*. Không những thế Trung Cộng còn công khai kêu gọi sự triệt thoái toàn bộ quân đội Hoa Kỳ ra khỏi khu vực Thái Bình Dương - một sự kiện chưa hề có từ trước tới nay - đồng thời Trung Quốc đã thử thành công loại hỏa tiễn tầm xa bắn tới tận Hoa Kỳ.

Tư lệnh Hải quân Trung Quốc đã từng công khai tuyên bố: để sinh tồn Trung Quốc rất cần dầu khí và ngư nghiệp của Nam Hải - cá sẽ là nguồn protein cho hơn một tỷ người Trung Hoa.

Trung Quốc đang có biểu lộ muốn dùng sức mạnh để thực hiện chánh sách bá quyền trong

khu vực Đông Nam Á. Điển hình là vụ tranh giành biển Đông với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong đó Việt Nam và Trung Quốc bề ngoài là hai nước anh em nhưng bên trong lại có nhiều mâu thuẫn tranh tụng nhất và cũng là một cuộc tranh chấp kiểu *châu chấu đá xe* hoàn toàn không cân sức.

Giữa tình thế cực đoan ấy, hiện nay lại đang manh nha một quan niệm nguy hiểm phát xuất từ chính những người Việt - không ai khác hơn là mấy ông trí thức khoa bảng ở Paris ở Bắc Mỹ như những nhà mộng du uyên bác - cho rằng *"có một hiện tượng xuống cấp toàn cầu của ý niệm quốc gia dân tộc,"* rồi họ nói tới *"sự kết hợp lưu vực, liên minh kinh tế"* hứa hẹn một không gian hoạt động lớn hơn vượt biên giới quốc gia, *"trong đó bản thể dân tộc không còn một ý nghĩa quan trọng nào nữa"* [sic]. Chờ đợi cho được giàu có kiểu sung rụng và chấp nhận một kết hợp kiểu *chó sói và cừu* thì cái cộng đồng mất bản thể ấy đương nhiên trở thành một thứ công dân hạng hai - *second class citizen* - không khác chi một hình thái nô lệ tự nguyện cho dù có mang danh xưng mĩ miều như *Pax Sinica* - trong khối thịnh vượng của một nước Trung Hoa.

Tuy không còn trẻ nữa, nhưng mấy năm gần đây Kham lại bắt đầu chuyển trọng tâm nghiên cứu sang các đề tài rộng lớn về *nền văn minh nước,* về hải dương học và *những nét văn hóa đặc thù thiên về hải dương của dân tộc Việt Nam* mà theo anh khác hẳn với người Trung Hoa là giống dân lục địa với thói quen và cách suy nghĩ của những người sống trên đất liền và kiến thức của họ về biển thật ít oi.

Như một giấc mơ không thể được - *impossible dream* - trong cuối phần cuộc đời còn lại Kham nuôi hoài bão noi gương tổ tiên trước cả các đời vua Hùng Vương thực hiện một cuộc hải hành bằng bè từ châu thổ sông Hồng băng qua đại dương tới lục địa Mỹ châu bằng các dòng hải lưu.

Hình như Kham vẫn không ngừng *tìm cho được một cơ hội lớn để được chết* - điều mà anh ân hận đã để lỡ trong trận Hoàng Sa. Phải chăng đây là phương cách chọn lựa để cuối cùng thân xác anh cũng được trở về với tịch mịch của lòng biển sâu.

Kham được mời làm diễn giả chính trong buổi hội thảo với sinh viên ở Berkeley, và điều đáng nói là thành phần tham dự, ngoài đa số là sinh viên Việt Nam còn có cả mấy sinh viên Trung Hoa được mời tới như những quan sát viên. Cao cũng gặp lại bác sĩ Duy từ Đại học Stanford qua và Kiều Giang cũng mới từ Việt Nam trở ra. Với tư cách nhà điểu học - *ornithologist* - cô vừa bị Nhà nước khước từ lời yêu cầu được ra Trường Sa để nghiên cứu về *"Các loại chim biển Đông - Birds of Paracel, Spratly Archipelagoes"* với lý do tình hình quá nguy hiểm và cả không đủ tiện nghi cho cô.

Tuy không phải là nhà hùng biện lại có *accent* của người ngoại quốc nói tiếng Anh nhưng Kham có lối nói đi thẳng vào trái tim mọi người. Anh đã từng ví von một cách thơ mộng biển Đông như cái sân trước của căn nhà Việt Nam và những hải đảo thân yêu là những cây cối ở trong vườn với những cánh hải âu ríu rít là đám chim muông.

Vì là một đề tài quá mới lạ đối với các thành phần tham dự nên cuộc hội thảo mang tính chất giải đáp thay vì tranh biện. Đến phần *"Làm gì?"* Kham đã động viên lớp người trẻ không phải là xung vào đội quân chí nguyện cầm súng ra trấn giữ các hải đảo mà là chuẩn bị một đội ngũ trí tuệ trong mọi lãnh vực khoa học đặc biệt là các ngành hải dương học, địa chất, môi sinh và cả về Luật biển và Quốc tế công pháp. Họ sẽ là những thành viên không thể thiếu trên các bàn hội nghị hay trước tòa án quốc tế trong tương lai. Với sự kiên nhẫn Kham tin rằng *"yếu tố thời gian sẽ đứng về phía chúng ta."*

Cùng với nhiều học giả Việt Nam trong *Nhóm Sử Địa*, Kham đã không ngừng vận động đem ngay vấn đề Hoàng Sa Trường Sa và biển Đông vào chương trình giáo dục ngõ hầu mọi người Việt đều có sự hiểu biết cơ bản và mối quan tâm về vùng đất, vùng biển, vùng trời của tổ quốc.

Riêng Kham đã khuyến khích đứa con trai rất xuất sắc của anh thay vì chọn học Y khoa ở UCSF nay chuyển qua học Luật ở Stanford chuyên về *Quốc tế Công pháp và Luật Hàng hải.* Anh có niềm tin sắt đá là cho dù vùng biển vùng đảo đã bị Trung cộng dùng võ lực cưỡng chiếm tới bao lâu và phải mất bao nhiêu năm đi nữa thì sớm muộn cũng *"Châu về Hiệp phố"*.

Với cái giá của bao nhiêu sinh mạng đồng đội, và của cả những người bạn chí thân như Thà như Trí, Kham luôn luôn khắc khoải với những câu hỏi: *học được gì sau biến cố máu và nước mắt Hoàng Sa? Xa hơn nữa là học được gì qua kinh nghiệm giữ nước của tiền nhân khi mà địch có trường trận lại dùng cả kế tàm thực như*

tầm ăn dâu?

Am tường lịch sử, Kham hiểu rằng không còn cái dễ dàng của chín năm kháng chiến chống Pháp hay hai mươi năm chống Mỹ, một khi để mất chủ quyền vào tay Trung Quốc có nghĩa là phải chấp nhận cuộc chiến cả trăm năm với một đối thủ đầy mưu lược thâm hiểm kiểu Đông phương lại có thêm cả biển người và chưa bao giờ có mối quan tâm về những tổn thất nhân mạng - như trong trận chiến tranh Triều Tiên và trận chiến biên giới Việt Hoa 1979 mới đây.

Đã không có sức mạnh kháng địch thì phải dùng kế sách, phải lập kế *sao cho sâu rễ bền gốc*. Không có hỏa tiễn tầm xa thì *ta có vũ khí trí tuệ có tầm xa thời gian* của *"tam bách dư niên hậu"* thì sớm hay muộn đất ta cũng lại trở về với tổ quốc ta.

Nhưng Kham cũng không hoàn toàn là con người viễn mơ, anh vẫn kêu gọi mọi người Việt bên trong cũng như ngoài tiết kiệm để có tiền xây dựng một lực lượng quốc phòng nhất là hải quân hùng mạnh đủ sức bảo vệ vùng biển vùng trời khi cần đến chứ đâu có bó tay nhục nhã như hiện nay để hàng ngày phải chứng kiến các hạm đội Trung Quốc nghênh ngang ra vào các vùng lãnh hải Việt Nam như chốn không người.

Thúc đẩy bởi lòng yêu nước nồng nàn nhưng Kham lại rất tiết chế và chừng mực. Anh chưa hề có mảy may biểu lộ tinh thần bài ngoại, theo đuổi chủ nghĩa yêu nước cực đoan bài Hoa. Mà bảo anh bài Hoa sao được khi chính bản thân anh vẫn cứ mãi yêu mến vẻ đẹp của một bài thơ Đường Đỗ Phủ hay nét thanh thoát thủy mặc của những bức tranh Hạ Khuê - *Hsia Kuei* - đời Tống và chính anh cũng đã chấp nhận với không một định kiến cho đứa con gái út của anh chọn lấy một người chồng Trung hoa - một nhà vật lý trẻ ở Cornell cũng là nơi con gái anh đang theo học. Ở Kham là sự dứt khoát khẳng định về quyền tự chủ

Đã phát hành khắp nơi hai tác phẩm mới nhất của Trần Hoài Thư

Về Hướng Mặt Trời lặn, tập truyện

- *Gần đây ra tiệm sách tôi lại thấy tên Trần Hoài Thư in trên bìa cuốn "Về hướng mặt trời lặn". Mua về, đọc, lại tìm được những ý nghĩ trong sáng, những tình cảm chứa chan tình người, tình quê. Đúng là tâm hồn đẹp. Tôi rất thích đọc, và đã đọc nhiều nhưng chưa bao giờ tìm được những dòng văn nhẹ nhàng, như nhạc, như thơ chứa những tình cảm quê hương dạt dào tình người như văn Trần Hoài Thư...*

NKT California thư độc giả ngày 1/9/98

- *Đọc truyện anh tôi thích lắm vì nó tả chân đúng thực tế và tâm trạng anh em chiến đấu trên chiến trường.*

VTH cựu đại úy binh chủng Nhảy Dù, thư 5/9/98

- *Cám ơn ông và kính chúc ông luôn an mạnh để tiếp tục sáng tác những tác phẩm tuyệt vời được nhiều độc giả yêu chuộng...*

Email của một độc giả ngày 14/9/98

Sách dày 280 trang, giá $14. Ngoài Hoa Kỳ thêm $2 cước phí.

Thơ Trần Hoài Thư, thi phẩm

Mỗi bài thơ là một truyện cô đọng, đẹp, hào khí, ngang tàng và rất sống động của một người lính miền Nam. Có cái nét của một Quang Dũng: *Mặt trời đỏ ối trên Vàm Xáng. Cởi áo ngâm bài thơ Cổ lai*...hay *Những quán bên đường nghèo trống gió..Những cô hàng buồn như tản cư*, đến phong cách của một Nguyễn Bắc Sơn: *Cám ơn những nàng má phấn môi son. Yêu ta vội vàng trước khi tiếp Mỹ*...

Từ cái lãng mạn si dại *Tại sao em lại pha cho anh ly cà phê thật đen. Để anh về nhớ em trong những đêm không ngủ*....đến nỗi đau thương cùng cực khi tác giả ôm lấy xác cô giáo bị giết trong đêm Tiếp Cứu quận Tuy Phước Bình Định*: Em bé quê ơi cho ta nhành bông. Một nhành bông quì vàng như màu áo. Ta đặt lên em. Trống trường áo não....*

Các bạn từng yêu văn Trần Hoài Thư, từng công nhận văn Trần Hoài Thư đầy chất thơ và nhạc, chắc chắn sẽ không thất vọng khi đọc thơ Trần Hoài Thư.

Giá $10. Ngoài Hoa Kỳ thêm $2 cước phí

Xin hỏi tiệm sách hay liên lạc:
Trần Hoài Thư
PO Box 58 S. Bound Brook NJ 08880
Phone: (908)769-1718
Email: tht@saigonline.com

trong đó có chủ quyền về lãnh thổ lãnh hải với Hoàng Sa và Trường Sa là điều bất khả tương nhượng.

Suy luận thì như vậy nhưng với cái tâm lành, Kham vẫn tin ở một trật tự toàn cầu khi nhân loại bước vào thiên niên kỷ mới trong đó *các siêu cường sẽ biết hành sử một cách có trách nhiệm* chứ không thuần chỉ dựa trên sức mạnh như hiện nay. Thêm vào đó, Kham còn tin vào những nhà trí thức Trung hoa chân chính có công tâm, khi họ hiểu được thực trạng éo le của lịch sử họ sẽ cảm thông với người Việt chúng ta và cũng để thấy rằng hạnh phúc của cả hai dân tộc Hoa Việt là sống chung hòa bình để cùng khai thác và chia xẻ hợp lý các nguồn tài nguyên trên biển Đông cũng như trên con sông Mekong.

Chỉ bằng cuốn sách của Kham, Cao đã hiểu biết được khá rõ những vấn đề cơ bản liên quan tới biển Đông. So với diện tích chỉ có 340 ngàn km2 nhưng Việt Nam lại có một bờ biển trải dài hơn 2500km, thoải ra là một thềm lục địa không sâu với trên 2500 hải đảo hoặc họp thành quần đảo hoặc là những hòn đảo đơn độc. Trên cái nền chưa hoàn toàn ổn định ấy thỉnh thoảng vẫn còn những xáo trộn địa chấn: điển hình là vào năm 1923, ngoài khơi Phan Rí phía nam đảo Phú Quý 22 dặm, đột nhiên xuất hiện đảo Hòn Tro cao tới 30m và cạnh đó có thêm một hòn đảo nhỏ khác - nhưng chỉ vài tháng sau cả hai đều biến mất - giả thiết rằng hai hòn đảo ấy vừa được tạo bởi dung nham và tro bụi - *nên có tên Hòn Tro,* do núi lửa phun lên từ đáy biển nhưng rồi sau đó bị sóng gió và các luồng hải lưu cuốn trôi đi không còn để lại dấu tích nào.

Nói về sự hình thành thềm lục địa trên biển Đông qua các thời kỳ địa chất, phải kể tới sự góp phần của hai con sông Hồng và sông Mekong cùng phát nguyên từ *nóc cao trái đất* trên cao nguyên Tây Tạng chảy qua các quốc gia cuối cùng đổ ra biển Đông bằng các cửa sông Việt Nam.

Với sông Hồng, có lẽ từ mấy triệu năm trước thời địa chất *Pleistocene,* con sông ấy đã liên tục đổ ra biển lượng phù sa khổng lồ, góp phần tạo thành một bình nguyên biển trải dài ra tới Cồn Cát vàng hay Hoàng Sa - *Paracels.*

Với sông Mekong, chỉ mới chục ngàn năm trước thôi, con sông hoang dã ấy mới bắt đầu tạo hình vùng đồng bằng châu thổ từ đáy biển - khoảng từ nguyên đại đệ tam - do hợp chất *pyrite* có chất sắt từ trầm tích phù sa kết hợp với chất *sulphur* trong nước biển khiến đáy biển nhô dần lên và để rồi hàng năm vẫn được các con nước lũ đổ về bồi đắp thêm tầng tầng lớp lớp phù sa ngày một dày thêm. Con sông Mekong dũng mãnh ấy không ngừng trút ra biển Đông một khối lượng phù sa lớn lao tạo nên một thềm lục địa với hai thung lũng biển tạo bởi dòng chảy của hai con sông Tiền sông Hậu trải dài hơn 400km ra tới bãi Tứ Chính thuộc quần đảo Trường sa - *Spratly.*

Bên dưới sâu thềm lục địa ấy quanh Hoàng Sa và Trường Sa là *những kết tầng thủy tra thạch* nơi hình thành những túi dầu rất lớn, tạo thèm muốn nhất là với Trung Quốc.

Về phương diện địa chất, các cuộc khảo sát khoa học đã cho biết hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là phần nối dài của thềm lục địa Việt Nam trên biển Đông và cũng rất xa đối với Trung Quốc.

Giả thiết mực nước biển hạ xuống tới khi bình nguyên biển trồi lên thì Hoàng Sa là một dải đất liền dính vào Việt Nam và cách biệt hẳn với Trung Quốc bằng một vùng biển sâu.

Krempf (1925) thuộc Hải học viện Đông Dương, khi khảo sát về đáy biển Hoàng Sa đã nhận xét rằng quần đảo này là một bình nguyên biển nối dài ra từ rặng Trường sơn Trung phần Việt Nam và ông đã đi tới kết luận *"Về phương diện địa chất, quần đảo Hoàng Sa là thuộc Việt Nam."*

Còn với quần đảo Trường Sa, theo Vũ Hữu San nếu quan sát các *đường đồng thâm - depth contour* - trên hải đồ người ta thấy các đảo ấy cách biệt hẳn với Trung Hoa lục địa và Đài Loan bằng rãnh biển sâu hơn 3000m về phía bắc và đông bắc và cũng ngăn cách với Phi Luật Tân, Brunei và Mã Lai bằng *rãnh sâu Đông Palawan - East Palawan Trough.*

Trong khi chánh phủ Việt Nam Cộng hòa ở miền nam không những quan tâm bảo vệ mà còn rất chú ý tới các cuộc khảo sát nghiên cứu phát triển biển Đông, thềm lục địa, các quần đảo Hoàng Sa Trường Sa với Hải học viện Nha Trang, các phân khoa Địa chất và Sinh vật của đại học Khoa học Sài gòn... *Công trình Nghiên cứu NAGA* được kể là quy mô nhất: trong suốt 2 năm 59-61 các nhà khoa học Việt Nam, Mỹ và Thái Lan đã khảo sát hành lang thềm lục địa dọc theo bờ biển Việt Nam qua tới vịnh Thái Lan với thu thập rất nhiều hiểu biết về địa chất, sinh vật và hải dương học của biển Đông. Khi còn là một sĩ quan hải quân rất trẻ mới ra trường Kham đã may mắn có cơ

hội được phục vụ trên con tàu NAGA đó.

Riêng tại miền Bắc, cấp lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam chẳng những không có một tiếng nói đòi chủ quyền còn tự nguyện dâng cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Bắc Kinh. Bức công hàm ngoại giao 14-09-58 gửi Trung Quốc của chánh phủ Việt nam Dân chủ Cộng hòa do thủ tướng Phạm Văn Đồng ký với nội dung *"tán thành bản tuyên bố ngày 04 tháng 9 năm 1958 của chánh phủ Cộng hòa Nhân dân Trung hoa quyết định về hải phận của Trung Quốc."*

Mười tám năm sau báo Sài gòn Giải phóng 05-76 vẫn tiếp tục bênh vực cho nội dung kỳ quái của bức công hàm ấy: *"Việt Nam Trung Quốc là hai nước anh em sông liền sông núi liền núi. Trung Quốc vĩ đại đối với chúng ta không chỉ là người đồng chí mà còn là người thầy tín cẩn, đã cưu mang chúng ta nhiệt tình để chúng ta có được ngày hôm nay, thì chủ quyền Hoàng Sa thuộc Trung Quốc hay thuộc ta cũng vậy thôi. Khi nào chúng ta muốn nhận lại quần đảo này Trung Quốc sẽ sẵn sàng giao lại."*

Nhưng chính người đồng chí và người thầy tín cẩn ấy 14 năm sau (14-03-1988) không những đã không trả Hoàng sa mà còn dùng võ lực cưỡng chiếm luôn các đảo Trường Sa của người đồng chí Việt Nam anh em.

Bấy giờ mới thực sự tỉnh giấc chiêm bao, trong văn kiện phổ biến 25-04-88, Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã phải lấy tất cả quá khứ Việt Nam Cộng hòa ở miền nam ra làm lý lẽ: *"Nửa nước Việt Nam từ vĩ tuyến 17 theo quy định hiệp định Genève về Đông Dương 1954, là do chánh quyền miền nam tạm thời quản lý trong khi chờ đợi thống nhất. Chánh quyền Sài Gòn đã tiếp quản hai đảo Hoàng Sa và Trường Sa năm 1956 từ Pháp khi họ rút khỏi Đông Dương. Từ đó cho đến năm 1975, họ đã tổ chức hai quần đảo về mặt hành chánh, tổ chức khảo sát và khai thác kinh tế..."*

Và cũng để cứu vãn cho một sai lầm lịch sử, người cộng sản Việt Nam bào chữa: "Đúng là đã có những tuyên bố đó. Cần phải đặt các tuyên bố này đúng trong bối cảnh lịch sử của nó... Trong cuộc chiến đấu một mất một còn chống kẻ thù xâm lược có sức mạnh quân sự lớn hơn mình rất nhiều, Việt Nam tranh thủ được Trung Quốc gắn chặt với cuộc chiến đấu của Việt Nam càng nhiều bao nhiêu và ngăn chặn Mỹ sử dụng hai quần đảo cũng như vùng biển Đông chống Việt Nam thì càng tốt bấy nhiêu. Phải đứng trên tinh thần đó và trong bối cảnh đó để hiểu các tuyên bố nói trên."

Lý luận thì như vậy, nhưng thật ra chính những người cộng sản Việt Nam cũng hiểu rằng trong lãnh vực quốc tế công pháp đã chẳng có một thứ *"luận lý của hoàn cảnh"* và đây hiển nhiên là một thất thế cho Việt Nam trên bàn hội nghị trong hiện tại và cả về tương lai.

Căn cứ theo *Luật pháp Quốc tế về Biển - Law of Sea Convention* đã được 159 quốc gia ký kết ngày 10-12-82 tại Montejo Bay, Jamaica và đã được hơn 60 nước chuẩn y để trở thành luật kể từ 16-11-94 với ý nghĩa cao đẹp *"Biển cả là tài sản chung của nhân loại"* và các quốc gia Đông Nam Á đã ký kết đồng thuận thi hành thì chỉ riêng Trung cộng đã cản trở bằng cách ban hành *Luật Lãnh hải 1992* với lý luận rằng biển Đông là nội hải của Trung Quốc, theo đó *họ đòi hỏi tàu bè kể cả tiềm thủy đĩnh và phi cơ chuyển vận trên hải và không phận ấy phải xin phép và tuân theo luật lệ của Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc.*

Tự cho quyền hành xử như một siêu cường độc đoán và chuyên quyết, Trung Quốc trong bước đầu *"Chinh phục trái đất"* nói theo chủ tịch Mao Trạch Đông, họ chủ trương khống chế toàn biển Đông mà không cần che dấu tham vọng bành trướng ấy. Ai cũng biết *Mekong là một con sông quốc tế* nhưng với tám con đập bậc thềm Vân Nam có bao giờ Trung Quốc quan tâm gì tới những điều khoản quy định trong quốc tế công pháp đâu. Đối với cộng đồng thế giới Trung Cộng chưa hề chứng tỏ là có *một hồ sơ theo dõi tốt - good track records.*

Theo Quang Minh Nhật báo của tỉnh Quảng Đông Trung Quốc 05-12-94 thì: *"Sau một thập niên dài khảo cứu, 400 học giả và chuyên viên nổi tiếng Trung Quốc đã chứng minh rằng hiển nhiên từ thời xa xưa Trung Quốc đã nắm chủ quyền trên toàn thể quần đảo Trường Sa. Và theo lý lẽ đó Trung Quốc chẳng còn gì để phải tranh cãi trên bàn thương thảo."*

Chỉ trong hai ngày 28 và 29 tháng 6 năm 1994, 10 học giả Trung Hoa Lục địa đến Đài Loan dự buổi Hội thảo với hàng trăm học giả địa phương, họ đưa ra bản tuyên cáo chung rằng: *"Trung Hoa có chủ quyền lịch sử về vùng tranh chấp này."*

Chi tiết nổi bật cần ghi nhận là - khác xa với những người quốc gia hay cộng sản Việt Nam - *cho dù quốc hay cộng,* Đài Loan tỏ ra rất mau lẹ luôn luôn thống nhất với lập

trường của Hoa lục - *"nhân danh dân tộc Trung hoa"* về vấn đề biển Đông cho dù hai bên còn khác biệt về thể chế chánh trị và chưa thống nhất.

Nếu chỉ kể nửa thế kỷ trở lại đây thôi chúng ta đã thấy có một tiến trình liên tục trong lịch sử cận đại nước Trung hoa nhằm xâm chiếm các vùng hải đảo và lãnh hải của Việt Nam trên biển Đông.

Ngay sau Thế chiến thứ Hai, khi Nhật đầu hàng Đồng minh, 06-1946 Pháp gửi chiến hạm Savorgnan de Brazza chiếm lại các đảo Hoàng Sa nhưng do trận chiến Việt Pháp bùng nổ dữ dội 09-1946 Pháp tạm thời rút khỏi Hoàng Sa. Trung hoa Dân quốc thì lấy ngay cớ giải giới quân Nhật để đổ quân chiếm đảo Phú Lâm là hòn đảo lớn nhất trong nhóm *Tuyên Đức - Amphitrite Group* phía đông Hoàng Sa, Pháp chỉ phản đối chiếu lệ.

Khi Trung Cộng toàn chiếm Hoa lục 1949, Tưởng Giới Thạch phải chạy ra Đài Loan thì quân Trung Hoa Dân Quốc rút ra khỏi đảo Phú Lâm.

Năm 1956, khi quân Pháp bắt đầu rút khỏi Việt Nam, Trung cộng đã mau chóng cho hải quân tái chiếm đảo Phú Lâm và các đảo khác thuộc nhóm Tuyên Đức và đặt bộ chỉ huy toàn thể lực lượng trú phòng quần đảo Hoàng Sa trên đảo Phú lâm và cũng là căn cứ quân sự kiên cố nhất trên biển Đông. Bằng chứng là mới đây vệ tinh Nhật bản đã chụp được không ảnh về căn cứ quân sự Trung cộng đã xây trên đảo Phú lâm trên đó có cả một phi đạo dài tới 2500m.

Mỹ rút khỏi Nam Việt Nam 1974, Trung Cộng đã xua quân chiếm luôn *nhóm Nguyệt Thiề m - Crescent Group* phía tây Hoàng Sa, đang thuộc quyền kiểm soát của chánh phủ Việt Nam Cộng hòa, sau một trận hải chiến ngắn với lực lượng Hải quân Nam Việt Nam. Hoàn toàn làm chủ quần đảo Hoàng Sa, chuẩn bị cho kế hoạch lâu dài, Trung Quốc thiết lập căn cứ hải quân, cả xây dựng phi trường và đồng thời tung các con tàu ra khơi tìm kiếm dầu hỏa.

Vẫn không dừng ở đó, Trung Quốc tiếp tục chính sách bành trướng xa hơn về phương nam, 14 năm Sau 1988 Trung cộng lại dùng võ lực bắn chìm tàu Việt Nam và cưỡng chiếm thêm tám đảo của Trường Sa và dựng ngay bảng chủ quyền trên mỗi đảo - nơi mà Việt Nam thực sự có chủ quyền về mọi phương diện lịch sử địa dư và công pháp quốc tế. Tình hình lại càng phức tạp hơn - ngoài mâu thuẫn giữa Việt Nam Trung quốc - còn có thêm sự tranh chấp với các nước Mã Lai, Brunei, Nam Dương và Phi Luật Tân để giành giật những mỏ khí đốt cũng trên thềm biển Đông ấy.

Tưởng cũng nên nhắc lại ở đây, không phải chỉ có Trung Cộng mà Đài Loan cũng đã hiện diện xen kẽ ở Trường Sa. Đài Loan đã kiểm soát một hòn đảo lớn nhất trong quần đảo Trường Sa đó là đảo *Ba Bình - Itu Aba* nơi mà trước Thế chiến thứ Hai Việt Nam và Pháp đã từng đặt đài khí tượng và hoạt động rất hữu hiệu. Ba Bình ngày nay trở thành một công sự vô cùng kiên cố của Đài Loan với cả hải cảng, sân bay, đài kiểm thám, các ụ súng lớn với cả một tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến là lực lượng trú phòng thường trực có trang bị cả các đoàn xe lội nước.

Hai lần hải quân Trung Quốc ra tay hai lần họ tàn sát người Việt trên biển Đông trước con mắt thờ ơ của những đồng minh và cả quốc tế.

Chiến trận Hoàng Sa 1974, có sự hiện diện đệ Thất hạm đội Mỹ trên Thái Bình dương, nhưng Hoa kỳ không những cho biết sẽ dứt khoát đứng ngoài cuộc tranh chấp mà còn cô lập Hải quân Việt Nam bằng cách phong tỏa việc sử dụng ngư lôi đĩnh, rút Đệ thất Hạm đội ra khỏi khu vực biển Đông và *còn quyết liệt từ chối cả nghĩa vụ nhân đạo là việc cấp cứu những thủy thủ Việt Nam bị trôi giạt trên biển* sau trận hải chiến với hạm đội Trung Cộng.

Trận chiến tháng 3 năm 1988 với cả hạm đội Liên Xô đóng ở Cam Ranh, họ cũng án binh bất động.

Thế giới đã bỏ mặc cho Việt Nam phải đương đầu đơn độc với một siêu cường Trung Cộng khổng lồ có cả võ khí nguyên tử.

Rõ ràng là Trung Cộng , bằng vô số phương cách trước sau vẫn quyết tâm đi hết tiến trình đã vạch sẵn, khi thì ngang nhiên dùng võ lực khi thì lợi dụng danh nghĩa khảo sát khoa học - cả mạo nhận danh nghĩa Liên hiệp quốc để âm thầm lấn chiếm các đảo cho đến khi hoàn toàn nuốt trọn Trường Sa.

Do không đủ sức đương cự với Trung cộng, các nước nhỏ quanh biển Đông vận động tìm cách đưa nội vụ ra Tòa án Quốc tế nhưng Trung cộng thì luôn luôn rêu rao cho rằng Tòa án La Haye chỉ là trò chơi của đế quốc tư bản nên hoàn toàn đứng ngoài như một vô can. Khi mà lẽ phải chỉ dành cho kẻ mạnh với tiềm thủy đĩnh, phóng pháo cơ và chiến hạm thì rõ

ràng tình hình biển Đông cực kỳ căng thẳng và sẽ chẳng có một nước nào được yên - nhất là với Việt Nam - nếu không chịu khuất phục trong trật tự nước Trung Hoa.

"Bởi vậy lấy sức mạnh mà nói thì lẽ phải ở về phía Trung Quốc."

Trong một phòng hội thuộc Khu Nghiên cứu Đông Nam Á đại học Berkeley - nơi từng nổi tiếng về các *phong trào phản chiến* trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam - Kham dáng đứng vững chãi trước một màn ảnh lớn với tấm bản đồ biển Đông và các địa danh thuần Việt do chính anh đã dầy công sưu tầm và thiết kế trên máy điện toán. Kham giọng phân tích:

"Do nằm ngay trên ngã tư đường hải hành của Thái Bình Dương, từ bắc xuống nam và từ tây sang đông, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nghiễm nhiên trở thành những địa điểm chiến lược trọng yếu của toàn vùng Đông Nam Á. Trong tình huống cho dù Việt Nam có bị phong tỏa hết biên giới lục địa phía bắc và phía tây, quốc gia ta cũng không bị bóp nghẹt về kinh tế. Nhưng nếu bị phong tỏa hết bờ biển phía đông thì chẳng những không còn ngoại thương mà ngay cả chuyển vận đường biển bắc nam để điều hòa nhu yếu phẩm trong cả nước cũng hết."

Và Kham đưa ra tiếp một cái nhìn tiên tri:

"Trung Cộng ngày nay dư khả năng thực hiện một cuộc phong tỏa như vậy khi mà họ đã sở hữu được hỏa tiễn tầm xa, các đội oanh tạc cơ chiến lược và lực lượng hải quân với hàng không mẫu hạm và các hạm đội viễn duyên để khống chế toàn biển Đông, lúc đó kẻ thù truyền kiếp của chúng ta lại hiện nguyên hình lừng lững trở lại, áp đặt ách thống trị lên đầu lên cổ dân tộc Việt Nam nhưng với những thủ đoạn ngàn lần tinh vi hơn."

Giọng Kham càng trở nên thiết tha:

"Thà rằng chúng ta sống tiết kiệm để tăng cường quốc phòng nhất là hải quân với đầy đủ khả năng hải chiến không chiến ngoài khơi còn hơn chờ đợi tới *cái ngày không tránh được - the inevitable day* khi đó cả nước ta chịu chết ngạt một cách nhục nhã vì bị bao vây."

Hướng về phía Cao, Kham tiếp:

"Rồi còn phải kể tới *trận chiến về môi sinh* như gây ô nhiễm và chặn nguồn nước của con sông Mekong gây hạn hán và nạn ngập mặn khắp vùng đồng bằng châu thổ, điều mà *Nhóm bạn Cửu Long* rất sớm lên tiếng báo động trong những năm qua. Chặn đầu nguồn ở Vân Nam, chặn cuối nguồn con sông Mekong bằng chiếm đoạt các quần đảo sát ngoài khơi biển Đông, quả thật cho đến nay Việt Nam bị bó tay và chưa biết phải ứng xử ra sao!

Hoàn toàn làm chủ kỹ thuật thính thị qua máy điện toán, Kham đã linh hoạt kết thúc bài nói chuyện. Anh cho chiếu cùng lúc hai tấm slides trải dài trên hai màn ảnh lớn: một bức không ảnh chụp từ vệ tinh hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa trên biển Đông bên một dải đất Việt Nam hình chữ S. Màn ảnh bên là trích dẫn một đoạn viết của giáo sư Hoàng Xuân Hãn trên tạp chí Sử Địa 1974: *"Một gương sáng lịch sử là mỗi khi thế nước suy hèn vì chia rẽ và nội loạn thì mỗi khi lân bang lấn cõi... Ngày nay vụ Hoàng Sa bị chiếm là triệu chứng cụ thể gây nên bởi sự bất hòa của dân ta... tuy rằng nhiều chứng xưa nay, trong ngoài bảo rằng đó là đất Việt."*

Rồi bất chợt nổi lên từ xa tiếng sóng biển Đông vỗ rạt rào xen lẫn với muôn ngàn tiếng chim hải âu làm nền cho bản tin mới phát đi của đài RFI:

... Theo tin hãng thông tấn Kyodo, Hà Nội 19-09-98. Bộ Giao thông Vận tải mới đây đã hoàn tất việc xây dựng và trùng tu nhiều cơ sở dân sự trên đảo San hô Tây - West Reef trong quần đảo Trường Sa, gồm có bồn chứa nước ngọt, trạm máy phát điện, khu nhà ở và cả sân bay trực thăng với tổn phí lên tới 4 triệu đô-la là những công trình xây dựng có tính cách lâu dài.

Tưởng cũng nên nhắc lại là chỉ mới hai tuần lễ trước đây, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Trung Quốc đã lên tiếng phản đối và đòi hỏi phía Việt Nam phải lập tức rút quân khỏi hai đảo đá ngầm thuộc bãi Tư Chính trong vùng Trường Sa mà Trung Quốc cho là lực lượng Hải quân Việt Nam đã chiếm đóng trái phép. Phía Việt nam đã khước từ thảo luận với Trung Quốc vì cho rằng Việt Nam có đủ bằng chứng lịch sử và pháp lý để khẳng định chủ quyền tại hai khu vực quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bao gồm cả những đảo đã bị Trung Quốc dùng võ lực cưỡng chiếm...

Có điều mà Kham chưa nói ra - là cho dù hiện nay Việt Nam còn hiện diện trên một số đảo ngoài Trường Sa nhưng nếu bị phong tỏa vùng hải phận quanh quần đảo - điều mà Hải quân Trung Quốc dư sức làm - mà không cần nổ thêm một phát súng nào, thì bất chiến tự nhiên thành, tất cả chủ quyền quần đảo Trường Sa hoàn toàn rơi vào tay Trung Quốc.●

10/98

ĐINH CƯỜNG



ĐOẠN GHI NHỚ ĐỖ LONG VÂN

(Kỷ niệm một năm ngày chết Đỗ Long Vân)
Gửi chị Quỳ và hai cháu Lô, Thao

Mùa đông đã trở lại,
Rừng cây khô cành buồn thiu
Màu trời ẩm đục.
Buổi chiều tôi ra ngồi ở vườn sau
Bầy quạ đen sà xuống kêu hoàng hôn
Nhớ anh vô cùng.
Anh đã chết âm thầm hồi tháng Tám
Trong căn nhà không có điện
hẻm Nguyễn Huỳnh Đức, Phú Nhuận.
Mỗi ngày anh qua hàng xóm xin thùng nước
đồng hồ nước cũng không có
Anh ngồi trước bàn viết cũ kỹ, ngọn đèn dầu
Căn phòng luôn tối ám.
Ngày tôi đến chia tay anh
Chiếc giường đơn nhà binh
Chăn nệm nhầu vàng ẩm mốc
Anh tự học chữ Nhật...
Anh ngồi dịch sách người ta thuê
Anh Đỗ Long Vân ơi,
Chưa trở lại thăm anh một lần.
Ngày quân Bắc Việt tràn vào Sài Gòn
Anh vẫn mang chiếc bao gạo cũ
có in cờ vàng ba sọc đỏ
đi mua từng lon gạo
ra đầu ngõ mua bó rau.
Anh cứ ngẩn ngơ như không hề hay biết gì.
Rằng thành phố đã đổi khác.
Trong khi Bùi Giáng đứng la hét
bên cầu Trương Minh Giảng
chửi Lê Duẩn, Hồ Chí Minh
đầu đội nón sắt lính Việt Nam Cộng Hòa
(tất nhiên là bị đánh gần chết)
anh vẫn hề không hay biết gì.
Sống một mình lủi thủi
trong căn nhà thuê, đơn chiếc
anh đã quên, quên hết
Đại học Sorbonne, Paris-Huế-ĐàLạt
Tiểu luận về Nguyên Sa, Truyện Kiều A-B-C,
Vô Kỵ giữa chúng ta...
Một thời lẫm liệt, thơ mộng
Quên Café Dung Thành-Nội những năm sáu mươi
Hàng đêm, bạn bè bên anh và Ngô Hồng Quỳ
Những ngày anh chị ở Paris về,
Anh dạy Văn Khoa Huế
rồi bỗng dưng anh tự nghỉ dạy,
chống chiến tranh
Anh không chịu nổi tiếng la hét,
những ngày xuống đường của sinh viên.
Vẫn chiếc áo veston mùa đông Paris,
Vẫn chiếc áo mưa nhựa nhà binh
Anh lang thang đây đó...
Anh bị đưa vào trại nhập ngũ ở Đà Nẵng
Anh bị bắt lính đi trung sĩ truyền tin
Có buổi anh phải trèo lên chòi cao
ở Phú Lâm, đứng gác.
Anh nhớ không, những đêm Đà Lạt
Sương mù, sương mù...
Anh vẫn nói lí nhí, cười lí nhí
cặp kính cận dày, tóc hớt cao
chiếc áo len cánh màu xám cũ
Trong căn phòng đường Hoa Hồng
anh đốt Basto xanh liên miên
Tôi ngồi vẽ... và anh đã viết
sau này cho tôi như không ai hiểu tôi hơn
về đường bay, nét cọ, những vệt màu bầm...
Un artiste n'a que faire d'exprimer son temps.
Il le construit.
Nó dựng nên thời đại,
Và tôi tiếp tục đi, bao giờ cho đến đích
Tôi cô đơn vô cùng tận, như nghệ thuật.
Như anh đã nằm xuống trong xó xỉnh tối tăm
Như Diana đã nằm xuống trong muôn triệu hoa hồng
Như Mother Teresa đã nằm xuống là vị thánh
Tôi đã vẽ anh, đã vẽ Teresa
để nhớ "ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì," (1)
nhớ tuổi nhỏ tôi
đi suốt ngày dưới những tàng cây cao su
chạy theo con nước lũ miền Đất Đỏ
quì trên băng ghế nhà thờ đọc kinh trước giờ học
Dì-xơ của tôi đâu rồi, Dì-xơ rất dữ,
để lại trong tôi sự nghiêm nghị.
Anh thì rất đỗi hiền từ
để lại trong tôi một tình bạn hiếm hoi.
Nay anh đã về với Đất.

Mùa đông đã trở lại,
tôi vẫn lui cui vẽ, hằng đêm,
không còn anh, không còn sương mù Đà Lạt
và gió thì thổi suốt trên rừng cây khô
như tiếng kèn đồng buốt lạnh
Les mains dans le vent
Xám ngắt,
Những bàn tay không níu nổi thời gian

Virginia 9.97

(1) Lời nhạc của Trịnh Công Sơn

THƯ VIỆN F. MITTERRAND (Paris)
REZ-DE-JARDIN, TẦNG NGHIÊN CỨU

(hồi thứ hai)

NGUYỄN THỊ XUÂN SƯƠNG

Trong khi những bậc yêu đời đang làm đuôi hạ giọng hỏi thăm các dược sĩ về một loại thuốc "cải lão hoàn... tráng," thì các bậc "yêu sách" hơi cao giọng hỏi chúng tôi có cách nào gặp người trách nhiệm hành chánh để than phiền về thư viện hay không ?

Thư viện tầng trên (*Haut-De-Jardin*) dành cho mọi độc giả đủ 18 tuổi mở cửa thấm thoắt đã gần hai năm! Trong hai năm trời chúng tôi được lời khen cũng lắm mà lời chê cũng nhiều. Khen rằng "tiếp đón nồng hậu" (lúc đầu ế khách quá, cứ một anh vào thì đã có hai ba em thù tiếp, lại chẳng nồng hậu là gì!); khen rằng "đẹp quá, sang quá, hiện đại quá" (nuốt chửng sơ sơ bảy tám tỉ bạc rồi, không đẹp, không sang, không hiện đại thì là gì!) Còn chê thì ôi thôi! Nội cái việc sách báo về "Arts" mà không có máy chụp màu là bị trề môi nhún vai ngay (bây giờ có rồi, mỗi tầng một cái, 10 quan một bản), một trang photocopie khổ A4 giá một quan là thiên hạ đã viết vào sổ chửi: bộ *vous* muốn lấy lại tiền cho nhanh hả? Chửi thì chửi, đường ta ta cứ đi, một quan ta cứ tính và thiên hạ cần thì cứ móc túi ra.

Cả tháng trước ngày thư viện tầng dưới (Rez-De-Jardin) dành cho độc giả nghiên cứu rục rịch mở cửa là nhân viên chúng tôi mất ngủ. Nếu theo Freud (không rõ Sigmund hay ai khác), cứ giật mình thức lúc hai giờ là chuyện gia đình, ba giờ là công việc, bốn giờ là sức khoẻ... thì qúy vị cứ yên trí là cả thảy chúng tôi đều giật mình bật dậy đúng ba giờ — để không ruột gan nào mà nhắm mắt chiêm bao lại được nữa! Khi thư viện tầng trên khai trương, chúng tôi cũng đã quíu rồi. Nhưng hồi đó là vì mở cửa mà chưa có hàng, còn bây giờ là vì có hàng mà tiệm tổ chức chưa ổn. Tóm lại là chúng tôi sống triền miên trong nỗi kinh hoàng! Càng khiếp khi đồng nghiệp cứ kháo nhau là các lão gia nghiên cứu thường khó tính, họ không biết dùng hay không thích dùng máy móc thì cứ níu áo mình sai, rằng họ đòi hỏi là cái gì cũng phải nhanh nhanh lên như sách trên kệ cứ lấy xuống đưa chớ làm gì mà lâu như... công chức vậy, vân vân và vân vân. Có ai hiểu cho là hệ thống TAD (Transport Automatique de Documents) vòng vo dài 12 cây số đường rầy, 144 trạm ngược xuôi mà hiện giờ vẫn chưa ổn. Nếu nó chịu làm việc đàng hoàng thì từ kho sách lấy ra nhờ nó chở đi, tới lúc bò ra đến tay độc giả thì trung bình cũng mất gần 30 phút. Trong khi cứ chạy bộ vào kho bốc đem ra thì chỉ mất... bảy phút thôi (xin thưa là chúng tôi đã làm thử ạ, hoan hô kỹ thuật hiện đại!) Nhưng thư viện cho thế kỷ 21 mà lại thiếu máy móc và lòng thòng một lô "-iques" (transitique, signalétique, và vô-ique) thì còn mặt mũi nào!

Hôm ông Tổng Giám đốc mới vừa nhậm chức vài ngày, bà "Big Boss" dẫn ông đi tham quan, nhằm lúc bà "less big boss" của chúng tôi đang tập sử dụng hệ thống tìm tài liệu, ông hỏi: cần bao nhiêu lâu để tìm ra một quyển sách? Bà hiên ngang trả lời: để mò ra cái gì thì tôi không rõ phải mất bao lâu, chứ để biết chắc là sẽ không mò ra gì cả thì chúng tôi cũng cần hơn hai tiếng đồng hồ. Wooàoo! Tất nhiên là chúng tôi rất hả hê, nhưng cũng tất nhiên không kém là người hùng của chúng tôi đã bị khiển trách. Trong khi dân giữ kho thì kháo với nhau về một câu ranh ngôn mà họ tàn nhẫn gán cho... Khổng Tử: *"la hiérarchie, c'est comme des étagères, plus c'est haut et moins cà sert."* (1) Wooàoo !

Nỗi lo của chúng tôi ngày 5-10 — ngày dành cho nhân viên tiếp đón bà bộ trưởng Văn hoá tới thăm — được an ủi chút đỉnh. Bài diễn văn của ông Chủ tịch thư viện vừa chấm dứt, trong lúc nhân viên còn đang vỗ tay (có tay chẳng lẽ để không?) và biết là bà bộ trưởng sắp đọc phần bà thì một đám nhân viên ngoại ngạch hè nhau hô to lên: "Không, không, không với việc làm bấp bênh, phải cho

chúng tôi công việc chánh ngạch." Nhân viên cười và bà bộ trưởng cũng cười. Được thể, họ lại tiếp tục. Nhưng bà bộ trưởng không chờ họ ngừng, bà bắt đầu bài diễn văn. Thế là họ im. Bà bộ trưởng lúc nào cũng hơi nhíu mày (tư zuy chuyện quốc gia đại sự mà lị, dù cặp mắt xanh không kém vẻ lãng mạn mơ huyền), với giọng trầm rè rè (một cô đồng nghiệp không đi dự sau đó hỏi tôi "cái ông nào nói sau ông chủ tịch vậy ?") đã chinh phục chúng tôi gần mười lăm phút, quên cả đói. Bài bà hay lắm, chính trị lắm, và cũng tình cảm ra gì. Sau khi đã vuốt ve là bà hiểu chúng tôi đang gặp nhiều khó khăn, đã nịnh là chúng tôi "giỏi" lắm, có khả năng hơn người lắm lắm, bà còn nói là bà gửi đến chúng tôi lời cám ơn của chính phủ, của cả dân tộc Pháp! Thích chưa! Đã có ai làm gì để cả dân tộc Phú Lang Sa phải cám ơn dữ dội như vậy chưa, ngoài đội bóng đá vừa tam tài vừa đa chủng?

Qua truyền hình, truyền thanh, khán thính giả chỉ nghe toàn chuyện tốt. Nào là giữ chỗ trước, giữ tài liệu trước cả hai tháng v.v..., với ống kính lấy những góc cạnh đẹp đến nỗi chúng tôi cũng phải ngạc nhiên. Và bất kỳ ai được phỏng vấn cũng trả lời toàn những điều thuận nhĩ hết, nhưng khi độc giả đến tận nơi thì mới thấy là nghe zậy chớ không phải zậy!

Trong thời gian học cách dùng hệ thống mới, từ cách giữ chỗ hay cho thêm độc giả một chỗ ngồi đặc biệt (ví dụ để đọc *microfilm, microfiche*, hay sách thuộc loại phải rình họ đọc), đến cách tra cứu thư mục... cái hệ thống mới này đã biểu lộ tánh lười nhác của mình rồi, nên phần lớn những gì chúng tôi biết chỉ toàn là lý thuyết. Trong thời gian đó, bộ phận tin học lo làm việc cật lực để hoàn chỉnh hệ thống. Vậy mà hôm khai trương thứ sáu, ngày chín tháng 10 vừa qua, thư viện đón tiếp độc giả với một giàn máy tân kỳ mà phần lớn chỉ để ngắm thôi! Một vài cái chịu làm, nhưng lãng công. Ngay hôm đầu chúng tôi đã phải D. M. (xin đọc nghiêm túc là *"Degraded Mode"*), chỉ để xài trong trường hợp không trôi chảy.

Thế rồi *"Météore"* (nghĩa là "Sao băng", sinh ra vì thư viện) cũng khai trương ngày 15-10, để cắm đầu chạy thục mạng làm con tàu điện ngầm nhanh nhất thế kỷ (sáu phút, từ trạm "Madeleine" tới "Bibliothèque Nationale de France"), hăm hở chở miễn phí hàng vạn người tới thăm thư viện vào ngày 18-10, là ngày thư viện mở rộng cửa đón khách thập phương cũng miễn phí luôn. Sau đó ít hôm thì chắc là nghe thư viện rủ rê, "Sao băng" cũng buồn như con chó ốm, mang cái tên tiền định trở về tình trạng... chạy thử. Chúng tôi lại được dịp làm thi sĩ con cóc :

"Météore coute sept milliards
Fait exprès pour son amour de sept milliards
Les 14 milliards restent en rodage !" (2)

Chắc quý vị còn nhớ tháng Ba vừa qua, hầu hết báo chí đều đăng "cuộc dọn nhà lớn nhất thế kỷ," "cuộc dọn nhà vô tiền..." (không có "khoáng hậu," lỡ thế kỷ 22 nước Pháp đổi đại lục thì sao ?), với tủ đựng sách cầm cự nổi ít nhất bốn tiếng đồng hồ mới cho lửa liếm vào, với trực thăng lượn trên trời theo dõi hộ tống, và anh tài xế thì chỉ tới lúc rồ máy mới biết được lộ trình phải theo... Thật là ly kỳ rùng rợn. Và cái mục này còn tiếp tục đến cuối năm mới hết. Giữa 10 triệu quyển sách (đáng lẽ bây giờ phải hơn chút đỉnh, chứ gì mà cứ 10 triệu hoài từ bao năm nay, cứ y như là 4000 năm văn hiến của mình!), kho sách tiếng Việt chỉ e ấp có hơn vài chục ngàn thôi, chia ra trong bốn quyển danh mục:

1. *"Livres du fonds vietnamien"*: 1890-1921, hơn 1,000 tựa sách
2. *"Fonds Indochinois"*: 1922-1954, hơn 12,000 tựa sách (tất cả đều đã được *microfilmé*)
3. *"Inventaire des livres vietnamiens"*: 1960-1979, hơn 1,500 tựa
4. Sách nhập thư viện từ 1980 được vào thẳng máy điện tử, hơn 6,000 tựa.

Riêng phần sách *"libre accès"* dành cho độc giả tự ý chọn lấy không cần hỏi ai, trong vòng ba năm trời sẽ có tất cả 351,000 quyển sách và 4,600 tựa báo. Trong đó phần văn học nghệ thuật chiếm 115,000 sách và 800 tít báo. Riêng bộ phận Việt Nam chỉ được 400 quyển và bốn tạp chí thôi (Tạp chí Hán Nôm, Tạp chí Ngôn ngữ học, Tạp chí Văn Học, và Tạp chí Văn Lang). Tầng trên chỉ 300 quyển, một hôm có người bảo tôi: Em đến thư viện rồi và sẽ không bao giờ đến nữa - Sao vậy ? - Tại vì ít quá, ít còn hơn sách nhà em! Tôi chỉ cười hì hì. Ai mà không muốn bày sách mình nhiều, có điều bị giới hạn chừng đó thì chẳng lẽ khóc. Có người, sau khi giám sát tận tình, tuyên bố một câu xanh dờn: - Nhiều sách tác giả Bắc quá! Tôi chỉ cười, nhã nhặn trả lời rằng bổn phận tôi là giới thiệu văn học Việt Nam, không phân biệt Bắc Nam hay chính kiến, tôn giáo...

Nghĩ cho cùng, khách hàng tầng dưới đâu thèm rờ tới sách *"libre accès."* Họ chỉ cần những quyển cách đây cả thế kỷ nên thường là dưới hình thức *"microforme."* Mở cửa ngày 9, ngày 10 - thứ bảy - tôi xung phong đi làm để

coi cảm giác "mạnh" tới cỡ nào khi mọi việc đều trì trệ. Độc giả ngoại quốc rất nhiều, nhất là Đức và Ý, họ thường phàn nàn sao rắc rối quá vậy, trước kia chỉ cần điền vào "*bulletin* màu vàng" là xong chuyện. Tôi cười cười trả lời đúng giọng ăn cơm nhà nước: hãy thong thả cho chúng tôi ít lâu nữa rồi quý vị sẽ thấy là tiện hơn "*bulletin* màu vàng" gấp bội.

Tầng *Rez-De-Jardin* cũng chia sách theo chủ đề và gồm các phòng như sau:

"Département 1", Lịch sử và Triết..., ba phòng đọc : K (128 chỗ ngồi), L (134), M (144)

"Département 2", Luật, Kinh tế..., hai phòng đọc : N (128), O (120)

"Département 3", Khoa học ứng dụng..., hai phòng đọc : R (80), S (58)

"Département 4", Văn học Nghệ thuật, bốn phòng đọc : T (30), U (78), V (134), W (117)

Phòng sách quý hiếm nằm trên gác lửng của *"département 4"* là phòng Y, 48 chỗ ngồi, bao bọc bằng vải trắng, gọi nôm na là *"Coussin de Réserve,"* nóng như thiêu.

X, Phòng tra cứu thư mục, 153 chỗ ngồi.

P, Phòng thính thị, 350 chỗ ngồi.

Đặc biệt phòng thính thị có thêm *INAthèque (L'Institut National de l'Audiovisuel, www.ina.fr/inatheque/)*, 63 máy đọc thính thị và hai phòng (trang bị máy) cho độc giả nhóm - cứ tưởng thiên hạ sẽ nhào vô đây nghiên cứu, ai ngờ trong mấy ngày mở cửa, chẳng có ma nào!

Phòng U cũng có máy dành cho độc giả khuyết thị, đọc bằng tay (*en braille*) : sáu máy khuyết thị tầng trên trong gần hai năm nay chỉ để biểu diễn cho khách tham quan, còn khách dùng thật sự chỉ vỏn vẹn một chàng. Chắc yêu "phòng nhì" lắm, lần nào tới chàng cũng yêu cầu *"cabine numéro deux, S.V.P."* Còn ba máy tầng dưới này, chẳng biết sẽ được mấy bậc đòi... rờ ?

Chúng tôi còn được học tập về cách phòng cháy chữa cháy. Hệ thống máy móc của phòng giám sát này thì an ninh gấp ba, bốn lần ở các bịnh viện, không làm gì có cảnh cúp điện ở đây. Và nếu có báo động, trong vòng 20 giây đã có thể định vị trí được rồi. Và vì chúng tôi có tới hơn 10 triệu quyển sách, nên hệ thống phòng cháy cũng đòi "nói có sách mách có chứng." Nghĩa là "không có lửa làm sao có khói" không đủ, nó đòi có khói đã đành, nhưng còn phải thấy lửa nữa kia, phải làm sao cho nó cảm được hơi nóng thì nó mới tin và tự động xịt nước ra dập tắt tức thì, mà tuyệt là vẫn không xịt nhầm vào sách! Nhưng tới giờ vẫn chưa ai dám đùa... dù chỉ với khói.

Và ngộ nhỡ những máy móc ấy không thông ư? ... Thì cứ bình tĩnh mà... D. M. thôi. Có người kêu trời, lúc đó mà D. M. gì nổi ? Nhân viên an ninh cười cười: dễ mà, quý vị nhìn đây, cứ tháo cái này xuống, gỡ cái này ra, làm *"Déclenchement Manuel"* (lại D. M.!) là chúng tôi sẽ chạy tới tức thì!

Lần này trong buổi họp trước khi mở cửa, các sếp không những khuyên chúng tôi phải biết giữ nụ cười, mà còn khuyên chúng tôi "phải giữ bình tĩnh, *quoi*!" Bởi vì các sếp biết thừa là nhân viên sẽ bị nghe độc giả cằn nhằn. Nhưng mở cửa mới được sáu ngày thì không những nhân viên mà cả các sếp cũng mất bình tĩnh, *"département"* chúng tôi họp khẩn, cùng nhau xác nhận nỗi khó khăn gặp phải, và sếp nói "dù sao, các *vous* không nên để bị sỉ nhục." Thêm sáu ngày nữa thì nhân viên bắt đầu làm reo, yêu cầu lãnh đạo nói thiệt với công chúng là hệ thống điện tử không chạy, đòi đóng cửa ngày thứ hai cho cả hai tầng (hiện nay tầng trên mở từ thứ ba đến chúa nhật, tầng dưới mở từ thứ hai đến thứ bảy, được tiếng là thư viện song thất 7/7), tạm thời nên giảm bớt giờ mở cửa, và linh tinh nhiều thứ khác... "Công chức" mà, dù sao cũng đã mang tiếng làm thì ít mà vòi vĩnh thì nhiều, tội gì không đòi. Không được thì tiếp tục làm reo, chứ sao!

Vé đồng hạng không phân biệt giới tính, nghề nghiệp, tôn giáo và tuổi tác, là 30 quan hai ngày; 200 quan 12 ngày (giá giảm 100 quan); 300 quan cả năm (giá giảm 150 quan). Chỉ khác là muốn được vào thì phải có thẻ nghề nghiệp và chứng minh của giám đốc xác nhận mình đang cần nghiên cứu, hoặc tư nhân thì phải nói rõ lý do và nói sao cho xuôi tai để được chấp thuận.

Khác với nhà tù là vào dễ ra khó, thư viện chúng tôi vào đã khó mà ra cũng khó: cái gì cũng qua máy móc, lỡ ngày cấm xuất hành mà quý vị không dị đoan cứ đòi tới thư viện, nhằm lúc ông Bùi Hiển đang bày tụi nó *Nằm vạ* thì dù quý vị đã trả hết sách rồi cũng bị mang tiếng là còn thủ trong người. Thì sao? Thì thẻ độc giả không chạy, cửa không chịu mở là coi như qúy vị bị êm ái cầm tù rồi chớ còn gì nữa?●

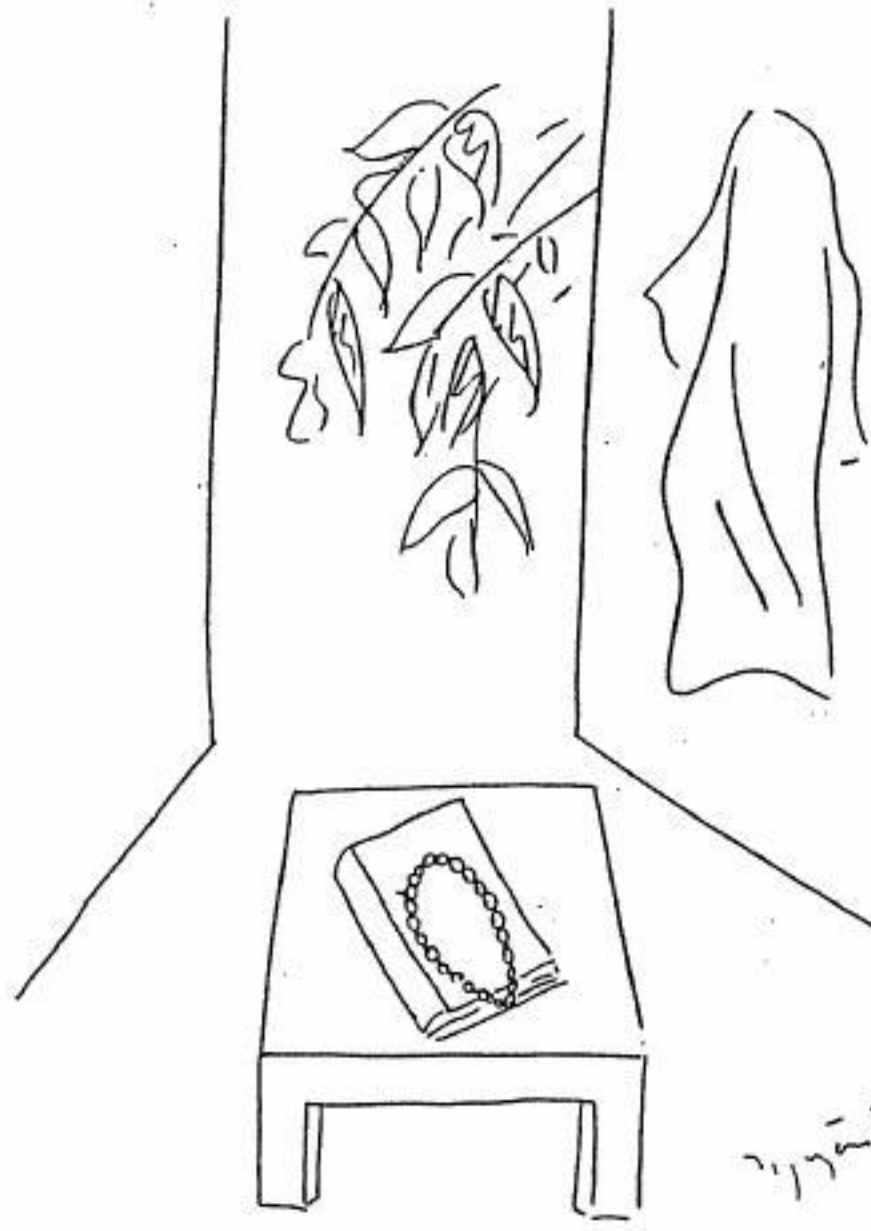
Paris, 23 Oct. 1998.

1. Tôn ti cấp bậc cũng như các kệ sách, càng cao càng vô dụng.

2. *Météor* đáng giá 7 tỉ, làm cho bố nó cũng 7 tỉ, cả 14 tỉ vẫn còn đang chạy thử.

CHẶNG ĐƯỜNG CUỐI CÙNG

QUỲNH DAO



Bạn thân,

Hôm nay, tôi sẽ kể cho bạn nghe câu chuyện vừa xảy ra từ mấy tháng qua trong đời sống nghề nghiệp. Bạn khoan bảo tôi lẩm cẩm, hết chuyện kể hay sao mà lại đi lải nhải cho bạn nghe những đau bụng nhức đầu cảm cúm không mấy chi là hấp dẫn cả.

Bạn đừng vội nóng, mắng oan, hãy bình tĩnh nghe tôi kể xong câu chuyện đã. Đây là câu chuyện về cuộc hành trình của bà X. với tôi, những chặng đường mà chúng tôi lần lượt đi qua để đến cái đích cuối cùng: cái tang của bà X.

Nên hiểu chữ tang dùng ở đây có nghĩa là cái chết và cũng để chỉ tâm trạng của một người khi mất mát một vật hay người mà mình yêu quí, và người yêu quí ở đây không ai khác hơn là chính mình.

Trong cuộc hành trình này từ lúc khởi đầu cho đến khi chia tay, bạn sẽ tuần tự thấy sự thật được phơi bày và chấp nhận, nói đúng hơn không phải là "một sự thật" mà là "nhiều sự thật" hay là sự thật dưới nhiều góc độ nhìn của bệnh nhân, và bên cạnh là sự thật của bác sĩ.

Câu chuyện bắt đầu bằng cú điện thoại của người đồng nghiệp chuyên khoa tại bệnh viện: *...Bà X. bị đau bụng từ hơn tháng nay, tổng kết những lần thử nghiệm "nặng" ...cho thấy đây là bệnh ung thư gan... vị trí của khối u rất hiểm nghèo, với di căn quan trọng... Đành bó tay... Không có giải pháp chữa trị... đề nghị cho xuất viện về nhà và chỉ uống hoặc tiêm thuốc chống đau khi cần thiết... Nhờ bác sĩ gia đình báo tin* ....

Tâm trạng của tôi lúc đó rất hỗn tạp, ngoài sự thương xót một bệnh nhân mình đã quen biết và chăm lo sức khỏe từ bấy lâu nay, ngoài cái tình giữa người và người khi biết một người sắp vĩnh viễn ra đi, còn cái bối rối hụt hẫng.

Tôi phải làm sao để báo tin hung, phải nói

lúc nào, nói cách nào, nói với ai, nói thẳng với bà X. hay nói với gia đình của bà ?

Cũng cho bạn thêm vài chi tiết về bà X. Bà mới ngoài năm mươi tuổi. Có chồng và hai con gái lớn 23 và 25 tuổi. Ngoài những bệnh cảm cúm lặt vặt, chưa bao giờ bà bị ốm nặng cả. Trong thời gian qua, bà bị đau bụng và càng lúc cơn đau càng tăng dần, lúc đầu chỉ một hay vài lần độ mười lăm ba mươi phút trong ngày, dần dần thì kéo dài thêm và chỉ đỡ khi có thuốc chống đau với lượng thuốc càng lúc càng tăng.

Buổi gặp gỡ nói chuyện với gia đình bà X. tương đối nhẹ nhàng hơn là tôi nghĩ. Sự can đảm của họ giúp tôi báo tin dễ dàng hơn. Không khóc lóc kêu la, không kể lể ai oán. Sau khi biết tin dữ, họ bàng hoàng im lặng mắt nhìn thẳng mông lung. Hai cô gái không nói một lời, nước mắt chảy đầm đìa trên mặt, hai bờ vai run như cố ghìm tiếng nấc. Người chồng hỏi cặn kẽ về tình trạng sức khỏe của vợ và cuối cùng yêu cầu tôi nói tin dữ cho vợ ông.

"...Chúng tôi không biết phải làm sao, đành nhờ bác sĩ tìm cách hộ. Không rõ phản ứng của vợ tôi sẽ thế nào... Cần nhất là từ đây cho đến phút chót, vợ tôi được nhẹ nhàng thoải mái, từ tâm hồn đến thể xác."

Tôi tiễn họ ra cửa, người cha đi giữa hai con, bước thật chậm nặng, lưng như khòm xuống. Hai cô gái quàng tay qua lưng cha mình dìu ông đi. Tôi ngậm ngùi nhìn theo bóng ba người dựa vào nhau khuất dần cuối phố.

Hôm sau tôi ghé lại thăm bà X. Tôi quyết định sẽ dò dẫm phản ứng của bà trước khi báo tin buồn. Trong thời gian mấy tháng qua bị cơn đau hành hạ, những liều thuốc uống chống đau thông thường không còn đủ hiệu nghiệm nữa, nay phải dùng đến Morphine, chắc bà X. cũng đã nghĩ đến một chứng bệnh ngặt nghèo nào, như bệnh ung thư, và khi nghĩ đến ung thư, có lẽ bà đã liên tưởng đến cái chết. Tôi tìm cách hỏi xem bà đã biết những gì.

"Chào bà, hôm nay bà thấy thế nào?"

"Cũng thường thôi bác sĩ ạ."

"Bà nghĩ sao về chứng bệnh của bà? Theo bà thì thế nào?"

"Tôi nghĩ không có gì nặng đâu, chắc không phải ung thư đâu vì tôi vẫn ăn ngon ngủ ngon, ký lô không sụt. Tôi đọc trong báo thấy người ta bảo khi nào ai bị ung thư thì sẽ mất ăn mất ngủ và xuống ký ào ào, tôi chỉ hơi gầy đi một chút, tôi còn muốn gầy thêm nữa cho đẹp. (Thật ra bà đã sút ký nhiều nhưng bà cho là vì kiêng ăn để ốm cho hợp thời trang, chứ không phải vì ăn mất ngon). Bác sĩ bệnh viện cho tôi về nhà, chứ nếu tôi bị bệnh nặng, họ đã giữ lại để trị chữa rồi."

Bạn thấy không, bà X. vừa nói lên cái bà không-muốn-nghe, cái bà-không-muốn- biết.

Giai đoạn này xin được gọi là giai đoạn Phủ nhận-trước (Déni-anticipation)

Khi dùng từ "phủ nhận," xin thú thật tôi đã dùng rất vội vàng, không biết trong phân tâm học, phải nói sao cho chỉnh. Chối bỏ? phủ nhận? phủ định?...? Từ nào chính xác nhất?

Freud có dùng hai chữ Đức *Verneinung* (dénégation), và *Verleugnung* (déni). Tôi hiểu Verneinung như cách thức một người dùng để chối bỏ một tư tưởng, một ý muốn, trước đây bị cất nén và vừa được họ trình bày ra. Cũng theo Laplanche và Pontalis (Vocabulaire de la psychanalyse), Freud đã dùng từ *Verleugnung* (Déni) với một nghĩa rất "riêng biệt": một người tự bảo vệ mình bằng cách từ chối không chấp nhận sự hiện thực của một tri giác đau đớn.

Tiếng Pháp có từ *Déni, Dénégation, Négation.*

Tôi tra trong tự điển của Robert, Déni có nghĩa là sự từ chối không nhìn nhận là đúng, là thật (một sự việc, một lời nói...)

Theo Laplanche và Pontalis, hai từ *Dénégation* và *Négation* đều có thể dùng được , cẩn thận hơn thì nên lấy một phương thức-ngăn kéo- Dé(négation).

Nếu bạn có thì giờ tra cứu về những từ này, bạn nhớ gởi cho tôi đọc nhé. Kiến thức và tư liệu của tôi về môn phân tâm học rất là nông cạn, nếu không muốn nói là mù tịt.

Trở lại câu chuyện của bà X., như tôi đã nói trên, bà đang ở trong thời kỳ Phủ nhận-trước-.

Theo bạn thì tôi nên làm sao? tôi nên nói sự thật của tôi (đó là bệnh ung thư) hay nói sự thật của bà (đó không phải là bệnh ung thư)?

"Bà X. ạ, bà đau nhiều từ mấy tháng nay có lẽ là do cái khối u ở gan mà ra, và có thể cái khối u này không lành đâu."

Bạn thấy tôi đã bắt đầu tiến thêm một bước nữa trên con đường mà một đầu là sự thật của bà X. và một đầu là sự thật của tôi. Bạn đừng trách tôi rườm rà màu mè. Bển cạnh những từ khóa : - khối u- ,- không lành- , lại có thêm những chữ êm tai hơn : có lẽ-, có thể. Tôi đã

cố tình tiến dần thêm với những lời nói khó nghe nhưng được dung hòa bên cạnh bằng những chữ mơ hồ không rõ rệt.

"Bác sĩ đã giúp tôi trút gánh nặng. Tôi cứ sợ mình bị ung thư."

Lúc đó tôi ngạc nhiên vô cùng. Bà X. đã không nghe những gì tôi vừa nói sao ? Rõ ràng tôi vừa nói: ...

Có chứ, bà có nghe , nhưng bà không ghi nhận được những gì tôi nói. Bà đã chọn chỉ nghe (ghi nhận) những lời mơ hồ êm nhẹ và gạt ra ngoài tai những lời hung xấu. Trong câu nói của bà, ta phải cố hiểu và cố nghe cái-không-được-nói-ra. "Tôi cứ sợ mình bị ung thư = Tôi sợ mình bị ung thư quá nên từ chối không muốn nghe nói đến."

Tại sao bà lại bảo: " ...tôi trút gánh nặng." Đó là vì bà đã giả vờ không nghe thấy những lời tôi nói và bà tự cố thuyết phục chính mình bằng lời nói của mình. Lần nói chuyện đầu tiên được tạm ngưng ở đây, sự yên tĩnh và thời gian sẽ tiếp tục nốt công việc mà tôi vừa mới bắt đầu.

Hai hôm sau, tôi trở lại thăm bà.

"Bà thấy thế nào hôm nay?"

"Cũng thường."

"Hình như bà hơi lo âu?"

"Không có."

"Bà có muốn chúng ta tiếp tục nói về chứng bệnh của bà không?"

"Không, tôi không muốn."

Và sau đó bà chuyển sang chuyện khác. Bà kể tràng giang đại hải cho tôi nghe về kỷ niệm hồi bé sống với cha mẹ đến lúc lập gia đình có con, về chuyện đi làm ở sở với ông xếp hay gắt gỏng và những đồng nghiệp dễ chịu. Và sau đó bà tiếp tục nói liên miên về những dự tính tương lai sắp tới.

Bạn có thấy thái độ bà thay đổi không. Tất cả mọi sự đều đơn giản. Về căn bệnh của bà, không cần bàn thêm vì không có gì để nói, vì không còn gì để nói.

Qua cuộc đối thoại bà X. tôi ngầm hiểu là bà không muốn bàn chi đến bệnh của mình nữa. Bà tránh né không nhắc đến những gì tôi đã nói. Bà như chưa từng nghe thấy những từ-khóa tôi đã nêu lên (khối u, không lành). Giai đoạn này là giai đoạn "Phủ nhận." Bà phủ nhận mình bị ốm nặng, bà phủ nhận mình bị ung thư. Mọi sự đều bình thường, mọi sự đều tốt đẹp. Ngoài ra, không có gì đáng nói hết. Những gì không lành, những gì không hay đều bị gạt qua, đều bị bỏ quên.

Giai đoạn "Phủ nhận" này là một chặng đường khó khăn mà bà X. bắt buộc phải đi qua: sau cú sốc đầu tiên, bà không còn có thể nghe hay có thể thấy sự thật quá tàn nhẫn nữa. Phải hiểu là cuộc hành trình dọn đường này là một cái gì rất năng động trong tâm linh và thời gian rất cần thiết để suy tư được chín mùi, để giúp cho người ta tiếp nhận ý tưởng dọn đường đi đến cái tang của mình. Qua giai đoạn này, bà đã bắt đầu manh nha ý thức về cái chết, về sự mất mát vĩnh viễn của chính mình. Trong bà, như có hai lực chống đối đang dằn kéo: sự sống và cái chết. Từ chối cái chết của mình được thể hiện qua sự "Phủ Nhận."

Lần thứ ba tôi trở lại gặp bà thì được gia đình cho biết bà nằm vật vã trong giường không chịu ra khỏi phòng, lúc thì khóc lóc thảm thiết lúc thì im lìm không nói năng với ai cả.

"Bác sĩ ạ, thật là khủng khiếp khi phải sống với căn bệnh của mình, khi mình biết đó là bệnh ung thư không còn cách chữa trị. Sáng trưa chiều tối, lúc nào tôi cũng nghĩ đến nó cả. Ban đêm không chợp mắt ngủ được. Nhắm mắt lại, là thấy như các tế bào ung thư đang lúc nhúc như dòi bọ thi đua nhau đục khoét gan phổi. Tất cả thân thể tôi dường như vữa nát, tim óc bị hủy hoại, xương cốt mục rệu ra. Tôi sợ quá, sợ quá... Cũng có đêm, tôi thấy mình mở cửa bước vào một khoảng sương trắng mỏng, muốn quay lại chốn cũ nhưng chiếc cửa đã biến mất, tôi phải tiến tới để tìm lối ra trong bức màn sương khói ấy. Lúc đó hình như tôi không sợ hãi, tôi chỉ thấy mình hoang mang và cô độc vô cùng. Cô độc một mình bước dần đến trước một cái gì thật hun hút thật sâu thẳm..."

"Tôi hiểu bà, tôi hiểu nỗi khổ đau của bà... Bà có nghĩ gì đến tương lai không?"

"Có chứ, tôi đã nghĩ đến cái chết. Không biết lúc tôi ra đi, chồng con tôi sẽ ra sao. Hai đứa con gái có lẽ sẽ dễ dàng vượt qua, một đứa sắp lấy chồng một đứa sắp đính hôn, chúng nó đã có nơi nương tựa, chỉ lo cho chồng tôi, anh ấy xem vậy nhưng rất yếu. Tôi tự hỏi khi tôi nằm xuống, anh ấy sẽ thế nào?...Tôi khổ quá bác sĩ ạ..."

Bà X. vừa đến một chặng đường mới, đây là thời kỳ "Khủng hoảng tinh thần." Bà lo âu, sợ hãi, buồn bã. Chỉ vỏn vẹn trong vài câu, bà đã nói ra được sự thật của bà và lần này thì sự thật của bà rất gần sự thật của tôi. Cho thấy bà đã nhìn ra được sự trầm trọng của vấn đề

ngay từ lúc khởi đầu: bà dự cảm mình bị bệnh nan y, bà dự cảm mình không còn sống lâu nữa. Bà dự cảm hay bà biết rõ?

Tôi cho bà thuốc an thần nhưng hơn lúc nào hết, tôi nghĩ bà cần sự có mặt của người khác bên cạnh, cần được nói chuyện, cần được người khác nghe mình, cần được kể ra những lo âu, những sợ hãi bấy lâu nay cất giữ lấy một mình. Bà cần nói ra những gì bà biết, những gì bà dự cảm mà không dám nói không dám nhìn nhận với chính mình.

Bà đã nói rất nhiều và khóc cũng rất nhiều; sau đó thì trầm tĩnh lại, lo sắp xếp sự việc trong nhà, lo sửa soạn cho chuyến đi xa, xa thật xa, sắp tới.

Lần thứ tư tôi trở lại, bà lại thay đổi nữa. Bà hung hăng, gây gỗ với mọi người. Bà mắng tôi xối xả :

"Bác sĩ không trị chữa gì cho tôi hết. Làm sao tôi khỏe lại được? Từ lúc nào đến giờ chẳng ai ngó ngàng gì đến tôi cả. Lúc nằm nhà thương bác sĩ bệnh viện chả đếm xỉa tới đuổi về, về nhà bác sĩ gia đình cũng bỏ rơi tôi. Mặc cho tôi chết dần chết mòn... Tôi đã làm gì mà Ông Trời lại hành hạ tôi như thế này. Thiếu gì người ăn ở ác đức thì không bị trừng phạt, còn tôi suốt đời chưa bao giờ làm việc thất nhơn thì lại đối đãi với tôi như vậy. Sao Ông Trời bất công thế này... Tôi có làm gì đâu. Tất cả là tại mấy người..."

Thêm một chặng đường khác: giai đoạn " Giận dữ," trong đó loáng thoáng đâu đó bóng dáng của giai đoạn "Phủ nhận."

Bạn thấy đó, bất ngờ bị mắng như tát nước vào mặt, tôi hơi sững sờ nhưng tôi đã định thần ngay lại và cố chịu đựng cơn bão tố chụp lên đầu. Tôi cố hiểu, cố diễn dịch cái thông điệp mới này của bà X.

Nghĩ kỹ lại, ta có thể ngạc nhiên vì từ đó đến giờ bà X. chưa từng hỏi đến làm sao để trị cái khối u không lành này. Có lẽ ngay từ đầu, bà đã cảm nhận được sự thật (sự thật của chứng bệnh nan y, sự thật của cái chết đang kề cận). Nhưng giữa sự cảm nhận và sự cảm nhận được diễn đạt ra, còn có một khoảng cách, khoảng cách của nghi vấn còn lấn cấn trong đầu, của hy vọng còn chập chờn trong tim.

Trên người bà X. oằn trĩu gánh nặng của cơn đau hành hạ thân xác, của chứng bệnh vào giai đoạn cuối. Sợ hãi, lo âu cùng cực đã biến thành giận dữ hằn học. Bà không kham nổi một mình cái gánh nặng đó, bà cần tìm ra ai đó để trút lên, như vậy sau đó bà sẽ thấy nhẹ nhõm hơn, dễ chịu hơn. Tôi là cái thớt để cho bà chém cá. Vả lại đến Thượng Đế Ông Trời cũng còn bị bà lôi ra để kể tội nữa huống hồ gì là tôi.

Cũng nên nhớ là khi những ẩn ức được giải tỏa, những bức xúc được thoát ra, mọi sự sẽ dễ dàng hơn. Tất cả những điều này rất tốt vì có giá trị xây dựng để chữa trị bệnh tâm lý. Và tôi đã ngồi lại nghe những lời trách móc vô lý bất công đối với tôi nhưng lại hữu ích đối với bà X. Ngồi lại với bà, nghe bà nói, không lẫn tránh những lời trách oán giận tức của bà, đó cũng là sự thật của tôi.

Vài tuần sau bà X. qua đời, sau nhiều lần lui tới tới lui những chặng : "Phủ nhận," "Giận dữ," "Bạc nhược tinh thần," "Tỉnh thức Sáng suốt." Mỗi chặng đi qua là một sự thật. Những sự thật này đã đưa dần bà đến ý niệm cái tang của chính mình, chấp nhận cái tang này như một sự kiện đương nhiên không trốn tránh được, giúp cho bà bớt sợ hãi lo âu về cái chết, về những gì xảy ra sau khi chết.

Tôi bó tay không giúp bà chi được trên phương diện y lý. Tôi chỉ có thể làm người bạn đồng hành cùng đi với bà qua những chặng đường khó khăn, cho đến khi chia tay để bà đi một mình về địa chỉ mới.

Sự thật của bà X. trải qua những chặng kia phức tạp bao nhiêu thì sự thật của tôi đơn giản bấy nhiêu: mò mẫm đo lường khả năng tiếp nhận của bà, tiến từng bước một trong mỗi lần đến thăm bà, lắng nghe bà nói, cố tìm hiểu những thông điệp, cố diễn dịch những tín hiệu bà đưa ra, còn lại là thời gian sẽ làm lắng đọng chín mùi mọi sự việc, khiến cho bà tự mình tìm ra sự thật, tự mình nói ra được những xúc động trong lòng.

Cuộc hành trình cùng với bà X. là một cuộc hành trình độc nhất, nó không giống bất cứ cuộc hành trình nào khác, với bà Y. hay ông Z. hay bà W. Mỗi chuyến đi đều là độc nhất, mỗi lần là một kinh nghiệm sống khác, mỗi lần là một cái nhìn mới, là một cái nghe mới, là một cảm nhận mới của chính mình. Miễn là mình luôn luôn tôn trọng họ, để họ tự nhiên đi theo tiết vận của họ, để họ đi đến chỗ họ có thể đi, để họ đi đến chỗ họ muốn đi, chỉ giúp họ vượt qua khó khăn nhưng tuyệt đối không ép họ phải làm theo ý mình để họ tự tìm ra sự thật.

Và sự thật không phải chỉ nói ra mà còn được cảm nhận nữa phải không bạn?●

(Viết theo Aubry)
Sceaux 12-9-98



Sổ Tay

BUSH, CLINTON, VÀ SADDAM HUSSEIN

Nhiều người ví cuộc đấu trí giữa Clinton với Hussein như mèo vờn chuột, trong đó ông Hussein đóng vai mèo. Tháng Giêng năm nay, ông Hussein cản trở thanh tra vũ khí của Liên Hiệp Quốc (UNSCOM). Ông Clinton cho máy bay, tàu thủy đến dọa, Hussein lùi. Tháng Bảy, ông Hussein bắt đầu gây trở ngại, đến cuối Tháng Mười không cho UNSCOM làm việc nữa. Ông Clinton lại đem máy bay, hỏa tiễn ra dọa. Vào phút chót, Iraq hứa cộng tác, ông Clinton lại hoãn tấn công. Ai biết trong sáu tháng, một năm nữa, trò cũ không tái diễn? Cho đến khi ông Hussein đạt mục tiêu.

Từ bảy năm nay, mục tiêu của ông Hussein là đòi Liên Hiệp Quốc bỏ cấm vận để Iraq được bán dầu lửa. Động cơ quan trọng nhất của ông Hussein là củng cố quyền lực của chính ông ta.

Ông Clinton ngưng tấn công vì lo dư luận thế giới và các nước Ả Rập, khi họ thấy chính phủ Iraq đã tuyên bố nhượng bộ rồi mà Mỹ vẫn đánh bom, đưa tới cảnh thường dân Iraq bị chết oan.

Nhưng nửa đầu tháng Mười Một là lúc dư luận thuận lợi nhất để Mỹ không tập Iraq. Dân Mỹ và các nước khác đều thấy hành động ngăn trở của ông Hussein là quá lố. Từ nay thời gian sẽ đứng về phía ông Hussein. Ông ta có thể chờ, cho đến khi được các nước khác ủng hộ.

Sẽ đến lúc dân Mỹ thấy chuyện cấm Iraq sản xuất vũ khí vi trùng, hóa học, nguyên tử không quan trọng nữa. Cuộc cấm vận đã kéo dài hơn bảy năm, không làm cho chế độ Hussein suy đổ. Từ năm 1991 đến nay, Mỹ đã tiêu tốn thêm 6,5 tỷ Mỹ kim về việc đem quân đến rồi đóng quân lại ở vùng Vịnh. Cuộc chuyển quân lần này cũng tốn gần tỷ Mỹ kim, rồi không làm gì cả. Những người Mỹ tính toán kỹ cho biết số tiền chi cho quân đội Mỹ để bao vây Iraq tốn 50 tỷ Mỹ kim một năm! Tiếp tục như vậy bao lâu nữa? Để làm gì? Có người Mỹ đã hỏi việc Iraq chế thêm hỏa tiễn và các loại bom có nguy hiểm gì cho Mỹ không? Suốt nửa thế kỷ qua, Liên Xô có kho vũ khí nguyên tử vĩ đại mà nước Mỹ không hề hấn gì, tại sao bây giờ Mỹ lại lo bom Iraq? Ấn Độ và Pakistan thử bom cả, cấm vận rồi lại bỏ, có sao đâu?

Nhiều người Mỹ chỉ trích các ông Bush và Clinton quá do dự, Sau khi đuổi quân Iraq ra khỏi Kuwait năm 1991, Tổng thống Bush ra lệnh ngưng tiến quân, ông không nhân đà thắng trận tấn công thẳng tận thủ đô, hạ bệ Hussein. Nhưng ông Bush có lý do: Khi nhân danh Liên Hiệp Quốc đem quân Mỹ đến vùng Vịnh, sứ mạng đã được Hội đồng An ninh LHQ ấn định là để giải phóng Kuwait chứ không phải để lật đổ ông Hussein. Hơn nữa, đuổi Iraq ra khỏi Kuwait thì dễ, đánh vào Iraq thì chiến tranh sẽ kéo dài không biết đến bao giờ, mà năm sau có bầu cử ở Mỹ. Một chính phủ do dân bầu rất khó tham chiến, nếu không tìm ra lý do lớn và hiển nhiên để thuyết phục dân.

Chính phủ Mỹ cũng để yên cho ông Hussein tàn sát các nhóm người Iraq theo giáo phái Shi Ai nổi loạn. Khi quân đội Iraq đánh kháng chiến quân Kurd ở phía Bắc, và hai nhóm người Kurd chống lẫn nhau, chính phủ Mỹ đã ngưng tiếp tế cho họ. Thế là Mỹ đã bỏ rơi cả hai lực lượng chống Hussein.

Nhưng vụ Iraq chỉ là một bộ phận trong chiến lược của Mỹ ở cả vùng Trung Đông. Nếu nhóm người theo giáo phái Shi Ai lên cầm quyền thay thế Hussein thì chính phủ Iraq sẽ là một đồng minh của Iran, một nước cũng theo phái Shi Ai. Còn việc giúp những người Kurd vũ trang khởi nghĩa sẽ đụng chạm quyền lợi của cả Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Syria và vài nước phía nam Liên bang Xô Viết cũ. Các nước trên đều có dân Kurd thiểu số, và từ mấy thế kỷ nay dân tộc Kurd vẫn ước mơ xây dựng một quốc gia độc lập của họ.

Mặt khác, sự có mặt của chế độ Hussein ở Iraq cũng đem lại một tình thế khiến các nước trong vùng cần đến một "cảnh sát quốc tế." Các nước Ả Rập như Saudi, các tiểu quốc

vùng Vịnh, Jordan, Liban, Syria, Do Thái còn lo về ông Hussein thì họ còn cần được che chở. Mà trong thế giới hiện nay chỉ một nước có thể đóng vai "sen đầm" là Mỹ.

Mỹ khó hy vọng lập một chính phủ Iraq thân Mỹ nếu ông Hussein bị lật đổ, mà nếu chính phủ mới lại khôn ngoan liên kết với lân bang thì mối đe dọa quyền lợi của Mỹ khó lường hơn. Thà rằng có một đối thủ mình đã biết rõ, và hắn đang bị cô lập, còn hơn chờ một đối thủ mình chưa biết ra sao.

Nhân cơ hội dư luận đang mất cảm tình với Iraq, ông Clinton tuyên bố sẽ giúp các nhóm chống đối ông Hussein gây nội loạn để lật đổ ông ta, đây là một chuyện không bình thường. Chưa bao giờ Liên Hiệp Quốc cho phép một nước gây loạn nhằm lật đổ chính phủ của một nước khác, như ông Clinton dọa sẽ làm. Tại Mỹ, sau thời Tổng thống Nixon Quốc hội đã làm luật cấm chính phủ Mỹ âm mưu lật đổ các chính phủ nước khác. Ông Clinton đã nói bậy mà chưa thấy ai phản đối, chỉ vì ông đã đưa chuyện này ra như để "trả giá" cho quyết định không đánh bom Iraq. Nói bậy như thế mà thoát búa rìu dư luận, nếu trong vụ cô Monica mà ông Clinton cũng tính toán giỏi như vụ Iraq thì đâu đến nỗi!

VÔ LUÂN, NHỤC NHÃ, TỘI LỖI, BỆNH HOẠN, NHƠ BẨN, GIAN DỐI,... NHƯNG THÔI BỎ QUA

Dân biểu Bob Livingston, mới lên làm chủ tịch Hạ viện Mỹ đã phân vân không chắc Quốc hội sẽ tiến hành thủ tục đàn hặc Tổng thống Clinton. Cuộc bầu cử đã qua rồi, đảng Dân chủ của ông Clinton thắng lớn, cho thấy đa số dân Mỹ bất bình với đảng Cộng hòa về vụ này. Người khai thác tận tình vụ xì căng đan là ông Gingrich nay đã phải từ chức, đảng Cộng Hòa mất nhuệ khí.

Nhiều người đã quên, xin kể lại: ông Clinton có thể bị đưa ra Quốc hội đàn hặc về tội nói dối sau khi tuyên thệ nói thật trước Đại bồi thẩm đoàn, và khi ông được chấp cung trong vụ cô Paula Jones kiện ông. Ông cũng có thể bị đàn hặc nếu Hạ viện thấy đủ chứng cớ là ông đã che dấu bằng cớ và xúi cô Monica Lewinsky nói dối như ông, khi cả hai đều chối họ không có liên hệ tính dục.

Khi luật sư của cô Jones hỏi ông có bao giờ ở một mình riêng với cô Lewinsky trong phòng không, ông Clinton trả lời: "Không nhớ." Sau này, cô gái tập việc khai là trước đó 20 ngày họ đã có liên hệ tính dục trong tòa Bạch ốc. Hỏi: "Ông có bao giờ tặng quà cho cổ hay không?" Trả lời: "Không nhớ." Nhưng trước đó 18 ngày ông đã tặng cô ta sáu món quà. Luật sư của cô Jones cũng hỏi ông có đồng ý với bản chấp cung của cô Lewinsky khi cô nói họ "tuyệt đối không có liên hệ tính dục dưới bất ức phương thức, kiểu cách, hình dạng nào" hay không, Tổng thống Clinton trả lời: "Tuyệt đối đúng!" Khi khai trước Đại bồi thẩm đoàn lần thứ hai, Tổng thống Clinton đã trả lời 100 lần "Không nhớ."

Sau này, khi ông Clinton đã thú nhận, và cô Lewinsky đã khai đủ chi tiết, Nghị sĩ Lieberman (Dân chủ) đã phê phán các hành động của Tổng thống là *"vô luân," "nhục nhã," "nguy hại," "không thể chấp nhận."* Khi hỏi ý kiến về những lời phê phán đó, ông Clinton trả lời:"Trên cơ bản, tôi đồng ý với các lời ông ta nói." Về những việc Tổng thống Clinton đã làm, Dân biểu trưởng khối thiểu số Richard Gephardt phê là "đáng khiển trách," nghĩ sĩ Joseph Biden nói là "tội lỗi," cựu Nghị sĩ Bill Bradley cho là "nhơ bẩn," Các vị này đều thuộc đảng Dân Chủ cả. Với tất cả các lời phê phán đó, bây giờ Quốc hội Hoa kỳ sẽ bỏ qua không đàn hặc Tổng thống Clinton!

Muốn đàn hặc ông Clinton thì Ủy ban Tư pháp Hạ viện phải xác định ông vi phạm luật pháp đáng đàn hặc, đưa "Quyết định đàn hặc" (Article of Impeachment) ra Hạ viện thảo luận. Nếu quá nửa dân biểu Hạ viện đồng ý thì đưa lên Thượng viện xét xử.

Nếu Hạ viện có đồng ý đàn hặc, thì lên Thượng viện đảng Cộng hòa cũng không đủ 67 phiếu để kết tội và truất phế Tổng thống, vì họ chỉ chiếm đa số 55-45. Trước viễn ảnh đó, đảng Cộng hòa sau khi thất bại trong cuộc bầu cử cũng thấy bớt hăng hái.

Những người đã phê bình ông Clinton là "vô luân, nhục nhã, nhơ bẩn, đáng trách, không thể chấp nhận," v.v., sẽ làm sao chấp nhận chuyện không đàn hặc ông?

Hiến pháp Mỹ nói rất tổng quát về các tội đáng đàn hặc, các tác giả hiến pháp đã để trống, cho phép những nhà lập pháp đời sau tự quyết định tội nào đáng, tội nào không. Đó là một dụng ý rất hay, vì Hiến pháp nên có tính chất tổng quát, để tùy mỗi thời đại người đời sau diễn giải.

Đa số dân chúng Mỹ hầu như muốn bỏ qua cho ông Clinton vì họ thấy những kẻ ngoại tình đều chối bay chối biến cả, ông Tổng thống

thì cũng vậy thôi. Nhưng các dân biểu muốn bỏ qua cho ông Clinton sẽ biện luận rằng dù ông Tổng thống có phạm lỗi nói dối với pháp luật, nhưng ông nói dối trong một vụ án đòi bồi thường dân sự, không đáng gọi là "trọng tội" (high crimes and misdemeanors) như điều 4, chương II Hiến pháp Mỹ quy định. Các nhà lập pháp có toàn quyền định nghĩa tội nào thì gọi là "trọng" (high.) Họ có thể giải thích thêm rằng dù các vụ vi phạm luật lệ của ông Clinton không đáng đàn hặc, nhưng sau khi mãn nhiệm ông ta có thể bị truy tố ra tòa án thường về các tội đó, nếu có. Ông Clinton chưa hết lo!

CÔ DÂU DUNG QUẤT

Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, cô gái ế chồng ba bốn năm qua, cuối cùng đã tìm được một chàng rể chịu cưới: công ty Nga Zarubezhneft. Nhưng chàng và nàng cũng không thể động phòng, vì còn chưa đủ tiền. Theo tin của các hãng thông tấn quốc tế thì phí tổn cưới xin đều do nhà gái chịu!

Hai công ty PetroVietnam và Zarubezneft sẽ hùn mỗi bên 400 triệu Mỹ kim, sau đó sẽ đi vay thêm 600 triệu khác để thiết lập nhà máy lọc dầu ở Dung Quất, tốn 1,4 đến 1,5 tỷ. PetroVietnam lấy tiền đâu ra để đầu tư? Ông giám đốc Hồ Sĩ Thoảng cho biết sẽ lấy từ tiền lời của công ty, nghĩa là phải từ từ, chờ đó. Còn Zarubezneft có sẵn tiền chưa? Họ cũng sẽ lấy dần dần từ tiền lời của liên doanh Vietsopetro giữa Nga và Việt. Tháng Năm năm nay, Thứ trưởng Bộ Năng lượng và Dầu khí Nga Kuzurev đến chứng kiến ký thỏa ước Nga-Việt, kỷ niệm tình hữu nghị khi thành lập Vietsopetro năm 1981. Ông Lê Duẩn trả các món nợ vay thời chiến tranh Việt Nam bằng cái Liên doanh cho Liên Xô chia lời khai thác mỏ dầu. Nay Nga lại dùng tiền lời đó hùn vốn làm nhà máy lọc dầu ở Dung Quất. Vì thế mới nói tiền cưới hỏi đều do nhà gái chịu!

Dự án Dung Quất đã ế chồng từ năm 1995, khi công ty Total của Pháp rút lui, sau khi không thể thuyết phục PetroVietnam đổi địa.

Một nhà máy lọc dầu thì nên ở gần nơi có mỏ dầu thô, đỡ tốn tiền chuyên chở. Hoặc phải ở gần nơi tiêu thụ, có các trung tâm công nghiệp sẽ mua dầu dùng. Dung Quất không có cả hai điều kiện đó. Bờ biển Quảng Ngãi không có các chỗ sâu để cho tàu chở dầu đến đậu. Vùng Dung Quất không có hạ tầng cơ sở, đường sá, điện nước, bến cảng tốt.

Vì vậy Total bỏ cuộc. Sau đó, nhà nước Việt Nam đã mời được một tổ hợp ngoại quốc khác, trong đó có tổng công ty LG của Nam Hàn (đã tặng ông Tổng Bí thư Đỗ Mười một triệu Mỹ kim) và công ty Berhad và Petronas của Mã Lai. Họ đặt nhiều điều kiện, trong đó có quyền được bán lẻ xăng dầu ở Việt Nam. Nhà nước cần bảo vệ độc quyền bán dầu của PetroVietnam nên phải từ chối. Các công ty Mã Lai và Nam Hàn cũng rút, cô dâu Dung Quất lại ế!

Dự án Dung Quất ra đời vì một căn bệnh mà ở Việt Nam gọi là "Bệnh Duy Ý chí." Trong thời chiến tranh, hai bên đánh nhau mà sức lực ngang ngửa, anh nào gồng mình chịu đòn giỏi thì sẽ thắng. Nhưng trong kinh doanh, bệnh duy ý chí có hệ quả là "bất chấp chuyên môn." Dung Quất ở vùng quê hương của Cố vấn Phạm Văn Đồng, và bây giờ, của Chủ tịch Trần Đức Lương, bỏ không được. Chính ông Trần Đức Lương đã ký kết cuộc hôn nhân mới này, trong chuyến đi Mát cơ va.

Công ty Nga chịu cưới vì, theo lời đại diện Oleg Popov nói với thông tín viên Reuters ở Hà Nội hồi Tháng Năm, "Địa điểm này không tốt, nhưng bên Việt Nam họ cho cái gì thì chúng tôi cứ nhận."

Có lý luận rằng nhà máy lọc dầu Dung Quất giúp phát triển các tỉnh phía nam Trung Việt. Nhưng với số tiền hàng tỷ đô la đó, có nhiều cách phát triển tốt hơn là dự án lọc dầu. Vì một nhà máy lọc dầu không dùng đến nhiều công nhân, mà chủ yếu dùng máy móc tự động kỹ thuật cao. Do đó, nhà máy không tạo thêm nhiều công việc làm cho người địa phương.

Một chuyên viên của công ty Asia-Pacific Energy Consulting, cố vấn về năng lượng đặt tại Mã Lai, ông Al Troner nói rằng thay vì lo làm nhà máy lọc dầu, Hà Nội nên để tâm lực hoàn thành dự án khai thác mỏ hơi đốt lớn nhất ở gần Côn Sơn. Mỏ này đã xác định từ bốn năm nay, hai công ty British Petroleum của Anh và Statoil của Na Uy đã đồng ý tham gia, nhưng trong ba năm qua không tiến hành được vì phía PetroVietnam không thể thỏa thuận về giá cả bán hơi đốt. Dự án ống dẫn hơi đốt bị bế tắc khiến cho nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ ở Bà Rịa cũng chậm hoàn tất, trong khi nhu cầu điện năng cả nước đang tăng rất nhanh. Ông Troner nói lúc này không ai muốn đầu tư vào nhà máy lọc dầu vì trong vùng Á Đông đã có nhiều nhà máy lọc dầu lớn, họ

thừa sức hạ giá cạnh tranh. Và ai cũng biết giá dầu trên thế giới đang giảm, trong khi xứ Iraq còn chưa được phép xuất cảng dầu.

Dự án hơi đốt bị chậm vì không ai dám quyết định, chậm ngày nào thì nền kinh tế Việt Nam bị thiệt ngày đó. Nhưng các vị lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam không có ý niệm kinh tế về "thiệt hại vì cơ hội để mất" (opportunity costs). Các chuyên gia kinh tế ở Việt Nam biết điều đó cũng không thể nói cho các nhà lãnh đạo hiểu, vì quyết định chính trị lấn át các tính toán chuyên môn về kinh tế.

BÁC SĨ GIỎI CŨNG KHÔNG THỂ TỰ GIẢI PHẪU

Ông Abdelfattah Amor đã bị ngăn cản không cho tự do gặp các vị lãnh đạo và tu sĩ Phật giáo, Công giáo mặc dù ông được hứa tự do đi lại và tiếp xúc, trước khi lên đường qua Việt Nam. Một nhà ngoại quốc ở Hà Nội nói: "Chính quyền Việt Nam đã để lỡ một cơ hội bằng vàng để làm đẹp mặt họ."

Chuyến đi chỉ được Hà Nội chấp thuận sau ba năm thương thuyết. Tại sao mùa Hè năm nay bỗng nhiên Đảng chịu mời đại diện của Liên Hiệp Quốc? Lời mời được đưa ra lúc Hà Nội cũng chịu trả tự do cho các Hòa thượng Quảng Độ, các Thượng Tọa Tuệ Sĩ, Trí Siêu, các ông Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Đồng Tuy,

KHÁNH HÀ

CÁNH CỬA MỚI

Sáng nay nàng không thức dậy
Trái tim nàng lười biếng
Chợt ngưng công việc bình thường
Nàng nằm im nhắm mắt
Người đàn ông vật mình kêu khóc
Em ơi em đừng đi
Em đừng bỏ anh.

Căn nhà im lặng
Chàng sửng sờ nhìn quanh
Buổi sáng vẫn như hôm qua
Như mọi ngày
Chiếc đồng hồ tíc tắc
Mặt trời lên rực rỡ bên kia cánh đồng
Trước sự mất mát lớn lao của chàng
Mọi vật vẫn còn nguyên
Căn bếp nàng thường lục đục trong đó
Là m thứ c ă n cho chà ng
Chiếc ghế bành nàng thường ngồi
Có cuộn len đan dở
Những chậu phong lan tím nàng thường chăm sóc
Hoa đang nở
Trên mặt tủ, tờ lotto chưa xổ
Giấc mộng lớn của nàng
Một chuyến đi Thái Lan
Hay Bắc Kinh, Nam Kinh có thể
Và tờ giấy hẹn bác sĩ lúc mười giờ
Chàng sẽ đưa nàng đi
Trái tim đau của nàng
Những nỗi lo lắng thường trực của nàng
Đứa con gái có đêm về muộn
Đứa con trai hoang đàng.

Mới hôm qua
Nàng oằn vai gánh nặng
Nàng gắn bó thiết tha
Tưởng như không có gì chặt đứt
Không có gì bứt rời nàng và đời sống
Đột nhiên nàng bỏ đi
Nhẹ nhàng như cơn gió thoảng
Dễ dàng như gấp một cuốn sách
Lòng chàng chợt êm ả
Bước qua cánh cửa mới
Nàng vừa mở ra.

v.v.. Trước đó vài tháng là việc cho phép người Công giáo Việt Nam đi dự Lễ kỷ niệm 200 năm Đức Mẹ La Vang.

Tất cả những bước lùi trên đều vì nguyên do kinh tế. Giữa năm nay, khi Mỹ cho miễn thi hành tu chính án Vanik Jackson với Việt Nam, Hà Nội phải chứng tỏ họ đang cải thiện về nhân quyền - vì tu chính án trên cấm chính phủ Mỹ giúp tài trợ các vụ đầu tư, mậu dịch ở các nước vi phạm nhân quyền. Mặt khác, Hà Nội đang chờ phần thưởng khác: Thỏa ước mậu dịch, rồi sau đó là quy chế Tối huệ quốc.

Trước khi Sứ giả Liên Hiệp Quốc Amor tới, chính phủ Việt Nam đã tuyên bố cho ông đi gặp tất cả mọi người ông muốn gặp. Và sau khi có tin ông Amor bị cản trở tại Thanh Minh Thiền Viện, không được gặp Hòa thượng Quảng Độ, cả bộ Ngoại giao và Ban Tôn giáo chính phủ đều phủ nhận sự thật hiển nhiên đó.

Tình trạng trống đánh xuôi, kèn thổi ngược cho thấy những công an chìm ngăn cản ông Amor trước cửa chùa Thanh Minh và viên quản giáo trại Z30A không cần biết những lời hứa hẹn của Bộ Ngoại giao và Ban Tôn giáo chính phủ Hà Nội. Tất nhiên, những cấp thừa hành như họ không tự quyết định, nhưng họ theo lệnh một chính phủ khác trong guồng máy cai trị nước Việt Nam.

Có thể loại bỏ giả thuyết cho rằng Đảng cho mời phái đoàn Amor tới, với dụng ý từ trước sẽ ngăn cản và phá quấy cuộc điều tra. Họ phải biết nếu làm như vậy, chắc chắn sẽ bị thế giới lên án, thà đừng mời phái đoàn đó đặt chân tới Việt Nam còn hơn.

Do đó, việc phá hoại các cuộc tiếp xúc, phỏng vấn của phái đoàn Amor chắc do sự chia rẽ trong đảng Cộng Sản. Quyết định ngăn cản này, dù ai ra lệnh, cũng đặt mọi người trước sự đã rồi.

Phe giáo điều bảo thủ đã ngăn được cuộc điều tra của phái đoàn Liên Hiệp Quốc, họ còn thắng cả về chiến lược, khi làm cho cả thế giới chỉ trích tình trạng nhân quyền ở Việt Nam trong các ngày sắp tới đây. Chế độ cộng sản ở Việt Nam càng thêm bị cô lập, các cố gắng lâu nay để mở cửa, hòa hoãn, các bước lùi về nhân quyền mà phe thực tế chủ trương bây giờ mất hết hiệu lực. Nghĩa là các cố gắng của phe thực tế mấy năm qua phút chốc tan thành mây khói.

Những chia rẽ, tranh chấp trong đảng thể hiện trên nhiều lãnh vực khác. Tại Sài Gòn, Ngân hàng Ngoại thương của nhà nước không chịu bán đô la cho công ty Saigon Petro cũng của nhà nước. Trong cuộc tranh chấp này, báo của Thành ủy và báo của Đoàn thanh niên có luận điệu khác hẳn nhau. Tại Hà Nội, văn phòng Thủ tướng Phan Văn Khải chống dự án Thủy cung Thăng Long nhưng Phó Thủ tướng Ngô Xuân Lộc duyệt ký mà Thủ tướng không dám phản đối.

Nhưng sự thắng thế của phe giáo điều bảo thủ cũng là sự thất bại trong cố gắng cải thiện đảng Cộng Sản Việt Nam. Các ông Trần Độ, Hoàng Hữu Nhân đã đưa ra các đề nghị cải tổ để cứu đảng của họ, cứu cả sinh mạng, tài sản lẫn danh dự. Nhưng các đề nghị đó cho đến nay vẫn không ai nghe, vì căn bệnh "vô học chuyên chính" đã ăn xâu vào tim phổi khiến đảng không thể tự cứu.

Giống như nhận xét của ký giả Hà Thanh Liên. Khi được hỏi liệu đảng Cộng Sản Trung Hoa có thể cải thiện để diệt trừ tham nhũng hay không, bà Hà Thanh Liên nói: "Ngay cả những bác sĩ giỏi nhất cũng không thể tự giải phẫu." Bà Hà Thanh Liên là tác giả cuốn "Hiện đại hóa đích Hãm tĩnh," (cái hố bẫy hiện đại hóa), chỉ trích những sai lầm trong cải tổ kinh tế, sách này đã bán ba triệu cuốn trong nước Trung Hoa. Ở Việt Nam nếu có một Hà Thanh Liên thì chắc đã được đi cải tạo trước khi sách ra đời.

APEC: REFORMASI, ĐỔI MỚI

Tháng trước tại thủ đô Mã Lai Á, ông Phó Tổng thống Mỹ nói hai tiếng Việt Nam, nhưng ông làm chính phủ Mã Lai nổi giận khi dịch hai tiếng đó sang cả tiếng bản xứ. Hai tiếng Việt mà ông Al Gore nói (lơ lớ giọng Mỹ) là "Đổi mới," mà tiếng Mã Lai bây giờ dịch là "Reformasi" - một chữ rõ ràng bắt nguồn từ ngôn ngữ Tây phương, không cùng gốc với tiếng Việt như các độc giả của Bình Nguyên Lộc trông đợi!(*)

Tháng Năm năm nay, khi sinh viên Indonesia biểu tình họ cũng đòi "Reformasi," sau đó Tổng thống Suharto bị lật đổ. Tháng Mười, dân Mã Lai đi biểu tình cũng đòi "Reformasi." Cái tiếng Reformasi trở thành điềm gở, Thủ tướng Mahathir và chính phủ Mã Lai tức giận là phải.

Ông Al Gore đã nói trong khi thay mặt Tổng thống Mỹ đến dự phiên họp của APEC, Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Á châu - Thái bình dương. Trong kỳ họp này Việt Nam được gia

nhập Diễn đàn, cùng với Nga và Peru. Tham gia vào một diễn đàn kinh tế, đó cũng là một vinh dự, dù không biết ích lợi đến mức nào.

Nhưng những lời ông Al Gore nói cho thấy tổ chức APEC đang rạn nứt, thất bại ngay trong mục tiêu khiêm tốn của một diễn đàn. Ông Al Gore nhấn mạnh: "Dân chủ giúp cho Cải cách kinh tế trở thành chính thống, có Dân chủ thì cải cách mới hiệu quả... Vì vậy, trong các xứ đang khổ vì khủng hoảng, chúng ta nghe nói Cải cách bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau: People Power (ám chỉ phong trào Dân quyền 1986 ở Phi luật tân), Đổi mới (tiếng Việt trong nguyên văn), Reformasi (Indonesia hồi Tháng Năm), và hôm nay, ngay tại đây, chúng ta cũng nghe những người Mã Lai dũng cảm đang hô tiếng đó." Bài diễn văn của ông Al Gore bị một bộ trưởng Mã Lai lên án là "nhơ bẩn" vì những tiếng Dân chủ, Reformasi.

Rạn nứt của APEC còn biểu lộ trong tình trạng các Bộ trưởng 21 xứ không thể thỏa hiệp về lịch trình cắt giảm thuế quan để tiến đến mậu dịch tự do. Khi họ đồng ý để thảo luận vấn đề này sau, trong khuôn khổ Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO). Nếu cứ dùng diễn đàn WTO thì ai còn cần đến APEC nữa?

Hai cường quốc kinh tế lớn nhất thế giới, Mỹ và Nhật chọn hội nghị này để đưa ra những chủ trương đi ngược chính sách tự do mậu dịch. Nhật đã từ chối không giảm bớt thuế quan cho 9 loại sản phẩm, từ gỗ, cá, giấy đến hóa chất, dụng cụ y khoa, lấy cớ cần bảo vệ hàng nội hóa. Mỹ cũng chọn hội nghị này để than phiền về xung đột mậu dịch với Nhật, đặc biệt là số thép Mỹ nhập cảng từ Nhật đã tăng 141% trong tám tháng đầu năm nay so với năm ngoái, (số thép mua của Nam Hàn cũng tăng gấp đôi.) Chính phủ Mỹ bị các nhà kỹ nghệ và công nhân ngành thép phản đối. Diễn đàn APEC vẫn chỉ là một nơi để nói, để than phiền, chưa trở thành một tổ chức "hợp tác kinh tế."

Cho nên việc Việt Nam được gia nhập APEC chưa có ý nghĩa gì, trừ khi vụ Reformasi ở Việt Nam nhân dịp này "Đổi mới" thật sự. Trước khi đi dự hội nghị APEC, ông Nguyễn Mạnh Cầm, Phó Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng tuyên bố với *Thời Báo Kinh tế Sài Gòn,* ngày 12-11-98 rằng "...đã tham gia vào tổ chức này, dứt khoát phải theo luật chơi chung... Vai tò quyết định quan trọng trong những cuộc chơi này là thuộc về các doanh nghiệp..."

Đó là điểm chính yếu. Ở Việt Nam có các doanh nghiệp thật sự hay không? Nhìn và các tổng công ty, từ thép, xi măng, đến nông sản, hải sản, tất cả vẫn chỉ là những guồng máy quan lại được đảng tuyển chọn, chưa có những doanh nghiệp và doanh nhân đích thật. Kỳ họp Trung ương Đảng vừa qua cho thấy chính sách kinh tế của Đảng vẫn là hướng nội, giống như "ngắm nghía cái rún của mình." Điều quan trọng nhất là tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh, vẫn còn bị kiêng cữ không dám nói đến. Thiếu liều thuốc đắng này thì không có các doanh nghiệp lớn để cạnh tranh trong cuộc chơi lớn, các doanh nghiệp nhà nước vẫn không đủ nội lực để thi triển khi ra đấu trên trường quốc tế.

Sau khi ông Nguyễn Mạnh Cầm ở Kuala Lumpur về, ông nên nhớ dịch chữ Reformasi sang tiếng Việt Nam. Nếu không có Dân chủ thì Reformasi không có hiệu quả. Không thay đổi thật thì hai tiếng Đoi Moi bị Mỹ nói lơ lớ có thể nghe lầm ra là "Đồi mồi," "Đợi mãi" hay "Đói Mãi."◉

CHÚC MỪNG

Được tin vui
anh Trần Xuân Thành
sẽ làm lễ thành hôn cho
trưởng nam là

TRẦN XUÂN HÙNG

cùng thứ nữ của
ông bà Nguyễn Văn Xinh là

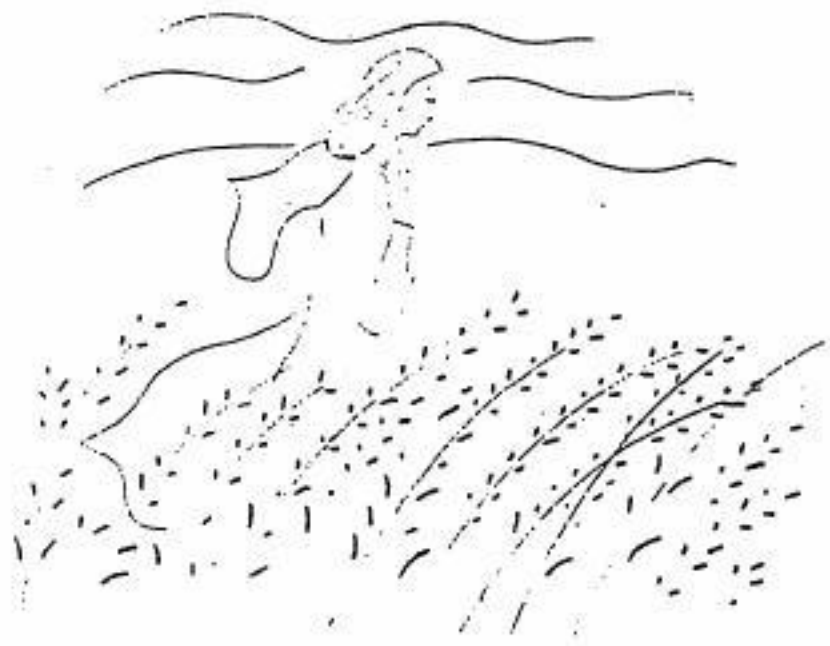
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

vào ngày 28 tháng Mười Một 1998
tại KENSINGTON, ÚC CHÂU.
Xin góp vui cùng anh Thành
và hai họ. Chúc hai cháu
Hùng và Phương Thảo
hạnh phúc bên nhau suốt đời.

Đài VNCR
Tạp chí THẾ KỶ 21
Hội VAALA
Nhật báo NGƯỜI VIỆT

NHỮNG THOÁNG MƠ QUA

YÊN TY



Trên xe có bốn người. Lộc lái xe. Duy huýt sáo theo bài nhạc Rock trong CD. Hoa ngủ gà gật. Lê nhìn ra ngoài cửa xe. Chín giờ sáng. Sương mù còn bay là đà trên những đoạn đường đèo. Mặt trời chìm mất trên giòng sương trắng đục. Những chiếc lá xanh biếc màu ẩm ướt. Xa xa, những ngọn núi mờ sương in lên nền trời những sắc độ xanh lục khác nhau tuỳ theo mức xa gần. Ngồi trong xe ấm áp, Lê bắt gặp mình co người lại như làn sương phơ phất bên đường vừa ùa tới bên cô. Chắc Lộc nhìn thấy cử động của Lê trong kính chiếu hậu, vì anh lên tiếng sau đó :

"Đố ai biết được bây giờ đang là mùa hè ở đây."

Lê không trả lời. Cô muốn khép mình lại trong thế giới riêng, để những ý nghĩ trôi bồng bềnh theo sương mù. Mấy tuần lễ gần đây Lê đã suy nghĩ, đắn đo, quyết định, sắp xếp quá nhiều. Giờ phút này cô chỉ muốn một khoảng yên tĩnh trống rỗng, để nhận thức từ từ len vào tâm hồn mệt mỏi của mình. Những chiếc valise đã chất ngang dọc căn apartment nhỏ của Lê. Vé phi cơ nằm trên kệ sách trống một nửa. Mình đã biết rõ chuyện gì xảy ra chưa ? Lê tự hỏi. Mình đã chuẩn bị đương đầu với nó chưa? Mới sáng sớm nay, trước khi Lê lái xe đến nhà Lộc, lý trí còn kiểm soát tất cả, hăng hái và tỉnh táo. Trên con đường quanh co sương phủ này, lý trí hình như lạc đâu mất, hay đã ngủ quên. Trái tim Lê thức dậy, bàng hoàng hỏi han. Trái tim cỏ yếu, bốn mùa mong manh trong cơn gió lốc. Muốn xa người, nhưng vẫn muốn gặp người. Muốn quên đi, nhưng lại thèm được nhớ. Chỉ có nỗi nhớ là của Lê. Người ấy, đôi mắt xa vắng, bàn tay ơ hờ, man mác phất phơ như sương mù, không chạm đến được, không cầm giữ được.

Chiếc xe tấp vào bên đường. Hoa choàng dậy, đôi mắt ngái ngủ đến buồn cười. Duy vặn nhỏ nhạc xuống :

"Sao vậy Lộc?"

Lộc duỗi hai tay dài, vươn vai :

"Chờ mấy xe kia lên đã."

Anh quay lại hai cô gái trên băng sau :

"Gần đây có restroom, có ai cần không?"

Hoa ậm ừ, khoác áo len vào. Chiếc xe rung theo ba cánh cửa xe đóng sập cùng lúc. Lê với chiếc áo khoác mỏng, quàng lên người. Hai tay cô bắt chéo trên vai, bàn tay chạm vào bờ vai gầy. Một chút ngậm ngùi thoáng qua. *Vai em gầy guộc nhỏ, như cánh vạc về chốn xa xôi* (1).

Có bài nhạc nào như thế. Mai mốt này cánh vạc sẽ bay vào xa lắc, dấu chân tan vào gió. Người ấy, buồn dùm em một chút xíu thôi, cho giống những chuyện chia ly lãng mạn thê thiết, đừng để em như kẻ trốn chạy một mình, thua cuộc trước khi vào cuộc.

Bên đường, sương đã tan, những cây dương mọc xuôi xuống triền dốc xanh mướt, chỉ trừ một cây khô chết đứng trơ trọi trong một khoảng đất trống, những cành đen nám vươn lên cao như tìm kiếm điều gì, gãy gục nửa chừng, vừa thách đố, vừa cam chịu. Dọc theo thân cây nứt nẻ, rêu đã bám đầy, những vết đứt gai góc như nỗi đau nhọn sắc.

"Cô nhỏ."

Tiếng gọi rất nhỏ, như lời thì thầm mượt mà. Lê khép mắt lại. Cơn mơ theo sương mù lướt qua, quyến rũ đến mê hoặc. Trong mơ, người ấy thường yên lặng, sự yên lặng dịu dàng êm ấm như bàn tay nắm tay Lê, bờ vai cô tựa đầu. Những dấu chân bỏ quên trên mặt cát ướt, tiếng ru trầm của biển chung quanh, hoàng hôn hồng tím cuối chân trời. Trong lòng mắt nâu của anh, em thấy tia nắng cuối của ngày đọng lại, cháy bỏng những lời em khao khát muốn nghe.

"Cô nhỏ."

Lê hạ cửa kính xuống. Không khí lạnh lùa vào theo khuôn mặt Tấn :

"Xuống đi một vòng đi chứ? Không mỏi à?"

Lê định trả lời Tấn đi một vòng đi chứ, đứng đây làm gì, nhưng cô không còn muốn đùa giỡn nữa. Tia nhìn của cô đóng khung lấy khuôn mặt Tấn, những nếp nhăn dưới đuôi mắt cười cợt, hai cánh mũi mỏng háo thắng, cằm ngang kiêu ngạo, đôi mi cong bất ngờ dưới đôi mày xếch.

"Lại kiếm chuyện cãi nhau phải không? "

Hoa đã về đến, tỉnh ngủ và hồng hào. Tấn liếc nhìn Lê. Cô vênh mặt lên :

"Có kẻ muốn khiêu chiến, nhưng mà Lê không thèm."

"Chưa bắt đầu, Tấn đã bị 1-0. Chia buồn vậy."

Tấn đứng thẳng dậy. Khuôn mặt anh biến mất, như cơn mơ tan theo sương mù:

"Buồn cùng ông trời vậy. Ôi ta buồn ta đi hiking..."

Lê lắng tai nghe tiếng cười trầm và ngắn của Tấn, cười như cười một mình, cười nhạo mình. Tiếng cười quay vào nội tâm, không chia xẻ.

"Tấn, ông đi lạc xe hay sao?"

Lộc đến bên xe, cười ồn ào. Mùi thuốc lá của Duy nồng nồng khó chịu :

"Bên xe ông thái bình quá hở Tấn?"

Tấn vươn vai :

"Ừ, bình yên quá, sợ gươm rỉ chí nhụt. Nhưng xem ra có người còn nhụt chí hơn mình nữa."

Lộc nói ngay :

"Lê còn dành sức đi hiking đó thôi."

Hoa huých vào tay Lê, mỉm cười hóm hỉnh. Lê mỉm cười lại. Lộc hay bênh Lê, cả nhóm đều biết thế. Lúc đầu mọi người nhướng mày, thấy vui vui, đặt câu hỏi. Khi Lộc dẫn cô bạn gái ở xa đến chơi ra mắt, mọi người nhìn nhau, nhìn Lê. Bạn gái của Lộc duyên dáng, khéo léo, nắm tay Lê nói ngay: Cô em nhỏ của anh dễ thương lắm. Bây giờ, chuyện Lộc "bảo vệ em gái" thành trò đùa. Sáu tháng nữa Lộc làm đám cưới. Lê chắc không đi dự được, mong là "anh hai" sẽ hiểu cho Lê. Những vương vấn bối rối của Lê không nói cho Lộc biết, nhưng cô đoán anh hiểu đôi phần. Nhớ buổi đi chơi hội chợ, Lê cười ngất đến nỗi mắt đỏ lên, Lộc đưa cho cô tấm khăn giấy, nói như vô tình:

"Cười lắm rồi lại khóc nhiều cô nhỏ ạ."

Mọi người lại phá lên cười. Lê che nửa mặt bằng tấm giấy mỏng, mắt chợt cay. Lộc vỗ vỗ vào vai Lê, đứng chắn trước để Lê kịp chùi giọt nước mắt lăn xuống. Giữa đám đông, giữa cơn gió còn lành lạnh dù đã cuối mùa xuân, cô cảm thấy đôi mắt người ấy trên mi mắt ướt của cô trong một thoáng ngắn ngủi. Người ấy có hiểu gì không ?

Mười lăm phút sau, con đường song song với biển lượn ra ngoài ôm vòng theo bãi biển. Giữa hai đụn cát lấm tấm hoa hồng tím, màu nước xanh xám đục, những ngọn sóng uể oải cuộn lên không mang bao nhiêu bọt nước. Lê quay cửa kính xuống, thở vội chút mùi biển mặn nồng nồng tanh tanh. Ngoài khơi, sương mù che nhoà đường chân trời, mây nặng thấp. Gió tạt vào xe cùng hơi nước se se lạnh. Lê quay cửa kính lên. Ngọn gió vẫn đập mình vào mặt kính như lay gọi. Khuôn mặt người ấy thấp thoáng mập mờ trong trí. Đường cong gò má, một khoé miệng cười, cằm lún phún râu cạo không kỹ. Em không đếm nổi bao nhiêu lần em nghĩ đến anh trong một ngày. Em không nhớ nổi lần cuối cùng khi anh hiện ra trong cõi mênh mang của nỗi nhớ mà em không cảm thấy trái tim mình làm bằng nghìn sợi tơ nõn, rung nghìn âm điệu khác nhau chỉ

vì anh. Em không biết đó có phải là tình yêu không, em không muốn gọi đó là tình yêu, vì những thoáng hạnh phúc mong manh của tình yêu như bọt sóng dễ tan vào vách đá, còn nỗi đau như biển cả, ngày đêm trăn trở.

Chiếc xe tấp vào bên đường đất, ngừng đột ngột, xô Lê chúi về phía trước. Lộc hỏi Lê có sao không, rồi cằn nhằn Lê không chịu cài *seat belt*. Lê cười trừ, cài khuy áo khoác lên tận cổ. Nắng vẫn còn khuất đâu đó trong sương, con đường mòn viền cỏ dại trông buồn thiu đến tội nghiệp. Khoa đứng chắn cột mốc bắt đầu, điểm danh. Thích thể thao, thích vui nhộn, anh luôn là người nghĩ ra cớ gì đấy để họp mặt bạn bè. Anh đi đâu cũng thấy một mình, cho nên mấy cô trong nhóm mến mộ không phải là ít. Lúc trước môn thể thao nào Khoa nhắc đến Hoa cũng nhất định học chơi cho bằng được. Không hiểu Khoa có biết không? Anh là cây đinh của nhóm, đã quen được chú ý, quen hào quang, thêm một đôi mắt ngưỡng mộ chỉ là chuyện thường. Sau này khi biết Khoa đã có bạn gái, Hoa bảo Lê Hoa không buồn nhiều, vì yêu Khoa chỉ như yêu mây trên trời, Hoa tự biết sẽ thất vọng. Lê chợt nghĩ đến người ấy. Trầm lặng hơn Khoa, nhưng không hẳn là mờ nhạt. Không phải xông xáo như Khoa, nhưng mơ mộng hơn. Buổi tối lửa trại, Khoa bày trò chơi, và luôn chơi giỏi nhất. Người ấy ngồi trên mỏm đá hay khúc cây nào đó xa xa vòng lửa, ôm cây đàn đánh khẽ một mình. Những tiếng đàn chậm rãi rơi xuống như giọt nước trong lóng lánh sắc cầu vồng. Lê ngồi bên cạnh, nhìn say mê những ngón tay trên dây đàn. Người ấy sẽ nói Lê hát đi, và Lê sẽ bậm môi lắc đầu. Cô không biết hát. Trong nhóm, chỉ có tiếng hát của Nga biết cách nhảy múa cùng nét nhạc. Khi những note nhạc vút cao lên trong trời đêm, khi đôi mi dài chớp rất nhẹ trên mắt Nga trong cái nhìm đăm đăm của người ấy, tim Lê sẽ nhói lên nỗi ghen tức mơ hồ. Thật ra, Lê không có quyền gì để ghen, cho dù người ấy đã nhìn Nga không phải bằng nỗi đam mê của nghệ thuật mà bằng say đắm của một người đàn ông. Lê mãi mãi đứng ngoài thế giới của người ấy, mãi mãi là người len lén rời khỏi đám đông và ánh lửa. Cô sẽ nấp sau thân cây nào đó, ngước nhìn những vì sao nhòa trong nước mắt. Tiếng nhạc đuổi theo Lê, len vào những giấc mơ trong đêm chập chờn. Khi tiếng nhạc lắng vào bóng tối, khi hơi lạnh thấm vào những ngón tay Lê lạnh buốt, người ấy lặng lẽ thoáng qua bên cô, gót giày khua nhè nhẹ trên mặt đất đầy cành lá khô. Quay nhìn Lê, người ấy hỏi cô nhỏ, đi dạo không? Lê lắc đầu, về bên lửa trại, ngồi nhìn ngọn lửa bập bùng, lòng thắt lại tiếc nuối. Có phải em ngu dại lắm không anh? Trong giấc mơ bao lần em cùng anh đi dạo, anh phải đi chậm chờ em, nụ cười thoáng chút diễu cợt, chút âu yếm. Sao em không dám bước vào giấc mơ khi nó đến? Sao em không dám tan vào bóng đêm nhợt nhạt những vì sao? Sao em không dám để ảo ảnh thành sự thật, dù chỉ là sự thật trong giây phút?



"Lê."

Mọi người đã bắt đầu đi, chỉ còn Lộc đứng chờ Lê. Cô bước vội vài bước để theo kịp Lộc. Con đường mấp mô, Lê dẫm lên hòn đá nhỏ chao đi suýt té. Lộc nắm khuỷu tay cô kéo lại:

"Lê sao vậy, có khỏe không?"

Lê gượng cười :

"Tại lâu rồi Lê không đi hiking đó."

"Việc làm bận lắm không? Lê mất biệt hơn tháng nay còn gì. Hay là, có chuyện gì khác?"

Lộc cười hóm hỉnh. Lê chun mũi lại:

"Có tin mừng sẽ báo tin cho anh hai biết ngay. Còn chuyện đám cưới của anh lo đến

đâu rồi?"

Như bao giờ, mỗi lần nhắc đến người yêu, mắt Lộc bừng lên những tia lửa nhỏ. Hạnh phúc tỏa sáng từ trong lòng, Lê nghĩ. Chỉ những người thiếu thốn như Lê mới có đôi mắt tối. Cô nhìn hút về phía trước. Không thấy người ấy nữa. Chỉ có màu áo đỏ của Hoa nổi trên màu xanh vách núi. Lối mòn dần dần uốn lên cao, những ngọn lau hai bên lao xao cười cợt mỗi khi Lê thở dốc. Lộc bảo Lê phải giữ sức, đường còn dài. Giữa con dốc, Lê dừng lại. Nắng cuối cùng đã đến, xoay tròn chói chang trong tầm nhìn. Cô bảo Lộc anh đi trước, đừng chờ Lê. Lộc lẳng lặng gật đầu. Đợi anh khuất sau ngã quanh, Lê mới bắt đầu đi tiếp. Tại thức khuya đêm qua đấy mà, Lê nghĩ. Không phải Lê vội vã sắp xếp chuyến đi, mà nếu không mệt rã rời, Lê sẽ không ngủ được, hoặc giấc ngủ sẽ toàn mộng mị vẩn vơ. Như thấy mình hốt hoảng lục tung những ngăn tủ mà không rõ tìm kiếm cái gì. Như thấy mình ngồi khóc trong khi người ấy mỉm cười vô tư. Anh tàn nhẫn, vì anh không hề trả lời những câu trách móc của em, vì anh chỉ yên lặng nhìn em hoặc nơi nào ấy chỉ riêng anh thấy. Và em khóc, khóc mãi, cho đến khi tỉnh dậy với những sợi tóc mai ướt đẫm.

Hết con dốc dài, Lê ngừng lại uống chút nước. Biển bây giờ ngay dưới chân cô, xanh thẳm ngoài khơi và trong suốt gần bờ, đến nỗi cô thấy cả đám rong bập bềnh dưới mặt nước và những viên đá cuội nằm chờ sóng đến. Cuối chân trời, sương mù chỉ còn như làn mây nhẹ, giăng tơ trên biển. Lê lục chiếc túi nhỏ quàng trên vai tìm thuốc chống nắng. Giọt thuốc mát lạnh rơi xuống trên cánh tay trần, trắng đục màu sữa. Lê hơi nhăn mặt khi ngửi thấy mùi hoá học nồng nồng. Một trong những nghi thức sắc đẹp mà người phụ nữ nào cũng phải tuân theo, vì bản năng hay vì muốn làm tròn chức năng đàn bà. Những nghi thức sắc đẹp trường tồn và cố định như nghi thức sự sống, ăn ngủ và thở. Cho dù tai họa nào đi nữa. Cho dù đau khổ nào đi nữa. Lê sẽ hoài mang theo những nghi thức ấy qua cuộc đời, qua những tên người nhớ và quên, qua những vui và buồn, qua những cơn mơ và ảo ảnh. Lê đứng dậy, quay mặt về biển. Gió vội vã lướt qua, sóng đều tiếng thì thầm rất khẽ, và nắng rơi những tàn lửa xuống mặt nước xôn xao. Cô nhắm mắt lại, nghe tiếng gió và sóng quyện vào nhau trong khúc nhạc hoang sơ, điệu nhạc mãi mãi quyến rũ vì nó không cần người nghe và không cần ca ngợi. Lúc Lê mở mắt, Tấn đứng đó tự bao giờ, vài bước dưới chân cô, cạnh tảng đá chênh vênh nơi triền dốc. Mặt anh đẫm màu nắng, màu da sậm nâu, đôi mắt đăm đăm. Anh như bức tượng đá huyền bí trên bãi biển thần thoại nào đó. Lê lùi lại, đi như chạy trên con đường mòn.

Lê bắt kịp mọi người giữa đoạn đường, lúc họ nghỉ ăn sáng và trò chuyện. Hoa cười khúc khích khi thấy Lê thở dốc và "uống nước như...lạc đà." Duy bảo mọi người:

"Từ nãy giờ tui cứ thấy cái gì là lạ hôm nay, bây giờ thấy Lê mới biết. Hiking hôm nay... yên lặng quá, không có tiếng...chí choé."

Mọi người cười ồ. Duy nhìn quanh, hỏi "Mà Tấn đâu rồi ta?" Lộc hất hàm về phía sau, nơi Tấn vừa hiện ra, tươi tỉnh như bao giờ. Duy ồ lên một tiếng, tiếp:

"Hoá ra hai người đi chậm để cãi nhau cho đã, khỏi bị than phiền phải không? Chà, người đến trước thì hụt hơi, kẻ đi sau thì tươi rói. Ai thắng ai bại đây?"

Tấn nhún vai, không nói. Nga đứng dậy từ chỗ ngồi, đưa cho anh chai nước và nửa ổ bánh mì để dành. Lê quay mặt đi. Tấn và Lê, hay đụng độ, hay kình nhau, hay cãi lý, hay cá ăn thua, trong nhóm ai cũng biết. Lúc Lê vào nhóm, Tấn gọi cô "cô bé mới ra trường." Rồi "cô bé xanh xao." Lê khó chịu vì vẻ "kẻ cả" của Tấn, vì Tấn hay lôi cô ra làm đề tài chế diễu. Cô tìm cách trả đũa Tấn, thế là mọi chuyện bắt đầu.

Lộc giằng chai nước khỏi tay Lê :

"Đang mệt, không nên uống nước nhiều quá."

Lê gật gật đầu, yên lặng khi Lộc vặn nắp chai và bỏ vào chiếc túi của Lê sau khi cẩn thận thêm nước cho đầy. Lộc nói đúng, có lẽ Lê không nên uống nhiều nước như vậy. Chất lỏng trong dạ dày cô như chao qua lại theo từng bước đi, lạnh lẽo và xa lạ, làm Lê choáng váng khó chịu. Màu nắng mới đó vàng cam bỗng trở thành nhợt nhạt. Lê bặm môi. Duy đang cười cười bật dậy :

"Lê có sao không?"

Chắc môi mình đã tái đi, như người sắp ngã xỉu, Lê nghĩ. Người cô nghiêng về phía sau, kịp lúc dựa vào Hoa vừa đến bên cạnh. Rất dịu dàng, Hoa gỡ chiếc túi của Lê thả xuống, rồi chậm những giọt mồ hôi trên trán Lê trong lúc Lê chống chọi với cơn khó chịu, làn gió thốc và vị đắng trong cổ họng. Sát gương mặt cô, đôi mi Hoa ngước lên, cong dài, đen mướt.

Hàng mi sắc sảo không đi chung với những đường nét bình thường khác trên khuôn mặt. Hoa đùa bạo, có thể chơi u thắng cả bọn con trai, lời nói thẳng băng không thèm tuân theo luật lệ xã giao tế nhị nào, nhưng với Lê, Hoa tràn đầy nữ tính, không bao giờ ngại nâng đỡ hay an ủi kẻ khác.

Mắt Hoa gặp mắt Lê. Cô mỉm cười, đưa hai tay ôm lấy mặt Lê :

"Cô bé xanh xao nhõng nhẽo quá đi."

Lê gượng cười. Lúc mới vào nhóm, Lê thấy Hoa là lạ, không thích lắm. Đôi mắt phàm tục thường không nhìn thấu xa hơn bề ngoài. Nếu không có những lúc như thế này, Lê sẽ chẳng bao giờ thấy Hoa khác hơn cô gái hơi thô, ăn mặc giản đơn gần như cẩu thả, tiếng nói chắc gọn không cầu kỳ làm duyên làm dáng. Con người ta gặp nhau tình cờ, hiểu nhau tình cờ không kém. Hoa thành bạn thân của Lê, và nhìn Hoa bây giờ, Lê cảm thấy lòng âu yếm và tính độ lượng của Hoa nhiều hơn những thiếu thốn trong đường nét hay dáng dấp. Người ta nói tình cảm là mù quáng. Lê tin rằng tình cảm làm đậm thêm vẻ đẹp và mờ nhạt thói xấu. Đó có thể là chứng minh cho mù quáng hoặc có thể là sự chấp nhận rằng không có gì là hoàn hảo. Mù quáng, chấp nhận, chỉ là hai danh xưng cho một thực thể tình cảm. Lê không cần những tên gọi. Cô chỉ biết rằng khi nghĩ đến người ấy, những cái xấu cô nhìn thấy không làm cho cô hoảng sợ hay chát ghét. Thế cho nên em vẫn nghĩ đến anh mãi, cho dù em không còn hồn nhiên bên anh như xưa, cho dù em đã muốn giận anh, muốn quên anh, muốn dửng dưng với anh. Trái tim không nối với bộ óc, cho nên những lập luận lý do em tin tưởng không chạm đến những nhịp đập trong ngực.

Lê ăn xong mẩu bánh mì mang theo trong túi thì mọi người bắt đầu sửa soạn đi tiếp. Ngồi trên mặt đất, cô ngước nhìn Hoa thu gọn đồ đạc quàng lên vai. Hoa ít khi hấp tấp vội vàng, nhưng cô bao giờ cũng nhanh gọn hơn người khác. Cô bước đi, không quên nhéo nhẹ tai Lê đùa cợt. Bên kia đường, Nga còn ngần ngừ, tay che mắt nhìn đám bụi cuộn theo đoàn người đi trước. Lê nhìn xuống bờ biển, tìm một bóng mát để lát nữa nằm nghỉ. Cô không tin mình có đủ sức đi hết con đường. Và mình bỏ cuộc, cô nghĩ. Bỏ cuộc lúc nào cũng là giải pháp đơn giản nhất, và lười biếng nhất.

"Cô nhỏ."

Lê giật mình. Tấn đứng trước mặt cô, hai mũi giầy lấm bụi, gấu quần bạc màu có vài chỗ bị móc rách đâu đó. Tấn tiếp:

"Mệt quá rồi phải không?"

Không nhìn lên, Lê nói mơ hồ :

"Lê phải nghỉ một chút."

Tấn nói như ra lệnh:

"Nhìn đây, cô nhỏ."

Lê ngước lên, nhưng cô chỉ thấy cái liếc mắt sắc như dao của Nga bên kia đường. Nga hất lọn tóc loà xoà trên má ra sau cần cổ cao hồng lên vì nắng, bước đi. Tấn ngập ngừng một chút, rồi bước theo Nga. Trong màu nắng đục, Lê nhìn theo hai người đi bên nhau. Nga khua cây gậy cầm tay vào đám cỏ bên đường, làm con sóc nhỏ cuống lên nhảy vội lên tàng cây thấp. Tiếng Nga cười vọng lại sau khúc quanh ròn rã. Lê úp mặt vào hai tay, tự nhiên muốn khóc.

Khuất sau tàng cây thấp chú sóc nhỏ vừa mới trốn, Lê tìm thấy mặt đá nghiêng mòn nhẵn để cô dựa vào, cuộn tròn như con sâu, đầu gối lên chiếc túi, và ngủ thiếp đi. Biển ngoài kia vẫn thì thầm, gió gờn gợn trên da, những đốm nắng vàng cam lung linh trong đôi mi khép. Lê trôi đi vào giấc ngủ, biển và gió ngủ theo, chỉ có cơn mơ trăn trở vẫn còn thức giấc. Cơn mơ vẽ nên người ấy, gọi tên người ấy, đợi chờ người ấy. Cơn mơ run rẩy sợ hãi ngày mai, lúc Lê thức dậy nơi nào xa lắc, nơi mặt trời không đến với Lê và người ấy cùng một lúc, nơi phố xá sẽ xa lạ, và Lê sẽ đi lạc, như mới ngày nào Lê đi lạc trong thành phố Lê đang ở. Em đã ghét nơi chốn này biết mấy, thành phố nhỏ xíu, lái xe nửa tiếng là đã lạc vào núi. Anh lặng lẽ ngồi nghe em than thở nhớ nhà, nhớ những con đường freeway rộng năm sáu lối xe chạy tấp nập. Hôm ấy lần đầu mình gặp nhau không có cả nhóm vòng quanh. Anh chỉ cho em tia nắng chiều rực rỡ nghiêng nghiêng ánh vàng trên dãy lầu khu nhà hai tầng xinh xinh, mỗi nhà ban công một màu khác nhau viền xanh hoa lá. Anh chỉ cho em phố thị từ đỉnh đồi, vầng mây tím nhạt nơi mặt trời chìm xuống biển. Anh chỉ cho em triền núi thẫm vào đêm, lúc vầng trăng từ từ hiện ra, uy nghi và đằm thắm như vị nữ thần. Em co người trong chiếc áo khoác của anh, xoay quanh chỗ đứng tìm chiếc bóng của mình. Buổi tối thơm mùi hoa dại, thơm mùi xà bông trong áo anh khi anh choàng cho em chiếc khăn mỏng. Không biết hương thơm đó, hay hơi thở anh ấm bên má em, đã làm trái tim em rung lên rất nhẹ. Chắc trông em lúng túng buồn cười lắm, vì anh để mặc em vội vã lùi xa

anh, chỉ khẽ nhắc em coi chừng vấp té. Lần đầu tiên mình gặp nhau đó, anh đã chỉ cho em chân trời lồng lộng, không giới hạn, không bờ bến. Những giấc mơ em như cánh buồm khao khát gió khơi, thấy cuối chân trời bao nhiêu hứa hẹn phiêu du, bao nhiêu hành trình tương lai, nơi mỗi ngày em nhìn thấy anh, như đoá hoa hồn nhiên hướng đến mặt trời.

Ánh trăng bàng bạc mờ đi. Lê quay người lại trên dốc. Người ấy không còn sau lưng cô nữa. Những đốm nắng chập chờn hiện ra, trôi bồng bềnh như sương mù. Lê gọi tên người ấy, rồi lắng tai nghe. Tiếng thì thầm uể oải của sóng, tiếng con chim nào kêu một mình lạc lõng. Tiếng người ấy, vọng đến từ sau những đốm nắng:

"Cô nhỏ."

Cơn gió nhẹ lướt qua, những sợi tóc mai buông xuống má Lê nhồn nhột. Giấc mơ vướng vất trên hàng mi, không muốn rời. Có tiếng sỏi lạo xạo dưới chân ai bước lại gần. Người ấy từ trong giấc mơ mà đến, hay vì nghe tiếng gọi của giấc mơ mà đến? Dù không thấy anh, em vẫn cảm thấy rất rõ anh đang đến, hơi thở ấm như đêm nào phủ xuống mắt môi em. Đừng ngắm em quá lâu. Em ngái ngủ sẽ buồn cười lắm. Đừng ngắm em lâu, vì cái nhìn anh sẽ làm mềm trái tim em đóng băng trong nỗi đau. Đừng đánh thức em dậy. Không còn gì để nói, em chỉ còn lời chúc phúc tầm thường cho cuộc chia ly. Hãy để em mang theo ảo tưởng mong manh và những cơn mơ đẹp chóng qua. Hãy để em tự lừa dối mình rằng anh và em có lần đầu nhưng chưa là lần cuối.

"Cô nhỏ ơi. Sao cô nhỏ tránh mặt anh?"

Giấc mơ rơi xuống, vỡ tan. Những đốm nắng chao đi, nhoà nhạt biến dạng. Lẫn trong tiếng sóng, nỗi u buồn trong tiếng nói anh đã làm tan chảy khối băng trong tim em. Giòng nước chảy xiết qua trái tim tê dại, tràn ứ lên khoé mắt. Thấy chưa, đã có một giọt len ra ngoài mi em, nóng ấm như cát và mặn như biển cô đơn. Có phải môi em run run không? Anh im lặng, im lặng, rồi thở dài.

Lê mở mắt, ngồi thẳng dậy. Những đợt sóng vẫn đều đặn buông mình trên cát, ngọn gió khua lá cười khe khẽ. Con sóc nhỏ đang ngồi cắn hạt giật mình nhảy đi. Lê vuốt lại mái tóc rối, nhưng rồi gió lại làm rối thêm. Những đốm nắng lung linh trên mi ướt, trên mặt biển mãi mãi thao thức. Cuối chân trời xa, sương mù vẫn còn đó, che khuất những ghềnh đá trắc trở. Đâu mất rồi chân trời hoàng hôn tím nhạt lồng lộng cánh chim bay? Chân trời không giới hạn, nơi những cơn mơ khao khát bay đi như những con chim hải âu vượt đại dương. Chân trời bao la, như thiên đường thấy đó nhưng không bao giờ đi tới, như biển sóng nhận chìm những cánh buồm lạc lõng không tìm ra bến. Anh đã chỉ cho em chân trời, đã ươm cho em giấc mơ, nhưng trên đường bay

TRẦN VẤN LỆ

ĐÊM NOEL

Mừng Chúa Giáng Sinh! Lại rộn ràng!
Mây trời gió thổi cứ lang thang...
Ai khoanh vùng vẽ Đời An Lạc?
Ai thả hồn mơ Cảnh Địa Đàng?
Con dế... vẫn kêu trong đám cỏ!
Giọt sương vẫn đọng ở cành lan!
Chúa trên Thánh Giá không trăn trở
Máu lệ người như đã đóng băng!

Máu lệ Người tuôn tự thủa nào
Hai ngàn năm trước... chẳng ai lau!
Đạo Trời đã tẻ ra nhiều nhánh
Hình Chúa còn nguyên nỗi đớn đau!
Chúa đắc tội gì sao mắc đọa?
Đời mơ hạnh phúc biết tìm đâu?
Đèn sao thắp sáng soi trần thế
Ta thấy gì trong Cuộc Bể Dâu?

Cô bé bán diêm ngồi bật lửa
Hơ bàn tay nhỏ ấp lên tim:
Bao nhiêu mơ ước thành tro bụi
Ấm mỗi lòng riêng, chỉ một đêm!
Xác cô gục xuống trong lòng hẻm
Hồn chắc bay về tới cõi Tiên?
Bà Nội sẽ mừng, Cha sẽ mắng...
Chúa ơi... Đêm đó, Đêm Noel!

đến chân trời em chỉ có một mình. Anh đã cho em hy vọng, nhưng thất vọng em phải nhận ra một mình, trên đôi cánh tả tơi mệt mỏi. Chân trời mênh mông, và đường đến chân trời sao quá dài. Em cứ ngỡ em sẽ có anh. Em cứ ngỡ mình sẽ có nhau. Có lẽ em đã mong mỏi quá nhiều. Có lẽ em đã đòi hỏi quá nhiều, đã tưởng tượng mọi chuyện quá dễ dàng. Em không biết rằng buổi sáng ngày hôm sau em đã thay đổi nhanh hơn vòng quay của quả đất già, hơn thời gian, trong khi chung quanh em, và anh nữa, không khác đi bao nhiêu. Em đến buổi hội họp với chân trời trong mắt, và anh lười lĩnh thản nhiên không lay chuyển, bên một người con gái khác. Em lặng lẽ theo dõi anh suốt buổi. Đôi khi anh nhìn em, vui vẻ, đùa cợt, như biết bao lần khác, như anh nhìn cô gái bên cạnh. Như bao nhiêu lần khác, cô gái làm duyên, liếc mắt và cười ý nhị. Như bao lần khác, anh bình thản, không đón nhận và cũng không từ chối. Anh ngồi đó, chỗ ngồi của riêng anh, tự tin, kín đáo, xa vời. Mọi người lướt qua, lúc gần, lúc xa, anh vẫn ngồi đó, rất hoà nhập và cũng rất riêng biệt. Em cay đắng nhận ra mình cũng chỉ là một người trong những người xoay quanh chỗ ngồi của anh. Giữa tiếng cười nói ồn ào, em lướt đi như trong cơn mê, giằng xé trong những dấu hỏi quanh co. Em có nên đến bên cạnh anh, chiếm chỗ ngồi bên tay trái còn trống, đem hết duyên dáng tình tứ tranh đua một nét cười lơ đãng của anh? Em có nên làm nổi, mặc áo đỏ, kể câu chuyện đùa mọi người đều sửng sốt lắng nghe, để mong vài phút chú ý của anh? Hay em nên bỏ về, ghét anh như cơn mơ mau thức giấc? Hay em nên khóc lóc, dùng nước mắt van xin một thoáng ân cần?

Em bỏ về. Em không ghét anh được, cũng không van xin nũng nịu với anh được, không dửng dưng được cũng không đối với anh như bạn bè được. Xa anh, em vẫn là em, chỉ thiếu mất một chút sinh khí. Bên anh, em là mớ bòng bong rối rắm, vui không thật và buồn dấu diếm. Bỗng dưng giữa em và anh như đã có bức tường đá trong suốt. Mình nhìn thấy nhau nhưng không chạm được vào nhau, nói nhau nghe nhưng không còn hiểu nhau. Mình cùng hỏi tại sao và không ai biết nguyên cớ. Anh hỏi em, em không trả lời. Em muốn hỏi anh, nhưng em im lặng. Chân trời vẫn ở đó, bát ngát những bí mật riêng mình. Không có anh bên em, hoàng hôn không còn những đoá mây tím, chỉ còn bóng tối âm u. Không có anh bên em, nỗi sợ hãi nghi ngờ buồn bã cuốn lấy em như con nhện cuốn mồi trong lưới. Cái chết từ từ tê dại của trái tim không còn nao nức...

"Lê."

Nga kèm theo tiếng gọi một nụ cười. Lê mỉm cười lại, rồi nhặt chiếc túi bên cạnh, leo qua những mỏm đá đến bên Nga. Mặt Nga đỏ hồng, mồ hôi rịn ướt hai bên tóc mai. Phía xa xa, mọi người thấp thoáng hiện ra sau khúc quanh. Lê nghe giọng cười của Lộc dội vào núi, lan ra trên những vòm cây xanh. Lê hỏi cho có lệ :

"Nga mệt lắm không?" cô cười lúng túng, "Lê ngủ quên mất ở đây."

Nga lắc đầu. Mình hỏi thật thừa, Lê nghĩ. Nga mảnh mai nhưng dai sức, sợ còn đi *hiking* giỏi hơn bọn con trai. Quàng chiếc túi sau lưng, Lê hỏi :

"Nga chờ mấy người kia không? Chắc Lê đi trước, tại Lê đi chậm hơn."

Nga bước theo Lê. Một phút ngượng nghịu trôi qua. Lê chợt nhận ra chưa bao giờ cô đi bên Nga một mình như thế này. Những mối quan hệ nhóm bạn đôi khi trở thành không thật khi hai người phải đối diện nhau bên ngoài đám đông. Không còn bỡn cợt trêu đùa, bỗng dưng chẳng còn gì để nói. Ngoài những chiếc bong bóng đủ màu của nụ cười, thế giới riêng của người này kín bưng với người kia. Nga lên tiếng :

"Lâu rồi không gặp Lê."

"Lê bận rộn lắm. Công việc hành..."

Hai người cùng cười. Thế là xong phần xã giao rồi phải không, Lê nghĩ. Từ đây đến cuối đường họ có thể im lặng đi bên nhau, thu mình vào thế giới riêng?

"Lê có thấy Tấn đi qua không?"

Lê quay nhìn Nga. Đôi mắt Nga nheo lại, có thể chỉ vì nắng gắt, nhưng không hiểu sao Lê thấy một nét tư lự. Lê nghĩ đến những vòng tròn giao nhau, những người mê mải tìm nhau sau một đường cong khuất dấu. Chân trời ngoài kia mờ mờ sương, Nga có tìm ra đường bay mơ ước không Nga? Lê lắc đầu:

"Lê ngủ quên, đâu có biết gì."

Cô ngập ngừng, hỏi thêm:

"Tấn đi trước hay sao?"

"Đến cuối đường Tấn không chịu nghỉ lại với mọi người, nhất định đòi quay lại trước. Tấn bảo đi tìm thú cô đơn."

Giọng Nga hơi chùng xuống. Lê ngước nhìn lên cao. Đám mây trắng nõn bồng bềnh trôi

qua tàng lá, nhưng xa hơn giải mây xám lặng lờ lướt theo, như chực chờ buông xuống mưa bão. Mai mốt, Lê nghĩ, cô sẽ thấy một bầu trời khác, một đám mây khác:

"Hay là... Nga đi nhanh lên, không chừng bắt kịp Tấn?"

Mất Nga dường như có chút ngạc nhiên. Lê mỉm cười, hai khoé miệng khô ran đến đau nhức :

"Chắc bây giờ Tấn cũng đã chán thú cô đơn."

Lê đứng lại :

"Lê chờ đi cùng với nhóm."

Vẫn im lặng, Nga bước nhanh hơn. Lê muốn gửi theo Nga một lời chúc thầm lặng, nhưng cô không thể. Mình không muốn giả dối, cô tự thì thầm với chính mình. Đã quá muộn màng, ngay cả cho sự thật, cho dù có một sự thật nào đó cho những câu hỏi mình che dấu.

Lê nhập vào đám đông, và nụ cười trở lại trên môi cô không cần bao nhiêu cố gắng. Trong đám đông, người ta nhìn thấy quá nhiều người nên không thấy chính mình. Trong đám đông, câu chuyện nằm bên ngoài riêng tư, nên người ta có thể tạm quên mất chính mình. Duy đi bên cạnh Lê, bảo :

"Cô Lê này ngủ xong một giấc tươi rói lên. Tối qua đi chơi khuya với ai, khai ra mau."

Lê cười cười, giả vờ một chút bí mật một chút mắc cỡ. Cứ đùa đi, cô nghĩ. Đoạn đường này sáng nay cô đi trong im lặng, một mình, bây giờ cô có đám đông bên cạnh, và chính mình lặng lẽ sau lưng, như chiếc bóng, kiên nhẫn chờ lúc cô quay về. Mai mốt, biết đâu sẽ chẳng còn đám đông nào nữa ?

Tấn và Nga chờ mọi người ở mốc khởi hành. Nga đón đám đông bằng nụ cười lơ là mệt nhọc, và Tấn uể oải đứng dậy từ vệ đường, tia nhìn vẫn ở đâu đó xa lắc. Mọi người chia tay nhau bên những chiếc xe. Lộc hỏi Lê :

"Lê muốn về hay muốn đi ăn tối chung?"

Lê lắc đầu. Nụ cười biến đâu mất theo vạt nắng phai đi đột ngột. Đám mây xám đã đến, và không gian âm ẩm hơi sương. Lộc không hỏi tiếp. Lê ném chiếc túi vào phía sau xe. Nước mắt ấm nóng bên khoé mi:

"Lê."

Tấn ít khi gọi tên Lê. Không ngước lên, Lê hỏi:

"Tấn có đi ăn tối chung với nhóm không?"

"Lê."

"*Hiking* hôm nay vui không Tấn?"

"Lê."

"Mùa hè sắp hết rồi, phải không?"

Bàn tay Tấn nắm lấy tay áo Lê. Cô ngước lên. Cô không đọc được khuôn mặt Tấn, đôi mắt tối, hàng mi cong tô đậm khoé mắt thiếu những nếp nhăn của nụ cười. Cô không hiểu Tấn đang làm gì. Chẳng lẽ Tấn đã quên vai trò chàng lãng tử rất ân cần cũng rất lơ đãng với phụ nữ? Chẳng lẽ Tấn không còn muốn mang cái vỏ cao ngạo bất cần ? Chẳng lẽ Tấn không nhận ra đã hết lúc để nói chuyện đùa giỡn và đã muộn màng để nói chuyện nghiêm trang? Lê quay đi, cánh tay thõng xuống vô dụng và thừa thãi khi Tấn buông ra. Cô vào xe, đóng cửa lại bằng cánh tay kia.

Trên đường về, Lộc vẫn lái xe. Duy và Hoa ngủ ngay sau khi xe chạy. Lê ngồi nhìn nắng chập chờn ửng lên rồi phai đi, biển lúc xanh thẫm lúc xám đục. Khi con đường đi xa bờ biển, Lê dựa đầu vào băng xe, nhắm mắt lại. Tiếng gió đôi khi thoảng qua trong tiếng máy xe ru cô ngủ. Lần này, Lê biết cô sẽ ngủ không mộng mị, vì cô đã để lại những cơn mơ trên một bờ biển vắng.●

(1) Nhạc Trịnh Công Sơn

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Họa sĩ NGHIÊU ĐỀ

đã từ trần
ngày 9 tháng Mười Một năm 1998
(21 tháng Chín Mậu Dần)
tại San Diego, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 62 tuổi.
Xin thành thật chia buồn cùng
chị Nghiêu Đề và tang quyến,
và cầu chúc hương hồn
Họa sĩ Nghiêu Đề
sớm về miền siêu thoát.

Tạp chí THẾ KỶ 21 - Hội VAALA - Đài VNCR
Nhật báo NGƯỜI VIỆT - Và các bạn hữu ở xa:
Tại Montreal: **Hoàng Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Phan Ni Tấn, Song Thao.**
Tại Paris: **Ông Bà Nguyễn Kim Cương - Đào Túy Hằng**
Tại Oklahoma: **Ông Bà Bác sĩ Phạm Nguyên Lương - Bích Ty**
Tại Massachusetts: **Ông Bà Trần Doãn Nho**

TÀ ÁO VĂN QUÂN

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Gửi Lê Đình Điểu
Và những bạn tôi
Của thời mới lớn.

Thật lâu, mãi mãi về sau, khi hình như những gì sẽ xẩy ra thì đã xẩy ra và những gì chưa xẩy ra thì sẽ không bao giờ xẩy ra nữa, tôi mới gặp lại Thanh-Văn. Hôm ấy là ngày cưới của Thanh-Hà, con gái nàng. Tôi đến khi nàng đang loay hoay sửa lại đồ trang hoàng vào phút chót. Đứng sau lưng tôi hỏi có thể giúp nàng được gì không, Thanh-Văn giật mình quay lại mừng rỡ, "Anh! Mừng quá anh đến với cháu." Rồi nàng gọi con, cầm tay con Thanh-Văn kiêu hãnh giới thiệu: "Bác có thể tưởng tượng đây là 'Bé' của bác không?" Tôi đang lúng túng phản đối "Bé" không còn bé như vậy nữa thì Thanh-Hà, tức "Bé", đã cười dòn dã lên tiếng, "không, với bác thì 'Bé' vẫn là 'Bé'." Bé còn nhớ tôi. Lần cuối cùng chơi với Bé, Bé chưa học xong tiểu học. Nắm chặt hai bàn tay mềm mại trong lòng bàn tay, tôi nói với Thanh-Hà vài lời chúc mừng và ôn lại vài chuyện nhỏ khi nàng còn là "Bé". Thanh-Hà lộng lẫy trọng chiếc áo dài nhung đỏ thắm. Tôi ngắm nhìn nàng, đó là Thanh-Văn trên ba mươi năm về trước. Tóc cắt ngắn, Thanh-Hà có dáng người và khuôn mặt của mẹ, cũng cái miệng và đôi mắt ấy. Nhất là đôi mắt, nhiều khi trông lim rim như buồn ngủ nhưng thật ra rất tinh nhanh và sống động như đôi mắt của loài mãnh thú đang rình mồi. Một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu là đáng nhẽ Thanh-Hà phải là con tôi mới phải, nhưng tôi vội gạt bỏ ý nghĩ ấy. Quay sang nhìn Thanh-Văn trong chiếc áo dài nhung xanh biếc, tôi buột miệng kêu, "Tà áo Văn Quân!" Nàng nói, "Anh!" rồi cười rộn ràng dắt con đi giới thiệu với bạn bè khác.

Tôi nhìn theo vạt áo nhung xanh biếc bắt đầu bay lẫn trong đám đông. Thời gian và ba lần sinh đẻ đã làm cho thân hình người đàn bà mặc áo dài nhung đầy đặn hơn. Thời gian tuy cũng ghi lại trên mặt nàng đôi chút khói sương nhưng rất khoan hậu, vì khi tôi nghe nàng nói chữ "Anh" như thầm trách sự thiếu kín đáo của tôi, tôi không gặp khó khăn lập lại sự liên hệ giữa khuôn mặt lịch lãm của bác sĩ Thanh-Văn đường bệ ngày nay và cô Céline Thanh-Văn của "Tà áo Văn Quân" những ngày xa xưa trước.

Tôi gặp Thanh-Văn cùng cô chị ngay trên nàng cũng trong một tiệc cưới. Ngày ấy Thanh-Văn mới mười bẩy tuổi, hãy còn học trung học ở trường Marie Curie, Sài Gòn. Hình ảnh tôi còn giữ về nàng là một cô gái không xấu, rất duyên dáng, có chiếc răng khểnh (cô gái Việt Nam duyên dáng nào mà không có chiếc răng khểnh,) thường mặc váy, nói liến thoắng rất nhanh, mắt nhiều khi hấp háy như cận thị như tôi đã tả ở trên. Một trong những nhược điểm của tôi đối với phái yếu là tôi rất cảm phục cô nào nhanh miệng, khiến cho tôi phải ở "thế thủ" ngay từ đầu, gây cho tôi một chút mặc cảm trí tuệ nào đó. Khi biết tôi học ban Toán ở Đại Học, Thanh-Văn cười khanh khách hỏi: "Các anh học toán hình như không bao giờ rứt khoát được việc gì. Cái gì là *correspondance biunivoque*, đã *bi* sao còn *uni*?" (1) Không ai dại gì đi cãi nhau với một cô gái mười bẩy tuổi, hãy còn học trung học, về sự kỳ điệu của *"bi"* và *"uni"* trong toán học, tôi lúng búng cho qua truyện, nhưng từ đó tôi không bao giờ

quên được Thanh-Văn.

Qua câu chuyện với hai chị em tôi dần dà biết là tôi quen, nhưng không thân, cả chị lớn sắp học xong dược của hai nàng. Sau đó tôi quen thân cả nhà và thường đến chơi nhà luôn. Chút cảm phục ban đầu nẩy nở, trưởng thành thành một thứ tình yêu thầm kín nhẹ nhàng không rõ rệt, tôi tin rằng nàng cũng không lãnh đạm với tôi.

Rồi đến sinh nhật của Thanh-Văn. Tối sinh nhật mười tám tuổi của Thanh-Văn là một phát lộ kỳ diệu. Thanh-Văn trông cao hẳn lên, Thanh-Văn không còn là "con nít" chân đi không chạm đất nữa, bởi lẽ tối hôm đó lần đầu tiên tôi thấy Thanh-Văn mặc áo dài, thướt tha trong chiếc áo dài nhung mầu xanh biếc. Tôi mời nàng khiêu vũ. Nắm tay Thanh-Văn lần đầu tiên cho tôi một cảm giác khó tả, tôi không biết đó có phải là tiếng lòng dào dạt như các ông nhà văn thường tả không. Nhớ lại lần đầu tiên nói chuyện với nàng, tôi phủ trước: "A! đẹp thay tuổi mười tám! Nhưng Thanh-Văn có nhớ mấy câu đầu bài thơ gửi tặng Hélène của Ronsard không?" (2) Nàng cười to trả lời: "Văn nhớ chứ! Mới học mà. Nhưng anh đâu có làm thơ. Thế anh có biết hai câu thơ này không?" Rồi nàng đọc, *"Allez-vous-en, avec vos fleurs toutes fânées. J'ai dans l'âme une fleur que nul ne peut ceuillir."* (3) Lại chậm chân hơn cô gái bất trị này một lần nữa.

Thường là như vậy, nói chuyện với Thanh-Văn bao giờ cũng vui vì nàng nhanh trí, đốp chát mà không làm ai phật ý. Càng tiện cho tôi, tính tôi ít nói nên để nàng nói hộ. Tiếng nhạc *valse* chậm nồng nàn của bài Tà Áo Văn Quân của Phạm Duy Nhượng khẽ vang lên từ loa máy hát. Đột nhiên nàng khẽ hỏi, "Tại sao lại *Tư Mã người ơi, dừng đàn bên Văn Quân,* hở anh?" Tôi khẽ đáp, "Nếu Thanh-Văn nghe câu tiếp, *nâng phím hào hoa, kề làn môi giai nhân,* hay tốt hơn hết là nghe cả bài hát, lời hay lắm, thì có khi Thanh-Văn hiểu. Đại khái đó cũng là một thứ *correspondance biunivoque*." Thanh-Văn buông tôi ra, đứng cười ngặt nghẽo. Khi nhẩy lại, tôi cắt nghĩa cho nàng nghe Tư Mã, Văn Quân là hai người, tên một cặp tài tử giai nhân, rồi tôi kể cho nàng nghe câu chuyện. Tôi thì thầm bảo Thanh-Văn đêm nay nàng đẹp quá, rồi đẩy nàng ra xa cho nàng và tà áo nhung xanh quay tròn theo tiếng nhạc tôi nói tiếp, "Thanh-Văn, Văn Quân, Tà Áo Văn Quân!"

Tôi biết sẽ có lúc tôi phải thổ lộ mối tình của tôi với nàng. Câu chuyện tỏ tình trai gái người thứ ba không nên nghe. Tôi nghĩ nàng rất sung sướng nghe những câu tôi nói đêm đó, qua Tư Mã, Văn Quân và Tà Áo Văn Quân, vì nàng cười đôi mắt long lanh. Tôi tin chắc đêm sinh nhật đó tôi đã tỏ tình với nàng khá đủ, rồi tôi cảm thấy ngột ngạt vì Thanh-Văn đột nhiên trở nên trầm lặng, ít nói. Một điều gì đè nặng trong tâm tư nàng. Đời sống có những trở ngại bất ngờ. Khi mới quen mỗi khi tôi đến chơi nhà gặp ai thì nói chuyện với người ấy, nhưng gần đây tôi chỉ gặp cô chị trên nàng. Cô người dễ chịu, vui vẻ, bặt thiệp; tôi nghĩ nhiều người sẽ sung sướng có được cô. Có chuyện hiểu nhầm gì trong gia đình hay do tôi gây ra, tôi không biết; tôi chỉ biết là Thanh-Văn tìm cách tránh tôi. Tình trạng bế tắc này kéo dài suốt thời gian tôi sống ở Sài Gòn. Cho mãi gần đến ngày tôi xuất ngoại tôi mới thực sự có dịp nói chuyện riêng lại với nàng. Lần ấy nàng hỏi tôi sẽ đi chừng bao lâu. Khi tôi trả lời chừng năm năm, nàng khẽ nói, "năm năm lâu quá!"

Có vậy thôi! Nếu đó có thể gọi là một câu tỏ tình! Thời gian qua đi. Một lần tình cờ gặp chị nàng, cô kể truyện Thanh-Văn đã lập gia đình và "bây giờ nó mở phòng mạch, giầu lắm, anh ơi!" Chồng nàng là một nha sĩ tôi biết. Tôi nói đùa hai vợ chồng, chồng nhổ răng, vợ cho thuốc như vậy thì đổ đâu cho hết của. Nhưng rồi cũng có cách đổ cho hết của. Biến cố chính trị ở Việt Nam cho tôi dịp gặp lại Thanh-Văn sau hơn mười lăm năm xa cách.

Tôi nghỉ việc hai ngày, lái xe đưa Thanh-Văn đi nhiều bệnh viện để nàng xin làm nội trú, sửa soạn xin phép hành nghề. Trong khi chồng nàng phải ngồi học lại và các bạn đồng nghiệp trong nghề y của nàng còn bận rộn học thi để có bằng xin vào nội trú, thì nàng đã có bằng đó, ngay từ hồi còn ở Sài Gòn, như nàng nói, "Văn thi thử cho nó biết! Ai ngờ rất được việc." Không đầy một tháng sau, nàng trở lại làm nội trú tại nhà thương. Mười lăm năm, một chồng, ba con, và bây giờ là bà bác sĩ, mặc cả một thay đổi rất lớn vừa qua trong đời sống, Thanh-Văn vẫn trong sáng hồn nhiên như thủa nào.

"Anh còn nhớ cuốn truyện dịch của Mark Twain mà anh cho Văn vào dịp *Noel* không, câu chuyện về cuộc phiêu lưu của anh chàng Tom Sawyer đó? Văn thú thực với anh điều này nhé. Bây giờ thì quen rồi, nhưng hồi đó

sau khi cố đọc hai trang Văn phải đi mua cuốn dịch ra tiếng Pháp để đọc cho chóng.

Hồi lâu nàng tiếp,

"Nếu người ta cứ mãi mãi được là Tom với Amy thì hay biết bao nhiêu! Mất rồi!"

"Thanh-Văn nói mất gì rồi?" Tôi hỏi.

"Ồ, Văn muốn nói cuốn sách mất mất rồi."

Tôi trả lời chạy được người là cũng hay rồi, cuốn sách có kể gì. Nàng khẽ ngước mắt nhìn tôi. Tôi còn nhớ lắm. Đêm *Noel* năm đó tôi khư khư ôm cuốn truyện, chờ rất lâu mới có dịp đưa cho nàng. Bao nhiêu chuyện vui buồn trong mười lăm năm được gói ghém trong hai ngày đó. Qua kính lọc nhiệm mầu của thời gian, những câu chuyện được đem ra lau chùi sắp xếp lại, không có chuyện nào không thú vị. Thanh-Văn cười nhắc lại chuyện Tà Áo Văn Quân nhưng nhất định không nói tại sao nàng như thù tôi hồi đó. Ngọn lửa tình vừa nhen nhúm nhưng đã tàn lụi từ bao nhiêu năm từ từ cháy lại. Tôi không biết và cũng không muốn biết thêm. Trước mắt tôi, tôi chỉ thấy một cô học trò Marie Curie tinh nghịch, nét mặt hớn hở. Thí dụ như tôi ôm hôn Thanh-Văn bây giờ, nàng sẽ nhắm mắt chờ đợi hay nàng sẽ cho tôi một cái tát? Cuối cùng không có chuyện gì xẩy ra, nếu tôi muốn ôm hôn nàng thì đây không đúng dịp vì tôi không muốn làm mất ý nghĩa việc giúp nàng, đưa nàng đi kiếm việc. Trước khi từ giã, Thanh-Văn cười khúc khích hỏi,

"À, còn chuyện này Văn định hỏi riêng anh từ hai hôm nay. Có một dạo anh nhất định đòi lấy Mùi phải không?"

Như một phản ứng tự động, tôi trả lời làm gì có chuyện đó. Nàng nhìn tôi. Tôi thoáng thấy sự thất vọng trong ánh mắt nàng, nhưng là người bặt thiệp Thanh-Văn đổi ngay câu chuyện. Tôi ra về, cảm thấy hèn vì đã không thật với nàng, vì chuyện đó có thật. Mùi là bạn của chị lớn của Thanh-Văn, nhưng cuối cùng thành bạn chung của cả Thanh-Văn và tôi.

TRẦN TRUNG TÁ

NGƯỜI ĐI NGƯỜI KHÔNG ĐI QUA SÔNG

Hà Nội ba mươi sáu phố phường
Lòng chàng còn để một tơ vương
Chàng qua chiều ấy, qua chiều khác
Ôi một người đi giữa đám tang (*)

Nếu tôi làm được bài thơ mới
Hà Nội - ngàn năm gợi ý thôi!
ba sáu phố xưa nào kẻ đợi
tôi về chi nữa... Để mây trôi!

Mây trôi... che nhé cầu Thê Húc
che nhé Hồ Gươm kiếm đã mòn
hồn Đặng Dung tan trong tủi nhục
Thuật Hoài nhắc lại, có ai thương?

Phố đỏ cờ bay phố gió mưa
xót xa Hà Nội nói không vừa!
thì thôi, tôi ngậm niềm cay đắng
đâu nữa Quê Hương - một bến đò!

Đâu nữa những người chung ước mộng
khi thành chim sáo vỗ mây bay...
ôi Hà Nội! Nhớ! Rồi quên lãng
tất cả chỉ là hơi rượu cay!

** thơ Nguyễn Bính*

Như thế, tôi không thể nói dối nàng được. Tôi không thể nói dối nàng được. Tôi không thể nói dối nàng được.

thực tế (nàng hơn tôi bốn hay năm tuổi,) ngồi im lặng trên ghế công viên rất lâu, cuối cùng Mùi cám ơn tôi và nói hãy chờ thêm hai ba năm nữa, khi cả nàng và tôi cùng ở Sài Gòn, nếu tôi không thay đổi thì sẽ bàn lại. Sau đó chuyện hôn nhân không được bàn đến nữa, và cuối năm ấy Mùi trở về Sài Gòn. Một vài lần những năm về sau, tôi có dịp trở lại Hoa Thịnh Đốn, tôi muốn đi dạo lại trên những đại lộ cây cối xum xuê này để nhớ lại những kỷ niệm thân ái ngày xưa, nhưng những nơi này đã trở nên điêu tàn, không còn yên ổn nữa.

Tôi cảm thấy nợ cả Mùi lẫn Thanh-Văn một câu xin lỗi. Tôi vẫn muốn nói lại với Thanh-Văn về chuyện này, nhưng sau khi nàng có việc, gia đình nàng và tôi ở hai tỉnh khác nhau nên không có dịp, cho đến tháng trước tôi nhận được thiếp cưới của Thanh-Hà.

Khách đã ra về gần hết, tôi hỏi Thanh-Văn cho tôi một phút. Nàng nhìn tôi dò hỏi, khi tôi nói tôi muốn có một câu xin lỗi thì Thanh-Văn hiểu ngay. Nàng để ngón tay lên miệng ra hiệu cho tôi đừng nói tiếp, rồi dịu dàng hỏi, "Chuyện Mùi phải không anh?" Tôi gật đầu, nàng tiếp,

"Văn cũng có mời Mùi nhưng bà ta không đến nổi. Anh chớ bận tâm. Văn đã bỏ qua chuyện đó cho anh từ lâu. Sống gần hết đời người, mình có quyền tự bỏ qua chút ít điều sơ sót. Anh đề cập đến chuyện này cũng là một điều hay, cho đỡ một món nợ tinh thần, cho tâm hồn được thư thái. Văn hiểu anh và Mùi không bao giờ giận anh."

Thanh-Văn bắt tay, chìa má để tôi hôn. Tôi chợt nghĩ đến việc Thanh-Văn bao giờ cũng xưng tên với tôi như hồi còn con gái. Ở tuổi Thanh-Văn và tôi, một người thứ ba nghe thấy cách xưng hô này chắc phải cho đó là điều rất lố bịch, lố bịch như *sweet nothing* về Tà Áo Văn Quân của ba mươi năm về trước. Tôi ra về, lòng nhẹ nhõm, nhận thức được giá trị của đời sống *không phải là chiều dài của đời sống*, mà là những nụ hôn nồng nàn đã hái hay chưa bao giờ hái, mà là những lố bịch rất riêng tư ... Tôi chợt nhớ mấy câu thơ của Đoàn Phú Tứ:

Màu thời-gian không xanh
Màu thời-gian tím ngát
Hương thời-gian không nồng
Hương thời-gian thanh thanh

Không vui, không buồn, tôi chỉ cảm thấy luyến tiếc những quãng đời êm dịu xen lẫn bao nhiêu nỗi ưu tư của đời sống đã thoáng qua như bóng mây, tôi *thấy thèm đọc lại một câu thơ của thời mới lớn. (4)*

Aylmer 21-10-1998

Chú Thích:

(1) *Correspondance biunivoque*, tiếng Anh là "*one-to-one correspondence*," tạm dịch "*tương ứng một-một*," danh từ chuyên môn về toán; nếu nói tiếng Anh Thanh-Văn sẽ không dệt được câu nghịch trong truyện. Để cho bạn đọc nào muốn biết rõ hơn về danh từ chuyên môn này: hai tập thể có tương ứng một-một nếu lấy bất cứ một thành viên nào của tập thể này ta có thể thiết lập liên hệ với một thành viên độc nhất của tập thể kia và ngược lại (rõ ràng là hai tập thể nam nữ trên thế giới không có tương ứng một-một!)

(2) Ronsard, thi sĩ Pháp thế kỷ thứ 16; đoạn đầu bài thơ nổi tiếng của ông đại ý như sau:

Khi cô rất già, tối tối dưới ánh nến
Ngồi cạnh lò sưởi, tháo sợi quay tơ,
Đọc những câu thơ của tôi, và cô tự hỏi
Ronsard đã chiêm ngưỡng ta khi ta còn xinh đẹp.

(3) Hình như hai câu thơ này cũng của Ronsard, đại ý nói: Xin ông hãy đi đi, với những cánh hoa đã hoàn toàn tàn héo.
Trong tâm hồn tôi có một đóa hoa mà không ai hái được.

(4) Ngày Mới - Trần Mộng Tú

PHÂN ƯU

Nhận được hung tin, thân phụ
của Ông Chu Bá Yến,
Chủ Nhiệm Florida Việt Báo là:

Cụ CHU BÁ LOAN

Pháp danh Quảng Phụng

đã tạ thế hồi 4:35 sáng
ngày 27 tháng 10 năm 1998
tại Houston, Texas
hưởng thọ 99 tuổi.
Chúng tôi thành thật chia buồn cùng
Ông Bà Chu Bá Yến và tang quyến.
Nguyện cầu hương hồn Cụ
được tiêu diêu miền tiên cảnh.

Thành kính phân ưu

BS và Bà Nguyễn Đức An
KS và Bà Phạm Văn Hưng
DS và Bà Nguyễn Bảo Côn
Ông Bà Vũ Đức Thanh

MÙA THU NEW ENGLAND

TRẦN DOÃN NHO

Năm năm trước đây, trên con đường di chuyển từ vùng miền nam nắng ấm lên phía bắc, không biết đến một đoạn nào đó, tôi bắt đầu chú ý đến sự thay đổi màu sắc của cây lá hai bên đường. Dưới bầu trời mùa thu trong vắt, theo tốc độ di chuyển của xe từ bang này đến bang khác, các rừng cây chuyển từ xanh tới lấm tấm vàng, vàng cháy, vàng hoe, đậm dần, rồi đỏ, tía, đỏ hung... Hoa nở! Kỳ lạ thật! Tôi ngỡ ngàng vì không thể nào tưởng tượng được rằng vào mùa này hoa lại nở rực rỡ như thế. Vợ con tôi cũng ngắm nghía màu sắc thiên nhiên. Và chúng tôi bắt đầu cãi nhau. Tôi thì cho rằng đó là hoa đang nở. Vợ và con gái tôi không tin là hoa và cho rằng có thể là lá. Hai mẹ con nhất quyết không tin rằng hoa có thể nở vào mùa thu. Tôi dùng mọi lý lẽ để chứng minh rằng không thể có lá nào mà đủ màu sắc như thế. Lại nữa, theo như tôi biết, Hoa Kỳ là đất của "kỳ hoa dị thảo," nên có hoa vào mùa thu cũng là thường. Hai người chịu thua, tuy vẫn không hết ấm ức.

Vì thế, khi vừa xuống xe Bus tại thành phố Worcester, hai cha con tôi vội vàng chạy ra góc sân trạm xe buýt để tận mắt nhìn và tận tay sờ vào cái mà chúng tôi cãi nhau dọc đường: hoa hay lá.

Cầm những ngọn lá trên tay, tôi sững sờ: hoá ra, tất cả đều là lá! Tuyệt không có một cánh hoa nào!

*

Now I fall, now I leap and fall!
to feel the leaves crush under my body, to feel my body
buoyant in the ocean of leaves, the night of them,
night heaving with death and leaves, rocking like the ocean.
Oh, this delicious falling into the arms of leaves,
into the soft laps of leaves!
Face down, I swim into the leaves, feathery,
breathing the acrid odor of maple, swooping
In long glides to the bottom of October
.....
Donall Hall (1)

Lá! Lá! Đấy là tất cả mùa thu ở vùng New England.

Kể ra thì nói thế là không phải phép lắm. Vì mùa thu ở đâu chẳng có lá. Nhất là mùa thu Việt Nam. *Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san* (Kiều). *Anh không nghe mùa thu, lá thu rơi xào xạc, con nai vàng ngơ ngác, đạp trên lá vàng khô* (Lưu Trọng Lư). *Lá bay từ muôn phía tới đây, ngập hồn anh, rồi tình lên chơi vơi* (Đoàn Chuẩn-Từ Linh). *Thu đi cho lá vàng bay, lá rơi cho đám cưới về* (Đoàn Chuẩn-Từ Linh). *Trận gió thu phong rụng lá vàng, lá bay hàng xóm lá bay sang* (Tản Đà). Đó là trong văn thơ nhạc, chứ thực ra, ở miền Trung quê tôi, lá chẳng bao giờ vàng đều một lượt, nên suốt mùa thu, hầu như lá vẫn xanh trên cây. Nhưng nói chung, đối với hầu hết tất cả chúng ta, lá vàng gần như là biểu tượng của mùa thu Việt Nam. New England có khác. Mùa thu không chỉ có lá vàng. Thứ nữa, lá mùa thu không đồng nghĩa với cái gì chết chóc, tàn tạ, héo úa, buồn thảm.

Cho nên, người dân ở đây không gọi lá mùa thu là lá úa, lá chết (dead leaves, feuilles mortes). Không có *mùa thu chết*. Cũng không là mùa chia ly. Cũng không phải là *mùa thu Paris, trời buốt ra đi...Mùa thu âm thầm, bên vườn Lục Xâm...*

Người ta gọi chung là lá mùa thu (fall foliage). Lá mùa thu, tuy là điều bình thường, xảy ra đều đặn hàng năm, nhưng đối với người New England, bao giờ cũng là biến cố trong năm. Tiểu bang, thành phố, các quận hạt tăng thêm việc làm. Đường dây điện thoại nóng được thiết lập từ New York đến New Hampshire, trực ngày đêm, sẵn sàng trả lời tất cả mọi cú điện thoại từ khắp nơi trên thế giới gọi về. Các đường quê, đường núi, đường đèo

rộn rịp hẳn lên với du khách tứ khắp nơi trên thế giới đổ đến - những người "ngắm lá" (leaf peepers), hay là những người, "sành lá," "sành màu" (connoisseur of leaves, or of colors).

Lá mùa thu là một bức tranh hoành tráng kéo dài từ chân trời này tới chân trời kia, từ đất tới mây, từ thành phố tới núi đồi. Tin tức về lá được thông báo hàng ngày trên các đài truyền hình, trên Internet, trên báo chí. Các trung tâm thông tin được thành lập tại nhiều giao lộ với các bản đồ chỉ dẫn các địa điểm ngắm lá và thời gan tốt nhất để ngắm lá. Người ta tổ chức các buổi lễ chào đón lá. Mấy năm trở lại đây, các tiểu bang còn lập riêng một chuyến tàu chở khách đi ngắm lá vào lúc cao điểm của mùa lá. Chuyến tàu tám ngày đi qua các vùng cao điểm của mùa lá vào những thời kỳ đẹp nhất. Chuyến tàu còn cung cấp nơi ăn, chốn ở, xe gắn máy để leo núi cũng như xuống đèo. Giá cho một chuyến đi từ 2,100 đến 2,800 đô la/người.

Ở đây, lá mùa thu là một tấm thảm màu rộng lớn với nhiều sắc độ khác nhau. Các nhà tự nhiên học cho biết màu lá mùa thu chẳng phải là cái gì thêm vào, mà vốn đã chứa đựng ở ngay trong mỗi chiếc lá. Đó là màu tự nhiên của mỗi loại lá, do các hoá chất gọi là anthocyanins và carotenoid tạo ra. Chất anthocyanins chứa những hóa chất màu đỏ, xanh và tía. Còn chất carotenoid chứa những hóa chất màu vàng và da cam. Về mùa xuân và mùa hạ, chất diệp lục tố tạo nên một lớp màu xanh bao phủ bên ngoài, che khuất các màu vốn sẵn của lá. Khi mùa thu đến, ngày ngắn lại, lượng ánh sáng giảm bớt và nhiệt độ thấp khiến cho lá trở lại tình trạng nghỉ ngơi. Chúng ngưng việc tổng hợp diệp lục tố. Màu xanh giả tạo biến mất, để lộ ra màu thực của chúng là vàng, da cam và đỏ. Khung cảnh ngoạn nhất của mùa lá là khi toàn bộ màu sắc của nó xuất hiện hoàn toàn và màu xanh biến mất hẳn. Người ta gọi là lá "peak," nghĩa là đạt đến cao điểm. Lá "peak" ở những thời điểm khác nhau trong những vùng khác nhau, thường bắt đầu vào cuối tháng chín cho đến hai, ba tuần lễ đầu tháng 10. Ở vùng đỉnh núi và ở về phía bắc, lá "peak" sớm hơn ở vùng thung lũng và các nơi ở phía nam.

Chỉ trừ cây thông xanh (gọi là Christmas tree), còn hầu như tất cả các loại cây đều đổi màu vào mùa thu, từ những loại cây cao to cho đến lau lách vu vơ hai bên đường. Nhưng theo các nhà tự nhiên học, có bảy loại cây chính tạo thành cái đẹp của mùa thu ở vùng này:

- Cây phong (maple) : Đây là là loại cây "báo hiệu" mùa thu. Hai loại phong chính là phong đường (sugar maple) và phong đỏ (red maple). Cả hai đều sinh trưởng ở đây, có màu vàng, cam và đỏ với một số lá chỉ thuần một màu và các lá khác tổng hợp nhiều màu khác nhau trông như tô vẽ bằng tay. Màu đỏ chiếm ưu thế, trông rất bắt mắt vì nó có vẻ rực rỡ, khiến ta có cảm giác rất phấn khích.

- Ginkgoes: là loại cây còn sống sót sau vụ nổ bom nguyên tử ở Hiroshima năm 1945. Ginkgoes có sức chịu đựng lạ lùng, sống dẻo dai, không cần chăm sóc, bất chấp hạn hán, thiếu đất và ô nhiễm. Ngoài màu sắc, loại cây này còn đáng chú ý vì cách rụng lá rất đặc biệt của nó: chỉ trong vòng 24 tiếng đồng hồ, cả cây đang đầy lá bỗng rụng sạch.

- Sồi (oak): Thân lớn, lá như có phủ một lớp sáp màu nâu đỏ, nâu cháy hoặc hung. Màu sắc dịu tạo nên một cái nền cho các màu đỏ tươi, cam và vàng. Lá sồi lớn khiến ta có cảm tưởng như cây sồi phủ đầy cả lá.

- Thông vàng (golden larch): Vào mùa hè, đó là một loại cây tùng bách đẹp với lá trông như những cây kim vàng gắn quanh một cuống lá. Mùa thu, lá đổi sang màu vàng kim loại, rồi rụng sạch khi mùa đông đến.

- Giẻ (beech): loại cây này có thể cao đến 100 feet, và sống từ ba đến bốn thế kỷ. Lá hình ngọn giáo, thon nhỏ dần cho đến ngọn. Chúng đổi màu từ từ cho đến cuối thu thì ngả sang màu vàng nhạt.

- Du (zelkova): Đấy là một loại cây Nhật Bản có hình dạng giống cái bình. Lá hình răng cưa, quanh năm xanh và trổ sắc rực rỡ vào mùa thu.

- Sumac: thân cây nhỏ, lá kép, nhẹ, kết thành từng chùm quanh cuống lá. Hình dáng mỗi cây mỗi khác. Màu lá mùa thu trông rất dị thường, độc đáo. Cây thường mọc hai bên vệ đường, nên được gọi là "Nữ hoàng di-gan vệ đường" (roadside gypsy queen) hay "sắc đẹp lang thang" (vagabond beauty).

Cảnh lá đổi màu ngoạn mục như thế, cho nên, mùa thu New England là mùa của lễ hội. Các lễ hội khác nhau được tổ chức ngoài trời tại nhiều vùng khác nhau, tùy theo thời điểm lá "peak" từng nơi. Nói đến lễ hội, ta thường có cảm giác đó là những buổi lễ lớn với rất đông người tham dự trong một khung cảnh trang nghiêm, với các nghi lễ bắt buộc. Thực ra, lễ hội cũng chỉ là những ngày hội bình

thường. Người ta tụ họp nhau lại để chào mừng hay để bày tỏ niềm hạnh phúc trước một sự kiện nào đó. Các lễ hội mùa thu cũng thế. Người ta có lễ "Ngắm Đoá Hoa Hồng Cuối Cùng của Mùa Hè" (Last Rose Viewing of Summer), thưởng thức "Những Trái Táo Cổ" (Antique Apples), đón chào "Mùa Táo Mới" (New Apples), đi tham quan các cuộc triển lãm tranh, và hòa nhạc dưới các vườn cây (Last Chance Outing, Music Among the Leaves), cắm trại ở bìa rừng, vừa uống cà phê vừa nghe nhạc, lại có thể ngắm những đàn chim di trú bay về phương nam, đặc biệt là chim ưng (Hawk Watch). Rồi có thể là những chuyến bơi thuyền trên sông vào lúc sáng sớm (Morning in the River), hoặc những chuyến tham quan các vườn cây... *Don't let fall pass you by.* Đó là lời khuyên, là lời mời gọi và cũng có thể là khẩu hiệu của những người yêu mùa thu ở New England. *Đừng để mùa thu trôi qua!* Vâng, ở đây, thiên nhiên hào phóng. Lá mùa thu không *charge* bạn bất cứ một phí tổn nào. Bạn hoàn toàn *free* khi đi ngắm cảnh lá vàng, lá chín, lá rụng.

Một "người sành màu," ký giả Lynda Morgenroth, phát biểu: "Chúng tôi xem trọng các mùa trong năm, cá nhân cũng như tập thể. Những lễ hội mùa thu của chúng tôi là những lời tung hô cuối cùng của chúng tôi để chào tiễn biệt mùa hè, đồng thời sửa soạn đón mùa đông và nhìn thời gian chuyển động."

*

Đúng như lời Lynda viết, quả thật, ta có thể nhìn thấy được sự chuyển dịch của thời gian qua màu lá mùa thu. Suốt mùa hè, lá xanh. Lá cứ xanh như thế, dù nóng dù mát. Xanh, bát ngát xanh. Màu xanh hoà nhập vào trời đất, và các công trình nhân tạo: nhà cửa, công trường, xe cộ. Ta vẫn nhìn vẫn thấy lá đấy hàng ngày, hàng giờ, nhưng không để ý đến chúng. Chúng ta quên mất chúng. Thế mà, vào đầu tháng Chín, khi cái nóng tự nhiên dịu xuống, thấp thoáng lay động trong cành cây kẽ lá là ngọn gió đến từ phương bắc. Khi buổi sáng ra đường thấy không gian mờ mờ. Và lạnh ngây ngấy. Phơn phớt lạnh, khiến xuống parking rồi, mở cửa định đi, vội quay trở lại vào nhà, tìm cái áo khoác mùa thu. Áo tuy mỏng mảnh, nhưng đủ âm ấm khi đi bách bộ dưới cái nắng xem như đã yếu dần. Và khi nhìn vào khu đồi trước mặt, chợt thấy hiện ra giữa cái khối xanh loáng thoáng vết nhờ nhờ. Tựa như trên khối màu thuần chất, người họa sĩ sơ ý để vương vào đó một vết bẩn, rồi tìm cách xóa đi. Chợt giật mình ! Lòng bỗng nhói lên một cảm giác mơ hồ, huyền hoặc: chả lẽ là mùa thu! Tôi bắt chước người dân địa phương xứ này, không chép miệng than: "thôi thế là mùa hè đã qua đi!", mà lại bâng khuâng tự nhủ: "Thế là, mùa lá đã đến!" (Then, fall foliage comes!)

Cái vết nhờ nhờ ấy là dấu hiệu mỏng manh đầu tiên đầu tháng chín báo hiệu một giai đoạn chuyển mùa vô cùng đặc biệt ở các bang vùng đông bắc Hoa Kỳ. Cái vết ấy chỉ nhìn thấy qua một toàn khối. Bởi vì nếu nhìn từng cây, nhìn từng khóm cây, ta vẫn không thấy gì. Nhưng từ lúc đó, từng ngày qua, cái vết nhờ nhờ ấy đậm dần, tỏa rộng ra dần, biến thành từng mảng y như những vết nám. Lúc đầu, chúng cách khoảng nhau, rồi dần dà nối lại với nhau để biến thành những giải dài pha trộn nhiều màu sắc. Càng gần đến thu phân (23 tháng 9), màu xanh càng mất dần, để rồi hoàn toàn bị lấn lướt bởi sự xuất hiện ồ ạt của những tảng màu, những khối màu. Chúng biến thành một cơn sốt màu, dịch màu. Chúng gặm màu xanh. Chúng nuốt màu xanh. Chúng vồ màu xanh. Chỉ trong vòng ít tuần, toàn bộ núi rừng bị "thu hóa." Lá. Lá. Lá. Nhìn đâu cũng thấy lá. Lá nhuộm cả trời mây. Lá làm quên mất nắng và gió. Cả một vùng bao la như chín đi. Mùa thu như chín đi. Thời gian cũng như chín đi. Tôi chợt nhớ đến câu thơ của Đoàn Phú Tứ: *màu thời gian không xanh, màu thời gian tím ngát.* Vâng, thời gian ở đây vào mùa thu nhuộm đầy màu sắc. Nếu nó không tím được như lời thơ của Đoàn Phú Tứ, thì cũng thấp thoáng tím bên cạnh vô số màu sắc khác : đỏ tươi, đỏ rực, đỏ cháy, đỏ tía, đỏ hung, vàng tươi, vàng đậm, hoàng yến, nâu sẫm, nâu cháy, cam, san hô, cà rốt... Màu vàng hình như là nền, là "phông" với đủ mọi sắc độ. Nổi bật lên giữa cái màu đó là màu đỏ. Màu đỏ rực lên, mời mọc, khêu gợi. Đó là màu đỏ đặc biệt của lá phong. Loại cây phong không được trồng nhiều hai bên đường, nhưng hễ có một cây nằm đâu đó là y như cả vùng chung quanh như bị nó thu hút. Hàng ngày , trên đoạn đường đi tản bộ từ bãi đậu xe công cộng đến sở làm, tôi đi ngang một cây phong, loại *"sugar maple."* Nó nằm bên ngoài một căn nhà cổ kính. Thân thấp, cành tỏa đều chung quanh. Hàng ngày, từng lá một, rồi từng chục lá, trăm lá, ngàn lá, đổi màu. Để rồi một buổi sáng, dưới ánh mặt trời e dè chiếu ánh nắng hiền hậu, cây phong

rực lên cả một vùng. Lá đã *"peak"* hoàn toàn. Có vàng, có tía. Nhưng màu đỏ cứ như sấn tới với mình, bên mình, đè bẹp, xâm lấn mọi màu sắc chung quanh, kể cả cái thân cây màu nâu xám và các cành nhánh thô tháp của nó. Nó nằm đó, kiêu hãnh khoe hết tiềm lực trong ngoài của nó đối với mọi vật chung quanh, như một nữ hoàng đang khoe sắc đẹp cùng với gấm vóc lụa là giữa đám quần thần.

Không phải chỉ là màu đỏ. Không phải chỉ là lá phong. Trong những buổi chiều vàng, thả bộ dọc theo những con đường vắng chạy vòng vòng kế mấy ngọn đồi, hay lái xe chạy lang thang ra vùng ngoại ô, trên các con đường quê, ta sẽ gặp nhiều cây lạ, cây hoang cũng như cây trồng. Lạ, vì không biết tên. Mà cũng lạ vì lá đổi màu "tuyệt" quá khiến cho ta chỉ còn có một cảm giác duy nhất: ngẩn ngơ! Có cây đỏ một bên, lại vàng một bên. Có cây nhuốm trong một màu đỏ đậm hay nâu sậm - quá đậm, quá sậm làm nặng trịch cả một khoảng không gian. Có cây vươn cao trong bầu trời với màu lá vàng nhạt ngả sang xanh lơ lơ như lá chuối non, lấm tấm thêm những vết đỏ không đều như tranh màu nước, trông có vẻ như mơ hơn là thực. Đôi lúc gặp một dãy cây, màu huyết dụ phía dưới rồi đỏ dần lên và trên cùng lại đỏ tươi một cách bất thường. Có những con đường vàng hẳn đi như dưới những cây phượng vàng đương độ ra hoa. Thỉnh thoảng lại gặp một bụi dây leo chằng chịt, cành nhánh bừa bộn, mà cũng rỡ ràng khoe sắc lá. Ấy thế, dù chúng chẳng cho màu nào ra màu nào rõ rệt, nhưng nhìn cũng bắt mắt đáo để. Nói chung, tất cả như cùng rộ lên, cùng nở ra màu y như mùa hoa nở, đến nỗi dù biết rồi, tôi vẫn ngẩn ngơ không biết đó là hoa hay là lá!

*

Quanh quẩn trong thành phố mới chỉ thấy một phần nhỏ mùa thu. Cái cảm giác nồng nàn về mùa thu có thể bị khuất lấp bởi tiếng động, bởi những hình khối cứng cáp của cuộc văn minh, bởi những hàng cây sắp xếp theo kiểu kỷ hà học nhân tạo, và sau hết, bởi những gấp gáp, vội vã, hấp tấp. Vậy, phải nhìn một mùa thu tận mắt, tận mặt, nguyên khối, toàn khối, một mùa thu nguyên chất. Cho nên, dù có bận bịu, ít ra cũng nên đi xa, tệ lắm là một năm một lần. Vùng tôi, trung Massachusetts, lá "peak" muộn hơn các vùng phía bắc thuộc các bang New Hampshire, Vermont. Năm này, một tuần lễ sau ngày Columbus Day, tôi thực hiện một chuyến đi ngắm lá. Cùng đi là con tôi, anh bác sĩ Đặng Ngọc Cương và một người bạn làm cùng sở , bà Helene Sohigian. Bà là một người "sành màu," mê lá. Có lẽ vì bà là một họa sĩ, dù là họa sĩ tài tử. Năm nào, dù bận bà cũng dành thì giờ đi ngắm lá và vẽ vài ba bức tranh về mùa thu.

Chúng tôi đi về phía New Hampshire, hướng bắc. Hết con đường 122 North, đến đường 2 West dẫn về Greenfield. Buổi sáng trời trong vắt. Những cụm mây nho nhỏ vơ vẩn trên bầu trời, không cản được ánh nắng thu chiếu rỡ ràng qua các rừng cây. Đường dây thông tin về lá cho biết tuần này lá "peak" ở vùng Tây Bắc. Con đường số 2 chạy vòng vèo qua những cánh đồng cỏ dại, những khu đồi thấp, những khu rừng thưa, leo lên những ngọn đồi cao với những cánh rừng nguyên sinh rậm rạp cây cao bóng cả. Hôm nay lá chưa peak hoàn toàn vùng, nhưng cũng đạt đến chín mươi phần trăm. Thế là peak muộn. Đáng lẽ độ này, sau ngày Columbus, lá peak rồi và bắt đầu rụng. Có lẽ vì năm nay, thời tiết bất thường. Theo sự lượng giá của các nhà chuyên môn về cây thì mùa lá năm nay tệ hơn hai năm rồi vì mùa xuân ẩm ướt, mùa hè khô và mùa thu nhiều mây khiến lá không "trổ sắc" hết mình. Ông Daniel Guillman, một nhà chuyên môn về bệnh của cây (plant pathologist) hiện hoạt động cho University of Massachusetts Extension Service tại khu vực Amherst, cho biết nguyên nhân là do một loại nấm phát triển trong mùa xuân gây ra. Loại nấm này tạo nên những điểm màu nâu bao phủ đến một phần ba diện tích của lá, làm thay đổi quá trình phản ứng sinh hóa trong lá, chận đứng sự phát triển sắc độ màu, làm cong lá và làm lá rụng sớm trước khi "peak" hoặc không "peak" đúng thời điểm. Bởi vậy, dọc đường, bên cạnh những cánh rừng hun hút rực rỡ màu sắc, lại hơi thất vọng khi bỗng thấy xen vào một số cây chưa "peak" và một vài nơi cây đã vội bày ra "những nhánh khô gầy xương mỏng manh." Cây rụi lá. Đáng tiếc!

Có lẽ chỉ trừ con đường. Còn thì tất cả ngập trong màu lá. Tôi la thầm trong bụng: kỳ diệu, huy hoàng, tuyệt hảo! Khó có đủ lời để diễn tả hết cảm giác hưng phấn - một loại hưng phấn đằm thắm - khi nhìn nguyên cả một khối không gian chìm sâu trong màu lá. Cây tiếp cây. Rừng nối rừng. Núi đuổi đồi. Những hồ nước trong veo, lặng lờ với những đám lá tản mác trên mặt. Ở một vài hồ, lá che

kín cả mặt nước. Những con suối róc rách qua những kè đá màu nâu, màu đen. Hồ Mattawa, con sông Miller, sông Falls...tất cả như chín đi theo màu lá. Lau lách. Cỏ dại. Những cây sồi cổ thụ. Những cây phong, cây dẻ, cây du, cây thông vàng... Khung cảnh thỉnh thoảng điểm xuyết thêm một nét tuy quen mà rất lạ bởi những khóm xanh nhỏ của các cây thông, thứ cây duy nhất còn giữ được lá xanh trong mùa đông. Nhưng màu xanh nép mình, nhường nhịn. Dù là màu sống, màu của sinh lực, nhưng dường chúng như muốn lẩn trốn trước sự bùng nổ ồ ạt của các màu sắc khác. Màu xanh đâm ra là màu chết giữa biển màu huy hoàng.

Chúng tôi dừng lại khá nhiều nơi dọc đường. Những chiếc cầu. Những ngôi nhà, những lều nhỏ với hình dáng và đường nét cổ xưa, đậm đà dáng nét thổ dân. Tạt vào đó, ta có thể nhìn thấy một số dụng cụ sinh hoạt của thổ dân cũng như những người di dân cách đây mấy trăm năm về trước. Cày, bừa, dao, súng săn, cung tên... Rải rác hai bên đường gần các khu rừng là những chiếc lều nhỏ của du khách. Họ từ phương xa lại, cắm trại, đón lá peak. Điểm dừng cuối cùng là chiếc cầu nổi tiếng vùng này vốn là địa điểm ngắm lá hoàn toàn *free*. Đó là cầu French King Bridge nằm trên đoạn đường có cái tên khá lạ: Mohawk Trail Highway. Mohawk Trail là tên một đường mòn nổi tiếng ở thung lũng Mohawk, New York, nơi thổ dân bộ lạc Iroquois dùng mấy trăm năm về trước, trong cuộc di tản về Canada thời chiến tranh cách mạng thành lập nước Mỹ. Chính trên highway này cũng là nơi thổ dân đi qua. Trên đường, khách du lịch từ khắp nơi tấp nập tụ về, bằng xe mô tô có, bằng xe bus có , bằng xe du lịch có. Cầu là cầu đúc, khá dài. Lối đi trên cầu khá rộng, tạo điều kiện cho du khách có thể đi lui đi tới, dừng lại ngắm lá, trò chuyện, chụp hình... Hai bên đầu cầu là những bãi đất trống dành làm chỗ đậu xe. Khi chúng tôi đến, bãi đậu xe đã chật ních với đủ loại xe, đặc biệt là cả mười mấy chiếc xe bus lớn xuyên bang của hãng Morgan chở du khách từ khắp nơi trên thế giới đến. Cầu bắc ngang trên đồi, nên giòng sông nằm khá sâu phía dưới. Đó là giòng sông nổi tiếng Connecticut River. Giòng sông lặng lẽ chảy ngang qua dưới rừng cây phủ kín hai bên bờ. Nhiều du khách thuê thuyền bơi ngược dòng ngắm cảnh. Từ trên thành cầu, du khách chen chúc nhau ngược xuôi. Ta có thể thấy đủ loại sắc dân. Một số mang theo kính viễn vọng để nhìn xa. Từ phía núi xa, thỉnh thoảng một đàn chim di trú bay về phương nam.

Lá ở đây peak hoàn toàn. Hầu như chẳng còn thấy một điểm xanh nào giữa rừng lá. Trời mây và giòng sông như nhuốm hẳn trong rừng màu. Một thảm màu. Một khối màu. Quay sang đâu cũng thấy màu. Tôi có cảm giác như muôn màu đều có mặt, chỉ trừ màu trắng và xanh. Điệp điệp màu. Liên tu bất tận màu. Chập chùng màu. Cả đất trời sáng lên với màu, phấn chấn với màu. Mọi người đua nhau chụp hình. Ngoài toàn cảnh, người ta còn chụp một số cây riêng biệt, trong đó có một cây phong sát đầu cầu. Cây mọc từ bờ sông ở phía dưới, ngọn cây vươn cao quá thành cầu, màu vàng và đỏ rực rỡ. Lá cây trở màu sắp rụng mà trông như chín rộ tuổi xuân thì với màu đỏ lẳng lơ, khiêu khích. Anh bạn Đặng Ngọc Cương của tôi quá bận bịu với việc chụp hình. Anh chụp không biết chán. Chụp gần, chụp xa, chụp bên phải rồi lại bên trái. Chụp toàn cảnh chụp từng cây. Riêng cây phong đầu cầu, anh cho biết anh đã chụp cả gần 30 tấm mà vẫn chưa có tấm nào vừa ý. Chụp hình lá mùa thu là sở thích khá đặc biệt của anh. Sống ở vùng này có đến 17 năm, hầu như năm nào, hễ đến mùa lá là anh chuẩn bị những chuyến đi xa để ngắm cảnh và chụp hình. Chụp hàng trăm tấm, lựa được vài tấm đẹp nhất treo chơi hoặc biếu bạn bè. Chiếc máy ảnh của anh, tuy không phải là loại của dân chuyên nghiệp, nhưng cũng là thứ khá đắt tiền. Anh còn sắm thêm mấy ống kính đặc biệt để chụp gần, chụp xa. Anh bảo: "Điều quan trọng là phải chụp cho được cái thần của lá. Không phải là chỉ chụp một tấm ảnh với đủ màu sắc là được, mà phải lựa cho đúng lúc, đúng chỗ, nhất là đủ các điều kiện về ánh sáng để phản ảnh hết những điều lá muốn nói qua màu sắc của chúng." Trước bàn làm việc của anh, có để một bức ảnh lớn về mùa thu mà anh thích nhất. Anh cho biết: "Tôi chụp tấm này ngay khi mặt trời buổi chiều vừa ra khỏi một đám mây lớn, nắng chiếu xuyên qua rừng lá. Phải rình chờ đúng lúc mặt trời vừa mới ló ra đấy anh ạ. Những tia nắng đột ngột này, anh xem, khiến cho màu lá như rực lên, reo lên. Màu vàng này, màu cam này, màu hung này, màu đỏ tươi này... Anh xem kỹ sẽ thấy những điểm nhỏ màu tím. Không dễ gì mà ghi được chúng vào trong hình nếu không phải lúc." Thú thật,

tôi người trần mắt thịt, không thể thấy được hết những điều anh muốn tôi thấy trong hình, nhưng chắc chắn thấy rất rõ nỗi đam mê đặc biệt của anh đối với lá. Kể ra thì đam mê được cũng đã là một hạnh phúc!

Bà Helene thì chẳng chịu đi đâu, chọn một góc tương đối trống trải ngay góc thành cầu, dựng cái giá vẽ nhỏ nhắn của bà, tập trung vẽ. Cũng như ảnh của anh Cương, tranh của Helene chỉ toàn là lá. Tranh tuy đầy màu sắc, nhưng toàn cảnh lại toát ra cái vẻ buồn man mác, dịu nhẹ kiểu mùa thu Paris hoặc mùa thu Việt Nam với nhiều màu vàng nhạt, màu tía, nâu, lẫn vào ít vệt xanh của cây thông. "Sao lại có màu xanh ở đây," tôi hỏi. "Có chứ, đàng kia kìa," bà nói, tay chỉ vào một vệt xanh xa xa phía gần cuối bìa rừng. Quả thực, có một đám thông xanh ở đó. "Tranh bà 'hiền' hơn ở ngoài," tôi phát biểu. "Có lẽ. Mùa thu New England đúng phải là một tổng hợp giữa màu vàng hoa quỳ sáng rỡ , mạnh mẽ của Van Gogh, màu lá sồi gợi cảm của Gaugin và màu đỏ ngập ngụa, dữ dội của Han Hofman. Nhưng tôi lại không thích màu đỏ, vì nó quá khiêu khích." "Có lẽ vì thế mà trong cả mấy bức tranh chẳng có bức nào có cái cây phong đầu cầu," tôi cười. "Đúng, anh xem, màu đỏ của nó lẳng, sexy quá! Chỉ có một mình nó vươn ra đầu cầu. Nó muốn ghẹo khách tham quan đấy." "Bà làm như cây phong là một cô gái làng chơi không bằng," tôi cười, "mà lại, tôi thấy bà vẽ không đúng như ở ngoài." "Tôi chỉ mượn cảnh để vẽ cái tôi nghĩ thôi," Hélene cười nhẹ.

Trong lúc hai người chụp ảnh và vẽ, tôi và đứa con len lỏi xuống suối, vào rừng cùng với đám du khách người Pháp và Trung Hoa từ lục địa sang. Lá đã đổ ngập rừng, lấp hết lối đi. Hương lá nồng không gian. Nắng xế. Càng về chiều, rừng lá càng rực rỡ. Những tia nắng từ phía tây xiên khoai chiếu xuyên qua cành cây kẽ lá khiến ta tưởng như đang lạc khung cảnh hồng hoang thời tạo thiên lập địa. Gió từ phương bắc thổi tới từng đợt. Rào rào. Rào rào. Lá rụng. Lá rụng. Cả trời đất rụng! Cả mùa thu rụng!

Then leaves fall. They turn, they alter and they fall. The trees that turn first drop leaves first, swampmaples shedding into their damp boggy earth, upsticking their twigs as the slower trees on the hills behind them start their journey. Then birch, popple, ash, and the great maple inaugurate their denuding, at first in the chill vinegary air one and two leaves spiraling; then by the dozen the colorful leaves diving and dancing down, divers and dancers staggering through air to rest on silvery grass; then by the hundreds the leaves reeling down, making thair solid with swirling leaf-confetti, sketching the wind's whirling shapes on a cool morning. Oh, to stand in the woods or by the house, with the chill wind in our hair, surrounded and gently touched by the continual descent of the multitudinous reds and yellows of the abundant and generous trees.

(Donald Hall) (2)

* * *

Lá sẽ rụng hết. Và khi hết lá rồi, thì mùa thu cũng không còn!●

Massachusetts, cuối tháng 10-1998

Chú thích:

(1) Donald Hall, *Kicking the leaves*, bài thơ trong tập "Kicking the Leaves", tr. 34. Tạm dịch: *Lúc thì tôi ngã xuống, lúc thì nhảy lên rồi ngả xuống để nhận ra lá nằm bẹp dưới mình, để thân tôi trôi bồng bềnh trên đại dương lá, đêm của lá, đêm dâng lên với nỗi chết và lá, đong đưa như biển. Ô, thú biết bao được ngã vào vòng tay của lá, vào cặp đùi mềm mại của lá! Mặt úp xuống, tôi bơi vào lá, nhẹ tênh tênh, nghe mùi lá phong chát, trượt dài xuống dưới đáy thăm thẳm Tháng Mười.*

(2) Donald Hall, *The seasons at Eagle Pond*, Ticknor & Field, New York, 1987, tập tùy bút, tr. 71. Tạm dịch: *Rồi lá rụng. Chúng quay, chuyển dịch rồi rơi xuống. Cây nào đổi màu trước sẽ rụng trước, những lá phong tách khỏi cành rơi vào khoảng đất lầy lội ẩm ướt của chúng trong khi những cây đổi màu chậm hơn trên những ngọn đồi đàng sau chúng bắt đầu chuyến du hành. Rồi những cây phong nhỏ, cây popple, cây tần bì, và những cây phong lớn bắt đầu trút lá, trước hết là một hay hai chiếc lá xoáy vòng trong bầu không khí váng vất mùi dấm chua lành lạnh; tiếp đó hàng chục chiếc lá đủ màu rơi xuống, nhào lộn, nhảy múa, lảo đảo xuyên qua khoảng không để cuối cùng nằm yên trên thảm cỏ sáng màu bạc; rồi hàng trăm chiếc lá quay vòng rơi xuống, làm cho không gian trở nên thuần một màu với hoa-giấy-làm-bằng-lá, khiến ta có thể thấy được những hình dáng giòng xoáy của gió trong buổi sáng ngây ngấy lạnh. Trời, thú biết bao khi đứng trong rừng hay bên cạnh nhà, với cơn gió lạnh thổi qua tóc, và được vây quanh, được chạm nhẹ bởi hàng hà sa số những lá vàng lá đỏ rơi xuống từ những cây dồi dào và hào hiệp.*

Donald Hall là nhà thơ và nhà văn, nguyên là giáo sư đại học Michigan, hiện ở tại tiểu bang New Hampshire.

CON SỐ 4 THÚ VỊ

TRƯỜNG GIANG

Tiền nhân ta thường nghiền ngẫm những hiện tượng quan trọng, lập đi lập lại trong cuộc sống để đánh giá, tổng kết và sắp hạng ưu tiên. Mục đích là để người đương thời và hậu thế noi theo, ứng dụng trong đời sống. Phần lớn những nhận xét đến nay vẫn còn giá trị, nhưng cũng có một số đã lỗi thời, theo biến chuyển của thời gian. Ngoài ra, dân gian thỉnh thoảng cũng tham gia ý kiến và sắp hạng với một tinh thần bông lơn, trào phúng.

Có một điều thú vị là dân ta thường dùng con số 4 để sắp hạng những nhận định của mình. Cũng có lúc dùng các con số 2, 3, 5,6, 7... nhưng ít hơn.

I. Nhận định về hiện tượng thiên nhiên

1. Về phương hướng, có *tứ phương:* Đông, Tây, Nam, Bắc.

2. Về thời tiết, có *tứ quí* (cũng gọi *tứ thời*): xuân, hạ, thu, đông.

3. Có 4 loại cây tiêu biểu cho 4 mùa: mai, lan, cúc, trúc.

4. *Tứ hải.* Thời xưa, người Trung Hoa cho rằng bốn mặt chung quanh đất liền là biển cả. Thuở ấy, người xưa chưa biết Trái Đất là một quả cầu tròn vĩ đại, gồm nhiều lục địa, bao quanh bởi nhiều biển, chứ không phải chỉ có bốn biển mà thôi. Cho nên, họ nói, cả nước, thậm chí cả thiên hạ (tức là cả thế giới) đều là "tứ hải." Do đó, mới có các thành ngữ sau đây:

- *Tứ hải giai huynh đệ.* Trong bốn biển đều là anh em, tất cả loài người là đồng bào.

- *Tứ hải vi gia.* Bốn biển là nhà, nghĩa bóng là nói về con người giang hồ, đi phiêu lưu khắp đó đây, không ở nơi nào cố định.

II. Nhận định về hiện tượng xã hội

1. Về ngành nghề, theo quan niệm xưa, có bốn thứ hạng, gọi là *tứ dân:* sĩ, nông, công, thương. Vào thời đại quân chủ, người ta trọng kẻ sĩ, nhưng lúc mất mùa, đói kém, thứ tự bị đảo lộn:

Nhứt sĩ, nhì nông
Hết gạo chạy rông
Nhứt nông nhì sĩ

Thời đại ngày nay, đặc biệt là tại nước Cộng sản Việt Nam, việc sắp hạng trên đã lỗi thời. Làm "quan," làm người trí thức và nhứt là làm nhà văn, nhà báo, nhà giáo đều trở thành nhà nghèo. Thôi thì giải nghệ, làm "ông thương nghiệp," tức là làm nhà doanh nghiệp, buôn bán móc ngoặc, mánh mung cho khỏe tấm thân. Cho nên, có người đổi lại cách sắp hạng là:

Nhứt thương, nhì công, tam nông, tứ sĩ.

Hiện nay (1998), tại Việt Nam, sinh viên chọn các môn học sau đây để tiến thân:

Nhứt kinh, nhì tin, tam Anh, tứ luật.

(Kinh tế, tin học, Anh văn, luật khoa).

2. Về nghệ thuật có bốn ngành: cầm, kì, thi, họa.

3. Về nghề lao động có: ngư, tiều, canh, mục. Tức là nghề đánh cá, nghề đốn củi, nghề làm ruộng, nghề chăn nuôi. Ngày nay, ta gọi là ngư nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp (gồm cả trồng trọt và chăn nuôi).

4. Trong nghề nông, bốn yếu tố sau đây vẫn còn giá trị:

Nhứt nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.

5. *Tứ thi:* Bốn bộ sách được coi là kinh điển của Nho giáo:

Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử.

6. *Tứ bảo.* Bốn đồ vật quí báu của người trí thức:

Giấy, bút (lông), mực, nghiên.

Ngày nay, máy điện toán (computer) đã thay thế ba đồ vật ngày xưa (trừ giấy).

7. *Tứ táng.* Thời phong kiến có bốn cách an táng người chết:

Thủy táng, hỏa táng, thổ táng, điểu táng.

Tức là ném thi hài xuống sông biển, đốt thành tro, chôn dưới đất, phơi cho chim ăn.

8. *Tứ đại đồng đường.* Cha, con, cháu, chít ở chung một nhà.

Trong xã hội ngày nay, nhứt là ở Âu, Mỹ, dân chúng rất xa lạ về cách sống này. Xưa kia, Việt Nam đã trải hơn 1000 năm Bắc thuộc, bị ảnh hưởng sâu xa về văn hóa Trung Hoa, cho nên trong xã hội ngày nay, "nhị đại đồng đường," và "tam đại đồng đường" vẫn còn phổ biến.

9. *Tứ sắc* là một trò chơi có 112 quân với bốn màu: xanh, vàng, đỏ, trắng.

10. Trong sanh hoạt thời trước tại nước ta, có bốn việc mà ta nên cẩn thận, không nên tùy hứng sáp vô, vì hậu quả có thể đem lại nhiều phiền toái:

Ở đời có bốn cái ngu,
Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu.

III. Nhận định về con người

1. Ở Trung Quốc, vào thời quân chủ, người ta quan niệm về trách nhiệm của một công dân như sau: *Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.* (Trau dồi bản thân, lo việc gia đình, điều khiển đất nước, đem lại hòa bình cho nhân loại).

2. *Tứ đức.* Đạo đức của con người, theo quan niệm xưa:

Đối với phái nam: *Hiếu, đễ, trung, tín* (Thờ cha mẹ, trọng người lớn, hết lòng với nước, trọng lời hứa)

Đối với phái nữ: *Công, dung, ngôn, hạnh* (Nữ công, nét mặt, nói năng, tánh nết)

3. *Tứ duy:* Đạo đức xưa để duy trì lòng người: *Lễ, nghĩa, liêm, sỉ.*

4. Theo quan niệm của Phật giáo có:

a. *Tứ vô lượng tâm* là tiêu chuẩn cho lối sống của người Phật tử: *Từ, bi, hỉ, xả.*

(Từ: tình thương, cứu khổ, Bi: thương xót, ban vui; Hỉ: vui mừng; Xả: buông bỏ, tha thứ).

b. *Tứ diệu đề* là bốn lẽ mầu nhiệm của Phật Giáo:

Sinh, khổ, diệt, đạo

c. *Tứ khổ* là bốn cảnh khổ của đời người:

Sinh, lão, bịnh, tử

5. *Tứ bất tử*

a. Theo quan niệm duy tâm, có bốn hạng người bất tử: *Thần, Tiên, Phật, Thánh.*

b. Trong đời thường có bốn hạng người cũng được xem là bất tử:

Người có đạo đức lớn. Người có sự nghiệp lớn.

Người có tác phẩm văn học bất hủ lưu truyền lâu dài.

Người có công lao lớn.

6. *Tứ linh.* Theo quan niệm xưa, có bốn con vật linh thiêng: long, lân, qui, phụng.

7. *Tứ đổ tường.* Bốn điều ham mê tai hại: Tửu, sắc, tài, khí (rượu, gái, đánh bạc, hút thuốc phiện).

8. Con người có bốn điều khác thường về diện mạo và ngoại hình:

Nhứt lé, nhì lùn, tam hô, tứ móm

9. *Tứ khoái.* Con người có bốn khoái cảm:

Cửu hạn phùng cam vũ
Tha hương ngộ cố tri
Động phòng hoa chúc dạ
Kim bảng quải danh thì.

Nghĩa: Nắng lâu ngày gặp mưa ngọt, tức khổ lâu ngày gặp được sướng. Sống xa quê hương gặp bạn cũ. Đêm tân hôn của vợ chồng. Tên được yết trên bảng vàng, tức bản đề tên các thí sinh đậu Tiến sĩ trong thời đại khoa cử ngày xưa.

Còn nhiều nữa, kể mãi e rằng hết giấy của nhà báo. Xin mời bạn đọc, trong lúc trà dư tửu hậu, mỗi người, tùy theo ngành nghề và kinh nghiệm của mình, ghi tiếp vào bảng Con số 4 thú vị này cho nó được phong phú thêm và để cho mọi người cùng thưởng thức.

Sách Mới

Nhiều Tác Giả

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

Con Người và Sự Thật

* *Nguyễn Trường Tộ học ở đâu* của Đào Duy Anh
* *Vài ý kiến đóng góp vào việc tìm hiểu và đánh giá Nguyễn Trường Tộ* của Vĩnh Sính
* *Nguyễn Trường Tộ và những đề nghị cải cách của ông* của Văn Tân
* *Nguyễn Trường Tộ từ huyền thoại đến thực chất* của Trần Chung Ngọc
* *Nguyễn Trường Tộ, con người và sự thật* của L.T.V.
* Phụ lục

Giá 8 Mỹ Kim

Thư từ, ý kiến, xin liên lạc:

ANH TRAN

P.O. Box 683225 - Houston, TX 77014

NẮNG TRƯA

NGUYỄN HÒA TRƯỚC



Anh nghĩ nếu buổi trưa ấy không bất chợt trở về trong trí như một dấu mốc nhắc nhở thì tình cảm mà anh có với nàng sẽ chỉ lung linh như mảng nắng chiều cứ mãi trợt chân trên hàng dậu gỗ nhọn thấp bao quanh mảnh sân cỏ trước nhà. Rung động suốt mấy năm dồn trĩu đến độ kết tinh thành ám ảnh bám trong từng hơi anh thở đeo từng bước anh đi thế mà lắm lúc mơ-hồ quá sức đến nỗi có lần anh tự hỏi phải chăng đấy chính là tình yêu hay chỉ là một đòn lãng-mạn nhất thời? Hoặc giả cái mà anh ngỡ là tình yêu kia thực ra đơn-thuần chỉ là một ước-mơ, một khát-khao nặng phần xác thịt? Điều sau này, trước đây, nếu nâng lên thành một suy-niệm thì không hợp-lý chút nào. Thuở ấy, nàng mảnh-mai như một cọng lá. Độ chênh-lệch trên những phần cơ-thể thật tình sít-sao. Nàng như một bông hoa mỏng-mảnh, bình-thường từ gân cánh đến sắc hương; và ấn-tượng gieo trong đầu óc người nhìn chỉ là một cảm-giác vui mát, dịu nhẹ, chứ hoàn-toàn không là một ý-nghĩ căng sốt chiếm-hữu. Nhưng bây giờ. 7 năm qua rồi còn gì. Thời-gian 7 năm đủ để đất phẳng vọt đồi, mạch cằn phun suối. Thật ra chẳng cần đến 7 năm. Chỉ 4 năm là đủ tạo nên nhiệm-mầu. Lần đầu tiên sau 4 năm xa cách. Buổi chiều vừa đặt chân xuống phi-trường thành-phố, vòng-vo trong mái phi-cảng bọc nệm, dưới chân thang trượt dài tận cửa, anh nhận ngay ra nàng, một vạt nước mấp-mô trong dòng sông ào-ạt người đón. Vài giây đủ để anh phát-hiện nàng đã đổi khác rất nhiều. 4 năm mà mỗi ngày mỗi giờ mối tương-tư phủ dầy mơn-man anh như mầm rêu trên đá lúc ấy nhìn lại, mầm rêu đà óng-ả biết bao! Cây

xanh. Nước mát. 18 giờ bay xuyên Thái-Bình-Dương không còn chút dư-vị ngầy-ngật nào nữa khi tia mắt anh đang rà ngang trên hòn đảo người chấp-chới bỗng đụng phải nàng, dính loang trên nền đen của tóc, quấn quýt vài giây, rồi hăm-hở đổ xuống. Nàng, trọn vẹn, đầy ứ trong anh. Vạt nước nhỏ đã biến thành thác thành biển cuốn anh đi. Cái tròng-trành bây giờ đã có tiếng nói, đã tứa mùi thơm, đã lộng hình sống động qua một dung-nhan. Từng cánh phản-lực xuống lên trong lòng. Anh sung-sướng đến bất ngờ. Và đau-đớn đến nhói lòng. Anh thấy tình yêu về nàng mênh-mang quá, nóng-bỏng quá mà cũng xót-xa quá- xót-xa do tính-chất như là phi luân thường nẩy gai độc đâm thót người cùng lúc với cảm-nhận trước. Ôi, khuôn mặt thân yêu của tượng thần thờ phụng mà mỗi góc cạnh của nó bị uống ực thèm khát tham lam vào lòng anh đang đứng kia. Muốn nói với nàng một lời, nhưng chỉ có đôi môi nhướng lên không tiếng mà cũng chẳng xoe được một vẽ cười. Nàng đẹp quá; ngoại hình thay-đổi tự rễ cội cứ như thể một xác thân nào đó đang tròng lên nàng. Cả ánh nhìn cũng hết mang dáng-dấp nào của ngày xưa. Nó nhung mịn, tự tin, và đàn bà hẳn-hoi. Chưa đầy 4 năm. Ôi, miền đất mà thế-nhân vẫn gọi là "đất hứa" này thực có phép mầu đổi xác lột da thăng hoa con người đến sững-sờ và nhanh chóng thế ư?

Chiều đẹp. Nắng rộng-lượng nhưng không gay-gắt. Vàng như nhũ, như mật. Giữa thu. Xe len-lỏi trong con kênh sống là luồng lưu-thông bất tận hoa mắt kia. Núi viền bốn hướng trời và thành-phố như một chiếc màn luôn lay cựa. Nét Đà-Lạt hiện lên chung quanh. Một Đà-Lạt to quá khổ mà kém ướt thua xanh đầu được biển hào-phóng chở về tặng suông từng kiện gió ẩm; một Đà-Lạt loãng nhạt tự-mãn đường-bệ thiếu hẳn vẻ rụt-rè khép-nép rất cần-thiết và rất con gái đông phương. Nàng ngồi băng ghế sau hỏi chuyện quê nhà và đùa chừng mực với hai đứa con anh. Chúng láu-táu tranh nhau nói và kể. Giọng nàng nhẹ quá bị chụp vấu và bị cuốn phăng ngay bởi thanh ba trợt sắc trẻ con. Vẫn là cái giọng bềnh như bấc nhẹ như một phẩy bụi len là một trong vạn triệu thành-phần dệt nên chiếc áo nàng đang khoác lên người mà mỗi âm-tiết đan chảy thật tự-nhiên không chút gì cố-gắng như căn-tính ngủ trong lòng mỗi vật-thể, như nhịp phổi nhịp tim bình-thường; cái giọng mà ngày nào gió vẫn còn quẩn lối trong mớ tóc cây là ngày ấy anh còn nghe được; cái giọng mà dù đã bao lần cố lắng lòng nhịn thở chú hết tâm tư vào, anh vẫn không gạn bắt hay đo được chút xíu nào sức chùng trĩu của nó. Qua kính chiếu hậu, lòng anh reo êm với chấm mũi thẳng, đôi mắt nhỏ dài đen chen chật lông mi dẩy lên như muốn chạm vào cũng sắc đen cong của cánh lông mày; với xuất-xứ của giọng nói có mà như không kia là chiếc miệng chúm đuổi hờ hai khoen môi đỏ thon tròn như hai nụ tường-vi. Từ hai búp nhỏ ấy lóng-lánh— không, phải nói là lấp-lánh— một giọt sương bé trắng ngần. Đấy là rìa cong của chiếc răng hàm góc phải trên. Hình-ảnh này hoàn-toàn lạ lẫm mà lúc còn ở quê nhà, đầu nàng có cười thoải-mái đến đâu, anh vẫn không phát-giác được. Phải chăng đây là công-trình của khoa thẩm-mỹ? Dầu gì thì anh phải công-nhận là nàng đẹp, đẹp đến hao hụt hồn anh!

Phải, nếu buổi trưa năm ấy không tình cờ trở về như một chứng-tích thì chắc anh còn mãi lênh-đênh khổ-sở trong vòng vây giả-thuyết.

*

Nắng buổi trưa tháng chín Sài-Gòn phải kể là ngột-ngạt. Có thể sau đó trời sẽ mưa: Nhưng từ giờ cho đến khi thành-phố bị nhận chìm trong biển sấm nước cuồng-nộ thì đoạn thời-gian này quả là khổ-sai với con người. Quen sống miền Đà-Lạt ôn-đới, thời-tiết Sài-Gòn với anh thật khó thể chịu đựng được. Thế mà giữa thời-điểm thở nuốt ra lửa đó, anh lại phải áo tay dài bỏ trong quần giày vớ cà-vạt tươm-tất từ đầu xuống chân. Chỉ còn thiếu chiếc veste nữa là anh hiên-ngang đánh bạn với lũ hình-nhân bày trong tủ kính sáng choang trước các tiệm may. Thân-thể anh như một cây đuốc tươm mồ-hôi nhưng lại sẵn sàng bốc cháy.

"Thôi, mình khởi-hành, T. à. Nhỡ nhà gái họ đến trước thì khó ăn nói lắm!"

"Sớm mà chị. Họ mời mình một giờ. Còn non tiếng nữa. Từ đây đến nhà chú rể mất độ năm phút là cùng. Vào đó, chui rúc trong căn phòng bé bằng lỗ mũi dưới nhiệt-độ này chắc chị và tôi sẽ biến thành hai con người quay mất."

Anh ngước nhìn lên tán dừa lả ngọn đứng im-lìm bạc trắng tắm đẫy nắng giữa trưa. Đây là vật mà anh yêu nhất trong ngôi nhà này. Trời có lúc êm lúc nổi, nhưng những lọn tơ của nó bao giờ cũng xanh rờn mát rượi. Chỉ có

tận trên đỉnh cây, có lẽ vì hấp hơi ngày quá mức nên sắc đã già đi trông thấy. Mỗi lúc tách rời con lộ lớn xô-bồ ngoài kia, bánh xe lăn trên khúc hẻm cong hình chữ S ngược này, cảm-giác bằng-an lại thấm vào mạch máu anh. Nhất là khi trông thấy cánh tay dừa vươn dài vượt hẳn các tàn xoài mận chung quanh xóm, anh thấy mình đang trở về nhà thật sự. Cánh tay dừa chào đón lặng-lẽ với tiếng kháo nhau ngầm trong từng nõn lá là nguồn vỗ-về thân-ái khó tả.

"Đành là thế. Nhưng ông ấy đã năm lần bảy lượt căn-vặn mình nên vào sớm chuẩn-bị. Đám cưới gì mà bên nhà trai chẳng có ai thực sự đại-diện. Một cụ ông nào đó — hình như làm chung sở — được ông ấy vời ngay đóng vai người bác. Cụ là người duy-nhất trong tư-cách thân bằng quyến-thuộc cùng với chú rể đi đón dâu buổi sáng nay. Bà mẹ dở điên dở khùng biệt tăm đã mấy hôm rồi. Cũng mong bà đừng trở về, ít nhất là hết buổi xế trưa này. Nếu không, với sự hiện-diện và hình-dong quái-đản của bà, chẳng hiểu đàng gái họ sẽ nghĩ gì!"



"Hình như chú rể nói với họ là hiện thời ông ta không còn bố mẹ nữa, phải không chị?"

"Đúng. Trong ý-nghĩ của mọi người bên nhà gái, ông bố, và cả bà mẹ đã nằm xuống đâu đó ngoài Bắc. Suốt mấy mươi năm chiến-tranh, với sự cắt đứt liên lạc về mọi mặt, việc thân-nhân này nọ còn hay mất với bất cứ một gia-đình nào đó cũng là chuyện ít gây thắc-mắc gì cho ai. Cuộc chiến một mặt đã làm cho người dân giàu xúc-cảm hơn, yêu tha-nhân hơn, nhưng mặt khác cũng làm cho họ, trong chừng mực nào đấy, lãnh-đạm, vô tình, vị-kỷ hơn. Con người sau chiến-tranh, nếu lòng họ hôm nay là một đại-dương thì ngày mai chẳng có gì đáng ngạc-nhiên nếu chỉ còn là một ốc-đảo."

Anh choàng thật nhanh tia nhìn qua suốt khuôn mặt nàng, thấy khá lạ về câu nói quá dài và hơi có vẻ triết-lý đó. Thường thì nàng nói rất ít- và nếu có thì thường dùng mắt và môi thay cho miệng. Lâu rồi, anh thoáng nghe ai kể lại có đạo nàng là Sinh-Viên Văn-Khoa Sài-Gòn. Thời-gian ấy nàng có quen và yêu một chàng Sinh-Viên Sĩ-Quan Thủ-Đức. Hai người đã từng kết ước và định ngày cưới. Hai tháng sau khi mãn khóa, chàng thanh-niên vĩnh-viễn ra đi sau một trận đánh. Từ đấy, có thể vì tuyệt-vọng, và cũng có thể vì khó-khăn dồn-dập xảy đến cho gia-đình ngay sau, nàng bỏ học. Định-mệnh đã lạnh lùng đưa tay giật nàng ra khỏi mái trường. Tơi-tả suốt hơn mười năm, chiếc áo nàng mặc cho mình khi trình-diện đời là mảnh áo kết bằng trăm loại vải tạp. Tà áo nữ-sinh hồn-hậu ngậm-ngùi nép trong xó tủ; màu trắng ngày càng như một ý-niệm hơn là một thực-thể. Hôm nay chẳng hiểu sao cô Sinh-Viên Văn-Khoa bỗng sống lại cùng chiếc áo chữ nghĩa ngày nào. Rồi tia mắt của anh, theo triều suy-tư, đậu trên cổ áo nàng. Áo dài. Dĩ-nhiên. Đám cưới mà. Người thành-phố, chỉ trong những dịp lễ lộc đặc-biệt mới được mặc hoặc ngắm những dải bướm tung-tăng thanh-thoát quen thuộc thuở ấy. Anh thầm nghĩ, có lẽ chiếc áo dài hôm nay — tuy là chiếc áo hoa, màu, chứ không phải chiếc áo trơn, trắng học trò xưa — cũng là dịp để nàng đắm hồn qua chút sắc vị cũ.

"Gia-đình chị liên-hệ với chú rể thế nào?"

"Ông ấy là anh chú bác với tôi. Ông kém tôi những trên 10 tuổi cơ đấy. Nghĩa là dầu trông mặt ông búng ra sữa, tôi vẫn phải gọi

ông ấy bằng anh. Buồn cười thật!"

"Chị có ức không?"

"Hơi hơi."

"Chị khá hơn tôi. Tôi còn ức hơn chị nhiều."

"Về chuyện gì chứ?"

"Về cách mà tôi vẫn phải xưng hô với chị như hiện nay đó. Vai vế trong trường-hợp của chị với ông ta và của tôi đối với chị có khác chút nào đâu?"

Mấy giây yên lặng. Phấn hồng từ đâu chợt vẩy trên má nàng. Có thật thế chăng hay bởi tàu dừa mải chơi cùng gió vừa lơ-đễnh đánh rơi một thước nắng ngay trên vai áo nàng rồi bật trở lên mặt? Câu anh nói với nàng buổi trưa hôm ấy chỉ phản-ảnh phần rất nhỏ sự thật. Dạo ấy, anh chưa bị băn-khoăn, dằn-vặt điên dại vì bóng dáng nàng. Câu anh trả lời — và ngay câu anh hỏi— cũng chỉ để xuôi theo đà đối-thoại. Về sau, khi nàng đã tiêm ảnh hình âm-thanh vào gân vào máu anh, nhớ lại, ý tiếc-nuối ẩn trong câu nói mới thực sự thấm-thía.

"Còn cô dâu? Anh hỏi tiếp nhằm đánh tan sự trì-trệ có thể gây ngột-ngạt giữa hai người. Chút ân-hận len trong câu."

"Hai ông bà làm chung sở, cùng tuổi, gặp, quen, và thương nhau. Rồi..."

Nàng cười, thích-thú:

"Hôm nay tụi mình đi ăn cưới. Thế!"

Anh nhẹ-nhõm. Nàng vui. Mọi việc trở lại bình-thường. Nhưng anh lại thấy tiêng-tiếc một cái gì. Lắc đầu xua tan. Anh ngập-ngừng:

"Tôi ngại lắm chị ạ! Không thân-thích gì, thậm chí còn chưa được ngắm "dung-nhan" của chú rể nữa chứ, thế thì lấy tư-cách nào để tôi đứng ra làm đại-diện cho ông ấy tiếp đón phái-đoàn nhà gái lát nữa đây?"

"Lấy tư-cách T. là họ hàng với tôi. Vậy là đủ rồi. Ông ta cứ nằn-nì bảo tôi cố tìm giúp cho dăm người thân kéo hết cả vào cho ra trò một chút. Kể cũng tội. Mọi người bận việc cáo lỗi. Chỉ còn T. với tôi. Dầu sao hơn một cũng kể được là số đông. Thôi, mình đi!"

*

"Căn nhà — căn phòng thì đúng hơn — quá chật. Chiếc bàn chữ nhật mà chiều dài vừa giáp sải tay kê ở giữa với mươi chiếc ghế xếp con con đã chiếm hơn nửa diện-tích. Bàn thờ lễ gia-tiên nằm góc phải tính từ cửa vào — đó là chiếc cửa duy-nhất. Bánh trái còn để trong bọc. Cả các đĩa chứa cũng còn ở xếp chồng trong rổ, chưa được bày ra. Bàn thờ tương-đối tươm-tất hơn: nhang đèn đã cắm sẵn. Công việc đầu tiên của anh khi mới bước vào là nhấn ngay nút trên cùng của hai chiếc quạt máy. Gió ộc từng vộc. Nắng bám gót hai người theo vào bị ẩy bật ngay ra. Khăn trải và rèm thờ luống-cuống dạt về một phía. Nàng la to:

"T. mở số nho nhỏ chứ. Cả căn nhà bay mất lên cung trăng bây giờ! Nhanh tay giúp tôi bày mọi thứ ra bàn đi. Khéo không kịp đâu đấy!"

Anh phì cười với câu nói ngộ-nghĩnh, nhưng cũng làm theo. Nàng thoăn-thoắt múa tay, trong khi miệng không ngớt ra lệnh cho anh. Anh quay như bông vụ, tuân thủ cách thích-thú mệnh-lệnh của nàng. Công việc tiến-triển tốt đẹp. Bây giờ mọi thứ đã gọn mắt, đợi chờ. Nàng xoa tay. Mặt ửng. Mép môi trên lấm-tấm mồ hôi óng lông măng. Vén tay áo xem đồng hồ. Nhích lại gần chiếc quạt. Thở ra thật dài:

"Ngồi nghỉ tí đã. Ôi chao là nóng!"

Có vẻ như nàng tự nói tự nghe. Anh lặng-lẽ ngắm nàng. Chiếc cổ cao gáy trắng lông sữa ướt giữ rịt lấy một nạm tóc sát vành tai. Nạm mọc ngay thái-dương bị gió đẩy ngang phất-phới như những chiếc đuôi diều mỏng. Màu đỏ áo bây giờ không còn làm anh chói. Nó thể một bếp lò khêu-gợi anh một điều ấm-áp mới-mẻ sắp trở nên cần-thiết. Buổi trưa yên tĩnh. Chỉ có tiếng gió quạt trong này và tiếng lách-tách của nắng nhảy-nhót ngoài kia. Đầy hồn anh dìu-dặt hơi nàng thở. Anh mỏi chân.

"Ồ. Vệt phấn ở đâu ra nhỉ? T. ơi, lau hộ chị chút đi!"

"Chị"? Nàng xưng hô bằng "chị" với anh. Điều này trước kia không hẳn là không có. Chỉ những trường-hợp thật gần-gũi, thân-mật, nàng mới dùng lối danh xưng đó. Lối xưng hô nàng dùng hôm nay có dụng ý gì, sau câu mà anh nói với nàng lúc sửa-soạn vào đây? Một chướng-ngại?

Vừa dợm ngồi xuống, anh liền đứng thẳng lại. Nàng đã rời khỏi ghế từ lúc nào. Tấm gương to cuối phòngù trong phòng này, có lẽ nó là vật to nhấtù no ứ hình-ảnh nàng. Đỏ. Dõi theo nàng từ phía sau, anh hỏi:

"Đâu, chị?"

Nàng đưa móng tay dí ngay mép khoảnh áo sau lưng. Thị-giác anh vấp phải một lằn trắng mơ-hồ. Một đường khuất-khúc lật nhào lên. Gió theo nắng từ hàng hiên ngoài chạy xấn

vào. Anh đi tới. Bước chân hình như đặt trên các thớ nắng. Chúng đàn-hồi, nhận và trả lại sức nặng thân anh. Anh lảo-đảo. Có lẽ do cơn buồn ngủ. Anh tự nhủ với mình.

Vạt sông đỏ dềnh lên trước mắt. Sóng. Thân áo dài, phía sau. Và từ hơn nửa phần thân áo ấy, xuôi về đoạn sát dưới lưng, bây giờ đứng thật gần, anh quả thấy một vệt phấn trắng vắt chéo. Nàng đã chệch móng tayùcũng màu đỏùlên chút xíu trong khi hai ngón của bàn tay kia vẫn nắm nẹp áo vén lên cho anh dễ nhìn. Ồ, vết phấn. Mỏng lắm. Có gì đâu nào? Sao nàng lại có vẻ thất thanh đến thế? Tự nhiên anh hơi khó chịu. Tưởng việc quan trọng. Đàn bà! Chưa kịp nói thì nàng lại giục bấn lên:

"T. lau hộ chị nhanh đi!"

Lại "chị". Tự dưng anh nhũn gối. Nhìn quanh định tìm mảnh khăn giấy. Chiếc bàn đặt quá tầm tay với. Không kịp nghĩ-ngợi thêm, anh cho tay vào trong túi quần lấy ra chiếc khăn tay. Vo tròn lại, anh ngồi thế nửa quỳ, lướt nó dọc theo chiều dài vệt phấn. Xúc-giác anh làm quen với chất nhung rịn hút của tà áo. Như thể đang đi trên từng sợi nắng đàn-hồi. Thăm-thẳm. Lại choáng-váng. Cảm-giác này, anh biết, bây giờ không do cơn buồn ngủùtrái lại, anh tỉnh-táo hơn lúc nào, tỉnh-táo để thấy rằng mình đang rơi vào trạng-thái như là mộng-mị. Anh không dám dùng bàn tay kia nâng áo lên cho dễ lau vì sợ làm nhăn. Vạt áo, theo sức vuốt của chiếc khăn, bị đẩy vào trong. Nó không thả thẳng nữa, mà gồ-ghề nổi hụp theo hai đường thân người, săn chắc, tròn-trĩnh, và ấm. Nó trượt rồi mất hút vào trong. Tay anh như cứa phải gai. Sắc đỏ từ chỗ trũng áo bật tung rồi thấm cả vào khuôn mặt anh. Anh vã mồ-hôi. Hơi thở và cuống họng bị bóp chặt. Sự tiếp-xúc không định trước, dù qua mấy lần vải, vẫn làm anh bối-rối. Nỗi kích-thích bất chợt làm anh đê-mê, tê-liệt, mụ-mẫm. Thiếu hẳn dưỡng-khí cho buồng phổi. Căn phòng như chiếc hộp gỗ bồng trên nước. Anh nhắm mắt không cưỡng lại được. Mí ươn-ướt. Mình ngã mất!

"A! Sạch rồi. Cảm ơn T. nhé!"

Nàng reo lên. Tiếng reo nhả anh trở về thực-tại. Anh thấy hai bàn tay đã rời bỏ vạt áo nàng, đang lửng-lơ sượng-sùng trong không-khí. Chiếc khăn nóng dẫy cả 3 ngón đầu và anh thấy như nó đang rực đỏ. Cũng may nàng đánh thức anh ra khỏi khoảnh-khắc xuất thần, nếu không chỉ trong tích tắc nữa là anh lăn kềnh ra. Anh cố đứng lên. Vộc gió quạt vừa đổi cung giúp anh tỉnh-táo và định thần lại chút ít. Nàng đang chải lại mái tóc bằng bấp lược lấy từ chiếc ví nhỏ mang theo từ nhà. Tim anh bới bời. Và nó, bây giờ, ngoài nhịp nhồi nén bình thường của các cơ, còn rên lên điệu phập-phồng của một làn da, ngân tí-tách những nốt nhạc nói của một người khác phái. Cảm-giác mới tinh này khiến anh xao-xuyến. Phải chăng bắt đầu từ giây phút ấy, cõi thanh-bình bao lâu trong anh bắt đầu dịu-dàng bị phá vỡ? Nàng hiện ra với anh đà khác trước. Anh ngây-ngất mà cũng băn-khoăn sao ấy!

Căn phòng chật nên dù họ hàng hai phía chỉ nhỉnh hơn chục người mà vẫn phải nép sát mới khỏi va vào nhau. Hai chiếc quạt máy đặt hai góc phòng tròng cánh quay hết tốc-độ mà vẫn không xua mấy ra được hơi người, mùi nhang đèn. Nàng di-chuyển khác gì một cánh quạt khéo-léo thù-tiếp mọi người. Chú rể quả thật như lời nàng, mặt trắng bụ sữa. Nét thư-sinh không hợp tí nào với vẻ căng-thẳng. Cô dâu hơi gầy, dáng ngỡ-ngàng. Có lẽ biết thế nên nàng chăm-chút cô nhất. So với cô, tuổi nàng dễ cũng gấp rưỡi. Thế mà anh cảm thấy như họ đổi tuổi cho nhau. Nàng cười thật tươi. Sắc đỏ của áo làm sáng hẳn màu vôi xám của căn phòng. Hôm ấy, lần đầu tiên anh thấy nàng có vẻ gì là lạ. Hạt quyến-rũ từ bao lâu im-lìm ngủ đã đến lúc trở mình?

Vẫn còn là trưa. Nhà gái vừa kiếu về. Chú rể cáo nóng, cùng cô dâu vào trong thay áo. Bánh kẹo trà rượu trên bàn hầu còn nguyên. Nàng tiến đến góc phòng, xoay hướng quạt vào nơi anh đang ngồi. Anh mỉm cười biết ơn. Rồi nàng chậm bước về góc đối-diện, nghiêng đầu và vai trước gương. Khung gương trắng thẹn-thùng. Anh buồn ngủ mềm mắt. Nắng ngoài sân hắt xéo đem cả mặt trời vào trong. Anh nhắm chúng lại. Đỏ. Và nóng. Dòng sữa sọc đủ màu nhảy múa phía trước. Anh bồng-bềnh như chiếc đũa hơi. Nhẹ. Cảm xúc

---

* Tôi sinh ra là giống cái, nhưng chính cuộc đời làm cho tôi trở nên một người đàn bà.

Simone de Beauvoir

* Những điều chúng ta học hỏi lúc còn thanh xuân, chúng ta sẽ vỡ lẽ lúc cuộc đời xế bóng.

Marie Von Ebner-Eschenbach

lần va chạm mới đây với phần sau của cơ-thể nàng đang tiếp thêm chất cháy trong anh. Nó rọi cho anh thấy rõ những gì trước kia còn mù-mờ. Nàng không còn là một sinh-vật tồn-tại cách đương nhiên và bình thường nữa với anh. Đã là một ẩn số, bắt anh bỏ công khai mở. Một kích-thích đáng sợ mà cũng đáng dấn thân. Từ phút ấy, anh mới biết trân-trọng chiếc áo dài, mảnh vải đã tạo cho nàng nét duyên-dáng khác thường! Kể cũng lạ. Trước đây lắm lần anh gặp và ngắm nàng trong tà áo dài, mà sao mãi lần này anh mới khám-phá ra nét gây xúc-động quyến-rũ khó cưỡng từ nàng qua đó?

*

Thời-gian khắc bảy dấu hằn trên cây tuổi. Bảy năm băng vội về trước kể từ buổi trưa tháng Chín tại Sài-Gòn. Anh bắt đầu sống cuộc sống khác. Anh sống cho nàng. Anh đã biết thế nào là trống vắng u trầm khi thiếu nàng và thế nào là rộn-ràng bay bổng khi nàng hiện ra trước mắt. Anh đau đớn nhận ra rằng nàng là bóng hình mà anh đang thiếu, đang chờ. Lời đáng ra chỉ để nói với nàng thì anh đã lỡ lầm phung-phí gần cạn cho những người con gái khác. Bây giờ ngay cả một, hai, hay ba chữ mòn vẹt còn sót lại, anh vẫn chẳng thể cho đi. Anh ngượng-ngùng vì tự thấy mình không xứng-đáng hay vì bức rào luân-lý vẫn âm-thầm quây trong ý-thức? Buổi trưa nồng nắng kỷ-niệm hoài khiến anh say ngất. Còn nàng? Phút tiếp giáp buổi trưa ấy có để lại chút ấn-tượng nào trong nàng không nhỉ? Có lẽ nàng coi như một va chạm vô tình. Thái-độ của nàng khi gặp lại anh sau đó vẫn thân-mật phải chăng. Mà phải thế thật. Bởi sao thì giữa anh và nàng vẫn bị buộc ràng bởi sợi dây liên-hệ họ hàng. Dầu ít tuổi hơn, nàng vẫn đứng vai trên. Chỉ có anh là vượt quá phạm-vi cho phép đến hai bậc.

Không lâu sau buổi ăn cưới ấy, nàng theo chồng sang định-cư tại Mỹ. Hoa chưa nở hết vòm cho anh chiêm-ngưỡng đã bị bứng trồng nơi đất khách. Lúc nàng còn ở lại quê nhà, dù chưa bắt được trong vòng tay, nhưng ít ra nàng vẫn còn quẩn-quanh trong tầm mắt anh. Bây giờ thì chỉ còn là khoảng trống. Anh buồn lắm. Tin nàng ra đi, nếu khiến nàng vui cười hớn-hở như một con chim sắp được thoát khỏi chiếc lồng chật hẹp để vút băng mây ngàn thì lại là tấm lưới bổ chụp lên anh. Anh thấy mình như đang bị trói chặt vẫy-vùng tuyệt-vọng trong đó, lặng-lẽ phản-kháng với ý-thức rõ-rệt rằng đấy chỉ là một phản-ứng tự-nhiên, tiêu-cực, sẽ chẳng gây được hiệu-quả gì trong khi nàng càng lúc càng bị kéo rời xa anh. Anh khổ sở mỗi khi lái xe đưa nàng đi làm giấy tờ hoặc mua sắm cho chuyến không trình sắp tới. Nàng ngồi sau, khép vòng tay ôm chặt anh ngang nửa thân người. Đặc ân dành cho anh, lần đầu, và cũng là lần cuối? Những việc ấy có tác-dụng như một hành-động rút ngắn khoảng thời-gian vốn chẳng còn lâu lắc gì khi hai người còn ở bên nhau. Anh bỗng thấy tiếc và tự trách thật nhiều. Nàng đáng yêu và thanh-lịch thế đấy, tại sao bao nhiêu năm qua, hầu như ngày nào cũng tiếp-xúc trò chuyện với nàng mà anh không nhận ra? Quả là anh vô tình quá! Mù-quáng mới đúng. Như vậy, trong trường-hợp này, cái làm cho anh mù-quáng không là tình yêu. Chính là thái-độ thiếu trân quý xem sự hiện-diện của nàng như một điều hiển-nhiên, hiển-nhiên như trăm ngàn con người khác đồng thời hiện-hữu chung quanh hay cùng lắm là như một bông

HUY LỰC BÙI TIÊN KHÔI

ĐÊM

Đêm trầm nhạc dế đêm mông lung
vệt sáng sao rơi cõi tận cùng
sương đọng má gầy lăn giọt nhớ
chợt nồng hương tóc liễu miền trung...

CHỮ TÌNH

Ngoài song nở rộ nụ hồng xinh
dập dìu ong bướm cuộc ba sinh
tờ thư người cũ nằm thao thức
bụi ẩm duyên phai mốc chữ tình

hoa, tuy có tươi mát thật đấy, nhưng đó là cảm-giác tươi mát lúc anh ngắm từ xa. Tại sao chưa lần nào trong dĩ-vãng anh bước đến gần tìm hiểu ghi-nhận cặn kẽ hơn về tính-chất tươi mát ấy? Tình yêu đã mở mắt anh, phô bày trước anh cái mà anh cố tình tự che dấu. Đó là mặc-cảm. Không phải là anh không tự biết. Có điều là ngay phút đầu vấp phải bức chắn khủng-khiếp kia thì anh lẳng-lặng quay lui để mặc con tim trầy-trụa vì hành-động tiêu cực đó. Với anh, đấy là thái-độ cần phải có và hy-vọng theo thời-gian, áp-lực do liên-hệ họ hàng giữa hai người sẽ đưa anh trở về đúng vị-trí.

Ngày nàng lên phi-cơ, anh cáo mệt nằm nhà. Tối hôm trước, anh đã nói lời chúc ngắn với nàng. Lo toan hơn tháng trời cho chuyến đi, nàng hốc-hác thấy rõ. Nhưng tia mắt bắn ngời háo-hức. Nàng cảm ơn anh bằng cái giọng cố làm ra vẻ nhiệt tình hướng về anh — nhưng anh biết nhiệt tình ấy xuất từ mối kích-thích vì chuyến đi, hoàn toàn dành cho nàng — , chúc anh sức khỏe và hứa sẽ gửi ảnh lúc đến nơi. Đêm hôm ấy anh mơ thấy nàng. Lần đầu tiên anh gặp nàng trọn vẹn trong mơ. Y hệt như hình ảnh nàng buổi trưa ngày cưới. Cơn mơ màu đỏ đung-đưa cò cạ trên da thịt anh cái cảm-giác bồng non và hút dính của vải nhung phều-phào trong gió. Màu sắc và chất-liệu của cuộc sống thực — nó đã trở thành kỷ-niệm duy-nhứt thiết thân với anh từ sau buổi trưa hôm ấy — đã trở về như một lời xin lỗi, một câu tạm-biệt; như một bù-đắp cho điều mà anh khát-khao nhưng không dám nghĩ đến. Đó có thể xem là cơn mơ mở đầu cho hàng loạt chen-chúc các cơn mơ mà tiềm-thức anh trình chiếu sau này — suốt 4 năm nàng đi. Nhưng chẳng có cơn mơ nào trong những cơn mơ sau đó gửi tặng đầy đủ hình-ảnh và cảm-giác về nàng như cơn mơ thứ nhất. Lời xin lỗi và sự bù-đắp hóa chỉ được một lần. Những lần tiếp theo chỉ là những tái lập bất toàn của nó. Trong khi đó thì niềm thương-nhớ thêm cuồn-cuộn trong anh. Nó như một vật ký-sinh, sống và tăng-trưởng bằng ý-nghĩ, qua những bài thơ anh viết về nàng. Nó thân tình và gần-gũi đến độ đã đồng-hóa với anh, đã mặc lấy vóc-dáng và mang trọn dấu ấn hoài-niệm của anh. Anh cầu cho nàng hạnh-phúc, hay ít ra là không thất-vọng với ước mong đã hiện thực.

Rồi anh cũng lên đường. Chuyến đi không mang một ý-nghĩ đổi đời, mà chỉ thỏa-mãn nguồn khao-khát được nhìn lại, nghe lại, và cảm lại những gì anh đã trót nhận biết nhờ nàng. Tình yêu, lần này đã che dấu cái mà thật ra rất quan-yếu với người khác: làm sao sống, làm sao thích-nghi với môi-trường mới? Với anh giản-dị là làm sao thỉnh-thoảng được tiếp sức bằng nguồn thực-phẩm là khuôn mặt, nụ cười, giọng nói, đường môi, nét mũi của nàng. Nàng đã lo thuê phòng sẵn cho anh. Trong phòng đã đủ những vật-dụng dành cho các nhu-cầu tối-thiểu. Màn cửa và vải trải giường màu tím. (ôi chao, nàng còn nhớ đến ư cái sắc màu mà nàng vẫn diễn-tả với ý nửa bông đùa là "đắm say thầm-kín" của anh?) Chút gửi gấm nào trong việc chọn lựa màu sắc này để tiếp-đón anh? Cuộc sống của nàng ra sao khi phải đối mặt hằng ngày với bao xa lạ? Nó có quay hướng nàng về anh chút gì chăng? Dầu sao quá nhiều kỷ-niệm đã chen giữa hai người. Anh nhớ xưa nàng vẫn kín-đáo than-thở là hầu như chưa có ai lưu tâm và thông-cảm với những sở-thích của nàng. Có lần nàng bảo chỉ với anh là nàng thích nói và nói lâu về bất cứ vấn-đề gì, từ hoa cỏ tới cuộc sống, nhất là văn-chương. Anh hỏi có phải vì anh cùng chọn Văn-Khoa như nàng chăng thì nàng chỉ cười. Anh biết nàng không thật hạnh-phúc với cuộc sống hiện tại. Người chồng hiền lành, thương yêu nàng theo cung-cách mộc-mạc và tính-tình dễ dãi của mình. Nhưng đó chưa phải là điều đáp-ứng với bản-chất và cảm-quan của nàng. Những người như nàng không là những tạo-vật đơn-giản. Cá-tính đầy ứ trong nàng và không bị mài cong bởi hoàn-cảnh. Cử-chỉ, lời nói khi giao-tiếp với đời chỉ là cái vỏ. Cái ẩn trong cái vỏ ấy mới thực sự là nàng. Nàng thiếu, nhưng không thể đòi-hỏi để được cái mình thiếu. Cái thiếu ấy phải chăng chỉ người tình lính trận mỏng số mới có thể cung lấp cho nàng? Anh tội nghiệp nàng, và tội nghiệp chính bản-thân mình. Tình yêu, trong tương-quan giữa nàng và anh là điều tuyệt-đối không nên có. Cái mà anh thiếu không thể là cái anh tìm ở nàng và cũng không được là cái mà nàng có thể cho anh. Chính anh cũng rơi vào trạng-thái u-uất không người đồng cảm như nàng. Nhưng là nam phái, anh có cái nhìn và phản-ứng, thái-độ khác. Anh có lối-thoát mà có thể nàng không có hoặc không thực-thi được. Đó là viết. Viết về nàng và tình yêu với nàng. Đây là phương-thế duy nhất giúp anh điều-giải xoa dịu ít nhiều tiếng gào thét của con tim.

*

Ba năm chung với nàng một vòm trời. Ngày ngày chia với nàng một lối đi. Nhưng hai người không cùng tiến về một phía. Nàng đã thay-đổi, hầu như hoàn-toàn, về ngoại thể. Thật ra sự đổi thay đã diệu-kỳ ngay từ bốn năm đầu, được anh định giá bằng buổi chiều nàng ra đón anh tại phi-trường. Ba năm sau đó chỉ để kiện-toàn thêm một vài điểm chưa thực hoàn-chỉnh. Một nàng với thịt da nẩy mầm căng nứt. Bức họa không cần gì để thêm bớt. Còn lại rất mơ-hồ bóng dáng ẻo-lả của cô gái vừa từ-giã tuổi học trò trước đây. Và thành-phố này cũng không là Sài-Gòn của bảy năm về xưa. Nhưng vẫn còn trong anh hơi nóng nào của buổi trưa nhiệt-đới đỏ tươi chiếc áo hoa nàng mặc ngày ăn cưới. Va chạm bất ngờ với hai rãnh đồi rủ nhau vào một điểm phía sau vẫn làm anh khắc-khoải. Nét tăng-trưởng ngoại hình không kèm theo độ tăng-trưởng về tình-cảm nơi nàng thật mỉa-mai, cay đắng. Nàng rất lịch-sự ngọt-ngào với anh — cái ngọt-ngào lịch-sự mà giá đổi lại bằng thái-độ lạnh-lùng chua-chát có lẽ ít dằn-vặt hơn! Nó chỉ có tác-dụng nói với anh điều ngược lại. Đó là sự phủ-nhận. Chính anh cũng muốn phủ-nhận mình, hay đúng hơn, gửi cho anh ý phủ-nhận mượn từ nàng. Ích lợi gì đâu khi mà cuối đường định số, nàng và anh không bao giờ gặp-gỡ? Nhưng tình yêu phải đâu cần hữu-ích? Nó là nhu-cầu của con tim, vượt quá tầm kiểm-soát của lý-trí. Anh có lầm-lẫn không khi cứ nuôi-nấng vun quén tình yêu này? Và việc anh bỏ quê nhà sang đây cốt chỉ để cùng thở với nàng một bầu khí phải chăng là tiền-đề cho một câu hỏi khác về một sai lầm khác của anh? Anh đã tự đốt cháy mình. Anh đã tự cầm ngọn lửa nàng đốt thiêu chính anh. Sự vẫn không hạnh-phúc về mặt tinh-thần trong cuộc sống bên này của nàngù anh cảm-tưởng thế thôi chứ nàng chưa lần nói ra hoặc biểu-lộ chút nào qua thái-độù tạo cho anh cảm-tưởng chính mình là nguyên-do. Sự hiện-diện của anh nơi này chắc chắn đánh động nhiều lắm đến cõi ngầm bất như ý mà nàng muốn làm hòa với hoặc vùi dấu đi. Sự có mặt của anh ở đây cốt để nói lên rằng anh đã tìm được cách gần nàng, khẳng-định tình yêu với nàng là vô-ích chăng, hay hơn thế nữa, vị kỷ? Được tái-ngộ cùng nàng rồi, anh đã thực đầy-đủ chưa? Hay vẫn còn khát-vọng điều gì đó mới-mẻ hơn? Chẳng phải mọi đường uốn lượn cực cùng khêu gợi kia của nàng đã khiến anh nghẹn thở cứng lời ngay những phút đầu tiên chạm mặt với nàng tại phi-trương? Và ba năm sống chỉ cách nhà nàng một khoảnh sân hẹp, ngày ngày ra vào chạm mặt nhau, lòng anh biết bao lần chảy nhão vì trái cây chín muồi thơm hau-háu đó? Nàng ngon lành biết bao, tươi và nồng kém chi buổi trưa Sài-Gòn dạo ấy. Nếu nói tấm nhan-sắc đó không gây trong anh chút rạo-rực sở-hữu nào thì quả anh tự dối lòng hết sức. Tình yêu dành cho nàng thì vẫn còn là tình yêu đấy. Nó tăng cường-độ lên nhiều. Nhưng nó cũng không còn thuần-khiết như xưa. Đấy là sự thật. Cũng mắt cũng môi cũng giọng nói đã làm anh bàng-hoàng xưa kia đó, bây giờ, chúng tình-tứ và tự chủ biết bao! Và sự phát-triển diệu-kỳ của cơ-thể kia nữa. Nó xáo-trộn tâm-hồn, đánh lay mức định-hướng của anh! Ôi, có thể nào anh quên được nàng lấy một giây một phút? Cảm-tính phi luân gieo đau-đớn, như một vết lở xót ngày càng mở rộng, như một nhắc-nhở về sự chiếm-dụng mảnh hồn anh của nàng, về tình yêu với nàng ngay trong tim. Tình yêu hình-thành êm-đềm như mơ, huyễn ảo như sương. Lưới của nó giăng tròn theo thời-gian, nhốt chặt anh trong đó lúc nào chẳng biết. Hiện-hữu của nàng từ xem như một tự-nhiên đến như một cần-thiết, sự chuyển-biến về phẩm kết-cấu lặng-lẽ sao! Anh yêu nàng. Khởi-điểm là đâu? Tình-cảm mang mang ngày qua ngày như một con lộ thông suốt. Làm sao anh bắt được đoạn rẽ ngang của nó? Nếu không có buổi trưa tháng

Chín Sài-Gòn nồng- nàn gần gũi kia thì chắc anh mãi mãi vật-vờ trong khói mù kỷ-niệm. Và bây giờ, bất kể thời-gian là ngày hay đêm; bất kể tiết mùa là xuân hay hạ, bể nắng thành-phố quê-hương của một buổi trưa nào đó vẫn lồng-lộng trong anh như một huyền-thoại có thực. Anh khổ sở, hạnh-phúc, sống, tươi-xanh và héo-hắt; nhưng sống còn, vì nó...●

tám.98

* Những chứng bịnh nan y lại là những chứng bịnh có nhiều thứ thuốc chữa nhất!

Anton Chekhov

* Kiến thức và lịch sử là kẻ thù của tôn giáo.

Napoleon I

NGÃ RẼ

NGUYỄN TRUNG DŨNG

Cô gái đứng khóc ở góc phố. Ngang qua, ông già thấy động lòng bèn ngừng lại. Hỏi: "Chuyện gì vậy."

Trước mặt một người lạ, cô ngần ngại không đáp. Gặng nữa, ông ta tiếp: "Sao lại khóc."

Tin lòng tốt và sự thành thật của ông già, cô gái nói: "Cháu buồn quá."

"Có chuyện gì mà buồn."

"Chồng cháu tệ bạc."

"Tệ bạc là sao."

"Anh ấy có bồ."

"Bồ. Có bồ thì có chứ nhằm nhò gì. Đàn ông mà."

"Trời ơi, có bồ hắt hủi cháu bác lại còn nói không nhằm nhò gì thì lạ quá rồi. Lại bắt ép cháu ký giấy ly dị nữa chứ."

"Cái đó thì không được. Đã lấy nhau rồi, có lăng nhăng bậy bạ cũng tạm coi là được, chứ cắt đứt tình nghĩa vợ chồng thì ai chứ bác, bác cũng không thể đồng ý làm thế đâu. Nhưng cái chuyện này cháu phải bình tĩnh từ từ mà giải quyết. Từ từ mà giải quyết để chồng cháu nó nghĩ lại hồi tâm rồi vợ chồng hòa hoãn để có hạnh phúc, chứ nó đã cương, mình cũng cương thì đổ vỡ ráo cả. Xây vài chục năm, phá có vài giờ là tan nát tất tật."

"Cháu không phá mà anh ấy phá. Một người đã cố tình phá thì chẳng có cách gì cản được. Chắc là cái con nhỏ yêu anh ấy nó xúi bẩy thêm vào. Chứ cháu biết xưa nay chồng cháu hiền lành tử tế chứ đâu đến nỗi thế."

"Chuyện này coi vậy mà rắc rối khó phân giải. Bác chỉ là người đứng ngoài, nói là nói để vun vào khuyên cháu chứ ăn thua thằng chồng cháu có biết nghĩ hay không. Còn bác, hay nói đúng ra là cháu muốn xây mà nó cứ phá, thì xây chưa vững nó đã phá có mà thánh cũng phải bó tay chịu hàng. Mà thôi, bề gì chuyện cũng đã thế rồi, đâu còn đó cháu ạ. Khuya khoắt đêm hôm, chẳng lẽ cháu cứ đứng đây khóc vùi sao được. Con gái đàn bà giờ này không phải là giờ có mặt ở phố xá. Khúc đường này, bọn quỉ sứ Mỹ Đen và bọn Mễ say gấu lắm. Cháu nghe bác nên về nhà hơn là đứng đây khóc lóc chẳng giải quyết được gì cả. Lại có khi còn nguy hiểm nếu gặp cái lũ quỉ ám dẫn xác đến làm chuyện bậy bạ."

"Cháu cũng đâu muốn đứng ở đây. Lạnh và trời khuya vắng thế này, có ai lại đày đọa mình ngoài phố xá nếu có nhà có cửa. Nhưng nhà cửa anh ấy đuổi không cho vào. Anh ấy và cháu cãi vã rồi đánh cháu và xô cháu ra đường khóa chốt cửa lại không cho vào nữa."

"Đánh và đuổi cháu đi. Cái anh này quá bậy rồi. Sao cháu không gọi 911 kêu cảnh sát họ đến gô cổ nó lại. Ở Mỹ chứ đâu ở xứ mình mà ngạo ngược xằng bậy thế nhỉ."

"Cháu biết chứ. Gọi cảnh sát thì cảnh sát đến liền. Nhưng làm thế, cháu không thể làm được. Cháu sang đây do anh ấy bảo lãnh cũng mới một năm, họ hàng bà con không có, bạn bè thì không dám đến phiền, chỉ còn nước đứng ở góc phố này mà khóc thôi bác ạ."

"Tội nghiệp đấy. Nhưng chẳng lẽ cháu cứ đứng suốt đêm ở đây tới lúc sáng đến sao ư. Gặp cái lũ du côn chúng nó không để cháu yên đâu. Thôi được, nhà hai bác cũng gần đây, nếu cháu không ngại cứ về ngủ đỡ cháu ạ."

"Cháu có làm phiền hai bác không. Nhất là bác gái."

"Bà cụ rất từ tâm. Nghe kể hoàn cảnh của cháu, bả cũng động lòng đấy. Không phiền nếu cháu muốn."

Cô gái đi theo ông già. Đúng như ông ta nói, mới chừng hai dãy phố, leo lên cầu thang lầu, đụng cái cửa gỗ là căn phòng ông ở. Nhà chật hẹp vỏn vẹn có một buồng. Mọi khi, ông ngủ chung với vợ, nay có khách, ông đem chăn mền ra phòng ngoài. Bà cụ nằm bên cạnh cô

gái, chưa ngủ vẫn thầm thì nhỏ to:

"Thói đời cả. Đàn ông gặp người không đứng đắn thủy chung, hám sắc mới đâm ra thay lòng đổi dạ. Cái cũ ăn mãi cũng chán rồi thì kiếm cái mới cái lạ. Đàn bà nữ giới mình nếu không trắc nết chẳng ai phụ chồng bỏ con cả. Tình cảnh cháu, chồng cháu ăn ở mà bạc bẽo như thế coi không được."

"Thưa bác, sống với nhau ở cái tình cái nghĩa. Tính con người cháu xưa nay coi cái tình cái nghĩa là trọng. Giầu sang phú quí mà thiếu cái tình cái nghĩa đó, ăn ở với nhau chưa thể gọi là phu thê. Cứ nghĩ vợ chồng những khi tay gối mặt ấp, bây giờ phụ bạc, lòng cháu cay đắng sót xa lắm."

"Còn biết nói sao bây giờ. Nhưng chồng phụ chứ mình đâu phụ chồng, theo bác thì bác cứ kệ. Sang cái bên đất này, chuyện gì chứ chuyện chồng vợ bỏ nhau như cơm bữa cả đấy. Cưới nhau hai ba năm, tờ hôn thú ký vừa khô mực thì đã đưa nhau ra tòa ly dị. Nhà cửa, gia tài, của cải chia đôi nếu có đứng tên chung. Cái chuyện đầu bạc răng long ở cái xứ này nó có nhưng cũng hiếm. Các cụ ta xưa đã lấy nhau rồi, ăn ở trọn tình trọn nghĩa lắm. Ấy là bỏ nhau thì sợ dư luận, điếm nhục gia phong. Ấy cũng vì đạo đức phong cách ông bà bố mẹ trọng luân thường lễ giáo. Làm cái gì người ta cũng phải lấy cái lễ giáo đó làm thước đo việc mình làm. Đi quá thước đo thì biết mà cản mình khựng lại chứ không bước quá vượt qua."

Bà cụ hình như lâu nay không có người nói chuyện, được nói chuyện thì nói ra bằng hết. Vòng một vòng, cuối cùng cụ kết:

"Còn cái việc của cháu, đã đến nước này thì để đấy tính lại. Thằng chồng cháu nó không biết phải trái, không phục thiện, mình đơn phương đâu thể giải quyết được gì. Cháu cứ ở đây sống với hai bác rồi kiếm việc làm. Nhà cửa không rộng, cho cháu ở chung ở 'se' cũng chẳng chật chỗ chật đất là bao. Ăn uống cũng vậy, thêm cái bát cái đĩa cũng không có gì phiền toái cả. Với lại sau này có việc làm rồi, tiền lương cháu lãnh, cháu ngại ăn chung ở đụng thì chi trả phần nào cái đồng ăn đồng ở cũng kể như sòng phẳng xong suôi. Đấy là tạm thời bác nghĩ mà nói thế. Cháu ưng hay không là tùy cháu thôi."

"Bác thương cháu mới tính thế cho cháu. Được hai bác tử tế nhân hậu, tội nghiệp thân phận cháu mới mở lòng nói ra, chứ thực tình bây giờ cháu chẳng còn biết ăn đâu ở đâu nữa bác. Về thì chắc không về được nữa rồi. Anh ấy đã dở cái thói vũ phu ra đánh cháu, vợ chồng mà xử với nhau đến cái nước đó thì cháu thiết nghĩ, nếu bây giờ anh ấy có bảo cháu về cháu cũng nhất quyết không về nữa. Cháu sẽ kiếm việc làm để tháng tháng có tiền. Ở chung với hai bác hay sau này ở 'se' phòng với người khác cũng đâu có sao."

"Phải. Đứa con gái thứ hai của bác nó cũng ... À, khuya khoắt rồi, dễ đã một hai giờ sáng, hai bác cháu mình mải vui câu chuyện đến quên cả ngủ. Thôi, nhắm mắt đi cháu."

Phải. Đứa con gái thứ hai của bác nó cũng ..., bà cụ biết mình lỡ lời nói đến đó thì ngưng không nói tiếp nữa. Vui miệng lại thực lòng, bà tính kể cái chuyện con bà chồng nó bỏ. Vợ chồng có nhà biệt lập, có công băng chung, chưa con cái, ly dị thì đường ai nấy đi, của cải, nhà đất chia hai phần ai nấy giữ, rồi tình nghĩa chồng vợ mạnh tay mà cắt. Thực ra, con gái bà không cắt cũng phải cắt vì thằng chồng nó phụ bạc. Tính thẳng và tự ái, chồng đoạn tình thì nó có cần gì phải đi xin xỏ tình nghĩa mà không đoạn tình cho bõ ghét.

Đáng nhẽ không kịp khựng lại thì bà đã đem câu chuyện trong nhà ra kể với cô gái lạ chưa quen biết và vừa đến tá túc qua đêm. Cũng chính vì hoàn cảnh đáng thương của cô gái lạ trùng hợp với hoàn cảnh của con gái bà, bà mới ái ngại và cảm thông cái đau đớn của người con gái ngã ba đường.

Một buổi sáng cuối tuần, cô con gái bà già ghé về thăm mẹ. Ở phòng khách, mẹ con ngồi chuyện trò.

"Bữa nay con có việc này muốn nói với mẹ."

"Mẹ nghe. Có chuyện gì con cứ nói."

"Con tính lập lại gia đình. Nếu con lấy chồng bố mẹ có ưng nhận rể không."

"Mẹ cứ tưởng con không còn nghĩ đến chuyện đó nữa. Một lần đổ vỡ trong đời một người đàn bà cũng quá đủ chán rồi. Mẹ làm sao hiểu được rồi đây cái người sắp đến với con có đem cho con hạnh phúc không. Hay rồi..."

"Hay rồi như lần trước" ý mẹ muốn nói có đúng thế không.Con tin là không đúng. Con quen anh ấy và biết tính tình anh ấy thành thật tử tế chứ không như cái người trước đây con đã gửi thân trao phận đâu mẹ ạ. Con nghĩ, con còn trẻ, con không thể sống cô đơn cô quả mãi như thế này được. Mẹ à, tuổi đời còn dài, con làm sao chịu nổi cái nỗi buồn sói mòn bào nhẫn cõi lòng con được. Con cần phải có một

người sống cận thân như đũa có đôi, như chim có bạn, như mọi vật trời sinh ra đều có cặp cả."

"Đem chuyện hôn nhân của con ra nói với mẹ, đấy chính là con đã biết nghĩ theo đúng lễ nghĩa mới thưa gửi với người trên sinh ra. Bố mẹ cám ơn con đã giữ hiếu để mà trọng gia đạo. Nếu con đã gặp người thành thực tử tế, con kết nghĩa vợ chồng thì cũng là điều tốt và đúng thôi. Nhưng làm gì cũng phải cân nhắc suy nghĩ cho chín chắn, chủ quan thái quá e rồi hối tiếc thì đã lại muộn. Thời buổi bây giờ, sang bên này quyền làm bố làm mẹ không như ở đất quê nhà. Ở quê nhà việc lấy vợ gả chồng cho con cái, con cái tùy quyền quyết định của bố mẹ ưng đâu mình chịu phận ngồi đấy. Mỹ xứ này nó không thế. Nó thay đổi khác rồi. Đấy là mẹ nói dân mình qua đây bị ảnh hưởng nên quá bán cưới xin do con cái dành quyền quyết định, cái còn lại do gia đình bố mẹ đứng ra lo. Nhân vui miệng, mẹ nói là nói thế cho có chuyện để nói. Còn cái việc của con, con ưng ý yêu ai thì cứ lấy nhau bố mẹ không có điều chi cấm cản cả."

"Để bữa nào thuận tiện, con mời anh ấy đến nhà ra mắt bố mẹ. Với mẹ thì mẹ vui lòng rồi, với cha, cha khó tính liệu cha có chịu cho xong không."

"Mẹ cũng không biết nữa. Nhưng để mẹ nói với cha cho cha con hiểu. Thực tình từ ngày xảy ra vụ vợ chồng con ly dị, mẹ vẫn bận lòng và thương con lắm. Chẳng qua cái duyên số trắc trở, chẳng ai muốn cái duyên số nó thế lại rớt vào mình. Rớt hay không rớt cũng ngoài ý mình muốn cả."

Bữa hai mẹ con bà già ngồi nói chuyện ở phòng khách, cô gái ở trọ nhà bà đã xin được việc làm. Đi làm quen với người này người nọ, chuyện trò trao đổi cũng khỏa lấp và quên đi cái ngang trái tình đời. Làm hãng có lương. Lương trả tiền "se" phòng và tiền ăn uống hàng ngày. Cuộc sống tạm bợ vá víu lần lữa qua đi. Như một dòng sông, nước sông cứ theo luồng nước chảy mãi.

Một bữa, bà cụ dậy sớm lắm. Nghe tiếng soong chảo đụng chạm, cô gái biết bà đang nấu nướng ở bếp. Chẳng lẽ lại nằm dài không dậy giúp bà cụ cũng kỳ, cô vội xếp gọn nệm giường rồi bước ra khỏi phòng.

"Bác để đấy cháu lo cho. Nhà hôm nay có khách hay sao mà bác nấu cái nồi lớn thế."

"À, khách khứa gì đâu. Con gái tôi nó nói về chơi, bác nấu nồi bún bò Huế đỡ phải ra tiệm ăn tốn tiền phí bạc. Ăn ở nhà vừa nhiều, vừa rẻ lại được thoải mái ngồi chuyện trò."

Bà cụ được cô gái ở "se" phụ nấu nên bớt việc. Rảnh tay, có người để nói, bà già mau miệng kể:

"Ấy, trước lạ tôi không tiện đem chuyện nhà nói ra, nay ở lâu quen biết tôi mới không ngại mà tâm sự với cô về con cái gia đình. Đứa gái thứ hai của tôi cũng cám cảnh giống như cô vậy. Chồng nó bỏ nay lại tính lấy chồng khác. Bữa mấy hôm trước nó ghé về, nó ngỏ lời xin được kết hôn làm đám cưới. Cái anh này mặt mũi ra sao, tính tình lòng dạ như thế nào, đã gặp lần nào đâu mà biết. Các cụ ta thường nói, 'sông sâu còn có kẻ dò, lòng người nham hiểm biết đâu mà lường,' lại có câu 'thức lâu mới biết đêm dài' nó vẫn đúng cả đấy cháu ạ. Để rồi hôm nay nó đưa người nó muốn lấy đến đây, gặp xem cậu ta người ngợm ra sao, ăn nói có chững chạc đứng đắn không mới rõ được."

Cô gái vẫn bận tay nấu bếp, tai nghe bà cụ kể nhưng không lên tiếng phụ họa. Nói đến chuyện chồng vợ, lòng cô đau xót như có dao khứa vào da thịt. Nghĩ tới những ngày mới lấy chồng, chồng yêu thương thắm thiết, âu yếm cưng chiều, nựng khen này nọ, nay chồng mèo mỡ ruồng rẫy bỏ rơi, cô bỗng cảm thấy tình nghĩa vợ chồng như phiến băng giá lạnh. Băng kết tủa không thể như đá cuối cùng cũng phải chảy ra nước loãng và tan đi. Như hạnh phúc gia đình của cô vậy.

Có tiếng chuông cửa reo lên báo khách đến nhà. Bà cụ đang bận tay chưa kịp đứng dậy, cô gái đã nhanh nhẩu nói:

"Bác để cháu."

"Ờ, cháu ra mở giúp bác. Con bác nó đến đấy."

Cánh cửa được mở ra. Cô con gái bà cụ xuất hiện đứng sau là người đàn ông đi cùng cô ta. "Ủa" Sau cái tiếng kêu ngắn và cụt, cô ở "se" phòng nhà bà cụ hốt hoảng chạy ngược vào căn buồng trong là buồng ngủ của mình. Bà cụ ngạc nhiên hỏi:

"Cô ấy làm sao vậy. Để mẹ vào xem cô ấy làm sao lại vậy."

Khi bà cụ vô phòng, bà thấy cô gái đứng ở cạnh khung cửa sổ khóc. Gặng hỏi mãi, cô ta mới nức nở nghẹn lời:

"Trời ơi, chồng cháu ...chồng cháu đấy bác."●

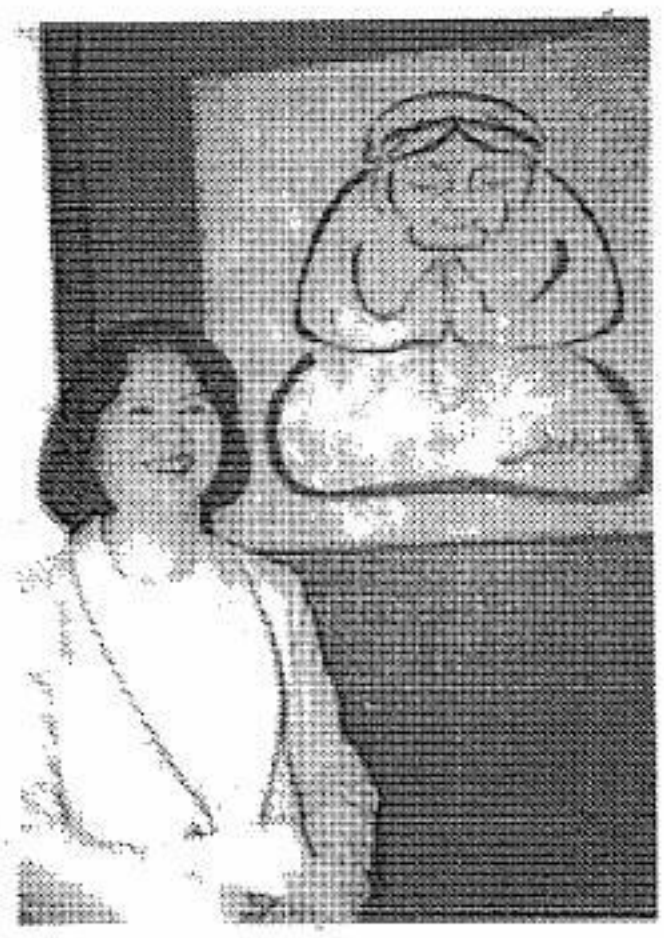
10.98



QUẬN CAM

Triển lãm "41 năm vẽ tranh" của họa sĩ Bé Ký

Một cuộc triển lãm tranh Bé Ký sẽ được mở cửa vào trưa ngày thứ Bảy 19 tháng 12, 1998 tại phòng Sinh hoạt của nhật báo Người Việt, thành phố Westminster, để đánh dấu 41 năm vẽ tranh của nữ họa sĩ.


Họa sĩ Bé Ký

Họa sĩ Bé Ký sinh năm 1938 tại Hải Dương. Bà là một trong các nữ họa sĩ đã góp phần tạo nên sự phong phú đa dạng cho nền hội họa Việt Nam với lối vẽ mực tàu và màu nước mộc mạc nhưng rất sống động. Tác phẩm của của bà đã được trưng bày tại nhiều nước trên thế giới như Pháp, Nhật, Hòa Lan... Hiện nay bà đang tham dự cuộc triển lãm quốc tế "Women / Beyond Borders" do Smithsonian Institution tổ chức từ 1995 đến năm 2000. Định cư tại Hoa Kỳ năm 1989, Bé Ký tiếp tục con đường nghệ thuật của mình để đóng góp cho giới thưởng ngoạn những tác phẩm độc đáo, khác lạ, không thể hòa lẫn.

. Nhà văn Thụy Khuê, trong cuốn Sóng Từ Trường, đã có những nhận xét về tranh Bé Ký như sau:

Các họa sĩ thường bắt đầu từ dessin rồi dựa vào dessin mới phóng ra các màu sắc khác nhau. Bé Ký dừng lại ở dessin. Dường như bà đã tìm thấy vùng đất Thánh và dứt khoát ở lại thiên đường nguồn cội của mình. Bà không lớn nữa. Có thể nói Bé Ký — như cái tên lựa chọn có ý tiên định của bà — đã lấy tuổi thơ làm quê hương, dừng lại ở thời điểm hàn vi, ngây thơ (naif) trong hội họa và trong đời. Bé Ký là hiện tượng không già, rất độc đáo trong hội họa Việt.

... Trong thế giới hội họa của Bé Ký, nhân vật, động vật và tĩnh vật, rọi lọc qua ánh sáng giác ngộ, có những nét hồn nhiên và ngây thơ. Từ con trâu, em bé, đến chiếc xe thổ mộ, cái váy của người đàn bà, chiếc khăn mỏ quạ, tóc vấn đuôi gà... tất cả đều thoát ra một cái gì chân chất, rất lành, rất mộc mạc như chưa từng có lớp sơn màu lòe loẹt nào bay đến làm ô uế, ô nhiễm đi.

... Người xem tìm thấy nguồn vui tự tại trong tranh, kèm nỗi nhớ nhung vô bờ và nỗi buồn man mác, về những ký ức tuổi thơ không bao giờ trở lại.

Buổi ra mắt CD Tìm Nhau Bốn Mùa

Phòng sinh hoạt của Nhật báo Người Việt đã trở nên quá nhỏ bé với gần 300 khán giả đến dự buổi ra mắt CD Tìm Nhau Bốn Mùa với các giọng ca thính phòng nổi danh một thời từ trước 1975, tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo người Việt vào chiều ngày Chủ Nhật Mồng 8 tháng Mười Một năm 1998.

Ca sĩ Kim Tước đã lên cảm tạ khán giả hiện diện đông đảo ngoài sự ước lượng của ban tổ chức. Bà cũng nói đến sự cố gắng của ba tiếng hát Kim Tước, Mai Hương và Quỳnh Giao trong việc thực hiện CD này, cả ba trước đây đều góp mặt trong ban nhạc Tiếng Tơ Đồng và bây giờ là tam ca Tiếng Tơ Vàng.

Với tư cách một người thưởng thức nhạc, giáo sư Nguyễn Đình Cường đã nói những ghi nhớ của ông về ba nữ nghệ sĩ từ những năm thập niên năm mươi lúc còn ở Hà Nội, cho đến lúc vào Nam và sau cùng là ở Hoa Kỳ. Ông cũng nói đến cái hạnh phúc của những người lưu vong còn được nghe lại những tiếng hát mà ông tưởng chừng như đã mất, những tiếng hát đã trở thành một phần của kỷ niệm, một phần của quê hương, đã làm nên cuộc sống tình cảm của chúng ta. Ông lên tiếng cảm tạ tất cả những văn nghệ sĩ đã duy trì, bảo tồn và phong phú hóa các loại hình văn học nghệ thuật trong cuộc sống di tản ở nước ngoài.

Sau khi thưởng thức một chương trình nhạc



Mai Hương, Quỳnh Giao, Kim Tước

thính phòng của phần giới thiệu CD Tìm Nhau Bốn Mùa, khán giả được nghe tiếp phần giới thiệu nhạc sĩ Nguyễn Hiền và một số nhạc phẩm tiêu biểu của ông với ban nhạc The Star Band cùng các giọng ca của tam ca Tiếng Tơ Vàng, Xuân Thu, Mỹ Thúy... Nhạc sĩ lão thành Nguyễn Hiền đã có mặt trong làng tân nhạc từ cuối thập niên 30 lúc nền tân nhạc Việt Nam còn phôi thai và từ đó ông hoạt động không ngừng nghỉ trong lãnh vực âm nhạc. Sự kết hợp giới thiệu nhạc sĩ Nguyễn Hiền trong buổi ra mắt CD Tìm Nhau Bốn Mùa đã cống hiến cho khán giả một chương trình nhạc rất phong phú, với tính chất khác nhau giữa nhạc thính phòng êm dịu và sự kích động của giàn kèn trong The Star Band.

Chiều ca nhạc Ngô Tín: Ngón đàn và sáng tác

Gần một trăm khán giả và thân hữu đã đến với phòng sinh hoạt của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ vào chiều Chủ Nhật 8 tháng Mười Một năm 1998 để thưởng thức tiếng đàn tây ban cầm của nhạc sĩ Ngô Tín cùng những sáng tác của chính anh do các ca sĩ thân hữu trình bày.

Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu nói đến Ngô Tín như là một khuôn mặt mới đối với ca nhạc hải ngoại nhưng cũng là một khuôn mặt quen thuộc trong những buổi sinh hoạt nghệ thuật gần đây ở miền nam California. Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát nói đến đặc tính dòng nhạc của Ngô Tín nhìn thấy con đường sáng tác của Ngô Tín sẽ còn thênh thang trong tương lai.

Nhạc sĩ Phạm Gia Cổn sau khi thưởng thức một số bản nhạc mà nhạc sĩ Ngô Tín biểu diễn với chiếc tây ban cầm, đã nói rằng tiếng đàn của Ngô Tín rất tài hoa. Trong các bản Hòn Vọng Phu mà Ngô Tín vừa đàn, ông cảm thấy như có tiếng va chạm binh khí, tiếng rộn ràng của nhạc ngựa...

Ngô Tín sinh năm 1954 tại Bình Định, bắt đầu sáng tác nhạc từ 1973, cho đến nay đã có hơn 100 tác phẩm. Ông định cư tại Hoa Kỳ từ 1991, và năm 1997 đã ra mắt tập ca khúc phổ từ thơ. Các nhạc sĩ và giới thưởng ngoạn cho rằng Ngô Tín còn đi rất xa trên con đường sáng tác cũng như trình diễn.

Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi ra mắt video Con Đường Cái Quan

"Tôi đã đi thăm nhiều Cộng Đồng Việt Nam trên khắp thế giới nhưng chưa thấy có ban hợp xướng nào tổ chức có tầm vóc quy mô và phong cách nghệ thuật như ban hợp xướng Ngàn Khơi. Tôi ước mong các cộng đồng Việt Nam ở khắp nơi cũng có những ban hợp xướng như Ngàn Khơi, không phải chỉ để chúng ta mua vui với nhau mà để truyền lại những gì mà chúng ta đã có cho những thế hệ trẻ của chúng ta ở ngoại quốc cũng như ở cả trong nước. Những cuốn video thực hiện như cuốn video Con Đường Cái Quan của ban Ngàn Khơi có nhạc hay hình ảnh đẹp có thể nói hiện nay rất hiếm trên thị trường âm nhạc Việt Nam."

Trên đây là ý kiến của nhạc sĩ Phạm Duy nói trước hơn 300 khán giả nhân dịp tham dự



Ban Ngàn Khơi

buổi ra mắt cuốn video Con Đường Cái Quan do Ban Ngàn Khơi thực hiện tại phòng hội của nhật báo Los Angeles Times, Orange County, Costa Mesa vào chiều Chủ Nhật 15 tháng Mười Một năm 1998.

Ngàn Khơi là một ban hợp xướng đã hoạt động hơn 10 năm qua ở Quận Cam, các buổi trình diễn chính thức đều với sự hợp tác của các giàn nhạc giao hưởng. Những chương trình trình diễn quy mô hằng năm không những là món ăn tinh thần quý giá cho khán giả Việt Nam mà còn nhằm giới thiệu nét đẹp của nhạc Việt đến khách thưởng ngoạn ngoại

quốc.

Bộ video Con Đường Cái Quan gồm 15 ca khúc cùng trường ca Con Đường Cái Quan, do các nhạc trưởng Lê Văn Khoa, Trần Chúc viết hòa âm cũng như điều khiển ban nhạc và giàn hợp xướng. Trong dịp ra mắt này, các ca viên trong ban Hợp Xướng Ngàn Khơi cùng với một số nghệ sĩ như Mai Hương, Bích Liên đã hát những bản nhạc nổi tiếng với sự điều khiển của nhạc trưởng Trần Chúc và tiếng đàn phụ họa của nhạc sĩ Lê Văn Khoa và cô Mỹ Lệ.

Một thành viên của ban Ngàn Khơi tâm sự: "Cuốn băng nhạc này là tâm huyết của chúng tôi, thực hiện rất tốn kém sau nhiều năm ca đoàn sinh hoạt. Chúng tôi mong được đồng bào trong và ngoài nước ủng hộ, phổ biến. Riêng Con Đường Cái Quan là trường ca giới thiệu được hình ảnh quê hương trong tình cảm thắm đẹp mà nhạc sĩ Phạm Duy đã sáng tác trong thời mà ông có nhiều phong độ nhất."

Nhạc sĩ Phạm Duy, tác giả của hai trường ca Con Đường Cái Quan và Mẹ Việt Nam (sáng tác trong thập niên 1960), quả là người đã gầy dựng, kích thích tình tự quê hương cho nhiều thế hệ người Việt, ngay từ khi hai tác phẩm lớn này mới được phổ biến. Trong dịp này Phạm Duy đã nói "Con Đường Cái Quan là niềm mơ ước của tôi sau khi đất nước bị chia đôi (tháng 7/1954). Tôi nói lên niềm mong mỏi của dân Việt: Con Đường Cái Quan đưa người lữ khách đi nối tình người Nam Bắc trong cảnh thanh bình, tự do. Ngày nay, thật sự Con Đường Cái Quan vẫn chưa nối được lòng người dân Việt, dù đất nước chúng ta đã thống nhất hơn hai mươi năm rồi!"

Anh Dũng, một thanh niên có mặt trong buổi trình diễn của ca đoàn Ngàn Khơi cho biết "Nghe hát xong, em chỉ mong sớm được về Việt Nam một ngày nào để đi thăm từ Ải Nam Quan tới vùng sông Cửu Long... Nếu các bạn trẻ trong nước cũng biết những bài hát này, cùng đi và hát với bọn em thì vui biết bao!" Cụ Phan đầu tóc bạc phơ ngậm ngùi: "Tôi đã về Việt Nam và đi thăm nhiều nơi, tuy đâu cũng có radio, có khi có cả truyền hình, nhưng đa số 'nhạc vàng' ngày trước chỉ gồm toàn những bài tình ca ảo não, không ai biết về trường ca này, thật tiếc quá!"

Đêm nhạc Nguyễn Đức Quang

Mùa Thu năm nay, vào cuối tháng 10/1988, tại vùng Quận Cam, miền Nam California Hoa Kỳ, các thân hữu của Nguyễn Đức Quang, người đã từng khởi xướng và đứng đầu các phong trào Trầm Ca, Du Ca tại Việt Nam từ thập niên 60, đã cùng ông tổ chức một đêm hát nhạc do ông sáng tác. Hội trường gần 500 chỗ của Santa Ana College chật hết khiến các khán thính giả tới sau phải ngồi dưới đất, dọc lối đi giữa các hàng ghế.

Nguyễn Đức Quang và các bạn ông hát khoảng 20 bản thuộc chín loại nhạc khác nhau do ông sáng tác từ các thập niên 1960/70/80, trong đó có những bài rất nổi tiếng như *Bên kia sông, Vì tôi là linh mục, Xin chọn nơi này làm quê hương, Hy vọng đã vươn lên...* Nhạc Nguyễn Đức Quang đa số phản ảnh tâm trạng khắc khoải của lớp thanh niên trước cảnh chiến tranh: *Người anh Vĩnh Bình - Chiều qua Tuy Hòa* là những thảm cảnh trong cuộc chiến Bắc Nam. Bản *Ruồi và Kên Kên* vẫn đúng với thời nay: bọn tham nhũng, trục lợi đang tiếp tục tung hoành trên sự ngu ngơ, nghèo đói của dân chúng. Hai bản *Không phải là lúc ta ngồi đặt vấn đề nữa rồi* và *Ngồi quanh đây* là những ca khúc rất phổ thông trong các sinh hoạt cộng đồng.

Nhà văn Quyên Di và cô Bích Ngọc giới thiệu chương trình rất lôi cuốn và dí dỏm. Hai người nhắc tới bối cảnh Việt Nam trong những thời điểm sáng tác của người nghệ sĩ, khiến cho lớp thanh niên già trạnh nỗi cảm hoài, lớp trẻ thì được hiểu biết về thời loạn ly của cha, anh họ.

SAN DIEGO

Họa sĩ Nghiêu Đề qua đời

Giới văn học nghệ thuật người Việt hải ngoại lại vừa chịu thêm một cái tang: họa sĩ Nghiêu Đề đã qua đời ngày 9 tháng Mười Một 1998 tại nhà riêng ở San Diego. Ông đã ra đi một cách êm ái bình thản sau nhiều tháng mắc chứng bệnh ung thư biết rằng không thể qua khỏi. Ông để lại một người vợ từng chia xẻ những tâm tình cũng như hoàn cảnh khó khăn trong đời sống của người nghệ sĩ, và ba người con một trai hai gái, hiện đã lên tới bậc đại học.

Họa sĩ Nghiêu Đề sinh năm 1939 tại Quảng Ngãi, tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định. Năm 1965 ông cùng một số bạn hữu thành lập Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam. Trước đó Nghiêu Đề đã được huy chương bạc trong Triển Lãm Hội Họa Mùa Xuân năm 1961 ở Sài Gòn. Trước 1975, các họa phẩm của ông — tranh sơn dầu theo khuynh hướng lãng mạn

và siêu thực — đã từng tham dự nhiều cuộc triển lãm với Hội Họa Sĩ Trẻ ở Sài Gòn, Nhật Bản, Hoa Kỳ.

Năm 1986, Nghiêu Đề và gia đình đến định cư tại Mỹ và tiếp tục vẽ tranh, tham gia các cuộc triển lãm của người Việt ở hải ngoại. Ngoài vẽ, ông còn làm thơ, viết văn. Trước 1975 Nghiêu Đề đã xuất bản cuốn "Sợi Tóc Trăm Năm" tại Sài Gòn.

Tang lễ Nghiêu Đề được cử hành ngày 14/11/98 tại San Diego, California.

MASSACHUSETTS

Springfield Symphony Orchestra trình diễn nhạc và triển lãm ảnh của Lê Văn Khoa

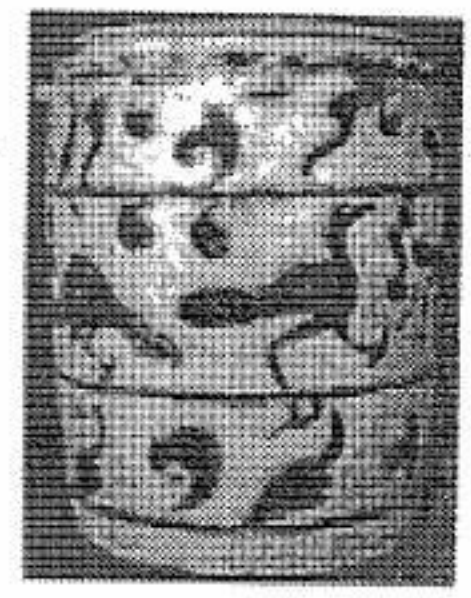
Nhạc giao hưởng của nhà soạn nhạc Lê Văn Khoa đã được chọn để trình diễn trong chương trình "Thế giới vòng quanh Springfield" trong ngày 18 tháng Mười Một 1998. Nhạc trưởng Mark Russel và Ban Quản trị của Springfield Symphony Orchestra ở Massachusetts đã chọn hành âm "Trong Đêm Khuya" (In The Depths of the Night) của Tổ Khúc Giao Hưởng 1.9.7.5. (Symphonic Suite 1.9.7.5.) của Lê Văn Khoa để trình diễn trong chương trình nói trên tại thành phố Springfield, tiểu bang Massachusetts. Sẽ có ba buổi trình diễn tại Symphony Hall, hai buổi ban ngày dành cho sinh viên và học sinh, buổi ban tối cho giới thưởng ngoạn nhạc giao hưởng. Để giúp người thưởng ngoạn dễ cảm thông hơn với thế giới nghệ thuật của Lê Văn Khoa, một số tác phẩm nhiếp ảnh của Lê Văn Khoa sẽ được chiếu trên màn ảnh trong lúc nhạc của ông được trình diễn.

Cũng trong dịp này, Hội Dân Vụ Việt Mỹ (VACA), Springfield Symphony Orchestra và Bank Boston đồng bảo trợ cuộc triển lãm ảnh nghệ thuật đen trắng của Lê Văn Khoa và một số ảnh màu trích từ cuộc triển lãm Ảnh Trang Trí của Thái Đắc Nhã, Trần Minh Vàng, Hà Quang Sang, Phí Văn Trung v.v..., khai mạc vào ngày 17/11/98 tại Tower Square, trung tâm thành phố Springfield. Sau đó cuộc triển lãm được dời về Healey Library của University of Massachusetts, thành phố Boston và ngày 20/11/98, do Cộng đồng Việt Nam và U-Mass Boston bảo trợ.

CHICAGO

Gốm Việt Nam tại Hội thảo về Đồ Gốm Đông Nam Á

Trong ba ngày 23, 24, 25 tháng Mười 1998, Viện Bảo Tàng Field Chicago đã tổ chức một cuộc hội thảo quốc tế về đồ gốm Đông Nam Á. Thành phần tham dự gồm các đại biểu từ Anh, Đức, Pháp, Nhật Bản, Đại Hàn, Phi Luật Tân, Thái Lan, Trung Hoa và Việt Nam. Học giả từ khắp nơi của Mỹ cũng về tham dự, riêng từ Los Angeles phái đoàn gồm có bà Roxanne Brown, một nhà nghiên cứu tiên phong về gốm Việt Nam, hai tiến sĩ John Listopad, T. June Li, bác sĩ Kiều Quang Chẩn v.v...



Thạp Lý hoa nâu, thế kỷ 11-13

Đề tài chung là những khám phá, những khai quật mới tại Đông Nam Á. Riêng về Việt Nam, tiến sĩ Miyiam Etsuko của Đại học Hari Uragami (Nhật Bản) mở đầu, thuyết trình về những mảnh gốm tìm thấy tại các đảo xa xôi của nước Nhật, mà khi chiếu hình ảnh lên thì mọi người nhận ra ngay nguồn gốc của chúng. Tiến sĩ Trịnh Cao Tường của Viện Khảo Cổ Hà Nội trình bày bối cảnh huy hoàng của gốm Việt Nam ở thế kỷ 15, sau khi Lê Lợi đuổi được quân Minh. Thời bấy giờ các lò gốm tại Hải Dương như Chu Đậu, làng Ngói, Hợp Lễ v.v... đã sản xuất những đồ gốm xuất sắc làm say mê hoàng gia cũng như giới quý tộc ở Phi Luật Tân, Nam Dương, Mã Lai, và đến tận Thổ Nhĩ Kỳ.

Đặc biệt nhất là bà Allison Diệm (có chồng người Việt Nam) từ Phi Luật Tân với đề tài Gốm Việt Nam tìm thấy tại Phi. Bà đã nghiên cứu tại chỗ các điểm khai quật ở Bình Định như Gò Sành, Cây Me... với nhiều khám phá mới. Bà khẳng định cách đây 500 năm tại Việt Nam có hai vùng khác nhau sản xuất đồ gốm xuất cảng, là miền Bắc và miền Trung. Bài thuyết trình của bà là một trong những đề tài hấp dẫn nhất của Hội thảo.

Ý kiến chung đồng ý rằng gốm Việt Nam so với gốm người Tàu đặc chế cho vua chúa thì không bằng, nhưng nếu so với gốm dân dụng và ngay cả gốm xuất cảng ra Đông Nam Á của họ thì hơn hẳn. Rất tiếc các lò gốm Việt Nam sau thế kỷ 15 không còn giữ được truyền thống, nếu không Việt Nam ngày nay hẳn có chỗ đứng quan trọng trên thế giới về ngành nghệ thuật này.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Dòng Đời Lặng Lẽ

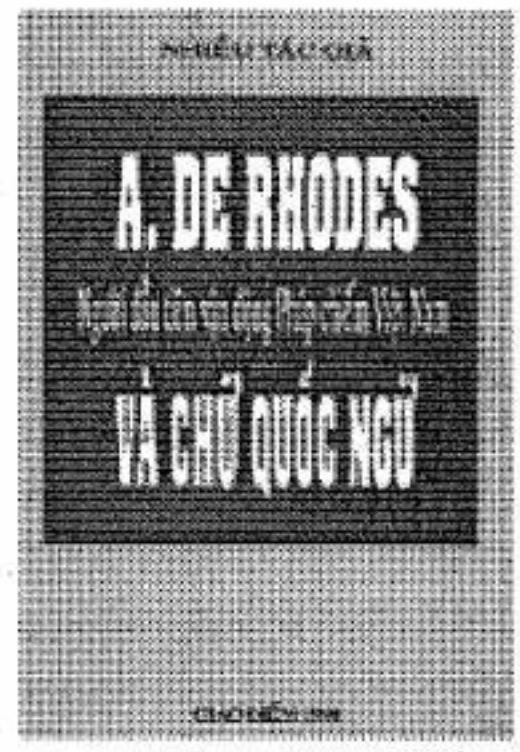


tập truyện của Nguyễn Ngọc Ngạn, tác giả xuất bản, 182 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Thắng Nguyễn, P.O. Box 10311 Westminster, CA 92685, USA. Tel: (714) 891-8423.

Truyện đầu trong ba truyện của sách, *Ngày trở lại*, khá ly kỳ, nhiều tính chất trinh thám, có âm mưu giết người, có cảnh làm tình trong khách sạn, cảnh bắt cóc người đi thủ tiêu, và nhất là các tình tiết thắt mở phần cuối truyện bất ngờ, hợp đạo lý, "có hậu," khiến người xem được thở phào sau những phút hồi hộp. *Dòng đời lặng lẽ* được đặt tên cho sách là một loại truyện khó thành truyện, một người biết rõ người vợ sắp cưới của bạn thân mình vốn là một cô gái điếm mà chính mình có lần đã gặp gỡ, các tình tiết nhiều tính "xã hội" hơn là trinh thám, nhưng vẫn được tác giả trình bày rất khéo, luôn hấp dẫn, với đoạn kết bất ngờ, có thể gây một mối thương tâm nhẹ nhàng. Nhưng cái kết thúc gây bất ngờ hơn cả là của truyện cuối, *Mưa trong bóng đêm*, cho thấy rõ nhất cái tài của tác giả dấu kín một điểm chính yếu nhất của câu chuyện, chỉ để nó lộ ra vào phút cuối không ai ngờ tới nhất.

Tình tiết của các câu chuyện liên tiếp xuất hiện như các làn sóng đuổi nhau, có thắt, có mở, rất lôi cuốn hấp dẫn. Tác giả đã đạt được nghệ thuật cao trong cách kể chuyện, không ngừng lại với những đoạn tả tình tả cảnh dài dòng như trong các sách văn học cũ. Người đọc được dẫn đi mau chóng trong các câu chuyện, cảnh và tình chỉ được viết rất ngắn gọn vừa đủ để làm một thứ dầu mỡ cho chuyện được diễn tiến trơn tru, chứ không rề rà nhằm mang tâm hồn người đọc vào những tâm cảnh của truyện. Các biến chuyển tâm lý được trình bày một cách sáng sủa, "hợp tình," không xa lạ với tâm lý thông thường của con người trong xã hội, dễ chấp nhận. Đây đúng là sách đọc giải trí cho con người thời đại ngày nay: không nhiều thì giờ, tâm hồn không "hướn" để đắm vào những thứ tình cảm hay tư tưởng khúc mắc xa xôi, câu chuyện dù luôn luôn đầy ngoắt ngoéo, cần được trình bày rành mạch, chi tiết và mau chóng. Những chuyện như thế cũng rất thích hợp để dùng cho những băng đọc truyện, vì ngôn ngữ nói vốn thích hợp với loại truyện kể, với nội dung linh hoạt, dễ dãi hơn là thâm trầm và quá ý nhị.

A. De Rhodes, người đầu tiên vận động Pháp chiếm Việt Nam, và chữ quốc ngữ



sách biên khảo gồm bài của nhiều tác giả, Giao Điểm xuất bản, 299 trang, giá US$14.00. Liên lạc: Giao Điểm, P.O. Box 2188 Garden Grove, CA 92842, USA.

Sách gồm tám bài liên quan đến giáo sĩ Alexandre de Rhodes:

- *Từ một câu chữ của Alexandre de Rhodes đến các cách dẫn dụng khác nhau* của Chương Thâu, thuộc Viện Sử Học, Hà Nội, viết năm 1995, nghiêng về cách dịch một câu của A. de Rhodes *"J'ai cru que la France, étant le plus pieux royaume du monde, me fournirait plusieurs soldats qui aillent à la conquête de tout l'Orient...* là không phải cung cấp lính chiến, mà nên hiểu nghĩa bóng của chữ *soldats* ở đây là những "thừa sai," tức là tu sĩ đi truyền đạo. Và do đó: *"Chúng ta thành kính ghi nhận tầm nhìn sáng suốt của các giới lãnh đạo của Đảng và của Nhà Nước ta đối với danh nhân văn hóa Alexandre de Rhodes."*

- *Góp ý với Giáo Sư Chương Thâu về vai trò*

của Linh Mục A. de Rhodes và nguồn gốc chữ quốc ngữ của Nguyễn Kha, không đồng ý với cách dịch trên, và dẫn một số tài liệu để nói rằng ngoài việc góp phần sáng chế ra chữ quốc ngữ, A. de Rhodes còn *cung cấp những thông tin chiến lược của Việt Nam và cổ xúy nước Pháp xâm chiếm kinh tế và chính trị nước ta.*

- *Vấn đề A. de Rhodes và chữ quốc ngữ* của Bùi Phước, có lẽ là một tác giả trong nước, có khuynh hướng đồng ý với Nguyễn Kha, tiếp tục chứng minh bằng sử liệu để đi đến kết luận giống như Nguyễn Kha.

- *Ai làm ra chữ quốc ngữ?* của Giáo Sư Hoàng Tuệ, chứng minh A. de Rhodes không phải người duy nhất làm ra chữ quốc ngữ và nhắc đến ý *đằng sau các giáo hội với sứ mệnh cao cả là những chính phủ, những công ty kiếm tìm thuộc địa vì những lợi quyền trần tục.*

- *Gửi Giáo Sư Hoàng Tuệ bàn về chữ quốc ngữ trên tờ Tuổi Trẻ* của Tiến sĩ Thần Học Nguyễn Khắc Xuyên, đả kích nặng nề bài của GS Hoàng Tuệ và cho rằng A. de Rhodes và các tác phẩm của ông phải có mặt trong Từ Điển Văn Học Việt Nam.

- *Mưu đồ chính trị của A-lếch-xăng Đờ Rốt (A. de Rhodes) và vấn đề chữ quốc ngữ* của hai tác giả Hoàng Văn Lân và Đặng Huy Vận, đã đăng trên báo chí miền Bắc từ năm 1964, nhằm chống lại một đợt có nhiều hoạt động văn hóa để kỷ niệm ngày giỗ của giáo sĩ Đắc Lộ, được xem là một danh nhân văn hóa, tại miền Nam thời bấy giờ.

- *"Thánh" Phanxico Xavie, cố đạo Đắc Lộ và chữ quốc ngữ* của Charlie Nguyễn, cho rằng *A. de Rhodes chủ trương tiêu diệt văn hóa bản địa để làm sạch địa bàn cho văn hóa Kitô giáo độc diễn*, do đó về vấn đề chữ quốc ngữ *chúng ta không cần phải "biết ơn"* mà nên coi là "chiến lợi phẩm."

- *Alexandre de Rhodes đã làm gì cho Việt Nam?* của Trần Quí, dài 119 trang, đưa nhiều sử liệu về A. de Rhodes, về việc nước Pháp hướng việc đi tìm thuộc địa ở Viễn Đông, và phần kết là hậu quả những việc Rhodes đã làm cho Việt Nam.

Tập hợp xuất bản tám bài trên, nhà xuất bản Giao Điểm nhằm hai điều: chứng minh A. de Rhodes không phải là người duy nhất sáng chế ra chữ quốc ngữ với mẫu tự la tinh, và đó cũng không phải là một nhà văn hóa thuần túy không có mưu đồ chính trị, mà chính ông là người đã lát những viên đá [illegible] đầu tiên cho việc Pháp xâm chiếm Việt [illegible] sau này. Các bài bênh hay chống đều vận dụng tài liệu, sử liệu, và trừ một vài trường hợp, tất cả được viết với thái độ bình tĩnh của những người có văn hóa và học thức. Từ lâu đối với Việt Nam, vấn đề tôn giáo vẫn được coi là chuyện tế nhị, có nhiều chỗ "bất tiện" khó nói, nhưng đối với thế giới Tây phương thì không còn là cái gì cấm kỵ nữa. Có lẽ nhờ thường được tiếp xúc với môi trường trí tuệ mở rộng ấy cộng với sự tiếp cận nhiều nguồn tài liệu, người Việt Nam tại hải ngoại, thuộc bất cứ tôn giáo nào, cảm thấy không còn e dè như trước kia khi phải soi lại một số vấn đề của lịch sử, dù có liên quan đến tôn giáo hay không. Vấn đề còn lại là mọi chuyện phải dựa vào sự thật, không được gieo mối bất hòa tín ngưỡng vốn cho đến nay vẫn là điểm rất nhạy cảm của con người Việt Nam. Chứng nhạy cảm ấy có thể cũng là một căn bệnh của quá khứ, có thể tập để tự chữa dần bằng sự cọ xát trí tuệ với biết bao nguồn tri thức của cái thế giới sáng sủa không còn một cái gì có thể gọi là "toàn trị" của loài người ngày nay.

Tiếng Sông Hương



đặc san về Huế, do Phương Anh Trang chủ trương biên tập, 224 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Tiếng Sông Hương, 6730 Stichter St. Dallas, TX 75230, USA. Tel: (214) 265-8529.

Tiếng Sông Hương năm nay ngoài những bài viết về kỷ niệm hoặc khảo cứu chủ đề về Huế như thường lệ, còn có hai hai loạt bài đặc biệt: về chiếc áo dài Việt Nam và về Sài Gòn 300 năm.

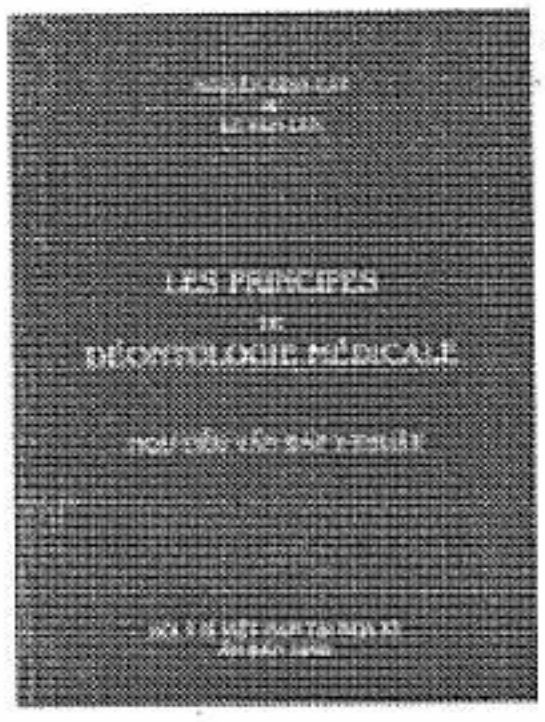
Khảo về nguồn gốc chiếc áo dài có bài "Từ sấm dời đô đến chiếc áo dài Việt Nam" của Phương Anh Trang với kết luận *cái áo dài phát minh thời chúa Nguyễn Phúc Khoát một phần giống áo tứ thân Đàng Ngoài, một phần giống áo dài Chiêm Thành...* Về áo dài tân thời, ngoài một số hình ảnh chụp người phụ nữ mặc áo dài, từ Nam Phương hoàng hậu, bà Ngô Đình Nhu cho đến thế hệ thiếu nữ hiện nay tại hải ngoại, còn có bài "Đẹp mãi ngàn năm tà áo [illegible] Việt Nam" của Trương Thị Thịnh, người họa sĩ đầu tiên đã nghĩ ra cách vẽ hoa trên tà

áo.

Loạt bài "Sài Gòn 300 năm cũ," lấy từ cuốn sách cùng tên sắp xuất bản của Nguyên Hương, chứa đựng rất nhiều tài liệu hình ảnh của Sài Gòn xưa. Thế mạnh của Tiếng Sông Hương lâu nay là có nhiều tài liệu, hình ảnh, hơn 60 trang về Sài Gòn xưa càng cho thấy rõ điều đó: chúng ta có thể thấy họa đồ của thành Sài Gòn năm 1799, hình ảnh dinh Chánh soái Sài Gòn năm 1862, bến tàu năm 1885... và vô số tài liệu quý hiếm khác.

Một số bài biên khảo cho biết những điều thú vị: ông tổ ngành nhiếp ảnh Việt Nam là ai? những địa danh Đà Nẵng, Hàn, Tourane do đâu mà có? v.v... Và đây đó những bài viết về những kỷ niệm, những suy nghĩ cá nhân cũng thú vị không kém, ví dụ "Huế, nơi để tưởng nhớ" của Nguyễn Mộng Giác, giải thích phần nào lý do tại sao người Huế "tưởng nhớ quê hương da diết hơn người các địa phương khác" và do đó có nhu cầu nói về xứ sở của mình, khi so sánh với người của các đô thị khác như Hà Nội và Sài Gòn chẳng hạn.

Les Principes De Déontologie Médicale (Như Tiêu Vấn Đáp Y Thuật)



khảo luận Y khoa bằng tiếng Pháp của **Lê Văn Lân**, có bản dịch Việt ngữ của Huỳnh Hữu Cửu, Hội Y Sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ xuất bản, 107 trang, không ghi giá bán và địa chỉ liên lạc.

Đây là luận án Tiến sĩ Y khoa của bác sĩ Lê Văn Lân viết mấy mươi năm về trước, dựa trên tác phẩm Ngư Tiều Vấn Đáp Y Thuật của Nguyễn Đình Chiểu, được Giáo sư Nguyễn Đình Cát bảo trợ. Nội dung chính của luận án là tìm hiểu quan niệm về nghĩa vụ luận Y khoa của Nguyễn Đình Chiểu, hay rộng hơn, của người thầy thuốc Việt Nam thuở xưa, qua tác phẩm Ngư Tiều Vấn Đáp Y Thuật. Quyển sách này có một giá trị triết lý lớn lao giúp chúng ta thấy được nhiều khía cạnh của nền Y học cổ truyền Việt Nam trước khi văn hóa Âu tây du nhập vào nước ta, là một tổng hợp luân lý Y khoa cổ truyền dưới hình thức những lời dạy thú vị phù hợp với tâm hồn người Việt Nam. Nghề thuốc được coi là một "nghĩa vụ nhân bản," một thiên chức hay một lý tưởng phục vụ cao quý không có khuynh hướng thương mãi.

Hình ảnh ấy khá xa lạ trong thế giới Y tế ngày nay: *Nhìn vào hoàn cảnh phát triển xã hội hiện đại, chúng ta đều công nhận về khuynh hướng mạnh mẽ coi việc làm thuốc là một "dịch vụ," một dịch vụ (service) trong nhiều dịch vụ căn bản của một xã hội máy móc hoạt động theo quy luật cung cầu. Thầy thuốc chỉ đơn thuần là một chuyên gia cung cấp dịch vụ (health care provider) - hay đáng buồn hơn trên thực tế phũ phàng, thầy thuốc không còn hoạt động cá thể riêng rẽ như xưa, mà trở thành một bánh xe nhỏ, một cơ phận bé trong guồng máy tư bản doanh thương vĩ đại khai thác về dịch vụ y tế mà miệng đời hiện đại gọi là "Mafia áo trắng."*

Xuất bản lại luận án này nhằm phổ biến vào dịp Đại hội Y sĩ Việt Nam Thế giới Tự do tổ chức vào năm 2000 tại Paris, Hội Y sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ hẳn có ý muốn nhắc nhở cho các thầy thuốc người Việt những giá trị cổ truyền của dân tộc trong một ngành, dù cổ hay kim, đông hay tây, luôn luôn lấy việc cứu người làm mục đích chính.

Mưa Qua Miền Ký Ức



thơ của **Lê Nguyễn**, Hội Thơ Tài Tử Việt Nam xuất bản, 153 trang, không ghi giá. Liên lạc: Thao Nguyen, 4146 S. Memorial Parkway # D, Huntsville, AL 35802, USA. Tel: (205) 880-0130.

Lê Nguyễn tên thật là Nguyễn Thảo, nguyên là sĩ quan QLVNCH với ba lần bị thương ngoài mặt trận và 13 năm tù sau 1975. Ông làm thơ từ hồi rất trẻ, và sau khi định cư tại Mỹ tiếp tục có thơ đăng trên báo chí hải ngoại.

Thơ ông nhiều thể tài, có một số bài thơ lạ. Ví dụ bài "Trước giờ tuyên thệ." Ông nghĩ tới ngày mình sẽ tuyên thệ nhận nước Mỹ làm... Tổ quốc, cái việc ai đi tị nạn tới xứ này rồi cũng sẽ làm, thậm chí mong muốn được làm. Có lẽ về phương diện thực tế ông cũng muốn như mọi người, nhưng trong tâm hồn bỗng nảy

ra nhiều nỗi niềm đòi phải thể hiện ra bằng thơ.

Trong giây phút thiêng trọng ấy
không hiểu rồi đây tôi - và cả bạn
sẽ thầm cười, bật khóc
mừng vui, sầu tủi?
...
để như tôi - sắp vào tuổi lục tuần
còn phải học nói, tập ăn
nào khác một bé thơ

Nhưng đến sự tưởng tượng này thì thật là đầy phiền muộn:

Rồi sẽ tới một ngày
chuyện ngày mai ai mà biết được
(vì luôn có thể xảy ra)
Chiến tranh Việt Mỹ lại sẽ khơi diễn
Con trai tôi sẽ thay Cha
đứng dưới màu cờ Quân lực Hoa Kỳ
cầm súng bắn vào những thân xác Việt Nam

Một giả thuyết có lẽ không một người Việt Nam tị nạn nào muốn nghĩ tới, nhưng nhà thơ đã nghĩ tới và nói ra. Nói bằng thơ, như một chuyện chữ nghĩa cho vui vậy thôi, nhưng những dằn vặt tự sâu thẳm trong lòng không thể là không thật. Vì thế mà Trần Vấn Lệ đã có nhận xét rằng *Lê Nguyễn làm thơ hướng vọng về Quê Hương với tấm lòng của một Tráng Sĩ! Các bài thơ ngắn của anh thật cô đọng, nếu mướt thêm chút nữa thì tuyệt vời. Tôi hiểu Nguyễn giống tôi - chúng ta hay bị nghẹn! Người xưa cũng thế thôi, trong những hoàn cảnh lịch sử không sáng. Theo tôi, Lê Nguyễn là một thi sĩ chính danh có tài, có tình.*

Cuộc Chiến Chưa Tàn

hồi ký về cuộc đời ở tù Cộng sản của **Trần Nhật Kim**, tác giả xuất bản, 280 trang, giá US$15.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Sau năm 1975, số người miền Nam phải đi vào nhà tù cộng sản là một con số khổng lồ. Nhà tù, đối với chủ nghĩa cộng sản, là một phương tiện để xây dựng chủ nghĩa của họ: việc tiên quyết của chính quyền cộng sản là cần phải tiêu diệt tất cả mầm mống chống đối lại họ. Cho một con người vào tù đối với cộng sản có nghĩa là bắt đầu một quá trình hủy diệt tinh thần, thể xác và mạng sống, như thế nào để cho cả xã hội rốt cuộc chỉ còn nói một cách, nghĩ một kiểu và làm theo một mệnh lệnh.

Cuộc Chiến Chưa Tàn là một cuốn sách miêu tả quá trình tiêu diệt ấy. Tác giả là người nếm khá đầy đủ những ngón đòn độc ác nhất trong việc bị giam giữ, từ những trại điều tra



Băng Ky, Phan Đăng Lưu ở Sài Gòn đến các trại "lừng lẫy" Nam Hà, Cổng Trời, Thanh Cẩm trên đất Bắc. Một người bạn tù của tác giả, Linh mục Nguyễn Hữu Lễ, đã có những ý kiến như sau về việc viết cuốn sách này:

Thật ra, theo tôi nghĩ, chẳng có gì là vui hoặc vinh dự khi nói về chuyện tù đày. Nhất là từ nhiều năm qua cũng có khá nhiều người đã viết hồi ký hay những chuyện liên quan tới lãnh vực này, nên có người cho rằng đề tài này đã hết "ăn khách." Nhưng tôi không nghĩ như vậy. Vì nếu những chuyện nầy viết ra chỉ mang tính cách tả oán về hoàn cảnh của kiếp tù đày, hay chỉ nói lên tính cách dã man của chế độ lao tù cộng sản Việt Nam, thì quả thật không cần thiết. (...) Nhưng nếu coi đó là một lời nhắn gửi để làm thế nào giải trừ một chế độ đang chà đạp lên nhân quyền và mạng sống con người như chế độ cộng sản Việt Nam, thì đây là một phạm vi còn quá nhiều điều để nói và phải nói.

Trần Nhật Kim không tả oán, chỉ kể lại một cách bình tĩnh khách quan với một ý thức rất cao là mình kể những chuyện ấy ra để làm gì. Tác giả không dụng ý làm văn chương, nhưng chính vì chỗ không dụng ý ấy lại có tác dụng lột tả những cái khủng khiếp thô nhám một cách lạnh mình.

Đọc về những hầm kỷ luật của trại Quyết Tiến Cổng Trời rồi thì thấy những thứ như "chuồng cọp" ở Côn Đảo mà một dạo dư luận làm ồn ào ở miền Nam và báo chí Tây phương chỉ là những trò trẻ. Và thấy rằng nhà tù cộng sản Việt Nam đích thực là một thứ tội ác ghê khiếp nhất chống lại con người giờ này vẫn tồn tại và được sử dụng, sau khi phần lớn tác giả của hệ thống đó trên thế giới đã sám hối và đã cải tà quy chính. Vì thực trạng đó của Việt Nam mà tác giả đã rất chí lý khi đặt tên cho tác phẩm của mình là "Cuộc chiến chưa tàn."

Con Đường Cái Quan

băng video ca nhạc do ban **Ngàn Khơi** sản xuất. Liên lạc: Ngàn Khơi Chorus, 14265 Brookhurst St, Garden Grove CA 92843, USA.

Tel: (714) 531-2773.
WWW.kicon.com/ngankhoi



Bộ *Con Đường Cái Quan* gồm hai băng video, thu nhiều bài hát đã do ban hợp xướng Ngàn Khơi trình diễn trong những năm qua, trong đó có trường ca Con Đường Cái Quan của Phạm Duy. Ngàn Khơi là một tổ chức văn nghệ không vụ lợi, gồm những người yêu thích và mong muốn nuôi dưỡng, phát huy âm nhạc Việt Nam qua phương cách trình diễn hợp xướng với giàn nhạc đại hòa tấu tây phương do hai nhạc trưởng Lê Văn Khoa và Trần Chúc điều khiển.

Video 1 gồm 11 bài đơn ca, tứ ca, ngũ ca... như Tình Hoài Hương do Bích Liên hát, Tìm Đâu do Mai Hương, Hương Xưa do Nguyễn Thành Vân, Trống Cơm do ban Nhi đồng Ngàn Khơi, Liên Khúc Dân Ca do Tứ ca, Đoàn Lữ Nhạc do Ngũ ca, Gọi Nhớ do Thiên Thanh, Bến Xuân do Nguyễn Thành Vân v.v... Tất cả các bài hát đều được thu trực tiếp từ các buổi trình diễn trước công chúng, với ban nhạc đại hòa tấu và giàn hợp xướng phụ họa. Thu trực tiếp thì ghi được các nét sống động của trình diễn, vì người nghệ sĩ trước công chúng phản ứng khác với khi ở trong phòng thu hình, có thể mang tâm lý lo âu hơn nhưng đồng thời cũng phấn khích hơn vì sự hiện diện của cả ngàn con người trước mặt mình. Nhưng thu trực tiếp tại rạp cũng gặp phải những hạn chế về góc cạnh đặt máy, về ánh sáng, về cảnh trí đơn điệu, chính vì thế video CĐCQ có ráp nối rất nhiều hình ảnh ngoại cảnh. Các giọng đơn ca đều điêu luyện, trang trọng, lại được hậu thuẫn bởi một vùng âm thanh réo rắt ngay ở sau lưng. Hát với giàn đại hòa tấu đòi hỏi phải có kỹ thuật và tinh thần cứng cáp bản lãnh. Bài hát được nâng lên một trình độ biểu diễn và thưởng thức cao hơn hẳn bình thường do sự phối âm tỉ mỉ cho hàng chục loại nhạc khí khác nhau chỉ nhằm một mục đích là diễn đạt tối đa linh hồn của bài hát và nâng đỡ cho giọng hát đạt đến tối đa hiệu năng của nó.

Video 2 ngoài hai bản Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ do toàn ban Ngàn Khơi trình bày và Lý Ngựa Tây do Ngũ ca, phần còn lại là trường ca Con Đường Cái Quan. Trường ca này là cuộc hành trình xuyên Việt từ Bắc đến Nam bằng âm thanh nên âm hưởng rất đa dạng, tạm chia làm ba vùng bắc trung nam mà nhiệm vụ làm nổi bật các sắc thái riêng biệt mỗi miền hầu như đều do các giọng solo đảm trách. Đây là nhiệm vụ rất nặng cho người đơn ca vì tình cảm tế nhị nhất, trữ tình nhất đều nằm trong những câu hò câu hát được solo. Trong suốt trường ca, đó là những lúc bước chân người lữ khách cũng như giòng chảy của lịch sử như ngưng lại để cho tiếng tâm tình vẳng lên từ một nơi sâu thẳm như là từ tiềm thức của dân tộc. Đời điểm ngưng thần, thong thả, ngân nga, rồi sau đó dòng chảy lại tiếp tục, lại *ra đi từ lúc trăng tơ, vua Lê dắt lính vô Trung*, hay là *vào tới xóm dừa*. Diễn tả trọn vẹn được những phút ngưng thần ấy là việc rất là quan trọng, vì sẽ là hành trang tình cảm và tinh thần cho những hành khúc kế tiếp. Những đoạn hợp xướng phần nhiều là hay, nhất là nhóm giọng nam, như đoạn "vào tới xóm dừa vào vườn chuối la đà" rất xuất sắc.

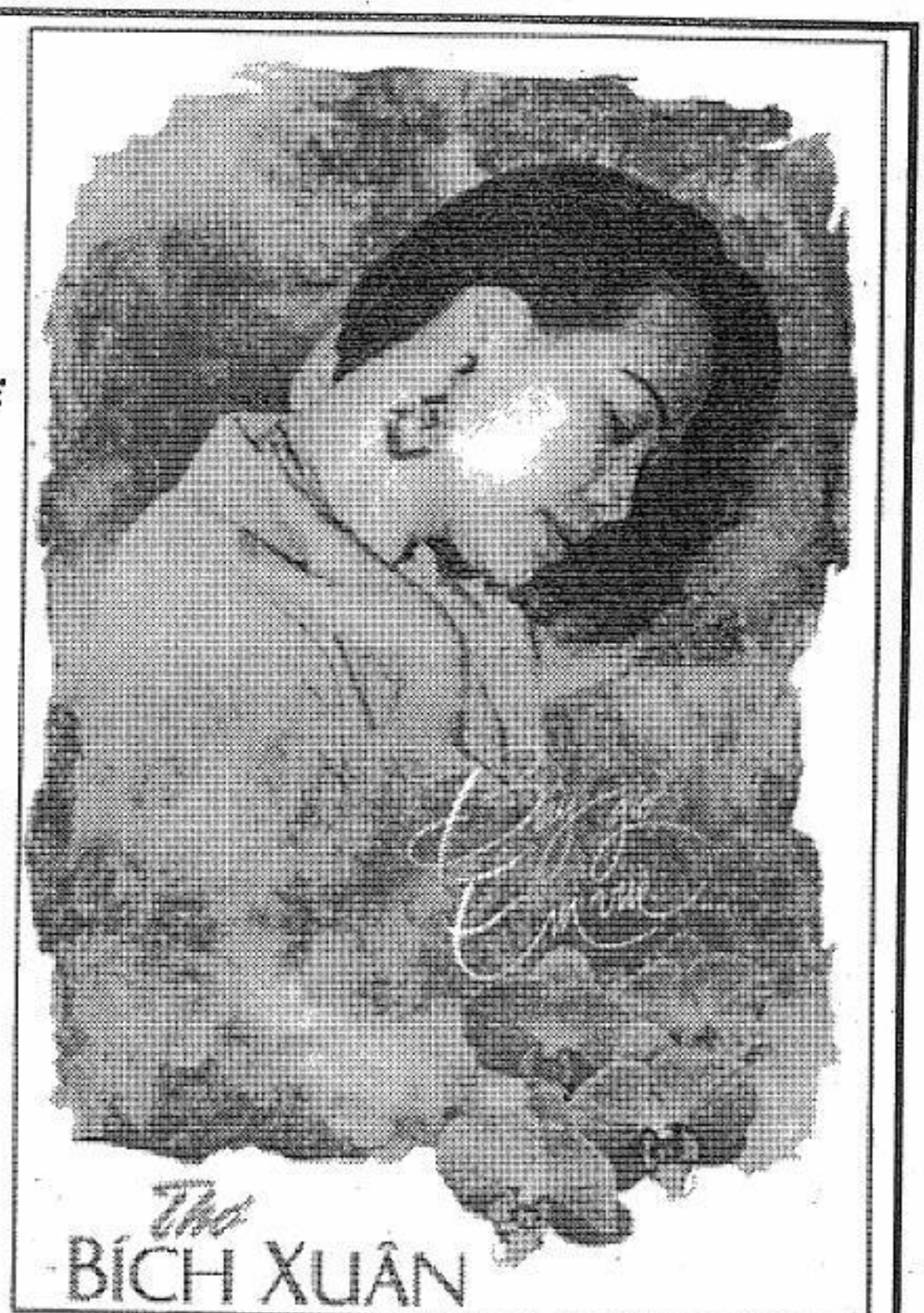
Ghép các hình ảnh ngoại cảnh để minh họa cho bài hát đã góp phần quan trọng cho sự thành công của video. Vì các bài hát đều nói về tình tự quê hương nên hình ảnh đương nhiên là hình ảnh Việt Nam, cảnh đồng ruộng, sông nước, lều tranh vách đất, bà mẹ già, đứa trẻ thơ... mang lại nhiều xúc động và giúp cho bài hát đang trình diễn thêm đậm đà. Trừ một vài chỗ hơi đáng tiếc vì hình minh họa không được ăn khớp lắm với nội dung bài hát, nói chung thì hình ảnh phần nhiều đẹp, công phu; đoạn đầu Con Đường Cái Quan có những cảnh mạn ngược của miền Bắc đáp ứng trúng tinh thần của bài hát, bài Ru Con với hình ảnh bà mẹ trẻ với đứa con thơ rất thích hợp và cảm động...

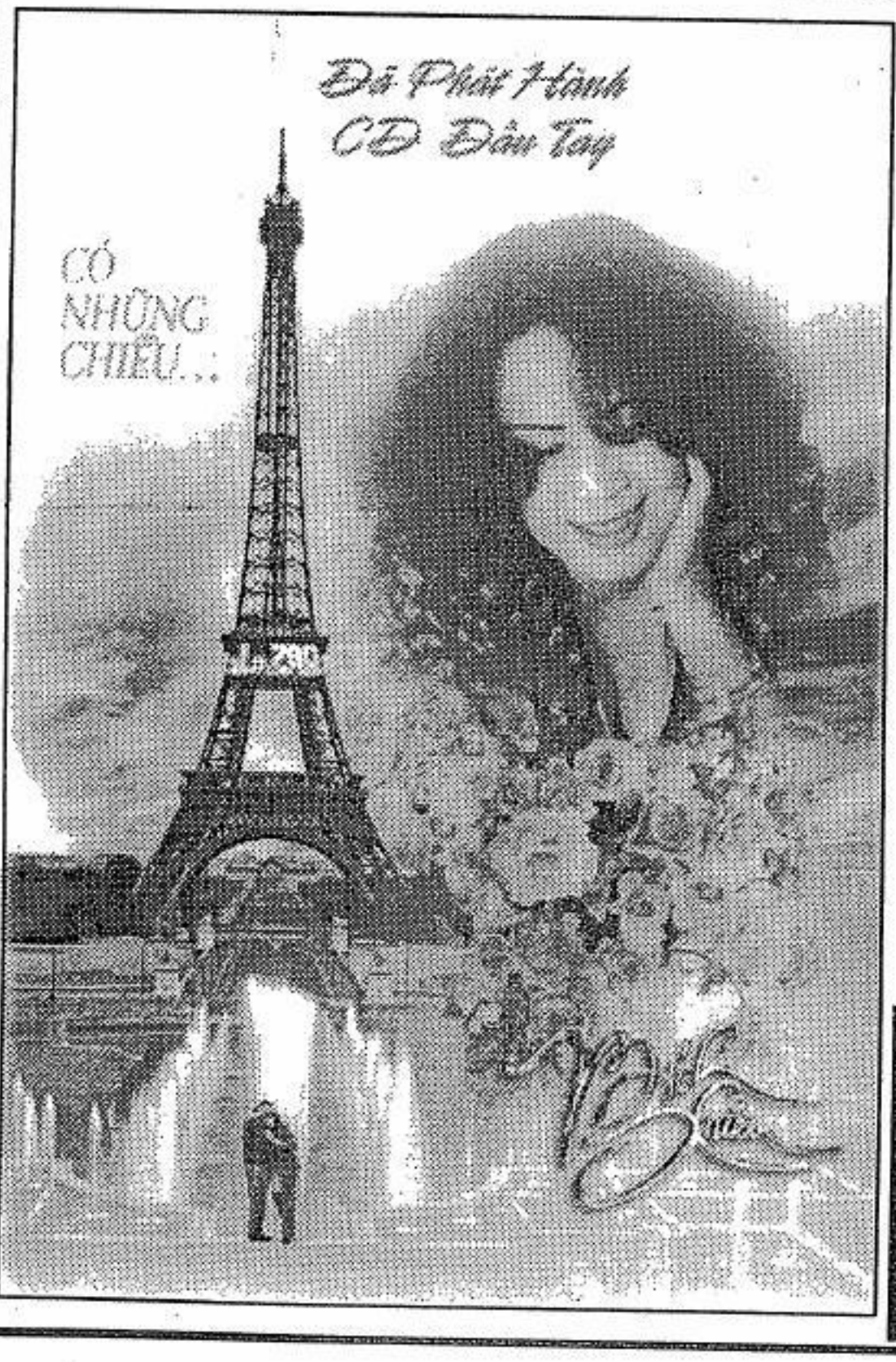
Video Ngàn Khơi là một sản phẩm đặc thù của văn hóa người Việt tị nạn. Chúng ta sẽ thấy cảnh một ca sĩ Việt Nam mặc áo dài đứng hát một bản tình tự đất nước dân tộc Việt giữa một sân khấu rộng lớn theo tiêu chuẩn Mỹ, sau lưng là một giàn đại hòa tấu của người Mỹ đang họa theo, với một cô gái tóc vàng đang vung tay gảy đàn thụ cầm (harp), một ông râu xồm đang đánh trống v.v... Hình ảnh ấy cho thấy một sự hòa hợp mới mà người Việt Nam tị nạn đang tạo ra, vừa học hỏi để sống còn trong thế giới tây phương, vừa đem văn hóa của mình vào thế giới ấy.●

Yêu thơ, thích nhạc
Không thể bỏ qua

Nhân mùa Giáng Sinh,
một món quà cho những người yêu, để dành tặng nhau.

Tập thơ vừa mới phát hành
"BÂY GIỜ EM VUI" và CD nhạc
"CÓ NHỮNG CHIỀU..." của
Bích Xuân, thi sĩ lãng mạn được mến mộ nhất hiện nay trong làng thơ người Việt tại hải ngoại.
CD nhạc và tập thơ được ra mắt:
8.11.98 Paris - Hotel Apogia
15.11.98 Washington DC
21.11.98 Florida
28.11.98 Seattle
29.11.98 Tacoma
11.12.98 California,
khiêu vũ trường Ritz





Lời mở đầu

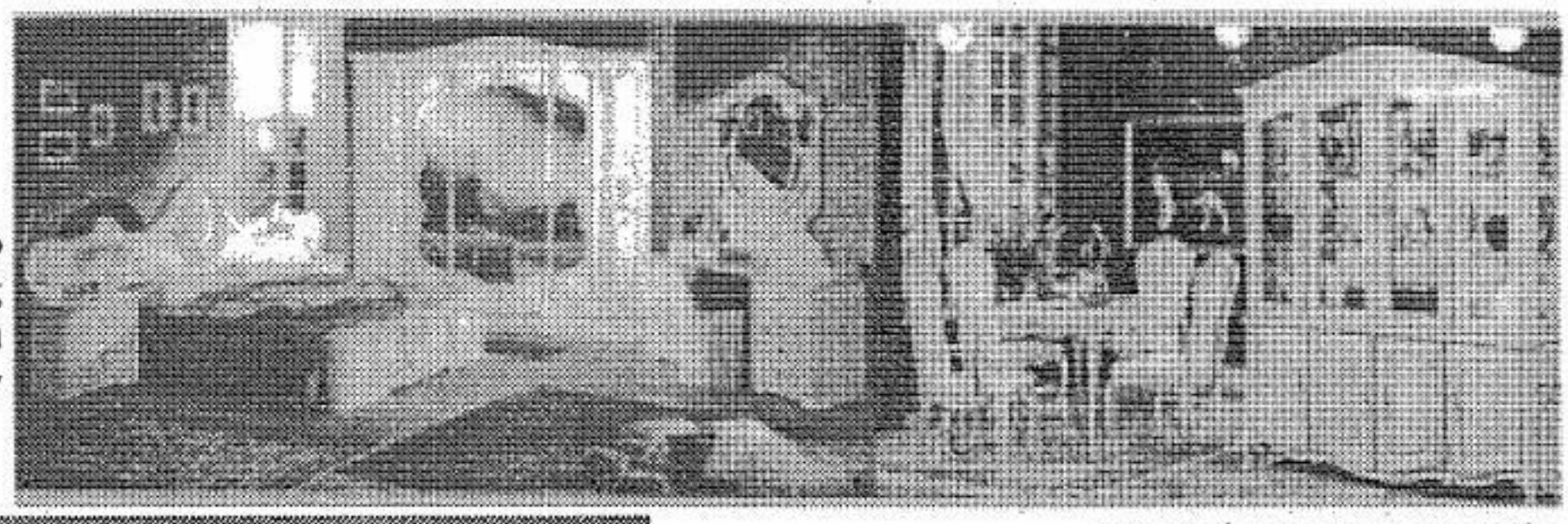
1. Cuộc tình xưa *(Tùng Giang)*
2. Một lời nói đầu
   (Thơ Bích Xuân, nhạc Võ Tá Hân)
3. Trả áo lại em
   (Thơ Bích Xuân, nhạc Trịnh Hưng)
4. Gởi về anh *(Đỗ Thu)*
5. Một lần qua nhanh
   (Thơ Bích Xuân, nhạc Lê Trung Lộc)
6. Điện thoại không nghe vang
   (Thơ Bích Xuân, nhạc Jules Tambicannou)
7. Em ra về chiều nay
   (Thơ Bích Xuân, nhạc Jules Tambicannou)
8. Hoa rụng ven sông
   (Thơ Lưu Trọng Lư, ngâm thơ)
9. Có những chiều...
   (Thơ Bích Xuân, nhạc Nguyễn Hữu Tân)
10. Nhớ anh thầm nhớ
    (Thơ Bích Xuân, nhạc Jules Tambicannou)

Phần hòa âm: Peter Siebert.
Kỹ thuật: Jolh Tomlingson

Địa chỉ liên lạc: BICH XUAN PRODUCTIONS
USA - 11733 March Lane, Suite B - Dallas, TX 75229 * Tel: (214) 351-9546
P.O. Box 8865 Fountain Valley, CA 92728 - USA
Tel: (714) 621-9780
France - 9 rue Moulin Des Prés - 75013 Paris -
Tel: 01-46-58-71-24

KT FURNITURE
2775 W. LINCOLN AVE., ANAHEIM
(Góc Lincoln & Dale)
(714) 821-4989

EXPO FURNITURE
149 E. ORANGETHORPE AVE., ANAHEIM
(Góc Orangethorpe & Lemon)
(714) 871-1817



Bộ Giường ngủ Italy



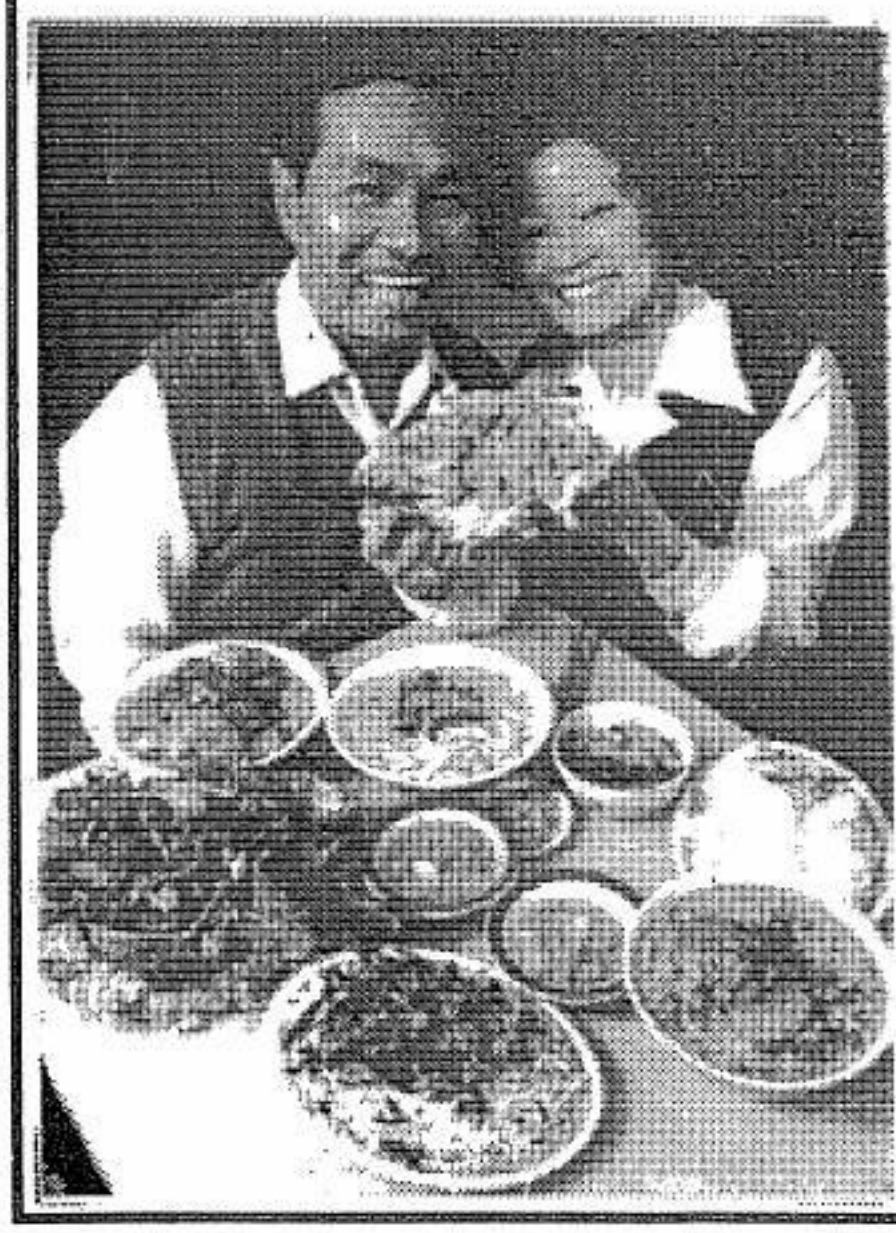
Bộ Sofa - Italy

Bàn ghế phòng ăn, Tủ chưng

Show Room rộng 15,000 sqft cung cấp đủ loại FURNITURE sang trọng với giá phải chăng

*** NHẬN LAYAWAY * FINANCING DỄ DÀNG**
*** MASTER CARD * VISA**

Viễn đông



Thuần Túy Món Bắc

Người Việt từ khắp nước Mỹ, từ khắp thế giới về thăm Little Saigon, muốn thưởng thức các món ăn quốc hồn quốc túy, xin mời đến

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92844
(714) 539-4614

Giờ mở cửa: 9 AM - 9 PM
Nghỉ ngày thứ Ba

CHÚNG TÔI CÓ BÁN CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

Ăn Chơi Ngon Hơn Ăn Thiệt

VANCO FOODS
SUPERMARKET
10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
Tel: (714) 530-2999

VANCO FOODS
SUPERMARKET
16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818
Fax: (714) 843-1816

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
9822 BOLSA AVE., WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

CHƯƠNG TRÌNH CHÌA KHÓA VÀNG TIẾT KIỆM
YOUR GOLDEN KEY TO SAVINGS

Thank you for shopping at
VANCO FOODS
LITTLE SAIGON SUPERMARKET

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
9822 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

VANCO FOODS
SUPERMARKET
10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
Tel: (714) 530-2999

VANCO FOODS
SUPERMARKET
16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818
Fax: (714) 843-1816

VANCO FOODS
LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
YOUR GOLDEN KEY TO SAVINGS

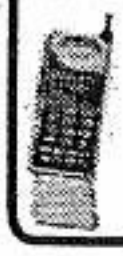
Thank you for shopping at
VANCO FOODS
LITTLE SAIGON SUPERMARKET
16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818
9822 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

Quyền lợi của quý khách với Chìa Khóa Vàng:
* Được mua các mặt hàng với giá thật đặc biệt chỉ dành riêng cho người có thẻ.
* Được tham dự mọi cuộc xổ số do công ty thường xuyên tổ chức với nhiều giải thưởng giá trị.
* Được giảm giá khi đi ăn tại các nhà hàng AA Buffet thuộc công ty.
* Được giảm giá khi mua thức ăn tại các tiệm Thuy's Food To Go.
* Được giảm giá khi mua Cellular Phone hay Beeper tại các tiệm PageTek.

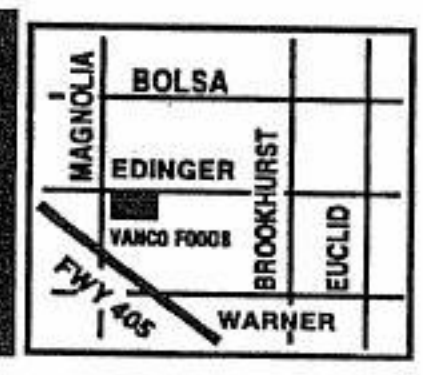
Xin mời quý khách ghé đến các chợ Vanco Foods và Little Saigon để điền đơn tham dự chương trình tiết kiệm rất hấp dẫn này.

HÀNG TRĂM MẶT HÀNG SALE ĐẶC BIỆT DÀNH CHO QUÝ KHÁCH ĐƯỢC NIÊM YẾT TẠI CÁC CHỢ LITTLE SAIGON, VANCO FOODS GARDEN GROVE VÀ FOUNTAIN VALLEY.

Trong Khu Chợ có:

PAGETEK EXPRESS

Tel: (714) 843-0440
Bán, sửa chữa, mở đường dây các loại Cellular Phone và Pager với giá thật đặc biệt.


THUY'S FOOD TO GO
9092 Edinger Ave., Fountain Valley, CA 92708.
Tel: (714) 843-9926.
Bán bánh mì thịt, cà phê và hàng trăm món ăn chay, mặn. **ĐẶC BIỆT:** Trong thời gian khai trương mua $5.00 tặng $1.00.



BÁN LẺ RẺ NHƯ BÁN SỈ

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Mới Phát Hành

Hay Nhất - Công phu Nhất - Đẹp Nhất

VIDEO LÀNG VĂN THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT

HƯƠNG TÌNH CA

VIDEO LÀNG VĂN THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT 6



Trung Tâm Làng Văn xin kính mời quý khách đến thưởng thức Liveshow Làng Văn Thế Giới Nghệ Thuật 6 chủ đề HƯƠNG TÌNH CA

Mọi chi tiết xin liên lạc TRUNG TÂM LÀNG VĂN

15101 Weststate St., Westminster, CA 92683.

Tel: (714) 894-2233 hay 891-0640 * Fax: (714) 894-5552

Số miễn phí: 1-800-426-1568 * Email: LANGVAN@IX.NETCOM.COM * HTTP://www.LANGVAN.COM

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim